

Số 265+266

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Mừng Xuân Đinh Dậu
2017

Số Đặc biệt



THƯƠNG HIỆU CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

MỸ NGHỆ TRÂM HƯƠNG



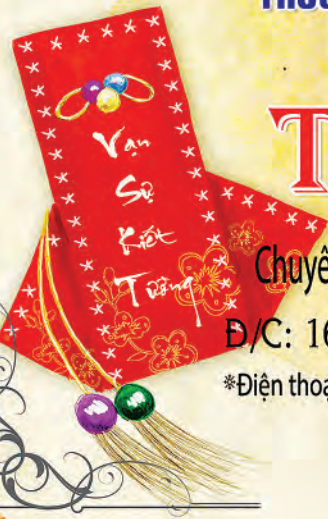
TRƯỜNG KHA

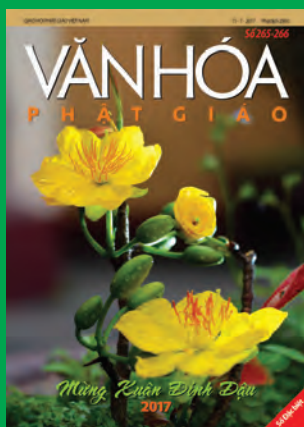
Chuyên cung cấp các sản phẩm được làm từ trầm hương nguyên chất.

Đ/C: 168-172 Nguyễn Chí Thanh P.3 Q.10 Tp.HCM

*Điện thoại: 08. 62. 99. 75. 65 - 08. 629. 33. 701 - 08. 629. 33. 702

www.truongkha.vn





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Trích thư chúc Tết Đinh Dậu của Đức Pháp chủ GHPGVN	4
Xuân, vui với Hòa thượng Bồ Đại (Nguyễn Thế Đăng)	5
Xuân đến người đi (Vũ Thế Ngọc)	7
Đón một mùa xuân an lạc (Nguyễn Thanh)	10
Giới thiệu kinh Bồ-tát Địa Trì (Thích Thiện Nhơn)	14
Thường thức đạo Phật (Trần Kiên Đoàn)	16
Bí Truyền Kinh Vương (Thích Như Điển)	20
Về thu xếp lại (Nguyễn Cẩn)	24
Phật giáo và ngôn ngữ (Hoàng Phong)	28
Nhà khoa học Albert Einstein và đạo Phật (Thích Nguyên Tạng)	30
Mông Sơn thí thực (Đức Hạnh)	32
Xá-lợi Răng Phật tại Kandy (Nguyễn Tường Bách)	35
Một giọt nước hiền bày đại dương (Thiền sư Geoffrey Shugen Arnold, Thị Giới lược dịch)	38
Gà nước - tiếng kêu hồn đất (Trần Bảo Định)	40
Bia và Giới (Cao Huy Hóa)	44
Hai bức tường dễ đổ vào ngày Tết (Lê Hải Đăng)	46
Thơ Vương Duy nhìn từ góc độ mỹ học Thiền tông (Nguyễn Anh Nghiệp)	48
Bông vạn thọ Tết ở chùa Hội Thọ (Lê Kim Phượng)	52
Nhất hạnh (Hồ Anh Thái)	54
Anh ở đâu (Nguyễn Trọng Hoat)	56
Tết đến (Lê Thị Xuyên)	58
Lục bát Hành hương "Phù Tang" (Trần Quê Hương)	60
Thơ (Trần Bảo Định, Tánh Thiện, Lê Nghi, Miên Đức Thắng, Đặng Thị Nga, Lý Thị Minh Châu, TK.Vy Tiểu, Trường Khánh)	61
Mùa chim nhả hạt (Hoàng Công Danh)	63
Cuối năm đi quét mộ (Nguyễn Hoàng Duy)	66
Thấu hiểu bản thân mình (Nguyễn Hữu Đức)	68
Hạnh phúc đến từ... ruột già! (Đỗ Hồng Ngọc)	70
Từ chiếc đồng hồ xưa đến tiếng gà gáy điểm canh (Tôn Thất Thọ)	73

Bìa 1: Mai vàng . Ảnh: Sơn Nam

Mừng Xuân mới

Nhân dịp Xuân Đinh Dậu 2017, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin chân thành cùng chư độc giả kính mến chấp tay nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho các ước nguyện sau đây được thành tựu:

- Thế giới an bình, chúng sanh hạnh phúc
- Phật giáo hưng thịnh trên toàn thế giới
- Đất nước Việt Nam phát triển tốt đẹp về mọi lĩnh vực
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam đạt nhiều thành tựu mới
- Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo tăng mạnh hiệu năng trong việc phục vụ độc giả.
- Quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo được vạn sự cát tường.

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật





Tâm được tu tập, được làm cho
sung mãn, này các Tỳ-kheo, đem
lại an lạc.

*(Kinh Tăng Chi Bộ,
Chương I, Một pháp)*

Ảnh: **Sơn Nam**

Trích Thư Chúc Tết Đinh Dậu

CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Nam-mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính gửi: Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Chào đón xuân mới Tết cổ truyền Đinh Dậu - 2017, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi có lời chúc mừng năm mới, lời thăm hỏi ân cần tới tất cả các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài. Kính chúc Quý vị một năm mới tràn ngập niềm hoan hỷ vô biên và thành tựu mọi Phật sự trên bước đường phụng sự Đạo pháp và Dân tộc!

...

Nam-mô Hoan hỷ tạng Bồ-tát Ma-ha-tát!

**ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ





Xuân, vui với Hòa thượng Bồ Đại

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

“Đời nhà Lương (thế kỷ thứ VI Tây lịch), có Hòa thượng Bồ Đại (bao vải, bao bố), thân hình mập mạp, trán võ, bụng tròn. Đi đâu cũng quải một cái bao bố treo trên cây gậy thiền, gặp gì xin nấy, đều bỏ vào bao bố, bất kể còn tốt hay hư thối. Người đương thời gọi Sư là Hòa thượng Bồ Đại Trường Định Tử.”

Cái bao bố này, Sư dùng để chứa tất cả thứ, tượng trưng cho tâm, Tánh Không, kho tàng Như Lai (Như Lai tạng). Như lời trong bài kệ của Sư:

“Khi cư sĩ Trần hỏi Sư có pháp hiệu gì hay không, Sư liền đáp:

*Ta có một bao vải
Rỗng rang không quá ngại
Mở ra, khắp mười phương
Thâu vào, Quán Tự Tại”.*

“Có lần Sư vỗ vai một ông Tăng, vị này quay đầu lại. Sư nói: ‘Cho ta một đồng tiền’. Tăng nói: “Nói được đạo lý thì cho một đồng tiền”. Sư bỏ bao bố xuống, khoanh tay, đứng yên”.

“Sư đứng ở đầu đường, có ông Tăng hỏi: ‘Hòa thượng đứng đây làm gì?’. Sư nói: ‘Đợi một người’. Tăng nói: ‘Đến rồi! Đến rồi!’. Sư nói: ‘Ông không phải là người

ấy!’. Tăng hỏi: ‘Thế nào là người ấy?’. Sư nói: ‘Cho ta một đồng tiền’.

Gặp ai cũng xin một đồng tiền, không hai, không ba. Thật ra, một đồng tiền sư xin thì gồm cả trời đất, muôn sự, chúng sanh... đều ở trong ấy. Đây là cái một mà là tất cả, cái Nhất Chân pháp giới của tất cả thánh phàm. Theo lời Sư, thực tại là một, không có sự khác nhau: “Ngọc tâm vô giá vốn viên tịnh. Tâm vương vốn tự bất đa thù. Phàm là khác tướng giả danh sông”. Một đồng tiền này là cái đầu tiên và cuối cùng của con đường Phật giáo.

“Hòa thượng Bạch Lộc hỏi: ‘Thế nào là Bao Bố?’, Sư liền bỏ bao bố xuống đất, khoanh tay mà đứng. Lại hỏi: ‘Thế nào là hạ sự của Bao Bố?’, Sư vác bao bố lên mà đi thẳng.

Hòa thượng Bảo Phước hỏi: ‘Thế nào là đại ý Phật pháp?’, Sư bỏ bao bố xuống đứng yên. Bảo Phước lại hỏi: ‘Chỉ có cái đó hay còn hướng thượng sự?’, Sư vác bao bố lên đi thẳng”.

Hỏi về bao bố hay đại ý của Phật pháp, Sư bỏ bao bố xuống, khoanh tay đứng yên. Thực tại đầu tiên và cuối cùng là Vô học, không tu không chứng, không thiền định, Vô công dụng hạnh; hay nói theo Sư trong bài kệ ở sau là “không chỗ làm, vô học địa”. Đây là chỗ không



làm gì, không thể làm gì vì “chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm” (*Tâm kinh Bát-nhã*).

Ở đây chúng ta trích một đoạn từ một Tantra căn bản của Đại Toàn Thiện (Dzogchen) *Kunjed Gyalpo (The Supreme Source, Nguồn Tối Thượng)* để rõ hơn sự đồng nguồn của mọi tông phái như thế nào:

*Chúng ta cần vứt bỏ mọi trò chơi trẻ con
trói buộc và làm mệt mỏi của thân ngữ tâm;
và nằm duỗi trong không hành động không thể nghĩ bàn
trong tạng nguyên sơ không tạo tác, hiện thực của
Tánh Không,*

*nơi sự toàn thiện tự nhiên của thực tại hiện hữu thành thoi,
hãy nhìn thẳng vào tánh Nhất Như không tạo tác của
mỗi kinh nghiệm*

*và mọi phản ứng có điều kiện của chúng ta tan biến
trong buông xả đích thực.*

Khi hỏi về hạ sự (sự dưới đó) và hướng thượng sự (sự hướng lên trên đó), Sư điểm nhiên vác bao vải mà đi. Việc dưới cũng là bao bố, việc trên cũng là bao bố. Và bỏ bao bố xuống khoanh tay không làm gì hay vác bao bố lên mà đi là như nhau. Động và bất động, không làm và làm, cả hai đều tự do giải thoát như nhau. Sư có bài tụng:

*Chỉ tâm tâm này, tâm là Phật
Mười phương thế giới tối linh vật
Dọc ngang diệu dụng quý bao nhiêu
Tất cả không bằng tâm chân thật.
Thần nhiên tự tại không chỗ làm
Nhàn nhàn rất ráo trẻ không nhà
Nếu thấy trước mắt chân đại đạo
Mây bụi cũng không, thật diệu kỳ.
Muôn pháp đâu khác tâm, đâu khác
Nhọc gì tìm lại nghĩa trong kinh*

*Tâm vương vốn tự bất đa thù
Người trí rõ ràng vô học địa.
Chẳng phàm chẳng thánh là như vậy
Chẳng gương phân biệt thánh phàm riêng
Ngọc tâm vô giá vốn viên tịnh
Phàm là khác tướng giả danh suông.
Người hay hoàng đạo, đạo phân minh
Vô lượng thanh cao gọi đạo tình
Cầm gậy bước trên đường quê cũ
Chớ lo xú xú chẳng nghe thanh.*

Ở đây chúng ta chỉ nói đến một ít phong cách của Sư. “Xuất gia nhi”, đứa trẻ ra khỏi nhà, đứa trẻ không nhà và nhàn nhã dạo chơi. Đây là một người già như lịch sử con người và trái đất, đồng thời là một trẻ nhỏ chơi đùa với lịch sử và thế giới. Hình ảnh người ta vẽ về ngài nói lên điều ấy: Một lão già ngồi cười, mặc cho sáu đứa bé (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) chọc phá, ngoáy tai, rờ đầu...

Trần gian này là nơi bắt trắc, xa lạ, thậm chí thù địch với đa số loài người. Vậy mà Sư dạo chơi nơi ấy, khắp nơi khắp chốn và thấy đây là “đường quê cũ” của mình. Bước trên những con đường của trần gian cũng là bước trên đường của quê cũ. Con đường ấy thênh thang, không mục đích, như một đám mây.

Bài kệ của Sư:

*Một bát cơm ngàn nhà
Cô thân muôn dặm xa
Mắt xanh người ít thấy
Mây trắng hỏi đường qua.*

“Một bát cơm ngàn nhà”: lòng từ bi gieo duyên với khắp cả. “Cô thân muôn dặm xa”: dạo chơi muôn dặm, nhưng chẳng dính dáng với chỗ nào, với ai, với vật gì, “cô thân”. Và đi mà chẳng cần đi đâu, chẳng định hướng, không mục đích, nên hỏi một đám mây trắng giữa trời, chẳng đông, tây, nam, bắc, “mây trắng hỏi đường qua”.

Con người ông già-trẻ con ấy là người tự do, từ bi với tất cả mà chẳng trụ vào đâu cả.

Bài kệ cuối cùng của ngài:

*Di-lặc chân Di-lặc
Phân thân trăm ngàn ức
Thường thường chỉ cho người
Mà người chẳng chịu biết.*

Chắc là suốt đời chẳng bao giờ chúng ta gặp một người quảy một bao bố trên cây gậy, vỗ vai chúng ta mà nói: Cho ta một đồng tiền.

Nhưng trên con đường mỗi ngày của cuộc đời mỗi người, chúng ta gặp nhiều người, nhiều sự vật, cây cối, cột điện, xe cộ... có phải mỗi mỗi đều đang nói với chúng ta: Cho ta một đồng tiền.

Chẳng phải câu nói của Sư vẫn luôn luôn “phân thân trăm ngàn ức” đấy sao? ■



Xuân đến người đi

VŨ THỂ NGỌC

1 Hình ảnh vị Tổng Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trong tôi không là một Hòa thượng nghiêm kính mà luôn luôn là một thanh niên tài ba của nửa thế kỷ trước. Hòa thượng Chơn Thiện là một hãnh diện của thế hệ sinh viên đầu tiên của Đại học Vạn Hạnh. Hình ảnh thầy trong tôi vẫn là vị tu sĩ thanh niên năng động Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Vạn Hạnh, có chị Cao Ngọc Phượng (lúc đó đã là giảng viên Đại học Khoa học Sài Gòn) làm Phó Chủ tịch Ngoại vụ. Năm 1972, khi thầy Chơn Thiện du học ở Ohio mới về, tôi gặp ngay thầy ở văn phòng Giáo sư Nguyễn Đăng Thực. Thầy vẫn trẻ và đẹp như một cô gái Huế - Thầy vốn đã là người thanh tú da trắng hồng lại từ xứ tuyết mới về. Tôi còn nhớ thầy nói với cụ Thực “Chưa, chưa được đâu giáo sư...”. Lúc đó tôi ngạc nhiên, mà sau nhiều năm tôi mới nhận ra đó là sự nghiêm chỉnh của một người giáo thụ chân chính. Thầy mới du học vừa về nước nên chưa sẵn sàng dạy học. Thầy hiền hòa nhưng nghiêm khắc với chính mình, với từng trang sách mình viết. Lần cuối tôi gặp thầy vào Tết năm 2014 cùng với Giáo sư Trần Tuấn Mẫn và phái đoàn Văn Hóa Phật Giáo ra Huế đến Tường Vân chúc Tết muện. Thầy vẫn tráng kiện nhưng hình tướng thầy đã già, khác hẳn lần thăm thầy ba năm trước. Tôi ngạc nhiên khi thấy một vị thầy mảnh mai như thế, bận rộn như thế, mà vẫn có một sự nghiệp biên dịch nặng nề như thế.

Tôi nhận được tin buồn của gia đình Văn Hóa Phật Giáo muện mừng hơn nhiều thân hữu khác ở Hoa Kỳ. Tôi nhận tin muện cũng vì sau cái tang của Hoa Kỳ (việc ông Trump thắng cử Tổng thống) tôi tắt tất cả thông tin liên lạc với bên ngoài... Nhận tin buồn đã muện tôi lại càng tiếc năm trước không ra Huế dự lễ trùng tu Tường Vân mà chỉ được xem hình ảnh Mẫn đem về, còn thấy đáng thầy mảnh khảnh xa xa... Bây giờ một mình ngồi đây tóc bạc bay trong gió “giật mình lại thấy thương mình xót xa”.

Triều như thanh ti, mộ như tuyết...

Giờ đây, tóc trắng lộng gió chiều...

2 Năm ngoài về nước ăn Tết thì cũng nghe tin thầy Nguyên Hồng mất. Như thế theo chân thầy Thuyền Ấn và thầy Minh Tuệ, cả ba thầy trước cùng tạm trú ở chùa Giác Tâm, đều đã ra đi. Cuối thập niên 1950 lúc các thầy vào Sài Gòn đi học thì gia đình tôi cũng ở Đà Lạt xuống, chúng tôi sinh hoạt Gia đình Phật tử ở chùa Giác Tâm và cả ba thầy đều hướng dẫn Gia đình Phật tử ở đây. Đầu thập niên 1960 gia đình tôi dời về Phú Nhuận thì không còn đi chùa Giác Tâm mà chỉ theo hai bà chị đến Thanh Minh thiền viện học tiếng Pali. Sau đó thầy Thuyền Ấn và Nguyên Hồng cũng đi du học trong chương trình đào tạo giáo sư cơ hữu cho Vạn Hạnh, lúc này đã có cơ sở riêng ở đường Trương Minh Giảng. Khi thầy Thuyền Ấn về từ Hoa Kỳ, thầy Nguyên Hồng cũng từ Nhật Bản về cùng năm với thầy Chơn Thiện. Thầy Nguyên Hồng làm Khoa trưởng cho Phân khoa Giáo dục mới mở của Vạn Hạnh; tôi cũng đang ghi tên học Cao học Văn khoa ở đây nên vẫn có dịp ghé thăm thầy ở văn phòng. Sau 1975 thầy Nguyên Hồng ở lại Việt Nam và tôi không được gặp lại. Thế rồi một thoáng bao nhiêu năm? Hòa thượng Mãn Giác viết “*Thế gian thường như mộng*”. Ngày trước chỉ thấy văn chương, nhưng sau bao nhiêu nước chảy qua cầu bây giờ chỉ thấy như một tiếng thở dài ...

Không hoa thường như mộng...

Tóc trắng ngàn trượng bay ...

3 Lần trước về quê ăn Tết, trong đêm nói chuyện sách Trà Kinh do Công ty Thái Hà Books tổ chức ở hội chợ sách, có một vị khách cho biết Hòa thượng Trí Tịnh vừa mất. Sáng hôm sau tôi đến Vạn Đức thì người đi dự tang lễ đã tập trung hàng ngàn người. Tôi một mình ra sau chùa. Sân sau vẫn vắng lặng, tôi thơ thẩn ở bụi tre vàng thân quen. Gọi là thân quen vì ấn tượng bụi tre vàng này đã có từ nửa thế kỷ trước, từ lần đầu tôi đến Vạn Đức vào cuối thập niên 1960 với Quảng Trí, Quảng Thông, Phạm Thiên Thư... Lần tổ chức chuyển đi chúc Tết các thầy giáo thụ của Phật khoa năm



đó thật đáng nhớ. Cũng là lần về nhà ăn Tết cách đây vài năm là lần cuối cùng thăm Hòa thượng khi đi chùa Vạn Linh núi Cẩm nghe tin đá đổ chết người, tôi có linh cảm nên về Sài Gòn vội đến Vạn Đức thăm Hòa thượng. Lúc ấy Hòa thượng cũng đã yếu nhưng còn nhớ bài tôi viết trên báo *Suối Nguồn* về ba vị dịch kinh luận có ảnh hưởng đến Việt văn đều từng là giáo thụ ở Vạn Hạnh là Trí Tịnh, Nhất Hạnh, Thanh Từ; và có nhắc về câu niệm A-mi-đà Phật của Hòa thượng. Thấy cười múm míu: *"Tôi thấy A-mi-đà vừa gần với tiếng Phạn mà lại giúp cho người chuyên tụng hàng ngàn lần dễ phát âm... Người ta đã nói nhiều, nhưng thấy anh viết tôi mới biết theo âm vị học âm 'm' là âm môi, âm căn bản của con người từ lúc bú mẹ... Hèn gì tiếng nước chi cũng gọi má mẹ bằng âm 'mờ...'".* Thấy cho kinh sách và nhiều thứ khác. Tôi nhắc lại chuyện xưa và thưa *"Con muốn xin bụi tre ngà của chùa"*. Thấy cười và chợt nói: *"Hòa thượng Trí Quảng và các thầy mới đến chúc Tết và nói xin về hưu. Tôi nói các thầy còn trẻ mà..."*. Hòa thượng Trí Tịnh lúc này hơn chín mươi tuổi vẫn tiếp tục làm việc nên hiểu câu nói *"còn trẻ mà"* với các Hòa thượng bảy mươi tuổi đời thật sự không là câu nói vui mà còn là một lời dạy của một người tự nguyện suốt đời làm Phật sự.

Vừa nghĩ đến khóm tre ngà, chợt nhớ thầy Quảng Trí.
*Phương thảo thanh như ti,
 Hòa thượng hà xứ du?"*.

Có lẽ thầy Quảng Trí còn đi sớm hơn các vị khác đồng học khác như thầy Chân Điền, Thắng Hoan... dù nhiều tuổi hơn nhưng hai vị này vẫn còn tiếp chúng độ sinh ở nước Mỹ ngàn trùng xa cách này. Nhớ thầy Quảng Trí cũng là nhớ thầy Thông Lạc cũng vừa đi năm trước. Thời gian cuối thập niên 1960 khi chúng tôi còn thanh niên, sinh viên Vạn Hạnh thường biểu tình. Lúc này Quảng Trí là chủ tịch sinh viên Phật khoa, được bầu làm "Chủ tịch Ủy ban Sinh viên Tranh đấu" tôi làm "đồng chủ tịch" nên chúng tôi rất thường gặp nhau, còn thường hơn là thời thầy Quảng Trí cùng ở Xóm Chùa với Lê Nghị và Phạm Thiên Thư. Thỉnh thoảng trong các buổi biểu tình tôi thấy một Đại đức người miền Nam dáng nhỏ bé quắc thước thường đi theo, nhưng đến khi sắp "đụng độ" vị này thường biến mất. Sau, thầy Quảng Trí giới thiệu tôi mới biết và biết đó là thầy Thông Lạc. Thầy Thông Lạc không phải là sinh viên nhưng thường thỉnh thoảng đến trường xin nghe các buổi giảng. Thầy Quảng Trí cho biết các tu sĩ chính thức thuộc Giáo hội đều được hoãn dịch không đi lính, nhưng thầy Thông Lạc dường như không thuộc Giáo hội nào nên phải tránh cảnh sát. Tôi rất quý ông thầy hiền lành này. Thầy thuộc truyền thống gia đình các ông Đạo ở miền Nam, rất sùng tín và có đời sống đạm bạc khắc khổ. Một lần được Hòa thượng Minh Châu cho mấy quyển kinh Nikaya



ngài mới dịch, gặp thầy Thông Lạc tôi tặng hết cho thầy. Tôi tin rằng kinh điển Nam truyền hợp với thầy hơn. Gần bốn mươi năm sau, khi từ Nepal về Mỹ, tôi có nghe ở Việt Nam người ta thì thào rằng thầy Thông Lạc tu theo Nam tông và đặc quả A-la-hán thì cũng chẳng ngạc nhiên. Thầy Thông Lạc sau đó thành lập ở Trảng Bàng, Tây Ninh tu viện Chân Như (đối nghịch với Chân Không nơi thầy từng tu học với Hòa thượng Thanh Từ).

Lớp sinh viên đầu của Vạn Hạnh đã đi nhiều, thì dĩ nhiên thế hệ các giáo thụ Phật khoa ngày ấy cũng ra đi gần hết. Ngoài Hòa thượng Trí Tịnh đã đi, có lẽ chỉ còn bốn vị. Hòa thượng Thanh Từ tôi đến chúc Tết năm ngoái ở Thường Chiếu, nơi chị Diệu Châu còn di cốt ở tháp Liên Hoa. Hòa thượng ngồi xe lăn, nên khác với những lần trước tôi không dám nói nhiều, chỉ vái thầy rồi ra về. Hòa thượng Nhất Hạnh thì trước khi về Việt Nam ăn Tết hai năm trước, tôi có ghé thăm ở UCSF nhờ ông bác sĩ trưởng khoa là chỗ quen biết đưa vào. Tôi đứng ngoài phòng kính thăm tụng cho thầy một đoạn kinh vì thầy còn tồn tại cũng đã là một phép lạ của nền y học mới. Vị thứ ba là vị giáo thụ “trẻ nhất”, Hòa thượng Tuệ Sĩ, trái tim của Viện Đại học Vạn Hạnh. Lần về quê năm ngoái là lần duy nhất tôi về mà không có dịp hàn huyên lâu với thầy. Lúc đến thăm, thầy đang có buổi dạy kinh A-hàm cho một lớp riêng ở Hương

Tích. Tôi đứng ngoài phòng mà vui vì thấy vị học giả gầy yếu tài hoa vẫn còn khỏe mạnh với giọng đọc sang sáng cho sinh viên Tăng Ni cùng với mấy vị tính bên cạnh. Vị thứ tư là Hòa thượng Quảng Độ xuân này thấy cũng đã 90. Tôi mới đọc quyển *Phật giáo: Bản chất và Sự Phát triển* của Edward Conze mà Hòa thượng mới dịch và in ở Việt Nam. Đọc lời văn chân chất rất Việt Nam chợt nhớ đây cũng là quyển sách Hòa thượng đã dạy chúng tôi từ nửa thế kỷ trước. Nhớ hơn hai mươi năm trước, ngày tôi về nước lần đầu, lặn lội ra thăm thầy ở tận Vũ Đoài, Thái Bình, hai thầy trò ngồi nói đủ thứ chuyện trong nắng quai chiếu hôm nơi quê nội, ở ngay ngôi chùa quê mà nghe nói chính ông cố chúng tôi góp phần công đức. Đó cũng là lần đầu tiên tôi trở về sau nhiều năm lang bạt xứ người. Nhóm chúng tôi đi Bắc thăm Hòa thượng lần đó thì các anh chị cũng lần lượt ra đi, anh Cường mất ở Mỹ, chị Diệu Châu mất ở Việt Nam...

4 Cuối năm lạnh, buổi tối những cánh chim nhạn xuôi nam bay qua, tiếng kêu tha thiết hiu hắt. Ngồi đọc lại Nguyệt Xứng *Minh cú luận*, quyển cuối cùng trong từng thư Long Thọ và Tánh Không, nhưng lòng chỉ nhớ những người đã đi xa. Thế rồi, là bỏ *Minh cú luận*. Bỏ cả giao ước dạy một lớp cho San Jose State University - thành thật xin lỗi Giáo sư Phan Công Chánh. Anh đã cất công soạn cho tôi một chương trình thu video với cả ban quay phim để làm tài liệu cho sinh viên các khóa sau... Gần hai tuần bất động, không ra ngoài. Không báo chí không radio không truyền hình không internet, chỉ thỉnh thoảng mở điện thoại để đọc truyện kiếm hiệp - Tôi nghiệm ra người lớn đọc truyện kiếm hiệp như trẻ quen xem phim hoạt họa dù phim nào cũng giống nhau, vẫn tiếp tục chú mèo đuổi chú chuột...

Nguyễn Công Hoan chợt đứng đầu giường cười cười “xem ngài đi chưa” và mang chuyện Đào Mộng Nam một mình chết trong nhà cả tháng mà không ai biết ra dọa. Hai anh em xuống phố đi chợ, vì quả thật người chưa chết nhưng dầu gạo thì đã hết. Tôi lẩm bẩm mấy câu trong bài thơ *Mạc vấn* của Sư Tế Kỳ:

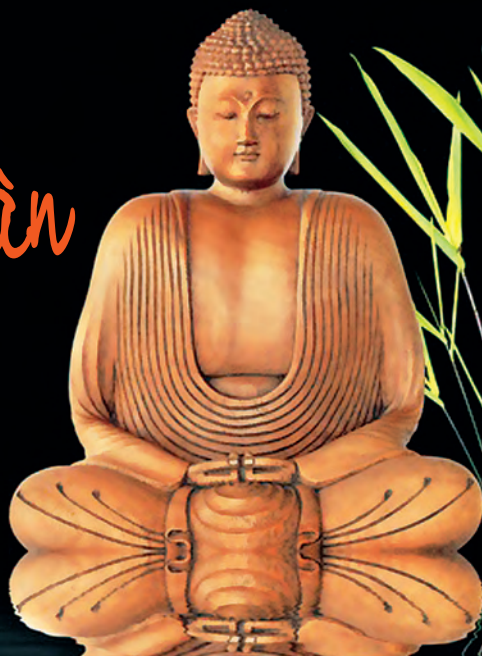
*“Mạc vấn quan môn ý,
Tùng lai quả vắng hoàn,
Đạo ứng quy đạm bạc,
Thân hợp tại không nhàn...”*

(Chớ hỏi về cửa nẻo,
Lâu nay tớ đi về,
Đạo thì về đạm bạc,
Thân thì hợp an nhàn...).

Hoan không hiểu. Tôi nói, “Tế Kỳ không đóng cửa, tôi cũng vậy!”. Rồi bảo, “Người đi nhưng xuân vẫn về. Tết này tôi lại về quê ăn Tết”. ■



Đón một mùa xuân an lạc



NGUYỄN THANH

1. Nhận diện mùa xuân

Hầu như mọi người chúng ta đều có tâm lý tin rằng xuân về là đồng nghĩa với an lạc, là rời xa khổ đau; đón xuân là đón an lạc, là xa lìa khổ đau. Gởi lòng tin vào mùa xuân cũng có nghĩa là mong ước có được một mùa xuân thanh thản an lạc, rời xa mọi phiền muộn khổ đau.

Thực ra, an lạc hay khổ đau không do mùa xuân mà tùy ở lòng người. Cũng mùa xuân ấy mà cảm thức của mỗi người thì không giống nhau.

"Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ".

Còn mê (lòng còn tham-sân-si) thì xuân có đến cũng không thanh thản, nhưng hết mê (tâm không có tham-sân-si) thì xuân không về vẫn thấy an lạc.

Với lòng sạch trong, vắng bóng tham-sân-si, chư vị thiền sư Việt Nam cảm nghiệm mùa xuân như vậy:

Xuân lai xuân khứ nghi xuân tận,

Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân.

春去春來疑春盡,

花開花落只是春.

Xuân đến xuân đi ngở xuân hết,

Hoa nở hoa tàn ấy là xuân.

(Chân Không thiền sư)

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

莫謂春殘花落盡,

庭前昨夜一枝梅.

Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,

Đêm qua sân trước một cành mai.

(Mãn Giác thiền sư)

Đức Phật dạy: *"Khi tâm thanh tịnh (sạch tham-sân-si) thì thế giới thanh bình"*².

Đạo Phật xem tham-sân-si là gốc rễ của khổ đau, sự đoạn diệt tham-sân-si là cội nguồn của an lạc. Bởi tham-sân-si là căn nguyên của bất thiện³; làm hoen ố tâm thức; khiến cho con người thành ra mê mờ mù lòa, không còn tỉnh táo sáng suốt; suy nghĩ những điều hại mình, hại người, hại cả hai; làm các ác hạnh về thân, về lời, về ý; không như thật rõ biết lợi mình, lợi người, lợi cả hai; khiến cho đời người rơi vào khổ ưu⁴; tham-sân-si là các ngọn lửa vô hình thiêu cháy cá nhân, thiêu cháy gia đình, thiêu cháy xã hội, thiêu cháy cả thế gian⁵. Chính vì thế mà tham-sân-si sinh khởi thì lòng người không có mùa xuân, tham-sân-si đoạn diệt thì đời người mãi mãi là mùa xuân.

Người con Phật đón xuân với tâm không có tham-sân-si tức là đón xuân an lạc trọn vẹn, không có bóng dáng phiền muộn khổ đau. Cố nhiên, người nào dứt bỏ tham-sân-si thì hưởng trọn mùa xuân an lạc.

2. Sửa soạn đón xuân

Để giúp cho mọi người đón xuân an lạc, mãi mãi an lạc, ngoài những lo toan tiền đưa năm cũ, đón mừng năm mới, Đức Phật dạy chúng ta cần lưu tâm đến một số việc căn bản sau đây:

Khởi tâm quy ngưỡng Tam bảo - Phật-Pháp-Tăng

Quy ngưỡng Tam bảo có nghĩa là tự mình tìm hiểu và phát khởi lòng tin đối với Phật-Pháp-Tăng, tự mình quay về với con người thật của chính mình để nhận ra khả năng giác ngộ (Phật tánh), điều kiện giác ngộ (Pháp tánh) và ý chí giác ngộ (Tăng tánh) vốn có sẵn trong chính mình. Chỉ cần mình biết đánh thức và phát huy thì chính các tiềm năng ấy sẽ quyết định đời sống an lạc của chính mình. Đó là ý nghĩa quy ngưỡng Tam bảo, tức khởi lòng tin và nương vào đức năng cao quý của Phật-Pháp-Tăng để nỗ lực tu tập, chuyển hóa bản thân, để nuôi lớn giới đức, tâm đức, tuệ đức, để hoàn thiện chính mình, để thực nghiệm hạnh phúc an lạc. Đây là bước sửa soạn căn bản, có chức năng đánh thức các phẩm chất giác ngộ có sẵn trong mỗi cá nhân, giúp cho con người có đủ tự tin và nghị lực bước đi trên con đường giác ngộ hiền thiện của Phật. Kinh văn gợi ý như vậy về cách thức quy ngưỡng Tam bảo:

"Thánh đệ tử thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Phật: Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình chứng hiểu.

Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với chúng Tăng: Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trực hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời"⁶.

Bởi Phật-Pháp-Tăng có ý nghĩa cao quý như thế nên Đức Phật xem việc khởi tâm quy y và niệm tưởng đến Tam bảo là đồng nghĩa với việc khai mở lẽ sống chân chánh sáng suốt, khiến lòng tin được trong sáng, tâm được hân hoan, các phiền não của tâm (tham-sân-si) được đoạn tận⁷, cũng có nghĩa là khai mở nguồn nước công đức, nguồn nước thiện, đưa đến chơn chánh an lạc cho con người. Bậc Giác ngộ xác nhận:

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử quy y Phật. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ nhất, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhơn sanh

Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử quy y Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ hai, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử quy y Tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ ba, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"⁸.

"Ở đây, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác...". Do vị ấy niệm Phật như vậy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận.

Lại nữa, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại...". Do vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận.

Lại nữa, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn...". Do vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận"⁹.

Sửa soạn đón xuân mà được tắm mình trong nguồn nước Chánh pháp, nguồn công đức, nguồn nước thiện, nguồn nước gia trì của Tam bảo thì cảm thức ngày xuân sẽ thanh thản an bình đến dường nào!

Đề phòng và dập tắt ba ngọn lửa - tham-sân-si

Ngoài việc khởi tâm quy ngưỡng Tam bảo - Phật-Pháp-Tăng, có chức năng khơi nguồn công đức và gợi mở lối sống trí tuệ, bước tiếp theo mà người Phật tử cần quan tâm thực hiện là nhận ra ba ngọn lửa nguy hại đang tiềm ẩn trong chính mình, cần phải thường xuyên đề phòng và nỗ lực dập tắt khiến cho đời sống hạnh phúc an lạc của người Phật tử. Bậc Giác ngộ lưu nhắc và giải thích cho chúng ta vì sao ba ngọn lửa tham-sân-si cần phải đề phòng và dập tắt:

"Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận. Thế nào là ba?

Lửa tham, lửa sân, lửa si.

Vì sao, này Bà-la-môn, lửa tham cần phải đoạn diệt, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị tham làm cho ái nhiễm, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa tham này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa sân cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị sân làm cho tức giận, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa sân này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa si cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị si làm cho mê mờ, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa si này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Ba ngọn lửa này, này Bà-la-môn, cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận¹⁰.

Ngày xuân mà không để hỏa hoạn xảy ra, nhất là hỏa hoạn tham-sân-si ngự trị ở trong lòng, thì sắc xuân càng nhẹ nhàng tươi thắm, không khí xuân càng thanh bình ấm áp, cảm thức xuân càng thanh thản an lạc.

Làm lắng dịu năm sợ hãi hận thù

Kiểm soát được ba ngọn lửa tham-sân-si ở trong lòng tức là cơ bản kiểm soát được lối sống của mình, khiến cho cuộc đời không còn mê lầm, không rơi vào các việc làm sai trái xấu ác. Tuy nhiên, Đức Phật cũng lưu ý với mọi người về năm hành vi bất thiện bắt nguồn từ tham-sân-si - sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men, rượu nẫu, cần phải kiên quyết từ bỏ để tránh cho mình và tránh cho người khác khỏi rơi vào phiền muộn khổ đau, gọi là làm lắng dịu năm sợ hãi hận thù.

Thế Tôn nói cho Gia chủ Anàthapindika:

“Này Gia chủ, sát sanh; do duyên sát sanh, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này.

Này Gia chủ, lấy của không cho; do duyên lấy của không cho, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ lấy của không cho, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ lấy của không cho, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này.

Này Gia chủ, tà hạnh trong các dục; do duyên tà hạnh trong các dục, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ tà hạnh trong các dục, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu.

Người từ bỏ tà hạnh trong các dục, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này.

Này Gia chủ, nói láo; do duyên nói láo, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ nói láo, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ nói láo, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này.

Này Gia chủ, đắm say rượu men, rượu nẫu; do duyên đắm say rượu men, rượu nẫu, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này¹¹.

Ý thức đón xuân với việc tuân thủ năm nguyên tắc đạo đức (Ngũ giới) đưa đến chấm dứt năm sợ hãi hận thù như trên tức là biết sửa soạn tốt cho mùa xuân an lạc. Việc làm này nói rõ thái độ sáng suốt của người con Phật đối với vấn đề hiện hữu. Giáo lý Duyên khởi (Paticcasamuppāda) của đạo Phật bảo cho người Phật tử biết tuân thủ các nguyên tắc đạo đức liên quan đến bản chất của sự sống. *“Cái này có thì cái kia có; cái này sanh thì cái kia sanh. Cái này không có thì cái kia không có; cái này diệt thì cái kia diệt”*.

Phật tử phát nguyện thọ trì Ngũ giới – không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói dối, không đắm say rượu men, rượu nẫu – tức là thể hiện nếp sống chân chánh sáng suốt, không làm tổn hại đến người khác, tôn trọng hạnh phúc của người khác; cũng có nghĩa là không làm tổn hại đến mình, tôn trọng hạnh phúc của chính mình; bởi theo quan niệm tương hệ sinh tồn của đạo Phật thì *“hộ trì mình tức là hộ trì người, hộ trì người cũng tức là hộ trì mình”*¹². Đây chính là lẽ sống cao quý, đưa đến lợi mình lợi người, mà những ai ý thức tuân thủ tức là thi ân lớn cho cuộc đời, như lời bậc Giác ngộ xác chứng:

“Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, đem cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là đại bố thí, là nguồn nước công đức, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh...

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh...

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh...

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nẫu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vì ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là đại bố thí, là nguồn nước công đức, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhưn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hy, khả ý, hạnh phúc, an lạc¹³.

3. Thực nghiệm xuân an lạc

Chuẩn bị đón xuân với việc phát khởi thiện tâm quy ngưỡng Tam bảo, để phòng ba ngọn lửa tham-sân-si, làm lắng dịu năm sợ hãi hận thù như lời Đức Phật dạy thì hưởng trọn mùa xuân an lạc. Đó là mùa xuân của tâm giác ngộ, mùa xuân của sự vắng bóng tham-sân-si, mùa xuân của nếp sống trưởng dưỡng công đức, mùa xuân của an lạc miên viễn, mùa xuân mà chư vị thiên sư từng thực nghiệm và bảo: “Hoa nở hoa tàn ấy là xuân” hay “Đêm qua sân trước một cành mai”.

Người Việt chúng ta may mắn được tiếp thu lời Phật tử rất sớm nên biết cách sửa soạn chu đáo cho lối sống an lạc, biết cách thực nghiệm an lạc ở mọi lúc mọi nơi. Đó là thể hiện nếp sống quy ngưỡng Tam bảo, nỗ lực nhiếp phục tham-sân-si ở trong lòng, quyết tâm từ bỏ những việc làm sai trái xấu ác khiến cho mình được an lạc và khiến cho người khác cũng được an lạc. Đó là cảm thức hân hoan thanh thân được tắm mình trong nguồn nước Chánh pháp, nguồn nước công đức, nguồn nước thiện, nguồn nước của tâm trong sáng không tham-sân-si, nguồn nước của lối sống chân chánh sáng suốt từ bỏ điều ác làm các hạnh lành.

Ngày xưa, Phật hoàng Trần Nhân Tông có nhân duyên học Phật từ thuở nhỏ, thấm nhuần giáo lý từ bi trí tuệ của Phật, thể hiện cuộc đời chân chánh hiền thiện của một vị vua Phật tử thương nước thương dân. Nhà vua ra sức bảo vệ đất nước khi gặp họa xâm lăng; hết giặc ngoài thì vua quay về chăm lo cái ăn cái mặc no đủ cho dân, khuyên dạy thần dân tôn trọng phép nước, thực thi nếp sống bỏ ác làm lành. Khi người người đều an ổn hưởng thiện, nhà vua đều an ổn hưởng thiện, nhà vua nhường ngôi cho con và xuất gia, lên núi Yên Tử tinh cần nhiếp hộ tự thân và tiếp tục khơi nguồn diệu pháp làm lợi lạc cho cuộc đời.



Trải qua nhiều mùa xuân chuyên tâm học tập và vận dụng lời Phật chăm lo lợi ích cho muôn dân trong sứ mạng một vị minh quân; tuổi về già, Phật hoàng quy ẩn chốn thiền lâm, tâm thanh thân, lòng sạch trong. Một mùa xuân nữa lại về. Ngồi bên bờ khe vắng một buổi chiều xuân thoảng cánh hồng rơi, Phật hoàng cảm nghiệm từng mùa xuân công đức đi qua đời mình cho đến lúc thân nhiên ngộ ra xuân vốn ở trong lòng; lòng trong sạch thì an lạc miên viễn, tâm trong sáng thì xuân miên trường:

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Nhu kim khám phá đông hoàng diện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng.
年少何曾了色空,
一春心在百花中。
如今勘破東皇面,
禪板蒲團看墜紅。
Thuở nhỏ chưa từng rõ sắc không,
Xuân về hoa bướm rộn trong lòng.
Chúa xuân nay bị ta khám phá,
Chiếu trải giường thiền ngắm rụng hồng¹⁴. ■

Chú thích:

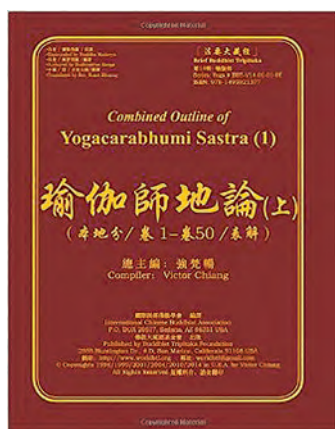
1. Truyện Kiều Nguyễn Du.
2. Kinh Ưu-đàm-bà-la sư tử hống, Trường Bộ.
3. Kinh Chánh tri kiến, Trung Bộ.
4. Kinh Channa, Tăng Chi Bộ.
5. Đại kinh Khổ uẩn, Trung Bộ; Kinh Bị bốc cháy, Tương Ưng Bộ.
6. Kinh Cần phải khích lệ, Tăng Chi Bộ.
7. Kinh Mahànàma, Tăng Chi Bộ.
8. Kinh Nguồn nước công đức, Tăng Chi Bộ.
9. Kinh Các lễ Uposatha, Tăng Chi Bộ.
10. Kinh Lửa, Tăng Chi Bộ.
11. Kinh Sợ hãi và hận thù, Tăng Chi Bộ.
12. Kinh Sedaka hay Ekantaka, Tương Ưng Bộ.
13. Kinh Nguồn nước công đức, Tăng Chi Bộ.
14. Thơ Trần Nhân Tông.



Giới thiệu kinh Bồ-tát Địa Trì

THÍCH THIỆN NHƠN

Kinh *Bồ-tát Địa Trì* (Bodhisattva - Bhumi Vidya Sutra) còn gọi là *Luận Bồ-tát Địa Trì* (Bodhisattva - Bhumi Vidya Satra), do Tam tạng Pháp sư Đàm-vô-sấm (Dharmaraksa) dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào thế kỷ thứ V sau Tây lịch (412-432). Nội dung gồm có 27 phẩm. Kinh *Địa Trì* có bản dịch khác là *Kinh Bồ tát Thiện giới* (Bodhisatta - Kusala Sila Suta).



Cả hai bộ đều y cứ *Luận Du-già Sư Địa* (Yogacara Bhumisasta), do Bồ-tát Di-lặc (Meyttaya Bodhisattva) từ cung trời Đâu Suất (Tusita) hiện xuống thuyết giảng tại Tịnh xá Đạo tràng (Gaya Vihara) xứ A-du-đa (Ayodhya) Bắc Ấn Độ, vào cuối thế kỷ thứ IV sau Tây lịch, do sự thỉnh cầu của Bồ-

tát Vô Trước (Asanga Bodhisattva). Bồ-tát Di-lặc trình bày luận này trong cảnh giới định và Bồ-tát Vô Trước cũng phải nhập định để nghe và lãnh thọ.

Sau khi xuất định, Bồ-tát Vô Trước mới ghi lại bằng Phạn văn, gồm 100 quyển. Nội dung gồm có 5 phần.

A. Phần Bốn địa

Chủ thể của Luận, gồm có 50 quyển, giải thích, phân biệt đầy đủ ý nghĩa 17 địa thuộc cảnh giới của các hành giả Du-già.

17 địa là 17 cảnh giới của hành giả Du-già.

1. Cảnh giới năm thức tương ứng.
2. Cảnh giới của ý thức.
3. Cảnh giới có tâm có tứ (giác quán của định).
4. Cảnh giới không có tâm chỉ có tứ.
5. Cảnh giới không có tâm và không có tứ.
6. Cảnh giới chánh định.
7. Cảnh giới phi chánh định.
8. Cảnh giới hữu tâm.
9. Cảnh giới vô tâm.
10. Cảnh giới trí tuệ do nghe pháp mà có được.
11. Cảnh giới trí tuệ do suy nghĩ về pháp mà có được.
12. Cảnh giới trí tuệ do tu tập theo pháp mà có được.

13. Cảnh giới Thịnh văn.

14. Cảnh giới Bích-chi Phật (Độc giác).

15. Cảnh giới Bồ-tát.

16. Cảnh giới Hữu dư y.

17. Cảnh giới Vô dư y.

B. Phần Nhiếp quyết trạch

Gồm 30 quyển tiếp theo. Nội dung chấp nhận, giải quyết, chọn lựa ý nghĩa sâu xa, cốt yếu của 17 địa thuộc cảnh giới trên.

C. Phần Nhiếp thích

Gồm 02 quyển thu nhận, giải thích nghi thức trong các kinh.

D. Phần Nhiếp dị môn

Gồm 02 quyển, nêu ra những ý nghĩa khác nhau về danh từ các pháp trong các kinh.

E. Phần Nhiếp sự

Gồm 16 quyển cuối. Lược trình bày ý nghĩa trong ba tạng Kinh Luật Luận.

- Về sự Kinh Luật Luận (hình thức Tam tạng).

E1. Sự khế Kinh (hình thức Khế kinh):

- Chúng sinh sự, là giáo lý năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

- Thọ dụng sự, là giáo lý 6 xứ, 12 xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, thức, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

- Sinh khởi sự, là giáo lý Duyên khởi, 12 nhân duyên: Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão, Tử.

- An trú sự, là giáo lý nói về bốn thức ăn: Đoàn thực, xúc thực, tưởng thực, thức thực.

- Nhiễm tịnh sự, là giáo lý Tứ đế: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

- Bồ-đề sự, là giáo lý nhân quả của Bồ-đề, gồm 37 phẩm Trợ đạo (4 đối tượng quán niệm, 4 sự siêng năng chân chánh, 4 thứ thần thông như ý, 5 căn, 5 lực, 7 pháp dẫn đến sự giác ngộ, 8 con đường chân chánh).

E2. Sự điều phục (hình thức Luật tạng): Các loại giới của hai chúng tại gia và xuất gia, v.v...

E3. Sự Bồn mẫu: Là hình thức Luận tạng, gồm Luận nghị, đối thoại về các loại giáo pháp như 84.000 pháp uẩn, pháp môn, v.v...

Như vậy, Kinh *Bồ-tát Địa Trì* hay *Luận Bồ-tát Địa Trì* là bản soạn dịch từ phần Bồ-tát địa thứ 15 của *Luận Du-già Sư Địa*. Bản chữ Phạn do Bồ-tát Di-lặc thuyết giảng trong cảnh Định và Bồ-tát Vô Trước tập thành. Ngài

Đàm-vô-sấm đã soạn dịch thành ra bộ Luận *Bồ-tát Địa Trì* hay là Kinh *Bồ-tát Địa Trì* đều có một nội dung như nhau. Dù so với Luận *Du-già Sư Địa*, thiếu một phẩm nhưng không quan trọng. Vì cách bố cục của Tam tạng Pháp sư Đàm-vô-sấm như thế là đủ ý.

Về Địa được sử dụng trong toàn bộ Luận và Kinh là mang ý nghĩa cảnh giới, là cơ sở tiếp nhận và phát sinh như mặt đất. Thế nên kinh *Tâm Địa Quán* nói: “*Tâm như đại địa, ngũ cốc, ngũ quả giai tùng địa sanh. Tứ thánh, Lục phàm giai tùng tâm xuất...*”. Tâm như mặt đất, nằm thứ lúa gạo, nằm thứ trái cây đều do từ mặt đất sinh ra. Bốn cõi Thánh (Thinh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật quả), sáu cõi Phàm (Trời, A-tu-la, Người, Ngạ quỷ, Súc sanh, Địa ngục) cũng từ tâm phát sinh.

Qua đó, Tâm địa là căn bản duy trì và phát sinh các công đức, các quả lành của chúng sanh, trong đó điểm nhấn là Bồ-tát. Vì Bồ-tát là Nhân, mà Phật là Quả. Vì vậy, Bồ-tát là cơ sở thành tựu và phát sinh. Phát sinh cái gì? Đó là 4 sự chân thật, 37 phẩm trợ đạo Bồ-đề, 4 Tâm vô lượng, 4 pháp thu phục chúng sanh, 6 pháp, hay 10 pháp Ba-la-mật, biểu thị phúc đức và trí huệ của Bồ-tát hành đạo trong giai đoạn tu nhân, cũng là bao hàm ba môn Giới vô lậu Đại thừa của Bồ-tát: Giới Luật nghi, Giới Nhiếp thiện pháp, Giới lợi ích chúng sanh. Giới Nhiếp Luật nghi làm cho tâm Bồ-tát thanh tịnh (định tâm); Giới Nhiếp thiện pháp làm cho Bồ-tát thành tựu Phật pháp; Giới Lợi ích chúng sanh làm cho Bồ-tát thành tựu tâm Đại Từ bi. Cho nên cổ đức nói: “*Muôn hạnh trông về Bi Trí Dũng. Những mong sáng tỏ bậc siêu trần*”. Và thành tựu Phật quả đầy đủ 10 đức hiệu, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 6 pháp thần thông, 4 pháp vô úy, 10 trí lực và các pháp bất cộng, v.v.

Với tất cả những ý nghĩa phát sinh và thành tựu đó, được thể hiện qua 27 phẩm của Kinh *Bồ-tát Địa Trì*, hay Luận *Bồ-tát Địa Trì*.

A. Phần Phương tiện xứ có 18 phẩm

1. Phẩm Chứng tánh.
2. Phẩm Phát tâm Bồ-đề.
3. Phẩm Tự lợi, lợi tha.
4. Phẩm Thật nghĩa.
5. Phẩm Năng lực (Thần lực).
6. Phẩm Thành thực (Thuần thực).
7. Phẩm Vô thượng Bồ-đề.
8. Phẩm Năng lực và Chứng tánh.
9. Phẩm Bồ thí.
10. Phẩm Trì giới.
11. Phẩm Nhẫn nhục.
12. Phẩm Tinh tấn.
13. Phẩm Thiền định.
14. Phẩm Trí tuệ.
15. Phẩm Tứ Nhiếp pháp.
16. Phẩm Cúng dường Tam bảo, tu bốn Tâm Vô lượng.
17. Phẩm Bồ-đề.
18. Phẩm Công đức Bồ-tát.



B. Phần Thứ pháp có 4 phẩm

19. Phẩm Bồ-tát tướng.
20. Phẩm Phận sự của hai giới (thành phần).
21. Phẩm Tịnh tâm.
22. Phẩm Tướng trụ.

C. Phần Cứu cánh có 5 phẩm

23. Phẩm Tướng sanh.
24. Phẩm Tóm thu.
25. Phẩm Tướng các địa.
26. Phẩm Tướng các hạnh.
27. Phẩm Kiến lập.

Với 27 phẩm trên tóm thu tất cả Cảnh, Hạnh, Quả của Bồ-tát, cứu cánh thành Phật. Cho nên Phẩm *Thập địa*, Kinh *Hoa Nghiêm* nói: “*Xưa vì chúng sinh khởi đại bi, tu hành Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Thiền định, Trí tuệ Ba-la-mật. Nên được tướng tốt, thân đẹp đẽ. Chúng sanh trông thấy đều vui mừng (Phật quả)*”. Đồng ý nghĩa này, Kinh *Tăng Nhất A-hàm*, Đức Phật cũng xác định: “*Bồ thí thành Phật đạo. Đủ 32 tướng tốt. Chuyển Pháp luân vô thượng. Quả báo do Bồ thí*”.

Tóm lại, như cổ đức nói: “*Xuân về hoa nở trên đất Tâm. Trăng sáng năm xưa tỏ hơn Rằm. Vườn hoa Đạo lý hương ngào ngạt. Mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương*”.

Với tất cả ý nghĩa về Bồ-tát đạo, Bồ-tát quả được thể hiện rõ ràng qua 27 phẩm của Kinh, hay Luận *Bồ-tát Địa Trì*, và nếu ai tỏ ngộ, tin tưởng tu tập theo thì nhất định chứng quả Bồ-đề, thành Phật, như các Bồ-tát đã, đang và sẽ thành Phật vậy.

Thế nên cổ đức dạy:

“*Nhứt cú kinh văn tuy thiếu, ngộ chi túc chứng Bồ-đề*”.

(Nghe một câu kinh tuy là ít, nhưng nếu tỏ ngộ thì chứng quả Bồ-đề Vô thượng, nghĩa là thành Phật). ■

Thường thức đạo Phật

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Tưởng tượng nếu một xã hội kỹ nghệ và thực dụng phương Tây mà không có tôn giáo thì điều sống sẽ đi về đâu. Con người sẽ đối diện, tương tác và đâm đạp lên nhau tới mức độ nào nếu đời sống chỉ thuần một cực: biết sống mà không biết chết; chỉ có tiến tới mà không dừng lại hay rút lui; nuôi hận thù mà chẳng có yêu thương.

Tôn giáo giúp hóa giải những xung đột trong đời sống thực tế và làm êm dịu những bức bách cảm xúc trong nếp sống tinh thần. Từ khi ra đời đầu khoảng 20 vạn năm về trước, nhưng chỉ mới có lịch sử văn minh trên dưới 6.000 năm, nhân loại đã có hàng nghìn tôn giáo, nhưng số tôn giáo còn tồn tại qua những hành trình tâm linh nghìn năm thì chỉ còn đếm được trên số ngón của hai đầu bàn tay.

Tại sao những tác phẩm nghệ thuật lớn không bao giờ mai một mà tôn giáo lại bị lụi tàn? Câu trả lời ngỡ rắc rối mênh mênh như trời biển nhưng thật ra là thực tế nhẹ nhàng. Cái gì con người còn muốn gần gũi để thưởng thức thì còn tồn tại; trái lại những gì con người nhàm chán thì sẽ lụi tàn.

Lịch sử đạo Phật du nhập vào thế giới phương Tây không lâu hơn lịch sử của máy vi tính và điện thoại thông minh là mấy. Nhưng Phật giáo đi vào lòng xã hội và đại chúng Âu, Mỹ không thông qua những giáo điều và tín lý cổ điển bằng sự mặc khải của đức tin và huyền thoại lễ nghi tôn giáo. Người phương Tây không thờ lạy, cung nghinh Đức Phật như người ta đã quá mệt mỏi thực hành hàng nghìn năm qua với giáo chủ và giáo điều của các tôn giáo khác. Người ta nhận diện ông Phật là: *"Buddha: a pragmatist focused on reducing suffering"* (Đức Phật: một bậc thực tế chuyên chú vào việc giúp làm giảm thiểu khổ đau). Thế đó, một nhà khoa học không gian như Allen Horton vẫn nhìn đạo Phật hồn nhiên như trẻ thơ và thực hành đạo Phật với tâm hồn nhẹ nhàng mây trắng trong *"Enjoy Practicing Buddha-maha"* (Thường thức hành Đại đạo):

Tiếng kinh như lời hát
Thiền thoát nhẹ mây qua
Gõ mõ là làm thơ
Đánh chuông là khắc họa
Mùi hương trầm lan tỏa
Không cánh cũng bay xa
Tới cõi Phật trong ta
Phật ta hòa làm một.

Những nghìn năm qua, xã hội khoa học kỹ thuật và thực dụng châu Âu và châu Mỹ đã sống một đời sống tôn giáo quy ước như một sự kế thừa tự nhiên "cha truyền con nối". Tôn giáo là một đời sống siêu nhiên. Giáo chủ là một đấng quyền năng. Người theo tôn giáo thông thường có chung một thái độ và tâm lý kính sợ và cầu xin.

Phật giáo đến phương Tây như một luồng gió mới

Đức Phật không phải là một ông Trời mà là một vị thầy: thầy thuốc trị bệnh khổ đau và cũng là vị bốn sư giúp luận giải những vấn nạn của dòng đời trôi lăn theo vòng sinh, lão, bệnh, tử và dòng sống sinh diệt lạnh lùng thành, trụ, hoại, không. Và, điều thú vị nhất tác động làm thức giấc những con chiên đang ngủ vùi trong tôn giáo là tinh thần bình đẳng chưa từng có khi nhà Phật khẳng định, rằng mọi sinh thể đều có Phật tánh và đều có khả năng giác ngộ thành Phật.

Bệnh đau chữa theo thuốc đó. Tánh thật của vũ trụ vạn vật là Tánh Không. Nhưng nếu cần đối trị với những tâm hỗn miên trường trong tôn giáo thì đạo Phật cũng có ba nghìn tam thiên đại thiên thế giới với hàng hà sa số chư Phật, chư Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn và Thánh chúng để mà cung nghinh và cầu nguyện tới nơi "tôn giáo hơn cả tôn giáo". Vô thần và hữu thần là một Thể Tánh. Loay hoay với khái niệm hữu thần và vô thần trong chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối là phí uống thời gian và tự tranh chấp hoài với một cái miệng xinh xinh mà không biết nên cười hay mếu! Người phương Tây chọn mỉm cười để thường thức Phật giáo.

Trong vòng mười lăm năm qua, số người theo cũng như số chùa viện Phật giáo của người Mỹ tăng gấp đôi. Hiện tại đang có hơn bốn triệu người Mỹ theo đạo Phật và có cả nghìn chùa viện lớn nhỏ tại Hoa Kỳ. Theo Cơ quan thống kê PEW thì hơn nửa tổng số người Mỹ theo đạo Phật hiện nay có trình độ hậu tốt nghiệp đại học (post graduate).

Hiện nay, có khá nhiều khóa tu học - thật ra là những sinh hoạt gần với tinh thần câu lạc bộ trí thức - từ một vài giờ đến vài ba ngày đã mở ra thường xuyên trên đất Mỹ.

Người Mỹ thực tế và thực dụng "gieo vốn, gặt lời". Họ theo đạo Phật không phải vì những lễ nghi màu mè, chùa to tượng lớn hay để cầu nguyện lên chốn Niết-bàn như cõi Thiên đường đã được nghe từ thời thơ ấu. Đạo Phật, trước hết, phải là một đối tượng thưởng thức làm họ vui, như Thiền định là một môn "thể thao tinh thần" tương tự

môn Yoga đã du nhập từ thời rất sớm giúp làm tươi mát thân thể, thanh sạch tinh thần và phủi bụi trí óc. Đạo Phật, thứ đến, phải là một môn triết học - gồm cả luận lý và tâm lý - nhân bản dân sinh, trả lời về căn bản những suy niệm siêu hình và thực tại của con người và vũ trụ. Đạo Phật vào nước Tây, nước Mỹ như một hành giả chân đất giản đơn mà uyên áo, bác học mà bình dân. Xã hội phương Tây đã đón đạo Phật với nụ cười và bàn tay hòa bình an lạc.

Một ví dụ minh họa: Tâm lý Tôn giáo Ứng dụng

Khóa học *Tâm lý Tôn giáo Ứng dụng (Applied Religious Psychology)* sáu tuần kết thúc không đơn giản và êm xuôi như tôi liên tưởng từ lúc ban đầu khi nhận lời mời của ban quản lý giảng huấn. Tôi chỉ là một trong sáu giảng viên phụ trách giảng tập. Mỗi người phụ trách mỗi tuần lên lớp một lần 95 phút - 60 phút lý thuyết và 35 phút ứng dụng - cho học viên toàn khóa có con số ghi danh trên 100 nhưng hiện diện thường xuyên thì chỉ gần hơn một nửa. Học viên tuổi từ 25 đến 85!

Giáo trình của tôi chuẩn bị cho sáu lần lên lớp toàn khóa là *"Buddhist Thought and Applied Psychology Perspective"* (Tư tưởng Phật giáo và Khả năng Tâm lý Ứng dụng). Sở dĩ tôi giới thiệu chi tiết vài con số như thế trong phần mở đầu vì muốn nhấn mạnh, rằng tôi chuẩn bị giới thiệu đạo Phật theo con đường mòn đã được bày biện lớp lang theo lối mòn trí giả hay học giả hơn là nẻo đường tươi mới đầy hoa thơm cỏ lạ của hành giả. Lối cũ tôi đi là bức tranh cổ điển "Quốc văn Giáo khoa thư"; trong khi nhịp sống tâm linh tôn giáo - nhất là đạo Phật - đòi hỏi từng phút giây sinh diệt cần phải có một sức sống mới như nhịp đập của trái tim. Dừng lại hay bám xưa là quay lưng với sự sống.

Qua một vài tuần đầu, làn sóng biểu cảm của một người đã có dịp đứng trên bục giảng từ Việt Nam, tới Phi Luật Tân, qua Mỹ tương đối nhiều năm đã báo cho tôi biết rằng, những ánh mắt thân thiện nhưng thiếu tâm lý háo hức tìm câu để thưởng thức của người nghe là dấu hiệu cho biết người nói hay giảng đang bị thất bại về khả năng truyền đạt hay do nội dung sáo mòn, khô khan, nhàm chán. Sau này tôi mới biết rằng các học viên trong khóa học hầu hết là những người có nghiên cứu tôn giáo. Những lý thuyết cơ bản của những tôn giáo lớn trên thế giới họ đã từng nghe, đọc và tham khảo. Điều họ cần biết trong khóa học này là làm sao để có được một sự thích thú đón nhận, thu hút và thưởng thức tôn giáo khi đem tôn giáo đó ứng dụng vào hiện thực đời sống.

Những sự ngỡ ngàng ban đầu dần dần đi qua. Các học viên bao gồm nhiều sắc tộc, tôn giáo và không tôn giáo có gốc gác từ nhiều miền thế giới. Điều cảm nhận mới mẻ của tôi từ những buổi đầu là lời phát biểu của những thành viên chưa từng nếm mùi cầu nguyện, bái ngưỡng, thuần thành với một tôn giáo hay đức tin nào cả thường nhẹ nhàng, dè dặt, cởi mở và ít chủ quan hay định kiến hơn là những tín đồ đạo Ấn đã thâm nhiễm với Vệ-đà, Áo Nghĩa thư; đạo Chúa với Kinh Thánh tân và cựu ước; đạo

Phật với ba Tạng Kinh điển; đạo Hồi với kinh Coran... Dẫn dắt, tinh thần dính mắc tôn giáo như tín điều, lễ nghi, cầu nguyện trở nên thông thoáng hơn. Thượng đế, Phạm thiên, Tánh Không, A-la, Vô thần càng ngày càng được tâm lý cởi mở và sự luận giải nhiều chiều, nhiều hướng nâng cao tới một đỉnh điểm chung của đức tin và tri thức tạm gọi là "Nhất thể" (Oneness).

Tôi đã rất dè dặt tham khảo ý kiến chung để đưa ra một khái niệm theo khuynh hướng Tâm lý Tôn giáo Ứng dụng về cái tạm gọi là Nhất thể. Nhất thể là một khởi điểm mà mọi sự nghĩ bàn thế tục thường tình sẽ trở nên mơ hồ và phù phiếm. Nhất thể chỉ có thể nhận được qua sự rỗng lặng hoàn toàn của Chân tánh. Ngoài ra, mọi sự lý luận hình thức đều đưa ra một hay nhiều Câu trả lời cho những Câu hỏi *không thể trả lời được (answering unanswerable questions)* như:

- Vạn vật và con người từ đâu đến?

- Vũ trụ có giới hạn hay không giới hạn?

- Trước Thượng đế, Phạm thiên, A-la thì thế giới này là gì?

- Sau cái chết con người sẽ đi về đâu?

Và đại loại có hằng bao nhiêu câu hỏi tương tự mà cả khoa học cũng như tôn giáo đều không có câu trả lời thích đáng và minh bạch; hay nói đúng hơn là không thể trả lời được trong giới hạn về mọi mặt của tri thức con người. Khoa học thì trả lời vô cực, vô hạn khi nói về giới hạn vũ trụ; tôn giáo thì đem ông Trời, Thượng đế ra làm núi chấn khi muốn truy nguyên suối nguồn nguyên thủy của sự hiện hữu hôm nay. Thỏa mãn hay không thì cuối cùng cũng phải đi vào hang động chỉ có lối vào thấy rõ và lối ra mơ hồ hay bế tắc của đức tin. Cuối cùng thì cũng đành "lính tại ngã, bắt lính tại ngã" để đường ai nấy đi, hồn ai nấy giữ.

Là người phụ trách về phần Tâm lý Phật giáo Ứng dụng, trước hết, tôi xác định một thái độ "kính nhi viễn chi" về biểu tượng đáng thần linh cao cả nhất của các tôn giáo khác. Tôi chỉ trình bày giới hạn những đề cương căn bản về Phật học thích hợp cho nhu cầu ứng dụng là biết để hành, không phải biết để chìm đắm trong suy tư lý thuyết. Tôi khuyến khích bằng cách mời học viên chủ động thoát ra những giáo điều ràng buộc của bất cứ tôn giáo nào và mở rộng cánh cửa tâm thức của chính mình để tham gia ý kiến.

Để tránh tình trạng đi vào ngõ cụt của danh từ, tôi xác định lại khái niệm Nhất thể trong hành trình tri thức về tôn giáo mà rõ nét nhất là trong Phật giáo bằng cách đi vào ý nghĩa căn bản Tánh Không - Chân như - của đạo Phật.

Lý thuyết Phật giáo không trực tiếp trả lời "Ai...?" là đấng Sáng tạo ra trời đất muôn vật bởi vì chẳng bao giờ có một thực thể "Ai" thực sự hiện hữu. Như bầu trời rỗng không bỗng nhiên bùng bùng sấm sét do những dòng điện gặp điều kiện giao nhau mà bùng nổ. Con người và muôn vật từ đâu gặp nhau để kết hợp, loại trừ và sinh diệt tạo ra hàng chục triệu chủng loại ngập tràn mặt đất. Tánh Không hay không có tự tánh là khởi điểm mà cũng vừa là tận điểm;

là khái niệm xuất phát đầu tiên và sự trở về cuối cùng của mọi sự vật. Tánh Không - Chân như là khởi nguồn sinh diệt không ngừng, mà đồng thời cũng đứng yên rỗng lặng trong từng nháy mắt từ vô thủy đến vô chung.

Nhà Phật dùng khái niệm “Duyên” để chỉ cho điều kiện, hoàn cảnh, môi trường. Khi Duyên có sự tiếp cận, kết nối, sinh khởi, tạo tác...trùng trùng khởi lên thì muôn vật cấu thành. Cho nên Tánh Không và Duyên khởi là một khái niệm tổng quát thay cho hình tượng một “Đấng Tạo hóa toàn năng” của các tôn giáo khác. Phải chăng vì thế mà Gandhi cho rằng *Tánh Không - Chân như là một tên gọi khác của danh từ Thượng đế trong Phật giáo (?)* bởi Thượng đế cũng chỉ là một cách hình tượng hóa khái niệm siêu hình chân như tuyệt đối mà thôi. Suốt khóa học, tôi có ý khuyến khích và chờ đợi nhưng chưa được gặp học viên nào bác bỏ được nghĩa *Tánh Không và lý Duyên khởi*.

Thường thức đạo Phật

Lớp học trở nên đông vui trong nửa khóa sau. Chỉ có sự khác biệt về ngôn ngữ là chướng ngại lớn nhất. Tiếng, chữ bị hiểu lầm nhiều nhất là “Không” khi dịch ra tiếng Anh và ngay cả trong tiếng Việt. Giữa lúc nhiều ý kiến sôi động cho rằng “Không”, Tánh Không trong đạo Phật có nghĩa là: Chẳng có gì cả (nothingness), trống rỗng (emptiness), vắng vẻ (vacancy), không hiện hữu (non-existence), có mà không (voidness)... tôi mời một nữ học viên người Nhật tương đối năng nổ nhất nhóm có cái tên họ xe hơi nổi tiếng mà hầu như cả thế giới đều biết, Vivian Honda, lên cái bục đứng trước phòng học. Tôi chỉ vào cái đồng hồ chị đang đeo trên tay và hỏi: “Cái đồng hồ này giá mấy?”. Honda trả lời: “Một trăm đô”. Tôi rút tập chỉ phiếu trong túi ra và viết lên tấm check trả 100 đô la rồi đưa cho Honda. Chị trả lời: “Không, tôi không có ý định bán nó”. Tôi cầm lại tấm check viết một chữ “VOID” đậm và lớn lên đó rồi đưa lên cho cả lớp, giải thích: “Đây là một ví dụ tuy không chính xác nhưng tạm giải nghĩa về khái niệm ‘Không’ của đạo Phật. Tấm check này ‘có’ qua hình tướng nhưng thực sự nội dung là ‘không’. Do nhiều duyên kết hợp mà có tấm check này. Và cũng do duyên khởi mà nó mang nội dung có giá trị 100 đô vì tôi muốn mua cái đồng hồ của Vivian. Nhưng khi duyên không hợp vì Vivian không muốn bán cái đồng hồ cho tôi nên tôi đã hủy tấm check bằng cách viết chữ ‘void’ lên đó thì duyên tan. Bây giờ tấm check có đó mà lại hoàn không như khi chúng ta chưa bao giờ thấy nó.” Lớp học ầm lên và vui hơn vì một chút phương thức tâm lý ứng dụng được đưa vào. Tuy chẳng ai nghĩ đó là chính xác và hay nhất nhưng mọi người đều đồng ý tạm chọn chữ “voidness” để dịch cho “tánh không”.

Học viên Vivian Honda đã chia sẻ với mọi người rằng, chị ấy sinh ở Nhật. Gia đình theo Thần đạo (Shinto) và Phật giáo. Thần đạo chỉ là truyền thống tinh thần yêu nước rất mạnh mẽ của người Nhật; nhưng Phật giáo mới là nguồn suối tâm linh un đúc tinh thần Nhật Bản qua nhiều thế hệ, từ thế kỷ thứ sáu. Honda cho rằng, người Nhật “thường thức ứng dụng đạo Phật” (enjoy applying Buddhism)

trong cuộc sống hằng ngày để sẵn sàng đương đầu với thiên tai như sóng thần, động đất, núi lửa thường xuyên xảy ra vì hiểu Khổ là tính bản nhiên của thân phận làm người. Đồng thời họ cũng đương đầu với nhân nạn từ chiến tranh, cướp biển, xâm lăng như là Nghiệp quả không ai tránh khỏi. Và có bản lĩnh để hội nhập với cái mới, hưởng niềm vinh quang hay chịu nỗi bất hạnh của cuộc sống như là biểu hiện của Vô thường. Cũng theo Honda, dân Nhật của chị chấp nhận sự lụi tàn của chế độ Lãnh chúa và Quân phiệt Nhật khi quả báo tới và năng nổ vươn lên từ tro tàn của bom nguyên tử, đầu hàng vô điều kiện, chế ngự được hận thù để xây dựng được một nước Nhật được thế giới kính nể như ngày nay.

Ba tuần nữa sau của khóa học, không khí sinh hoạt biến thành một cuộc hội luận thú vị và thân tình về chuyên đề *thường thức sự ứng dụng đạo Phật vào cuộc sống*.

Khái niệm “thường thức” (entertain) bao gồm hai mặt: Cho và nhận. Cho người khác sự thú vị về cái hay, cái đẹp của mình và mình được nhận cái hay, cái đẹp từ người khác. Tác dụng hai chiều này là nét tinh hoa nhất của đạo Phật đối với con người, sinh thể, xã hội và hoàn cảnh. Đạo Phật cứu khổ và đem an lạc đến cho muôn loài thì ngược lại, muôn loài cũng xiển dương và làm cho đạo Phật thăng hoa ngày càng tươi mới.

Có nhiều thái độ và khuynh hướng đến với đạo Phật: Đến với đạo Phật để tìm cầu an lạc. Đến với đạo Phật để báai sám, cầu xin lợi lạc về tinh thần hay vật chất hoặc cả hai. Đến với đạo Phật để học hỏi cho thỏa mãn kiến thức. Đến với đạo Phật để sửa mình. Đến với đạo Phật để mong tìm giác ngộ. Vốn mỗi người là một thế giới riêng tư, nên mỗi cách thể tìm về đạo Phật cũng cũng khác nhau. Tuy nhiên, trong cái chung có cái riêng và ngược lại.

Đi vào lý thuyết kinh điển Phật giáo là đi vào một một khu rừng thăm thẳm danh từ và một biển khơi trùng điệp khái niệm. Muốn gặp nhau, người học Phật cần phải “lạc” từ góc biển đến chân trời mới thấy được nhau toàn vẹn. Từ đó mới có cơ duyên tìm về điểm đích quan trọng nhất là thấy lại được chính mình. Có “lạc” (!) hành giả mới có được sự cô đơn cần thiết, không bám víu và tự khiến mình dính mắc vào hiện tượng đồng phục bầy đàn của tư tưởng và hình tướng. Cần trang bị tấm bản đồ tự tại - tự thấp xuống mà đi - mới thấp sáng được chính mình và thấy được mình là ai. Sau tiếng hống phá mê, trừ vọng vỡ rừng hoang của sư tử chúa sơn lâm là sự im lặng miên mật của rừng thẳm. Thiển tịnh là tập nghe sự im lặng hùng tráng đó. Tập thiền là một trong bảy nẻo đường thiện xảo để thường thức đạo Phật. Tập thiền là sống thiền trong từng hành trạng của đời sống đổ mồ hôi, sôi nước mắt này chứ không phải đi đâu xa hay chỉ chỉ ngồi thiền nhắm mắt trong thiền đường hay rừng thẳm.

Thậm chí, biết khổ để cười cợt với khổ cũng là một cách thường thức đạo Phật. Khổ là cái vốn gốc rễ của con người vừa là từ khi sinh ra cho đến khi chết; mà cũng vừa là từ vô thủy đến vô chung, không có điểm giới hạn trước



sau. Hoa nở rồi tàn, vang vọng rồi yên lặng, mở đầu rồi chấm dứt, hạnh phúc và khổ đau... là chuỗi dài vô tận. Đạo Phật là một trong những phương tiện thiện xảo giúp bớt khổ, cứu khổ, giải khổ, diệt khổ vì biết đối diện với cái khổ hiện hữu dưới muôn nghìn hình tướng. Nhưng nội dung của “khổ” không phải ai cũng như ai, hoàn cảnh nào cũng tương tự hay dân tộc nào cũng giống nhau. Như học viên Thanat Udan, Thái Lan, thì cho rằng anh có cảm tưởng người Thái theo đạo Phật không phải vì muốn diệt khổ, vì dân tộc anh không thấy cái khổ rõ ràng đeo mang cuộc sống. Người Thái xem đạo Phật như một quốc giáo vì nhà vua mà họ hết lòng yêu quý sống và hành xử như một vị đại thiên sư chí tôn. Nên theo Thanat, đạo Phật ở Thái Lan là một đối tượng để tôn thờ và tin kính. Nếu không ai dám nghĩ rằng họ được gặp mặt và đứng thẳng để nói chuyện với nhà vua thì cũng tương tự như thế, đạo Phật là để thờ phụng như thờ vua. Nước Thái Lan xây chùa vàng, tượng ngọc, kết hào quang lưu ly quanh những điện thờ rực rỡ trong cả nước để quỳ dưới chân tượng Phật mà bái kính chứ không phải để thưởng thức đạo Phật theo tinh thần mà Vivian Honda nói về văn hóa Phật giáo Nhật Bản. Trước cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ đến bao nhiêu mà con người chỉ biết tôn sùng và kính sợ, không dám mở hết những khung cửa và góc khuất của tâm hồn để cho thiên nhiên vũ trụ chảy ùa vào thế giới nhỏ bé của chính mình, thì người đó cũng chỉ là một chủ thể lạc loài. Vì yếu ớt chưa dám sống hết mình, chưa hòa điệu trọn vẹn nên chưa khám phá ra mình để hòa nhập với đối cảnh thì làm sao thường thức được tròn đầy sự giao hòa của mình với cảnh vật.

Những buổi học và thảo luận càng về sau, các học viên có nguồn gốc chủng tộc và tinh thần đạo Phật từ Tây Tạng, Tích Lan, Đài Loan, Nam Hàn thường có khuynh hướng hiểu, nhìn và vận dụng lý thuyết đạo Phật theo tinh thần nước họ. Bản thân đạo Phật và Đức Phật cùng các bậc danh tăng luôn nhắc nhở mọi hình thức tu học và pháp môn thầy đều là phương tiện. Nên khi đạo Phật truyền vào nước nào hay môi trường xã hội nào thì sẽ hội nhập uyển chuyển và phát triển hài hòa theo những điều kiện và nhu cầu tâm linh của nơi đó.

Tuy hai phần ba học viên trong khóa tự nhận mình là Vô thần (Atheist), nhưng có vẻ như những người “vô thần” đó lại đón nhận, suy niệm và ứng dụng tinh thần đạo Phật thông thoáng và khoan hòa hơn những người ngoan đạo “hữu thần”. Cách họ tiếp nhận tư tưởng mới dễ dàng và trơn tru như đổ nước vào một cái bình trống, sẵn sàng dung chứa những gì chưa có và cần có.

Sự phản kháng của bấp thịt khó mà dễ vì ai cũng thấy được để đối trị; nhưng sự phản kháng của tâm linh, tinh thần tuy không ồn ào vung tay, giơ nắm đấm nhưng lại rất khó phản ứng chống đỡ vì nó như một cái bình đầy nước, rót thêm sẽ lặng lẽ tràn be.

Buổi liên hoan trà xanh và bánh ngọt chia tay, anh Choden Jampa, người Tây Tạng sinh tại Mỹ đọc lại mấy vần thơ Thiên “như thị” (thế à, vậy đó, thế thôi), đại khái xoay quanh chủ đề:

*Xuân sang hoa nở
Hạ đến chim ca
Thu về trăng tỏ
Đông lại tuyết sa.*

Tự nhiên như thế đó thì cái bình tâm thức mới khỏi tràn đầy.

Sau một cuộc hành trình tinh thần và tâm linh nhỏ dầm bảy tuần, điểm thành tựu mà ai cũng thấy rõ và chung vui là người tìm hiểu và học hỏi đạo Phật không xốc nổi xin quy y, thọ giới đông đảo hơn hay lý thuyết nhà Phật “kéo chân” được nhiều người hơn. Nhưng họ cảm thấy gần gũi hơn với một tôn giáo có dòng lịch sử lâu dài mà không bị lụi tàn; ngược lại, cả hai thế giới Đông và Tây đều nhiệt tình đón nhận hay ít nhất cũng cảm thấy an tâm và gần gũi hơn với tinh thần Phật giáo đang nở hoa trong chính mình.

Chiến tranh, kinh tế, chính trị, xã hội khi được hưng thịnh hay bị khủng hoảng, suy tàn thường kéo theo sự phát huy hay thoái trào của tôn giáo. Đạo Phật không là một ngoại lệ về sự thịnh suy của nhân sinh. Nhưng Phật giáo có một dòng sinh mệnh riêng. Những định kiến cho rằng Phật giáo là một tôn giáo, là một triết lý, là một hệ thống giáo dục, là một lời khuyên nhân bản ở hiền gặp lành gieo gió gặt bão, là một con đường giải thoát, là chẳng gì cả... đúng trơ vơ và riêng biệt giữa cuộc đời này là tự kiêu đá tảng chắn lối con đường dài vô tận. Tất cả đều đúng và tất cả cũng đều chưa đúng vì chẳng có cái mũ nào đúng tâm; chẳng có chiếc áo nào vừa vặn cho một hạt bụi, cho một hư không, cho một thiên hà vũ trụ. Mỗi đời người cho dầu sống hết trăm năm thì cũng chỉ có một khoảng thời gian giới hạn được sống tròn đầy với cuộc sống tâm linh bay cao, vui với niềm vui tinh thần thông thoáng.

Và, lời nhắc gợi ý chân tình của quý thân hữu trong khóa *Tâm lý Tôn giáo Ứng dụng* lúc chia tay ai về nhà nấy là: Đừng cột buộc chân trời bao la của nhà Phật vào giới hạn nào cả, mà hãy mở rộng những cánh cửa của đời mình để hòa vui mà thường thức khu vườn ngàn hoa của đạo Phật. ■



Bí Truyền Kinh Vương

THÍCH NHƯ ĐIỀN

Nhân một lần sinh nhật của tôi, một Phật tử Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ, gửi tặng cho tôi một bộ kinh *Kim Cang* rất quý, có xuất xứ từ đời nhà Thanh (Trung Hoa) và chính do vua Khang Hi (1666-1722) viết, được phục chế lại. Quả là một món quà vô giá.

Ngoài hộp bằng da cũ kỹ có ba dòng chữ. Đó là: *Hoàng Thất Bí Truyền Kinh Vương*, nghĩa là, *Vua trong các kinh được giữ bí mật tại Hoàng cung*. Sau đó là những chữ lớn: *Bát Nhã Ba La Bí Truyền Kim Cang Kinh*; và phía tay trái của hộp đựng kinh có bốn chữ: *Khang Hi ngự thơ* và có đóng những dấu triện bằng son đỏ của Hoàng triều.

Lật vào bên trong hộp, đọc được những dòng chữ này: “Nguyên đồng niệm Phật nhơn, tận sanh Cực lạc quốc, Nam-mô A-di-đà Phật, kiến Phật liễu sanh tử, như Phật độ nhứt thiết.

Tặng kinh vân: Niệm thử Phật giả, hiện thể tiêu tai bảo thọ, thử Phật hữu đại thế nguyên vân: Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, chí tâm tín nhạo, dục sanh ngã quốc, thập thính niệm ngã danh hiệu, nhi bất sanh giả, ngã bất tác Phật. Như mỗi triều, hợp chuông hướng Tây, chí thành niệm Phật thập thính, niệm thượng tứ cú kệ nhứt biến, Tây phương thất bảo trì, sanh liên hoa nhất đoá, tha nhứt ư kỳ trung thác sanh, y thực tùy ý hóa thành, trường sanh bất tử”.

Khang Hi ngự thơ

Xin tạm dịch ra tiếng Việt như sau:

“Nguyên cùng người niệm Phật, vãng sanh nước Cực lạc. Nam-mô A-di-đà Phật. Thấy Phật rõ sanh tử, như Phật độ tất cả.

Kinh dạy rằng: Người niệm Phật nầy, hiện đời tiêu tai sống lâu. Phật nầy có thế nguyện rằng: Khi ta thành Phật, mười phương chúng sanh, chí tâm vui tin, muốn sanh nước ta, niệm mười tiếng danh hiệu ta, mà chẳng sanh được, ta chẳng thành Phật. Như mỗi sáng chấp tay hướng về Tây chí thành niệm Phật mười tiếng, niệm bốn câu kệ trên một lần, ở nơi Ao Báu tại Tây phương, sanh một đoá hoa sen. Ngày kia khi thác sanh, về nơi đây. Áo quần, ăn uống tùy ý hóa thành, sống hoài chẳng chết”.

Khang Hi ngự thơ

Có thể tin đó là lời của nhà vua phát nguyện trước khi trì kinh *Kim Cang* và nhà vua cũng xác quyết một trong 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà là như thế.

Không biết là vua hay vị đại thần nào đó viết chữ, chữ kinh rất sắc sảo trên nan tre được trau chuốt rất tinh vi và phía sau được khâu dính vào với lụa nguyên thủy. Đồng thời hai bên đầu và chân của mỗi trang đều có vẽ truyện ngài Huyền Trang đi thỉnh kinh bằng sơn đỏ. Cuối kinh chỉ viết: “Đại Thanh Hoàng thất Kinh thơ Tạng phẩm” rồi đóng ba con dấu đỏ thật lớn. Dấu thứ nhất “Khang Hi ngự thơ”. Dấu thứ hai “Ngự thơ phòng tạng” và dấu thứ ba “Hoàng thất Ích dân Tạng thơ”.

Quả thật là tôi đã được một báu vật không có ý đợi chờ. Vì vị Phật tử ấy nghĩ rằng ở trên núi đồi Đa Bảo tại Úc, mỗi tối khi nhập thất, tôi đều trì tụng kinh nầy. Do vậy mà gửi tặng. Đó là sự chân thành. Ngoài ra có lẽ vị ấy do không biết chữ Hán, nên nghĩ rằng trao về tôi đọc cũng như trì tụng thì ích lợi hơn. Vì vậy mà bản kinh ấy hiện được tôn trí tại chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc.

Kinh nầy được chia ra làm 32 đoạn và mỗi đoạn có một tiêu đề, giới thiệu tổng quát về nội dung của đoạn đó. Nơi đây tôi chỉ lược qua chứ không đi vào chi tiết.

Đoạn một nói về nguyên do của Pháp hội là sau khi Đức Thế Tôn vào thành Xá-vệ để khát thực, sau đó về lại vườn của Trưởng giả Cấp Cô Độc dùng trưa và sau khi rửa chân xong, liền ngồi đó.

Đoạn thứ hai nói ngài Thiện Hiện tức là Tu-bồ-đề khai thỉnh Đức Phật rằng: Ngài đã phó chúc cho các Bồ-tát khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà làm thế nào để trụ và làm thế nào để hàng phục được tâm nầy?

Đến đoạn thứ ba nói về phần chính của sự phát tâm Đại thừa. Có nhiều loại chúng sanh đã vào Vô dư Niết-bàn; nhưng thật ra chẳng có chúng sanh nào vào Niết-bàn cả. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát mà có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải là Bồ-tát.

Đoạn thứ tư nói về “diệu hạnh vô trụ”. Ở nơi pháp mà không trụ để bố thí, ấy gọi là không trụ vào tướng. Còn nếu trụ vào tướng để bố thí thì phước đức chẳng có.

Đoạn thứ năm nói về lý như thật khi nhận thấy sự việc. Phàm tất cả cái gì có hình tướng đều là hư vọng. Nếu xem các tướng mà không phải tướng, thì mới thấy được Như Lai.

Đoạn thứ sáu nói về sự chánh tín hy hữu. Sau 500 năm Đức Phật diệt độ mà có người hay trì tụng kinh nầy và có tín tâm thì đối với kẻ đó không phải chỉ trong

một đời Phật mà ở trong đời nhiều vị Phật đã trồng căn lành, thì phải biết rằng kẻ ấy phước đức nhiều lắm. Vì vậy cho nên đừng chấp vào pháp mà cũng đừng chấp vào phi pháp. Vì lẽ ấy mà Đức Phật thường hay nói với các Tỷ-kheo rằng: “Sự thuyết pháp của ta cũng như chiếc bè. Chánh pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp”.

Đoạn thứ bảy “chẳng được, chẳng nói”. Chỗ này ngài Tu-bồ-đề hiểu rằng Phật đã dạy chẳng có pháp nào là nhứt định cả và chẳng có pháp nào để chứng đắc. Vì tất cả các vị hiền thánh đều từ pháp vô vi mà có chỗ sai biệt.

Đoạn thứ tám nói về việc “y cứ vào pháp để sanh”. Nếu kẻ dùng của cải quý báu để bố thí thì phước nầy dầu có, nhưng không bằng kẻ thọ trì kinh nầy cho đến đọc tụng bốn câu kệ. Vì lẽ tất cả chư Phật đều từ kinh nầy mà ra. Cho nên nói là Phật pháp mà cũng chẳng phải là Phật pháp.

Đoạn thứ chín nói về “một tướng và vô tướng”. Bốn quả Thánh tuy có chứng đắc, nhưng thật ra chẳng có vì trong ấy không có kẻ chứng đắc và quả vị để chứng đắc.

Đoạn thứ mười nói về “Trang nghiêm Tịnh độ”. Chính đoạn thứ mười nầy rất quan trọng và ngài Huệ Năng đã ngộ được chân lý của *Kim Cang* ở nơi nầy: “*Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”. Nghĩa là “Chẳng nên trụ vào hình tướng để sanh tâm, chẳng nên trụ vào âm thanh, mùi, vị, sự va chạm và các pháp để sanh tâm, mà nên ở vào chỗ không trụ để sanh tâm”. Chỗ không trụ là chỗ không chấp trước; chỗ không trụ là chỗ không đến, không đi, không còn, không mất...

Đoạn thứ 11 nói về cái phước của vô vi là hơn cả. Kẻ dùng của bố thí như cát của sông Hằng, tuy rằng phước nhiều đấy, nhưng vẫn không bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ ở nơi kinh nầy cho đến thọ trì bốn câu kệ thôi, là phước nầy hơn phước bố thí kia rất nhiều.

Đoạn thứ 12 nói về việc “tôn trọng chánh giáo”. Kẻ nào mà trì tụng cho đến bốn câu kệ của kinh nầy thì nơi đó tất cả thế gian, trời, người, a-tu-la đều cúng dường như tháp miếu của Phật; huống gì là có kẻ hay thọ trì đọc tụng. Chỗ nào có kinh nầy, như là có Phật tại đó. Nếu là Phật tử thì nên tôn trọng.

Đoạn thứ 13 nói về sự “thọ trì như pháp”. Kinh nầy được gọi là kinh *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* và Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề rằng: Có thể dùng 32 tướng để thấy Như Lai chăng? thì ngài Tu-bồ-đề trả lời rằng: Không thể.

Đoạn thứ 14 nói về “Lìa tướng tịch diệt”. Ngài Tu-bồ-đề xưng tán kinh nầy và còn nói rằng việc tin hiểu thọ trì thật khó, sau 500 năm nếu có người nghe kinh nầy mà tin tưởng, giải nghĩa, rồi thọ trì thì phải biết rằng khó có lắm. Vì lẽ kẻ ấy là kẻ không có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sanh và chẳng có tướng thọ giả. Vì tất cả đều chẳng có tướng. Vì lìa tất cả tướng là chư Phật vậy.

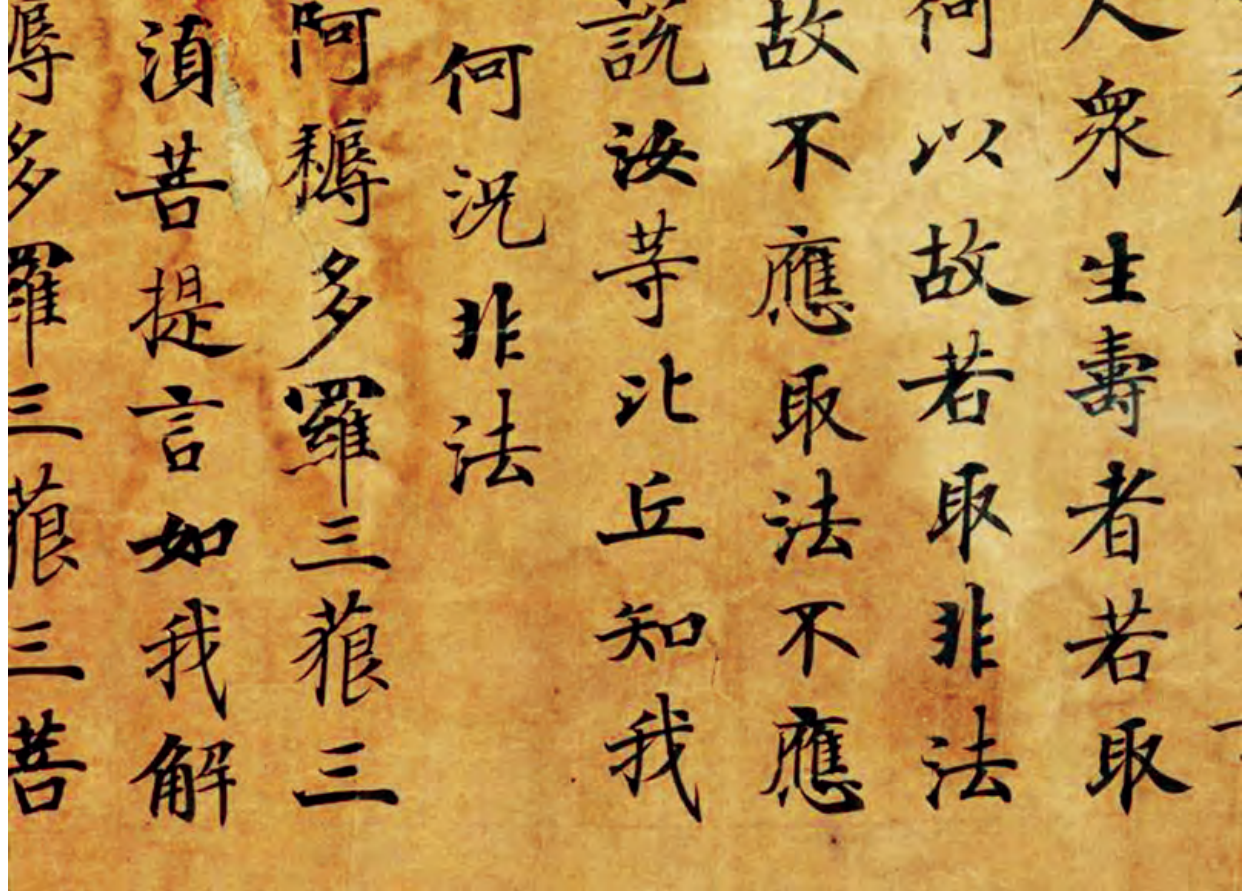
Ở đây có thuật lại chuyện ngày xưa ngài đã vì vua Ca-lợi mà cắt hết thân thể. Khi cắt như thế thì không

có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sanh và chẳng có tướng thọ giả. Vì lẽ nếu trụ vào tướng thì sẽ bị sân hận. Vì khi làm tiên nhơn nhần nhục ở 500 đời trước cũng chẳng trụ vào những tướng nầy. Do vậy muốn chứng quả Vô thượng Bồ-đề phải lìa hết tất cả tướng.

Đoạn thứ 15 nói về Công đức của việc trì kinh. Nếu có kẻ nào từ sáng, trưa, tối mỗi ngày ba lần như thế đem của cải hoặc thân nầy để bố thí nhiều như cát sông Hằng trong trăm ngàn kiếp mà khi nghe kinh nầy có tín tâm chẳng nghịch thì phước nầy nhiều hơn phước kia; huống gì là biên chép, thọ trì, đọc tụng và vì người khác giải nói. Nói tóm lại là kinh nầy thật “bất khả tư nghì”.

Đoạn thứ 16 nói về kinh nầy hay làm cho thanh tịnh các nghiệp chướng. Nếu có kẻ nào trì tụng kinh nầy mà có người khinh chê thì phải biết người ấy đời trước đang đọa vào đường ác, nên đời nầy mới thế, mà khi nghe được kinh nầy thì nghiệp đời trước được tiêu diệt và chứng quả. Hoặc khi nghe kinh nầy mà có kẻ hồ nghi, tâm cuồng loạn chẳng tin thì phải biết kinh nầy thật bất khả tư nghì và quả báo cũng lại như thế.





Đoạn thứ 17 nói về Cứu cánh vô ngã. Khi người phát tâm thì phải sanh tâm như thế này: Ta muốn diệt độ tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh diệt độ rồi mà chẳng có một chúng sanh nào thật diệt độ cả. Vì lẽ nếu Bồ-tát còn ngã tướng thì chẳng phải là Bồ-tát. Đức Phật Thích-ca đã chẳng vì chỗ Phật Nhiên Đăng mà được thọ ký cũng như thành Phật. Vì chẳng có pháp nào để được chứng đắc cả. Có người nói Phật chứng quả; nhưng thật ra chẳng có quả nào để Phật chứng cả. Ở đây chẳng thật chẳng hư. Cho nên Phật đã nói rằng: Tất cả pháp đều là Phật Pháp.

Đoạn thứ 18 nói về Nhứt thể đồng quán. Phật hỏi Tu-bồ-đề về nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn để biết rằng có tất cả những cái có ấy trong tổng thể như cát sông Hằng; nhưng Như Lai nói các tâm đều chẳng phải là tâm, thì ấy mới gọi là tâm. Vì lẽ quá khứ tâm đã chẳng được, hiện tại tâm chẳng thể được và vị lai tâm cũng chẳng thể được. Sở dĩ như vậy, vì lẽ không có cái gì là thực tướng cả, mà ngay cả tâm này cũng luôn luôn thay đổi.

Đoạn thứ 19 nói về sự lưu thông của Pháp giới. Đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề rằng có người dùng của quý báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì người này với nhân duyên ấy, phước đức có nhiều chăng? Ngài Tu-bồ-đề trả lời rằng: Rất nhiều. Nhưng Phật bảo rằng: Nếu phước đức mà thật có thì chẳng nói là phước đức nhiều mà chẳng có phước đức thì đó mới được phước đức nhiều.

Đoạn thứ 20 nói về Lìa sắc, lìa tướng. Phật có thể dùng cụ túc sắc thân để thấy chăng? Chắc là không. Vì Như Lai bảo: Cụ túc sắc thân tức chẳng phải là cụ túc thì đó mới là cụ túc, mà các tướng cụ túc chẳng phải là cụ túc thì đó mới là tướng cụ túc.

Đoạn thứ 21 nói về Chẳng nói mà nói. Người cũng đừng bảo rằng ta đang thuyết pháp. Nếu có ai đó bảo ta đang thuyết pháp, tức là hủy báng ta. Vì sao vậy? Vì thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào có thể nói cả, thì đó gọi là thuyết pháp.

Đoạn thứ 22 nói về Chẳng có pháp nào để đắc cả. Ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật là Ngài đã chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề và được chỗ vô vi chăng? Phật bảo rằng: Như thế như thế. Vì lẽ chẳng có pháp nào để được, nên gọi là được.

Đoạn thứ 23 nói về Tịnh tâm hành thiện. Pháp này bình đẳng chẳng có cao thấp nên gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả, tu tất cả pháp lành tức chứng được quả giải thoát.

Đoạn thứ 24 nói về Chẳng sánh với phước trí. Ở đây xác định một lần nữa rằng trong tam thiên đại thiên thế giới nếu người giàu có, của chất như núi Tu-di bằng bảy báu mà đem bố thí thì người này so với người thọ trì, đọc tụng và giải nói cho người khác bốn câu kệ của Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì phước đức của người trước chẳng bằng một phần trăm và trăm ngàn vạn ức phần cho đến tính đếm thí dụ cũng chẳng bằng người sau.

Đoạn thứ 25 nói về Hóa vô sở hóa. Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề rằng có phải Phật đang độ chúng sanh không? Ngài Tu-bồ-đề trả lời rằng: Thật ra chẳng có chúng sanh nào để độ cả. Nếu mà Như Lai còn có chúng sanh để độ thì Như Lai còn ngã, chúng sanh, thọ giả. Nếu có ngã tức còn phàm phu mà phàm phu tức chẳng phải phàm phu thì ấy mới là phàm phu.

Đoạn thứ 26 nói về Pháp thân phi tướng. Đoạn này có kệ:

*Nếu dùng hình sắc để thấy Ta
Dùng âm thanh để cầu Ta
Người nầy hành tà đạo
Chẳng thể thấy Như Lai.*

Nếu dùng hình tướng và âm thanh để cầu thì đó không phải là thật tướng. Vì thật tướng chẳng thấy thì làm sao dùng cái đối đãi để cầu cái không có đối đãi được.

Đoạn thứ 27 nói về Chưởng đoạn chẳng diệt. Nếu kẻ phát tâm Bồ-đề để chứng quả giải thoát thì phải nói rằng các pháp chẳng đoạn mà cũng chẳng diệt.

Đoạn thứ 28 nói về Chưởng thọ, chẳng tham. Ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật rằng: Tại sao Bồ-tát chẳng thọ phước đức? Đức Phật trả lời rằng: Tuy Bồ-tát có tạo phước đức; nhưng không tham trước nơi phước đức; nên nói là chẳng thọ phước đức.

Đoạn thứ 29 nói về Uy nghi tịch tĩnh. Nếu có người bảo Như Lai, đến, đi, ngồi, nằm thì người ấy chẳng hiểu rõ nghĩa của Như Lai nói. Vì sao vậy? Vì Như Lai có nghĩa là: Chẳng từ đâu đến, lại chẳng đi về đâu. Cho nên nói là Như Lai.

Đoạn thứ 30 nói về Lý của một hợp tướng. Trong tam thiên đại thiên thế giới gồm nhiều vi trần, nhưng thật ra chẳng có thế giới nào cả, nên mới gọi là thế giới. Vì lẽ nếu thế giới thật có tức là một hợp tướng, mà hợp tướng tức chẳng phải hợp tướng thì đó gọi là một hợp tướng.

Đoạn thứ 31 nói về Tri kiến bất sanh. Nếu có kẻ nào đó nói Như Lai nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức chẳng hiểu rõ Như Lai. Vì Như Lai nói những loại nầy chẳng thực tướng, nên nó có tên là như thế. Các pháp cứ như thế mà biết, chẳng sanh, chẳng diệt. Cho nên nói pháp tướng tức phi pháp tướng. Ấy chính là pháp tướng.

Đoạn thứ 32 nói về Ứng hóa phi chơn. Kẻ nào dùng của bố thí trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới bằng bảy của báu và đối với người phát tâm thọ trì kinh nầy cho đến bốn câu kệ hoặc đọc tụng và vì người khác diễn nói thì phước nầy hơn phước kia rất nhiều.

*Tất cả các pháp hữu vi
Như mộng huyễn bào ảnh
Như sương mai, điện chớp
Nên quán theo như vậy.*

Rõ ràng là mọi pháp hữu vi trên thế gian nầy đều không thật tướng. Nó như mộng, như huyễn, như bọt nước. Có đó rồi mất đó. Nó giống như giọt sương ban mai trông rất đẹp mắt; nhưng khi ánh thái dương đến thì tan đi. Điện chớp cũng thế, lúc có lúc không; không hiện hữu. Do vậy mà người tu theo pháp Bát-nhã phải thấy rằng: Tất cả những cái gì còn đối đãi là còn bị vô thường chi phối. Cái nào còn sanh diệt, tức cái ấy không có thật tướng.

Sau khi nghe Đức Phật nói kinh *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa* rồi thì Trưởng lão Tu-bồ-đề, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng tất cả trời, người,

a-tu-la nghe Phật nói đều hoan hỷ tin thọ và hành trì.

Quả thật những ai đã hữu duyên khi Phật còn tại thế mà trực tiếp nghe được kinh nầy và liễu ngộ được cái không để chứng đắc, và Phật còn nhắc nhở rằng nếu sau 500 năm Phật nhập diệt rồi mà còn có kẻ đọc tụng, giải nói, thọ trì thì quả rằng kẻ ấy còn có phước đức rất nhiều. Nhiều hơn cả những kẻ đem vàng bạc của báu nhiều như núi Tu-di, để đem đi bố thí trong suốt bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp trong tam thiên đại thiên thế giới nầy.

Chúng ta ngày nay sinh ra trong thời kỳ mạt pháp nầy, cách Phật rất xa, đã hơn 2.500 năm lịch sử rồi, nhưng nay có cơ duyên đọc tụng kinh nầy, mà còn nói cho người khác cùng hiểu nữa thì quả thật trong vô lượng vô biên kiếp về trước, chúng ta đã có nhân duyên với chư Phật và chư vị Bồ-tát rồi.

Mặc dầu ở thế kỷ thứ IV sau Thiên Chúa, ngài Huệ Viễn, sáng Tổ của Tịnh Độ tông Trung Hoa có viết quyển *"Sa-môn Bất kinh Vương giả luận"*, tức là quyển luận nói về việc các bậc tu hành không quỳ lạy vua chúa và thuở ấy đã có nhiều sự bàn cãi tranh luận, nhưng mãi về sau nầy những ông vua Phật tử của Trung Hoa như Đường Thái Tông, Thuận Trị, Khang Hi... vẫn một mực tôn thờ Phật giáo và đã có nhiều lần Phật giáo là quốc giáo nơi đất nước hơn một tỷ dân nầy.

Bây giờ Phật giáo tại Trung Hoa không còn thịnh hành như ngày xưa nữa. Ấu đó cũng do vô thường biến đổi; nhưng không vì thế mà Phật giáo bị mất đi vị thế của mình. Dầu biết rằng tất cả cũng chỉ là không và cái không ấy Vạn Hạnh thiền sư, bậc Thầy của Lý Công Uẩn tức Lý Thái Tổ đã để lại bài kệ rằng:

*Thân như bóng xế chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.*

Đó là một bài văn dịch tuyệt vời ra tiếng Việt của cố Hòa thượng Thích Mật Thể. Còn nguyên văn chữ Hán như thế nầy:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Cái Không ấy theo tinh thần *Kim Cang Bát-nhã*, Vạn Hạnh thiền sư đã liễu triệt vào đầu thế kỷ thứ XI và mãi đến thế kỷ thứ XVII triều nhà Thanh, vua Khang Hi ở Trung Hoa lập lại cũng không ngoài cái Không ấy và bây giờ chúng ta ở chốn trời Tây nầy nói và hiểu cái Không của Bát-nhã của Kim Cang cũng là cái Không vô tướng ấy.

Xin hồi hướng tất cả những phước báu có được cho những ai khi đọc qua bài lược giải nầy và nguyện rằng tất cả nên trụ vào chỗ không trụ ấy để thành tựu trí Bát-nhã. ■



NGUYỄN CÂN

Tổng kết một năm trôi qua với bao nhiêu điều chúng ta đã nói, vẫn còn nói và có lẽ tiếp tục nói vì còn đó bao nhiêu vấn đề ngổn ngang trong một mùa đông rất lạnh, thậm chí sa mạc còn có tuyết nhưng lòng người vẫn cứ “nóng” vì những bức xúc chung và riêng. Hãy cùng đọc lại những gì đã viết, nhìn lại một lần trong lúc chào năm mới.

Mùa xuân quá vội

Mượn lời một bài hát của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn “Chiếc lá thu phai” để diễn tả cảm giác chung là hình như năm nay mùa xuân “tâm lý” đến dường như nhanh hơn sự mong đợi của nhiều người. Nhìn ra bên ngoài, chiến tranh vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới. Cả Hoa Kỳ, và sau này là Nga cùng với Thổ Nhĩ Kỳ... cũng không khống chế được IS (Tổ chức Nhà nước Hồi giáo), dù đó đây người ta vẫn khoe chiến công ở Mosul (Iraq) hay Aleppo (Syria); nhưng không sao thu xếp được một lệnh ngừng bắn để cho người dân Iraq và Syria có thể đón Giáng sinh và Năm mới! Tình hình khủng bố vẫn liên tiếp xảy ra, sau Paris là vụ tấn công sân bay ở Brussels (Bỉ), vụ tấn công và bắt cóc con tin tại thủ đô

Dhaka (Bangladesh), những vụ đánh bom đẫm máu tại Iraq làm hàng trăm người chết; vụ đánh bom tại sân bay lớn nhất Thổ Nhĩ Kỳ ở thành phố Istanbul mới đây cướp đi sinh mạng của vài chục người... Gần đây là vụ ám sát Đại sứ Nga tại Thổ Nhĩ Kỳ. Còn ở Đức là vụ một chiếc xe tải đã lao vào đám đông thăm hội chợ Giáng sinh, gây thương vong cho mấy chục con người.

Chúng ta biết cuộc nội chiến kéo dài đã cướp đi sinh mạng của hàng trăm ngàn người, hàng triệu người bị thương và rất nhiều người Syria phải rời bỏ quê hương đi tìm vùng đất mới an toàn hơn. Họ là những người tị nạn đáng thương, nhiều người phải bỏ mình trên Địa Trung Hải khi cố gắng vượt biển để đến châu Âu. Trong khi đó, những siêu cường trên thế giới vẫn bất đồng chính kiến trong việc tìm giải pháp, và họ vẫn không thể có tiếng nói chung được, và nhân loại chẳng biết đến bao giờ mới đồng thuận được? Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc khóa 65 đã lên tiếng kêu gọi các quốc gia tăng cường hợp lực, cùng nhau đối phó những thách thức đối với loài người. Hiện nay, nhu cầu quản trị toàn cầu cần được tăng cường để đối phó với những thách thức của thế kỷ mới, trong đó có tình trạng biến đổi khí hậu,

hoạt động tội phạm có tổ chức, chủ nghĩa khủng bố và những vấn đề liên quan tới dòng người nhập cư vì nhiều lý do. Nguy cơ các tổ chức khủng bố sở hữu nguyên liệu hạt nhân đang đặt thế giới trước nhiệm vụ khẩn cấp mới trong chương trình an ninh hạt nhân toàn cầu.

Thế giới thì đã vậy, còn trong nước thì tình trạng sử dụng bạo lực trong đời sống cũng không hề giảm: ngày nào cũng có chết người vì đâm chém, cướp giật, thậm chí cả gia đình bị giết hại. Về tai nạn giao thông thì ngày nào cũng có ba bốn chục người chết. Năm nay còn đáng buồn hơn khi thiên tai và cả “nhân tai” thủy điện đang hoành hành miền Nam Trung Bộ sau tai họa thảm khốc Formosa và lũ ở Bắc Trung Bộ. Theo thống kê tạm, đã có 235 người chết, thiệt hại ước tính sơ bộ hơn 37.000 tỉ đồng! Gắn Tết, giá xăng dầu tăng vọt gây nên sự tăng giá các mặt hàng khác. Việc không liên thông giữa giá xăng dầu trong nước và thế giới (cũng như nhiều mặt hàng thiết yếu khác như thuốc tây, sữa, điện...) bị nhiều nhà kinh tế phê phán là do “những nhóm độc quyền” làm giá. Tình trạng thực phẩm ô nhiễm chưa được quản lý tốt cũng ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Nhiều vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra. Hàng lậu, hàng hư hỏng, hàng Trung Quốc độc hại trôi nổi tràn ngập thị trường. Và còn bao nhiêu điều nữa... Mùa xuân vẫn cứ đến và chúng ta phải viết nên một dự phóng cho năm Đinh Dậu với nhiều hy vọng và tin tưởng.

Về thu xếp lại

Thử nghĩ xem nếu phải bắt đầu chúng ta phải làm gì trong năm mới?

a. *Cải cách thể chế*: Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trong Hội nghị toàn quốc công tác Tư pháp cuối tháng 12 kêu gọi “Phải cải cách ‘thể chế, thể chế và thể chế’”. Ông cũng thẳng thắn chỉ ra rằng công tác xây dựng pháp luật có tiến bộ nhưng còn nhiều hạn chế, chất lượng còn thấp, thiếu ổn định, nên thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung. Việc lập chương trình xây dựng pháp luật chưa hiệu quả cao, có tình trạng thường xuyên xin lùi, xin rút. Khi đề xuất làm luật, chưa xác định được nội hàm văn bản, gây khó khăn cho quá trình soạn thảo. Chưa kể tình trạng “cài cắm” lợi ích nhóm, địa phương, cục bộ vào các văn bản pháp luật.

Nhưng cải cách thể chế có phải là thần chú giải quyết mọi bế tắc hiện nay không? Chúng tôi đã từng viết: “Tất nhiên, ra nhiều luật mới như luật đầu tư công hay đề ra cơ chế mới nhưng hiệu quả bao nhiêu là do chúng ta thực thi đến đâu, chứ còn luật ra không ai làm theo thì cũng bó tay. Nhưng trước hết, những nhà lãnh đạo phải mạnh dạn thay đổi thể chế, giải phóng sức sáng tạo và năng lực toàn dân” (bài “*Những nhiệm vụ cấp bách*”, VHPG số 244 ngày 1 tháng 3 năm 2016). Chúng tôi cũng đã phân tích thể chế ấy trói buộc thế nào đối với người nông dân và nông nghiệp “Thể chế về đất đai là rào cản lớn nhất đối với sự phát triển nông

ng nghiệp, các quy định nghiêm ngặt về đất lúa là sự đối xử không công bằng với nông dân, làm tê liệt thị trường đất nông nghiệp” (bài “*Sứ mệnh của chúng ta: Cây hay Rừng?*”, VHPG số 263 ngày 15 tháng 12 năm 2016) và cả các ngành công nghiệp trong những rào cản vô hình và hữu hình bằng chính sách thuế bất cập: nhập xe rẻ hơn ráp xe trong nước? Thể chế ấy trói buộc doanh nghiệp tư nhân “Nguồn lực quan trọng nhất như đất đai, đầu tư công... vẫn bị nhà nước kiểm soát để cho doanh nghiệp nhà nước làm. Nhà nước đang lạm quyền, độc quyền thị trường, không phân vai rõ ràng xem nhà nước làm gì, thị trường làm gì (bài “*Lời đáp vẫn còn bay trong gió*”, VHPG số 259 ngày 15 tháng 10 năm 2016). Nghĩa là tư duy trong thực chất vẫn chưa thay đổi! Việc cải thiện về thể chế và thay đổi cấu trúc kinh tế về nguyên lý và cả trong thực tiễn cần được ưu tiên hàng đầu. Và dù Luật Doanh nghiệp có quy định về doanh nghiệp xã hội đã được Quốc hội thông qua, nhưng số lượng các doanh nghiệp xã hội được cấp phép đến nay chỉ đếm trên đầu ngón tay trong suốt hơn một năm qua. Trên thực tế, việc cản trở các doanh nghiệp xã hội chỉ là một lát cắt rất nhỏ trong muôn trùng rào cản đang đặt ra với doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Sang lãnh vực giáo dục, Đại hội giáo dục đại học gần đây đã quy trách nhiệm cho thể chế trong việc ràng buộc, không thể có được đại học tư thực phi lợi nhuận như chúng ta thường kêu gọi.

Cựu Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình phát biểu:

“Thực tiễn đã chứng tỏ, so với những chuyển biến về tư duy kinh tế, thì tư duy giáo dục đổi mới một cách chậm chạp, thậm chí có thể nói là trì trệ dẫn đến tình trạng làm nảy sinh những yếu kém, bất cập trên diện rộng như nặng về thi cử, bằng cấp biến nền giáo dục trở thành một hệ thống ứng thí”.

(Hội thảo khoa học 70 năm sư phạm Việt Nam, ngày 21 tháng 12 năm 2016)

Và tai hại hơn, mất định hướng về mục đích và phương pháp giáo dục cần thiết để theo kịp thời đại. Ngoài ra, việc thay đổi thể chế còn nằm ở chỗ thay đổi tinh thần thực hiện. Mọi thể chế chỉ có ý nghĩa khi có thể giải trình được, nâng cao tính trách nhiệm và sự minh bạch.

b. *Song song với việc sửa đổi thể chế là cải cách hành chính*: Chúng ta xây dựng các tòa nhà hàng nghìn tỷ cho các Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố làm việc hay hô hào xây dựng “chính phủ điện tử” mà không cải cách hành chính thì chỉ là bình mới chứa rượu cũ thôi! Người dân và doanh nghiệp đã mất bao nhiêu thời gian kê khai thuế, làm thủ tục thông quan, xin phép xây nhà... khi vây quanh họ là 7.000 giấy phép con các loại! Trong bài “*Vì một xã hội an vui*” (VHPG số 251 ngày 15 tháng 6 năm 2016), chúng tôi đã nhận định: “Một nền hành chính công với đội ngũ công bộc ‘cần kiem liêm chính,

chí công vô tư” như chúng ta hằng mong muốn ngay từ những ngày đầu giành chính quyền năm 1945, những nhà lãnh đạo cũng đã khẳng định “Sống và làm việc theo Hiến pháp”, thậm chí Hồ Chủ tịch gọi là “Thần linh pháp quyền”. Sống theo hiến pháp là hành xử theo luật, không chủ quan “bóp méo” theo hướng có lợi cho mình. Không quan chức nào có thể tự cho mình quyền sinh sát vượt ngoài thẩm quyền được nhà nước và nhân dân giao phó.

Ngoài ra, chính quyền ấy phải có trách nhiệm giải trình mọi thứ rõ ràng. Chúng ta phải công khai mọi việc với nhân dân từ việc xây dựng những công trình phúc lợi dù nhỏ hay lớn, cho đến việc sử dụng ngân sách sao cho lợi ích chung, tập thể luôn ở mức tối ưu. Không thể có những công trình nghìn tỷ làm xong chưa nghiệm thu đã “có vấn đề” hay những nhà máy hàng chục nghìn tỷ xây xong “đắp chiếu” vì không sử dụng được.

c. *Xử lý nợ xấu, nợ công*: Đây chính là cục máu đông trong cơ thể chúng ta, có nguy cơ gây “đột tử” nếu xử lý không tốt. Con số mỗi đầu người nợ hơn 1.200USD chưa đáng ngại bằng con số tạm công bố chưa đầy đủ khoảng ba đến bốn trăm nghìn tỷ nợ xấu của ngân hàng. Nguy cơ chúng ta phải cho một số các ngân hàng phá sản nhưng còn e ngại tâm lý “bầy đàn” của quần chúng và hiệu ứng domino của việc này!

d. *Tình trạng tham nhũng*: Phải “thu xếp”, dọn dẹp tham nhũng trong hệ thống chính quyền vì hiệu quả phòng chống, theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, là còn quá thấp so với kỳ vọng của toàn dân do tình trạng suy thoái, tự chuyển hóa, trong Đảng, trong hàng ngũ cán bộ có chức có quyền hiện nay. Tình trạng tham nhũng quyền lực hay chính sách là nguy hiểm nhất vì nó tác hại lên mọi thành phần, mọi mặt của đời sống. “Nhà nước thường thì bị chi phối bởi văn hóa quyền lực hay quyền thế, theo thứ văn hóa quy trình vì đó là nguồn động năng thúc đẩy con người tôn thờ quy luật quyền lực, từ đó thoái hóa và tha hóa bản thân, nghĩa là lao mình vào cuộc chơi mua quan bán tước khi hiểu ra vai trò của quyền thế và quyền lợi hay cụ thể là tiền tệ. Những nhà lãnh đạo cao nhất của chúng ta đã nhiều lần bức xúc về vấn đề này nhưng phải chăng nó diễn ra quá tinh vi, “theo đúng quy trình” nên không thể “bắt tận tay, day tận mặt” (bài “Văn hóa quyền lực”, VHPG số 264 ngày 1 tháng 1 năm 2017).

Đó cũng là nguyên nhân gián tiếp hoặc trực tiếp dẫn đến tình trạng ô nhiễm không khí, sông rạch ao hồ, hay nạn phá rừng, lấp sông khai thác tài nguyên không kế hoạch ở nhiều nơi. Tình trạng nhiễm độc trong vệ sinh thực phẩm, tình trạng tai nạn giao thông đáng báo động, tình trạng an toàn trong các công trình xây dựng, trong hầm mỏ. Sau cùng là nguy cơ chuyển sang mô hình chính trị một đảng thân hữu. Đó là khi tư pháp không còn duy trì được tính độc lập tương đối và xã hội dân sự không phát triển đủ mạnh để nâng

cao trách nhiệm giải trình cho chính phủ thì mô hình hệ thống chính trị một đảng dễ chuyển sang mô hình tư bản thân hữu, tại đó các chính sách nhà nước đưa ra chỉ phục vụ cho một nhóm nhất định trong xã hội. Đây là trường hợp nước Nga sau khi Liên Xô sụp đổ năm 1991 (bài “Gìn giữ kỷ cương phép nước”, VHPG số 258 ngày 1 tháng 10 năm 2016).

e. *Một xã hội nhân ái, tử tế*: Đây là mục đích đầu tiên và sau cùng của bất cứ một cuộc cách mạng nào, một thể chế nào vì con người là nguyên nhân cũng đồng thời là kết quả của mọi nền văn hóa, và là biểu tượng của một xã hội văn minh.

Tình trạng không tôn trọng luân lý hay luật pháp, sử dụng bạo lực trong hành xử là một vết đen trên bức tranh toàn cảnh xã hội. Chúng ta đã nói nhiều đến tình trạng xuống cấp về văn hóa. Chúng ta nhiều lần nhắc cụ Phan Chu Trinh với câu khẩu hiệu của phong trào Duy Tân “Chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh” từ trăm năm trước và *Mười Điều Bi Ai* cụ dạy mà đến nay có nhiều điều còn nguyên giá trị “Tất cả đều phản ánh thực trạng dân khí suy yếu, lệch lạc trong tư duy, người đi học thì cũng nhiều, nhưng hiểu lẽ đời, phân biệt phải trái thì chẳng có bao nhiêu! Người ta trở nên ích kỷ, bất chấp đạo lý trong đời sống hay kinh doanh, sẵn sàng làm tổn hại người khác để mưu lợi cho mình, nên tự mình đầu độc dân mình qua những thực phẩm độc hại ngày càng nhiều đến mức các cấp lãnh đạo rồi báo chí phải kêu gọi tẩy chay” (bài “Cứu nguy văn hóa”, VHPG số 247 ngày 15 tháng 4 năm 2016). Hay có lần chúng tôi đã đề cập đến điều kiện cần cho một xã hội nhân ái. “Một xã hội chỉ cai trị bằng luật lệ chưa chắc đã hiệu quả bằng một xã hội gồm những con người biết sống trong tập thể, hòa hợp cộng đồng. Tình thương là nền tảng cho sự phát triển và vững bền của một quốc gia. Những hình thức tổ chức xã hội dù được trang bị bằng lý thuyết hay ho, được điều hành bởi những người thông minh hạng nhất thế giới, được dựa vào những dân tộc và lãnh thổ chẳng kém ai, nhưng chỉ vì thiếu cái căn bản là tình thương mà đã bỏ cuộc khỏi đường đua của thế giới” (bài “Sự hiện đại của tình thương”, tác giả Nguyễn Thế Đăng, VHPG số 129 ngày 15 tháng 5 năm 2011)... Kinh tế chỉ đúng ý nghĩa của nó khi quan tâm đến lợi ích của người mua, không gây hại, không lừa mị. Đó là tình thương. Chính trị mà thiếu tình thương thì chỉ là hành chính lạnh lùng, trong khi thiên chức của nó là phục vụ, là phụng sự cộng đồng hướng đến một xã hội an vui (bài “Chờ những cơn mưa”, VHPG số 254 ngày 1 tháng 8 năm 2016). Chúng ta cần đặt lại những giá trị cho xã hội vì: “Trong một xã hội mà các giá trị vật chất được suy tôn, kẻ giàu bắt kể nguồn gốc của tài sản từ đâu đều được trọng vọng, ngưỡng mộ! Nói một cách khác khi mà sự dối trá được đời sống bảo hộ thì văn hóa giáo dục không có cơ hội để thể hiện sức mạnh kiểm soát của mình đối với động cơ hay



hành động của cá nhân con người đang trong khủng hoảng tiêu cực. Ý thức bạo lực lúc đó dễ dàng cấu thành tội ác. Ở đây chúng ta thấy toát lên nguyên lý nhân-quả như một chân lý. Chúng ta đang gặt hái những gì mình gieo trồng trong những năm qua. Một xã hội và một nền giáo dục thiếu vắng lòng từ bi. (bài “*Làm sao thắp sáng tâm hồn*”, *VHPG* số 253 ngày 15 tháng 7 năm 2016). Và ở đây toát lên vai trò của giáo dục không chỉ trong nhà trường mà là cả cộng đồng “... đưa nội dung giáo dục thiết thực về lòng bi mẫn, tinh thần tương trợ vào những nội dung cần sinh hoạt, dạy dỗ. Nếu chung quanh ta là những người tử tế, hòa nhã thì tính chất tương tức, tương sinh sẽ khiến bầu không khí tích cực bao quanh mọi người. Cha mẹ tốt đẹp thì con cái họ cũng sẽ noi theo tấm gương họ vì thân giáo là một trong những phương pháp giáo dục hiệu quả nhất của nhà Phật. Môi trường xã hội sẽ tốt đẹp hơn nếu từng gia đình trở thành những hạt nhân hạnh phúc” (bài “*Chờ những cơn mưa*”, *VHPG* số 254 ngày 1 tháng 8 năm 2016). Chúng ta hiểu Phật dạy rằng lòng từ bi và sự bình yên nội tâm là điều quan trọng vì khi thực hành tâm từ bi, bạn cũng sẽ giúp cho chính bản thân mình. Một khi bạn có được sự bình yên nội tâm thì bạn có thể bắt đầu giúp người khác và khi bạn giúp người khác, bạn tiếp tục làm cho sự bình yên nội tâm của mình mạnh hơn. Việc thực hành tâm từ bi giúp con người quan hệ với nhau tốt hơn. Chúng ta cần nỗ lực để nhìn thấy một thế giới như thực trước khi làm thay đổi chúng. Có rất nhiều nỗi đau trên thế gian này mà chúng ta bỏ qua vì lơ đãng

hay thờ ơ như không biết đến. Một xã hội xây dựng trên nền tảng từ bi là một xã hội nhân ái, văn minh.

Ở đó chúng ta có quyền tự hào khi hát:

Từ nay người biết yêu người

Từ nay người sống cho người.

(*Mùa Xuân Đầu Tiên*, Văn Cao)

Xã hội đó có thể theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo vì như Đức Đạt-lai Lạt-ma từng giảng rằng mặc dầu nhân loại có thể sống mà không cần tôn giáo, nhưng không thể sống mà không có những giá trị bên trong... Đạo đức và các giá trị bên trong không có nội dung tôn giáo giống như nước, là thứ mà chúng ta cần hàng ngày để sống còn và khỏe mạnh. Đạo đức và các giá trị bên trong trong bối cảnh tôn giáo giống như trà... Nhưng dù trà được pha chế thế nào thì thành phần chính vẫn là nước. Trong khi chúng ta có thể sống mà không có trà, chúng ta không thể sống thiếu nước. Tương tự, chúng ta sinh ra không có tôn giáo nhưng chúng ta không sinh ra mà lại không có nhu cầu về lòng từ bi... Tình thương là nền tảng văn hóa cho một xã hội an vui. Đó chính là yếu nghĩa của Phật pháp. Và đó là cái chúng ta đang đánh mất dần hôm nay nên rất cần vun trồng tưới tẩm lại vì vườn hoa hạnh phúc sẽ héo tàn nếu thiếu nụ Từ bi.

Trước thềm xuân mới, hãy chúc nhau dũng cảm trong hành động, tinh tấn trong tư duy và tương tức trong cảm xúc, và rồi trao nhau cảnh nhân ái vì hương công đức sẽ luôn bay ngược gió! ■



Phật giáo và ngôn ngữ

HOANG PHONG

Một cách tổng quát, ngôn ngữ là phương tiện chuyển tải tư tưởng quan trọng nhất. Vậy ngôn ngữ là gì? Đối với Phật giáo ngôn ngữ hay ngôn từ là cách phát lộ ra bên ngoài của tư duy, xúc cảm và tác ý nảy sinh bên trong tâm thức. Thế nhưng cũng theo Phật giáo thì tư duy, xúc cảm, tác ý là những gì tạo ra bởi nghiệp tồn lưu bên trong tâm thức của mỗi cá thể, mỗi khi nó tương tác với các giác cảm phát sinh từ sự tiếp xúc của các giác quan với các đối tượng của chúng thuộc môi trường bên ngoài và được đưa vào tâm thức.

Âm thanh của tiếng nói phát lộ từ tâm thức được con người hệ thống hóa qua dòng lịch sử tiến hóa xã hội, bằng cách dựa vào các quy ước để biến nó trở thành “ngôn ngữ” hay “ngôn từ”, mang các ý nghĩa với ít nhiều mạch lạc. Các cá thể trong xã hội được thừa hưởng các quy ước dưới hình thức ngôn ngữ và ngôn từ là nhờ vào giáo dục và các kinh nghiệm bản thân trong cuộc sống thường nhật. Thí dụ một đứa hài nhi dù chưa biết nói nhưng đã biết khóc, tiếng khóc là cách biểu lộ một sự “bất toại nguyện” nói lên một sự đòi hỏi (thèm muốn/desire) nào đó, chẳng hạn như đói, khát, hoặc sợ hãi khi nghe một tiếng động mạnh. Đói, khát, sợ hãi... là các tác động bản năng nhưng đồng thời cũng phản ánh thật sâu kín nghiệp của đứa hài nhi. Lớn thêm và lúc bắt đầu bập bẹ thì người mẹ dạy nó một số các quy ước đầu tiên: “ba”, “mẹ”, “con mèo”, “cái bàn”..., đó là các sự hiểu biết nhờ vào giáo dục và dựa vào quy ước. Lớn thêm một chút nữa, khi nghe người lớn chửi nhau bằng những lời thô tục, thì nó bắt chước và chửi nhau với các đứa trẻ khác, dù không hiểu hết “nội dung” của những lời ấy là gì. Lớn thêm nữa thì nó mới bắt đầu nhận ra được các “quy ước” trong những lời không đẹp ấy, đó là sự hiểu biết qua kinh nghiệm bản thân.

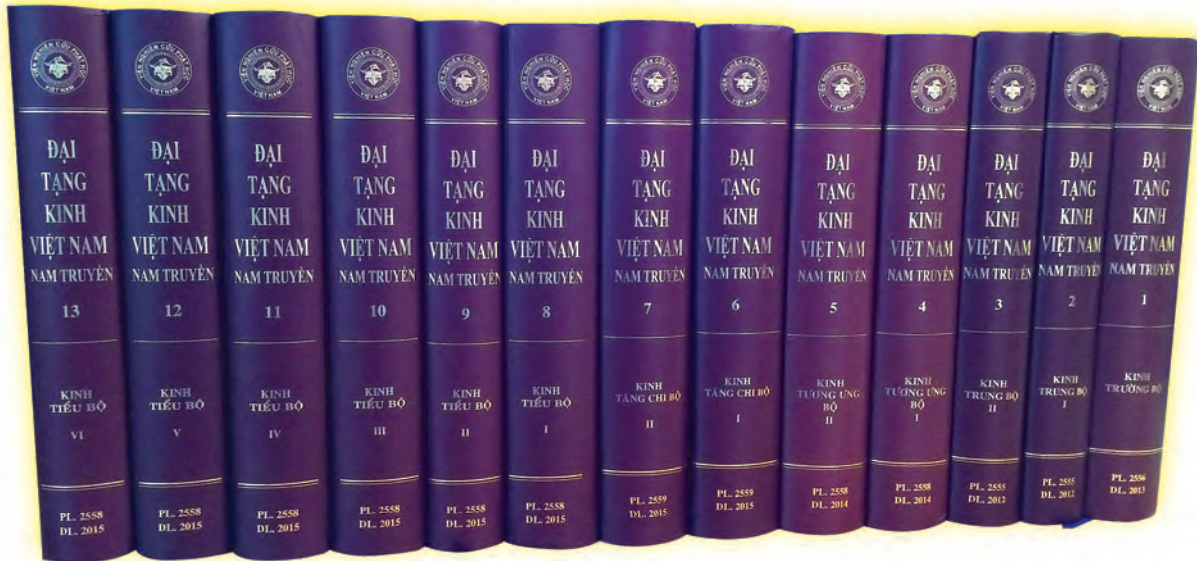
Phật giáo không quan niệm các sự “hiểu biết” dựa vào quy ước và kinh nghiệm bản thân trên đây là những sự hiểu biết đích thật, không phải là hiện thực hay ít nhất cũng không phản ánh trung thực được hiện thực mà chỉ là những gì liên hệ sâu kín với biệt nghiệp của một cá thể và cộng nghiệp của một xã hội hay một dân tộc. Vì thế Phật giáo không chủ trương một ngôn ngữ “chính thức” nào cả, mà chỉ xem ngôn ngữ là một phương tiện chuyển tải tư tưởng dựa vào quy ước, có nghĩa là tự nó không mang một giá trị tuyệt đối nào cả.

Trong khi đó hầu hết các tôn giáo lớn đều chủ trương và bảo vệ một ngôn ngữ thiêng liêng cho tín ngưỡng của mình, chẳng hạn như tiếng La-tinh đối với Ki-tô giáo, tiếng Hê-bơ đối với Do Thái giáo, tiếng Ả-rập trong kinh *Koran* đối với Hồi giáo, v.v. Đối với Phật giáo thì không có một ngôn ngữ nào gọi là thiêng liêng cả, và chủ trương sự hiểu biết đích thật phải vượt lên trên ngôn từ, tức là các quy ước và kinh nghiệm phản ánh biệt nghiệp của mỗi cá thể và cộng nghiệp của xã hội. Đây là một điều vô cùng tinh tế và sâu sắc bởi vì sự hiểu biết này chỉ có thể tiếp cận được bằng thiền định mà thôi.

Kinh sách Phật giáo gọi sự hiểu biết đó là một sự hiểu biết “trực nhận” hay “trực giác” hiện lên qua sự tiếp xúc trực tiếp giữa tâm thức và thực tại. Sở dĩ dài dòng như trên đây là để ý thức rằng đối với Phật giáo không có một ngôn ngữ nào mang tính cách bắt buộc cả, có nghĩa là không bắt buộc phải là tiếng Hán thì mới là Phật giáo, thế nhưng kinh sách Phật giáo bằng tiếng Việt thì lại tràn ngập các thuật ngữ tiếng Hán dịch từ tiếng Phạn từ hàng ngàn năm trước, vừa lỗi thời vừa thiếu chính xác, đôi khi xa lạ với cả tiếng Hán ngày nay. Tiếng Phạn và tiếng Pa-li là các cổ ngữ tức không còn biến đổi nữa, do đó là các quy ước vững chắc nhất để mọi người căn cứ vào đó để hiểu giống nhau. Dẫu sao thì tiếng Phạn cải tiến và tiếng Pa-li cũng chỉ được hình thành sau thời kỳ của Đức Phật, và cũng không phải là các ngôn ngữ chính thức và thiêng liêng theo quan niệm của các tôn giáo khác.

Mỗi nền văn hóa, mỗi quốc gia đều có một ngôn ngữ riêng, mỗi địa phương một thổ ngữ riêng. Con người thuộc các nền văn hóa và quốc gia khác nhau kể cả các địa phương khác nhau nếu muốn hiểu được nhau thì phải đối chiếu các quy ước thuộc ngôn ngữ mình với các quy ước thuộc các ngôn ngữ khác để tìm một sự tương đồng hầu cùng hiểu giống nhau về một điều gì đó. Đây chính là vai trò của việc dịch thuật và các quyển từ điển.

Cách nay 2.500 năm trong thung lũng sông Hằng, dân chúng thưa thớt, cuộc sống xã hội được tổ chức theo từng bộ tộc, thí dụ bộ tộc do vua cha và Đức Phật cai trị là Sakya (Thích-ca), nhiều bộ tộc kết hợp với nhau thành một vương quốc, chẳng hạn như vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà). Đức Phật thuyết giảng bằng một thổ ngữ gọi là Ardhamagadhi, vị giáo chủ Mahavira của đạo Ja-in cũng thuyết giảng bằng thổ



ngữ này. Thổ ngữ Ardhamagadhi thuộc vào nhóm ngôn ngữ Prakrit gần với tiếng Phạn cổ, và là một ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi trong vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà) và sau đó là đế quốc Maurya do ông nội của vua Azoka (A-dục) thành lập vào thế kỷ thứ IV trước Tây lịch.

Tiếng Phạn cải tiến xuất hiện trong vùng Bắc Ấn kể từ thế kỷ thứ III trước Tây lịch, tức là 300 năm sau khi Đức Phật đã tịch diệt, và chỉ được sử dụng để ghi chép kinh sách Đại thừa từ thế kỷ thứ I trước Tây lịch. Tiếng Pa-li là một thổ ngữ gần với tiếng Phạn xuất hiện sau tiếng Phạn khoảng 100 năm trong thung lũng sông Hằng và cũng chỉ được sử dụng tại Tích Lan để ghi chép tạng Kinh và tạng Luật kể từ thế kỷ thứ I trước Tây lịch.

Tiếng Phạn và cả tiếng Pa-li cũng chỉ được người Tây phương khám phá vào thế kỷ XIX ở Ấn Độ và Tích Lan qua phong trào xâm chiếm thuộc địa. Các học giả Tây phương thời bấy giờ vô cùng kinh ngạc khi nhận thấy tiếng Phạn và tiếng Pa-li có nhiều điểm rất gần với các ngôn ngữ Tây phương, do đó họ đã xếp hai thứ tiếng này cùng với các ngôn ngữ của họ và một số ngôn ngữ khác của vùng Trung Đông chung trong một nhóm gọi là “Ngôn ngữ Ấn-Âu” (Indo-European language) có cùng một nguồn gốc từ các nước Iran và Iraq ngày nay. Các học giả Tây phương lại còn kinh ngạc hơn nữa khi nhận thấy tiếng Phạn và tiếng Pa-li rất sâu sắc và khúc chiết, văn phạm và ngữ pháp thật chặt chẽ và chính xác, hơn hẳn các cổ ngữ của họ là các tiếng Hy Lạp và La-tinh.

Khi Phật giáo được đưa vào Trung Quốc vào thế kỷ thứ I sau Tây lịch, thì tiếng Hán là một thứ tiếng độc âm, tượng hình, mang tính cách thực dụng, văn phạm và ngữ pháp thì lỏng lẻo. Người Trung Quốc phải để ra nhiều trăm năm để dịch thuật kinh sách Phật giáo từ tiếng Phạn. Việc dịch thuật này đã giúp cho Hán ngữ phong phú và khúc chiết hơn, và nhất là đã tạo thêm cho tiếng Hán một lối “dịch âm” các thuật ngữ tiếng Phạn không dịch được bằng tiếng Hán. Dầu sao ngôn ngữ tượng hình và độc âm của tiếng Hán cũng không

thích hợp để chuyển tải các tư tưởng triết học và các khái niệm tâm lý học rất sâu sắc trong giáo lý Phật giáo. Thế nhưng kinh sách tiếng Việt ngày nay vẫn còn tiếp tục bám chặt vào tiếng Hán, đây là cả một sự sai lầm vô cùng to lớn. Điều này có thể chấp nhận đối với các học giả và các nhà sư Việt Nam thuộc các thế hệ trước đây, nhưng quả là khó hiểu đối với các dịch giả và những người tu hành ngày nay sinh sống trong thế giới Tây phương, dịch trực tiếp kinh sách đã được dịch sang các ngôn ngữ Tây phương.

Phật giáo được đưa vào Việt Nam qua ngõ Trung Quốc kể từ thế kỷ thứ II và đã thừa hưởng gia tài dịch thuật này của tiếng Hán. Chữ Nôm xuất hiện vào thế kỷ thứ XIII dưới thời nhà Trần, thế nhưng các văn bản viết bằng chữ Nôm cũng chỉ trở nên phong phú và phổ biến 200 năm sau đó dưới triều đại nhà Lê, thật ra các tác phẩm văn học, thường là dưới hình thức thi phú, thậm chí được ít nhiều tinh thần Phật giáo, nhưng không phải là các sách hay các bài bình giải bằng tiếng Nôm trực tiếp giúp vào việc tìm hiểu và tu tập. Kinh sách vẫn là tiếng Hán, hoặc được “diễn nôm” để dễ đọc. Chữ “Quốc ngữ” được hình thành vào thế kỷ XVII, nhưng cũng chỉ là để truyền bá Ki-tô giáo, kinh sách Phật giáo bằng chữ “Quốc ngữ” dường như cũng chỉ bắt đầu xuất hiện vào thế kỷ XX, hoặc gần đây hơn mà thôi!

Những gì trên đây cho thấy ảnh hưởng Hán ngữ vẫn còn sâu đậm trong kinh sách tiếng Việt. Nếu muốn đọc và hiểu được những gì trong *Đại tạng kinh* chẳng hạn thì phải có căn bản Hán ngữ hay ít nhất cũng phải có một chút vốn liếng nào đó về ngôn ngữ này. Thật vậy, ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc nói chung qua các kinh sách Hán ngữ vẫn còn quá nặng nề, khiến Phật giáo Việt Nam không sao bắt kịp được sự hồi sinh của Phật giáo trong các nước Á châu khác, cùng trong hoàn cảnh bị bóp nghẹt bởi các phong trào xâm chiếm thuộc địa của người Tây phương trong các thế kỷ vừa qua, và cũng không hòa nhập được với khung cảnh tân tiến của Phật giáo trên toàn thế giới ngày nay. ■



Nhà khoa học Albert Einstein và đạo Phật

THÍCH NGUYỄN TẠNG

Mối liên hệ nào giữa nhà khoa học thiên tài Albert Einstein (1879-1955) và đạo Phật? Có nhiều trích dẫn lời phát biểu của ông về đạo Phật. Bài viết sau đây sẽ đề cập đến mối liên hệ ấy. Dù chưa đầy đủ lắm, nhưng hy vọng rằng nó sẽ là mấu chốt để chúng ta phẳng tìm những tư liệu chi tiết về sau.

Ông Albert Einstein sinh ngày 14 tháng 03 năm 1879 tại thành phố Ulm, Đức quốc, trong một gia đình làm nghề thủ công và tiểu thương. Bố là một người giỏi về hóa học và mẹ là người có khiếu về âm nhạc. Năm 1894, gia đình ông di cư sang sống tại Ý. Ông được bố gởi đi học ở Thụy Sĩ và đã tốt nghiệp tiến sĩ Triết học tại Đại học Zurich. Sau khi ra trường, ông được mời dạy Toán và Vật lý tại một trường bách khoa ở Thụy Sĩ. Ngoài việc dạy học, ông dành hết thời gian còn lại để nghiên cứu Vật lý học và ông còn làm việc tại văn phòng thẩm tra cấp bằng sáng chế ở Berne, Thụy Sĩ. Năm 1905, ông gởi đăng bài “Lý thuyết tương đối hẹp” dài năm trang trên tờ *Physica*. Bài báo nhanh chóng được chú ý và nó là tiếng nổ lớn của ngành khoa học về không gian và thời gian, ông đã phá vỡ các khái niệm tuyệt đối về không gian và thời gian của nhà Vật lý học và Toán học vĩ đại, Isaac Newton (1642-1727). Lập tức tên tuổi của ông được nhiều người biết tới và được xem là một khoa học gia nổi tiếng nhất vào thời điểm ấy.

Năm 1911, ông là giáo sư Vật lý ở Prague. Năm 1913, ông được mời làm Giám đốc Học viện Vật lý Hoàng đế Wilhelm tại Berlin. Đến năm 1921, ông được trao giải thưởng Nobel về Vật lý học qua đề án nghiên cứu “Lý thuyết Tương đối” (The Theory of Relativity). Trong Thế chiến thứ nhất (1914-1918), ông từng bị tổng giam vì tội “chống chiến tranh và ủng hộ hòa bình”. Sau khi Adolf Hitler (1889-1945) trở thành quốc trưởng của Đức, ông ra sức chống lại chủ nghĩa phát-xít và rời bỏ nước Đức sang sống tại Hoa Kỳ.

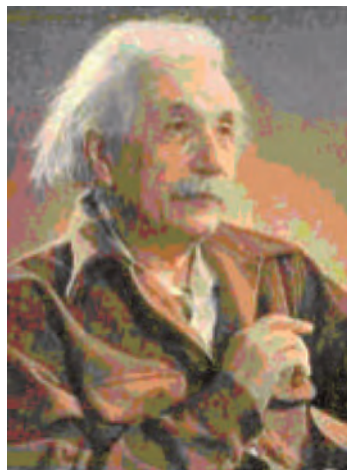
Từ năm 1933 đến năm 1945, ông là giáo sư Toán và Lý tại Viện Cao học Princeton ở bang New Jersey.

Phát xuất từ lòng căm thù chủ nghĩa phát-xít mà ông đã giúp cho Tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt (1882-1945) chế tạo bom nguyên tử và cuối cùng bị xem là “cha đẻ” của thứ vũ khí giết người này. Đây cũng là lý do mà về sau năm 1950, ông thành lập Viện Kiểm soát Nguyên tử Quốc tế tại Hoa Kỳ.

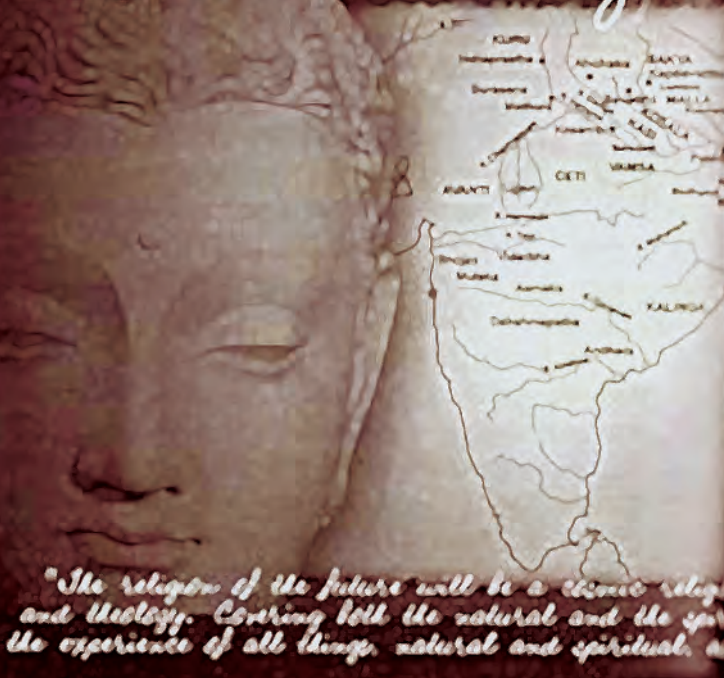
Ba thập niên cuối đời mình, ông dành thời gian để nghiên cứu về “Lý thuyết thống nhất giữa lực hấp dẫn và hiện tượng điện quang” (The Theory of unify gravitation and eletro-magnetism).

Mặc dù bận rộn nghiên cứu và giảng dạy khoa học, nhưng ông Einstein vẫn dành thời gian nhất định để nghiên cứu triết học và tôn giáo, đặc biệt trong đó có đạo Phật. Theo tài liệu “*The World As I See It*” (Trần thế khi tôi nhìn thấy nó, Nxb Philosophical Library, New York, 1949) và quyển “*Ideas and Opinions*” (Những Ý Kiến và Những Quan Điểm, Nxb Crown, NY, 1945) là hai tuyển tập những bài báo, bài tham luận về tôn giáo và khoa học mà ông Einstein viết từ đầu những năm ba mươi. Đáng chú ý trong tập này là các bài như “*Religion and Science*” (Tôn giáo và Khoa học), viết từ 1930; bài “*Science, Philosophy và Religion, A Symposium*” (Khoa học, Triết học và Tôn giáo, một buổi hội thảo) viết năm 1941; bài “*Religion and Science: Irreconcilable?*” (Tôn giáo và Khoa học: không thể hòa giải được sao?) viết vào năm 1948.

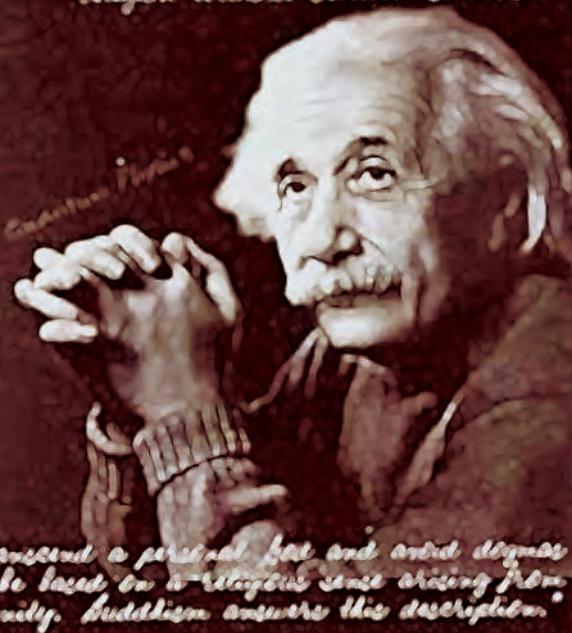
Theo các tài liệu trên thì chính A. Einstein tự xem mình là một người thuộc về tôn giáo. Tôn giáo của ông được người ta biết qua lý thuyết khoa học của ông. Ông bác bỏ sự thần thánh hóa trong tôn giáo, ông quan tâm đến đời sống con người ở hiện tại và ngay cả sau khi chết. Trong các buổi hội thảo về triết học và tôn giáo, có lúc ông trích dẫn lời của Chúa, rồi có khi ông dẫn lời trong kinh Phật. Quan điểm của ông về tôn giáo chưa bao giờ có hệ thống và nhất quán. Tuy nhiên, với trí tuệ sắc bén và lòng ngưỡng mộ của ông đối với các tôn giáo đã giúp cho ông hiểu đúng và chính xác về các tôn giáo mà ông để tâm nghiên cứu. Ông vẫn thường nhắc nhở các nhà khoa học nên học hỏi ở các tôn giáo để bổ sung cho những khiếm



Cosmic Religion



"Science without religion is lame, religion without science is blind."



"The religion of the future will be a cosmic religion and theology. Covering both the natural and the spiritual, the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description."

"It should transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description."

Albert Einstein

khuyết của khoa học. Ông nói: "Khoa học mà thiếu tôn giáo là khập khiễng. Tôn giáo mà không có khoa học thì mù quáng" (Science without religion is lame. Religion without science is blind).

Cũng theo các tài liệu trên cho thấy, ông đã nghiên cứu đạo Phật qua các sách báo của các học giả Phật học của người Âu Mỹ viết, đáng kể là triết gia người Đức Schopenhauer Arthur (1788-1860), Tiến sĩ người Đức Paul Carus (1852-1919), Viện sĩ Hàn lâm người Nga Vasiliy Vasaliyey (1818-1900)... là những nhà Phật học nổi danh ở phương Tây. Nhờ nghiên cứu như vậy mà A. Einstein đã nhìn thấy đạo Phật như là một triết lý phương Đông cực kỳ sống động và triết lý ấy đã đi vào cuộc đời bằng chân lý thực chứng của mình, ngộ hầu cắt ngang sự chậm tiến, lạc hậu, mê tín, cuồng tín và kém văn minh của thời đại. Đạo Phật đã đem lại cho con người một cái nhìn mới, một lối sống mới, một sự hài hòa mới, sống với nhau như ánh sáng trong không gian, chan hòa với nhau như nước với sữa. Chính vì thấy rõ cái độc đáo đó mà ông Einstein đã phát biểu về đạo Phật như sau: "Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó" (The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a person God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description). Đồng thời, một lần

khác ông cũng khẳng định rằng: "Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học" (If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism. Buddhism requires no revision to keep it up to date with recent scientific finding. Buddhism need no surrender its view to science, because it embraces science as well as goes beyond science). (Cả hai câu trên được trích từ *Collected famous quotes from Albert Einstein*. <http://rescomp.stanford.edu/~cheshire/Einstein/quotes.htm>).

Dù những lý thuyết khoa học của ông rất phức tạp và khó hiểu, nhưng tấm lòng nhân đạo và mến chuộng hòa bình của ông đã khiến cho mọi người cảm thấy gần gũi với ông. Ông đã cống hiến tất cả trí tuệ và sức lực của mình đối với sự phát triển khoa học của nhân loại. Ông làm việc không biết mệt mỏi cho đến ngày qua đời. Ông mất vào lúc 1 giờ 25 phút rạng sáng ngày 19 tháng 04 năm 1955 tại Princeton, Hoa Kỳ, hưởng thọ 76 tuổi. Ngày nay, mọi tín đồ Phật giáo trên khắp năm châu đều thành kính khi nhắc đến tên tuổi của ông, người đã từng góp phần khẳng định lại giá trị vĩnh cửu đối với giáo lý của đạo Phật. ■

Tổng hợp tài liệu theo:

The world I see it, Giáo sư Robert Topmiller tại Đại học Kentucky, USA tháng 11/1997.

Albert Einstein, A Biography, F. Albrecht/Viking/ USA/ 1997.



Mông Sơn thí thực

ĐỨC HẠNH

A. Duyên khởi

Đạo Phật là đạo cứu chúng sanh ra khỏi sáu cõi sinh, tử, luân hồi khổ đau, để đến các cõi Phật, là những cõi vô sanh, vô tử. Do đó chư Phật trong mười phương thế giới Phật, đều thị hiện vào tam giới, lục đạo, để cứu khổ chúng sanh theo sở nguyện và phương tiện (giáo pháp, tâm đại từ bi và trí tuệ) của mình. Như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã thị hiện vào cõi Ta-bà, nói Pháp và hướng dẫn con người tu tập giáo pháp, để giải thoát sanh tử, luân hồi. Đức Phật còn thuyết minh về các kinh *Dược Sư*, *Địa Tạng*, để cho con người được biết sự cứu khổ bệnh tật của Phật Dược Sư đối với con người và sự cứu khổ chúng sanh trong các cõi địa ngục, các loài ngạ quỷ trong địa ngục và tại không gian cõi người của Đức Phật Địa Tạng, để cho con người tự cảnh giác mà xa lìa các đường ác. Đức Thích-ca Mâu-ni cũng không quên nói về kinh *A-di-đà* cho loài người ai muốn vãng sanh về nước Cực-lạc của Phật A-di-đà, thì lo mà tu Tịnh độ. Đức Bồ-tát Quán Thế Âm nói Thần chú Đại bi để cứu khổ nạn cho chúng sanh.

Bên cạnh Đức Thích-ca Mâu-ni lúc bấy giờ, có nhiều vị cổ Phật thị hiện trong Tăng đoàn của Phật, để trợ lực với Phật về một số giáo vụ quan trọng khác nhau. Như các ngài A-nan, (thị giả Phật, nghe và thuộc lòng tất cả kinh Phật đã nói), Xá-lợi-phất (bên cạnh Phật thuyết pháp), Ca-diếp, Mục-kiền-liên (được Phật chỉ cho cách cứu mẹ thoát kiếp ngạ quỷ qua kinh *Vu-lan*), Phú-lâu-na, Phổ Hiền, Văn-thù, Quán Thế Âm... Trong tất cả vị cổ Phật có mặt bên cạnh Đức Phật Thích-ca thì Đức Phật Quán Thế Âm được thấy nhiều hạnh nguyện Bồ-tát cứu khổ chúng sanh thật là đa dạng, bằng cách thị hiện nhiều thân tướng chúng sanh các cõi.

B. Tôi muốn nói đến Phật Quán Thế Âm thị hiện quý vương Tiêu Diện và xuất xứ nghi thức “Mông Sơn thí thực cô hồn”. Có ba xuất xứ

Xuất xứ Một

Lúc Phật còn tại thế. Một hôm, vào buổi chiều, Tôn giả A-nan đang tọa thiền tại bãi cỏ ngoài Tinh xá Kỳ Viên. Bỗng nghe có tiếng động, A-nan ngước mặt nhìn, thấy một con quỷ có thân tướng mặt đỏ, lưỡi le dài tới rún, miệng tóe lửa, râu ria xồm xoàm, tay cầm chĩa ba, quỳ xuống. Quỷ nói: “*Này A-nan, Ta là Quỷ Vương, thống trị các loài ngạ quỷ, nhưng Ta đang đói lắm! Ta sẽ ăn thịt*

A-nan”. Nói xong, con quỷ trườn tới. A-nan sợ quá, đứng lên nói: “*Khoan đã đừng ăn thịt ta, ta sẽ tính chuyện ấy sau cho quỷ*”. Nói xong, A-nan chào Quỷ vương, đi vào Tinh xá. Tại đây, A-nan gặp Phật và trình bày hết đầu đuôi câu chuyện về con quỷ mặt đỏ, lưỡi dài, miệng đầy lửa, đòi ăn thịt mình cho Đức Phật nghe.

Đức Phật nói: “*Không sao đâu, A-nan đừng sợ! Quỷ không thể ăn thịt người được. Để Như Lai chỉ cho A-nan những cách cúng dường cho các loài quỷ được ăn*”.

Những cách cúng thí ấy cho các loài ngạ quỷ, âm linh, cô hồn... được ăn như thế nào, mà Đức Thế Tôn đã chỉ cho ngài A-nan, đã được ghi trong kinh có tên “*kinh Diệm Khẩu*”.

Xuất xứ Hai

Với lòng thương xót chúng sanh trong các cõi âm vô bờ bến, bởi đại bi tâm và trí tuệ thâm sâu của các Đạo sư chân tu, ngài Thiền sư Bất Động đời nhà Đường, tại núi Mông, đã được vô số ngạ quỷ, âm linh, cô hồn tìm đến để xin ngài bố thí cho ăn qua nhiều hiện tượng; như cứ vào những chiều chạng vạng, ngài Bất Động thiền sư nhìn thấy những ngọn lửa lập lòe, ngẩn, dài, run rẩy, chơi vơi dưới các thung lũng núi Mông, cùng với những âm thanh tru tréo, hú vang thật rợn rợn! Rồi đến đêm khi ngài vào ngồi thiền, thì nghe bên ngoài chung quanh chùa có những tiếng xì xào, gõ cửa, than khóc...

Trước những hình ảnh ma quái của các loài ngạ quỷ, âm linh, cô hồn hiện ra hằng đêm như vậy, ngài Thiền sư Bất Động hiểu ý các loài âm linh ấy bị đói lạnh muốn ngài cứu giúp cho được no được ấm. Từ đó ngài Bất Động quyết tâm đi tìm phương cách bố thí thực phẩm cho chúng sanh cõi âm được ăn bằng giáo pháp của Phật (cam lồ pháp thực). Do vậy, ngài Bất Động đã bỏ công tìm kiếm trong *Đại Tạng* kinh đời nhà Đường qua nhiều tháng. Ngài Bất Động đã bắt gặp cuốn kinh *Diệm Khẩu* (miệng lửa).

Cách thức cúng cô hồn trong kinh *Diệm Khẩu*: Trong kinh ghi rõ lời Đức Thế Tôn chỉ dạy cho ngài A-nan nhiều tiết mục cúng thí cho các loài ngạ quỷ được ăn bằng *xúc thực* và *ý tư thực* theo thứ tự như: mua sắm các thực phẩm nấu chín, bày biện lên bàn, có hương, hoa, trà, quả. Rồi chắp tay nhứt tâm phụng thỉnh chư vị cổ Phật đến đạo tràng cúng tế, để giúp chúng sanh cõi âm được ăn, uống, cùng nghe rõ lời kinh, lời pháp khai thị của



Nguồn: i.ytimg.com

chư Phật một cách trật tự và hanh thông, sau đó yết hầu được mở rộng, để được ăn uống dù bằng xúc thực, ý tứ thực vẫn cảm thấy khoái khẩu no nê. Bởi vì mỗi vị cổ Phật đều có uy lực riêng biệt thật siêu đẳng; như vị Phật *Diện Nhiên Vương*, có tên *Tiêu Diện Đại Sĩ* (Phật Quán Thế Âm thị hiện) được phụng thỉnh trước tiên đến, để thống lãnh các loài cõi âm nói chung, đến đạo tràng trong trật tự. Tiếp đến phụng thỉnh 13 vị Phật:

1. Đức Phật “*Án dà ra đế da ta bà ha*” có uy lực mở các cửa địa ngục do thông qua Diêm vương và Phật Địa Tạng.

2. Sau khi các loài ngạ quỷ, cô hồn ra khỏi địa ngục, được Đức Phật “*Bộ bộ đế rị dà rị đa rị đất tha nga đa da*” mời và hướng dẫn tất cả vào đạo tràng.

3. Đức Phật “*Án tam đà ra dà đà ta bà ha*” đến nói pháp giải oan.

4. Đức Phật “*Án, bát ra mạt lân dà nảnh ta bà ha*” (Địa Tạng) đến diệt định nghiệp.

5. Đức Phật “*Án, a lô lặc kế ta bà ha*” (Quán Thế Âm) đến diệt nghiệp chướng.

6. Đức Phật “*Án, bộ bộ đế rị dà rị đa rị đất tha nga đa da*” đến khai yết hầu.

7. Đức Phật “*Án, tam muội da tát đồa phạm*” đến tam muội da giới.

8. Đức Phật “*Tát phạ đất tha, nga đa phạ lô chỉ đế, án tam bạt ra, tam bạt ra hồng*” đến để biến thực.

9. Đức Phật “*Tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha, án tô rô tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha*” đến biến nước thành cam lồ.

10. Đức Phật “*Án noan noan noan noan noan*” đến nhứt tự thủy luân.

11. Đức Phật “*Tam mãn đa mẩu đà nẫm án noan*” đến nói pháp nhũ hải và phụng thỉnh bảy vị Phật: Đa

Bảo, Bảo Thắng, Diệu Sắc Thân, Quảng Bát Thân, Ly Bồ Úy, Cam Lô Vương, A-di-đà, đến để hộ niệm, gia trì cho các thức ăn thức uống thành Tịnh pháp thực cho các giới Phật tử. Pháp thí thực cho các loài hữu tình. Cam lồ thủy cho các giới Cô hồn. Tất cả ba giới trên trong cõi âm được ăn, uống một cách hanh thông, dù ăn bằng xúc cảm, ý nghĩ, vẫn cảm thấy no nê. Nhưng, trước khi cùng ăn, ba giới *Phật tử Hữu tình, Cô hồn* được nghe bảy vị Phật nói lời khai thị: Hãy phát nguyện xả bỏ lòng tham lam, quay về Tam Bảo và phát tâm Bồ-đề, tức khắc được ra khỏi cõi u minh, sanh về Tịnh độ. Xong rồi, ba giới cõi âm ấy được Tôn giả A-nan nói lời mời ăn, uống. (Nhữ đẳng Phật tử, hữu tình, cô hồn chúng...). Ngày xưa thì Tôn giả A-nan tự thân tri hành hết các việc: phụng thỉnh chư Phật, triệu thỉnh các loài ngạ quỷ, cô hồn đến đạo tràng và mời ăn, uống.

12. Cuối cùng Đức Phật “*Án mục lục lăng ta bà ha*” đến nói pháp thí vô giá thực; và

13. Đức Phật “*Án nga nga nẵng tam bà, phạ phiệt nhựt ra hồng*” đến nói pháp phổ cúng dường.

Nội dung nghi thức cúng thí thực cho các loài ngạ quỷ, cô hồn, mà Đức Phật đã nói cho Tôn giả A-nan, được ghi trong kinh *Diệm Khẩu*, chỉ bấy nhiêu trên, nếu không nói là cơ bản, đủ để cho các loài ngạ quỷ, cô hồn được ăn, uống, nghe Phật pháp, siêu sanh Tịnh độ do ở 13 vị cổ Phật và *Bồ-tát Tiêu Diện Đại Sĩ*, tất cả đều có uy lực siêu đẳng gia trì, hộ niệm cho.

Ý nghĩa Thần chú: Qua uy lực siêu đẳng của 13 vị cổ Phật trong kinh *Diệm Khẩu*, cho ta thấy và hiểu thêm ý nghĩa của Thần chú, là siêu đẳng chú tuyệt đối, linh diệu chú không thể nghĩ bàn, không có ngôn từ giải thích, thì đó là Phật. Cho nên, *Phật chính là Thần chú, Thần chú là Phật*. Điều này được chứng thực qua bài



kinh *Đại Bi*, thường gọi là “*chú Đại Bi Đà La Ni*” (Tổng trì - năng trì, khả năng gìn giữ), gồm có 84 danh hiệu cổ Phật, do đó không giảng nghĩa được. Tám mươi bốn danh hiệu, trong đó có 32 hóa thân của Phật Quán Thế Âm. Danh hiệu cuối cùng thứ 84, *Ta bà ha* là *Bồ-tát Tiêu Diện Đại Sĩ* (Phật Quán Thế Âm hóa thân).

Cũng được biết thêm một số vị cổ Phật quen thuộc có mặt trong Thần chú Đại bi như: Phật A-di-đà (thứ 26, *Ma hê ma hê rị đà dựng*); Phật A-nan (thứ 47, *Bồ đà dạ bồ đà dạ*); Phật Xá-lợi-phất (thứ 53, hóa thân nữ, *Tất đà dạ*); Phật Mục-kiền-liên (thứ 56, *Ta bà ha*); Phật Ca-diếp (thứ 75, *Ta bà ha*); Phật Phổ Hiền (thứ 77, *Nam mô a rị da*); Phật Văn-thù-sư-lợi (thứ 78, *Bà lô cát đế*). Trong 84 hình tượng hóa thân của chư vị cổ Phật ở kinh *Đại Bi*, thì 35 hóa thân Nữ, 49 thân Nam.

Xuất xứ Ba

Nghi Thức Công Phu Chiếu. Cũng từ nơi Thiền sư Bất Động. Sau khi đọc hết nghi thức cúng thí thực cho ngựa quý trong *kinh Diệm Khẩu*, ngài Bất Động giữ nguyên toàn bộ lời Phật dạy cơ bản, để làm nền tảng cho việc biên soạn thêm một số nghi thức tại chùa ở núi Mông, do đó được có tên “*Nghi Thức Mông Sơn Thí Thực Cô Hồn*”.

1. Nghi thức *Công phu chiếu*, dành riêng cầu siêu độ cho cô hồn, ngựa quý hằng ngày trong thiền môn

(chùa). Trong đó gồm có kinh *Di Đà* để cầu siêu. Kinh *Hồng Danh Bảo Sám* để sám hối cho chúng sanh cõi âm nói chung. Tiếp đến Tiểu Mông Sơn (toàn bộ kinh *Diệm Khẩu*). Tuy nhiên ngài Bất Động có thêm lời ngưỡng vọng, hướng về kính lễ lên: *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh; Thường trụ thập phương Phật, Pháp, Tăng; Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni. Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát; Minh dương Cứu khổ Địa Tạng vương Bồ-tát; Khái giáo A-nan-đà Tôn giả*. Lời ngưỡng vọng, kính lễ này; nếu không nói rằng là lời báo ân và giới thiệu cho toàn thể bốn chúng đệ tử Phật hậu lai được biết nguyên nhân được có ra nghi thức cúng thí cô hồn, ngựa quý, là do hai vị cổ Phật Quán Thế Âm, A-nan và Đức Bốn sư Thích-ca Mâu-ni mà có. Thứ đến, ngài Bất Động làm lễ quy y Phật, Pháp, Tăng cho ba giới cõi âm, đó là *Phật tử* (đang làm thân ngựa quý, cô hồn bên cõi chết, do tu tập không chín chắn), *Hữu tình* và *Cô hồn*. Sau đó ngài Bất Động nói lời khai thị cho ba giới Phật tử, Hữu tình, Cô hồn rằng: “*Đã tạo ra các nghiệp ác, đều do tham sân, si từ vô thủy, từ thân, miệng mà sanh ra. Tất cả đều sám hối*”. Ngài Bất Động còn tự thêm hai lời nguyện độ “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ...*” và “*Tự tánh chúng sanh thế nguyện độ...*”. Sau cùng là những bài kinh *Bát Nhã, Vãng Sanh...* (Ai muốn biết rõ Nghi thức Công phu chiếu, Thí thực Cô hồn, hãy xem trong Nghi Thức Tụng Niệm)

2. Nghi Thức *Cúng Thí thực Cô hồn* (đặc biệt vào các lễ Vu-lan, Phật Đản... hay tại tư gia, khác với công phu chiếu cúng cháo cô hồn).

Vị Tăng chủ sám niệm hương, tụng lời phụng thỉnh Tiêu Diện Đại Sĩ, Đức Phật A-di-đà, Quán Thế Âm, Địa Tạng (có lời văn phụng thỉnh riêng ở ba vị Phật nói trên, dài cỡ một phần tư trang giấy. Lời văn thỉnh ấy do các vị đạo sư chân tu Trung Hoa, Việt Nam chế tác). Tiếp đến triệu thỉnh các âm linh, cô hồn và vô số vong linh con người trên quê hương mình đã bị chết nhiều cách khác nhau, như những lời: “*Nhứt tâm triệu thỉnh Pháp giới lục đạo, thập loại cô hồn, hà sa nam nữ, lộ đồ tán mạng, thương vong hoạnh tử chi lưu... Nhứt tâm triệu thỉnh chiến tranh tử nạn, tù nhân uổng tử, chiến sĩ trận vong, hải tặc nạn nhân oan hồn...*” đều triệu thỉnh hết. Đọc Diệp xưng tên gia chủ (tư nhân hay Hội Phật giáo, đoàn thể nào đó) phát tâm cúng thí cô hồn. Sơ hiến trà. Vị Tăng chủ sám và chư Tăng tụng toàn bộ nghi *Mông Sơn Thí thực Cô hồn* (hơn một nửa của *kinh Diệm Khẩu* và của Thiền sư Bất Động biên soạn thêm).

3. Nghi thức *Tang lễ*: Nhập liệm, cầu siêu, tiến linh (cúng linh). Những nghi lễ này được xuất hiện sau thời Thiền sư Bất Động, do từ các vị đạo sư chân tu bên Trung Hoa và Việt Nam (Huế-Bình Định) biên soạn, nhưng một số Thần chú, bài sám phụng thỉnh Phật, Bồ-tát, triệu thỉnh hương linh cơ bản trong *kinh Diệm Khẩu* vẫn giữ nguyên. Chỉ thêm một số bài sám, sớ, diệp hay lời Pháp ngữ và cách thức cúng tế, lễ lạy... ■



Xá-lợi Răng Phật tại Kandy

Bài & ảnh: NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Như ta biết, sau khi Phật Thích-ca nhập Niết-bàn tại Câu-thi-na (Kusinara), thân Ngài được hỏa thiêu và xá-lợi được phân chia làm tám phần, trao cho các nhà vua và bộ tộc gần đó. Điều kỳ diệu ít người biết là bốn răng nanh của Ngài cũng được tìm thấy và gìn giữ. Xá-lợi Răng Phật là bốn bảo vật của Phật giáo, ngày nay chỉ còn một, hiện đang được tôn thờ tại Tích Lan¹.

Trường Bộ Kinh, kinh Đại Niết-bàn, trong đoạn cuối có câu kệ:

*Đấng Pháp Nhân Vô Thượng
Xá-lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường.
Tại Jambudipa.
Một phần Long vương cúng.
Tại Ràmagàma.
Một răng Phật được cúng,
Tại cõi Tam thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một răng, vua Long vương.*

Theo bài kệ này, một răng nanh của Phật được cúng dường tại cõi Trời Tam thiên; một ở Long cung, vua các loài rồng; một ở tại xứ Gandhara, thuộc Pakistan ngày nay và chiếc răng cuối tại Kalinga. Kalinga là đâu?

Lịch sử kể lại rằng chiếc răng thứ tư, chiếc răng nanh bên trái, phía dưới, do vị A-la-hán Kema tìm thấy. Vị này là học trò của Tôn giả Xá-lợi-phất, đệ tử của Phật. Kema trao chiếc răng cho nhà vua Brahmadatta xứ Kalinga, nằm phía đông Ấn Độ.

Ngày xưa Ấn Độ có nhiều tiểu quốc. Kalinga là một tiểu quốc hùng mạnh nằm sát bờ biển. Bản đồ cổ cho thấy Kalinga chính là nơi xuất phát con đường hàng hải từ Ấn Độ đi các nơi, đến Tích Lan, đến các nước khác như Thái Lan, Mã Lai, Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc ngày nay. Kalinga cũng chính là nơi phát xuất phái đoàn truyền giáo Mahinda, con trai của vua A-dục, trong thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, người du nhập đạo Phật vào Tích Lan.

Thế nhưng tại Kalinga, Xá-lợi Răng Phật cũng trải qua nhiều giai đoạn sóng gió. Các thế hệ của vương triều Kalinga thờ cúng Xá-lợi Răng Phật vô cùng thành tâm và vì thế mà sinh ra ganh ghét từ các nhà vua kế tiếp không theo Phật giáo. Ngay tại Kalinga thời đó đã có nhiều âm mưu phá hủy Xá-lợi nhưng báu vật này vẫn thoát nạn một cách kỳ diệu. Song song, các vương quốc khác cũng tìm cách chiếm hữu Xá-lợi vì các vị tiểu vương tin rằng Xá-lợi ngự tại nước nào thì nước đó thịnh vượng.

Khoảng 800 năm sau khi Xá-lợi đến Kalinga, nhà vua trị vì tên là Guhasiva, sống trong thế kỷ thứ III sau Tây lịch. Vương quốc Kalinga của Guhasiva bị nước láng giềng của vua Pandu dòm ngó, các hoàng thân nhất định muốn chiếm giữ Xá-lợi Răng. Guhavisva lo mình sẽ thua, ngại Xá-lợi rơi vào tay đối thủ, nghĩ cách bảo vệ. Ông nhớ đến bạn là nhà vua Tích Lan, vốn Phật tử thuần thành. Sáu trăm năm trước nhờ Tôn giả Mahinda mà Phật giáo đã bắt rễ tại Tích Lan, một nhánh cây Bồ-đề từ Bồ-đề đạo tràng (Bodhgaya) Ấn Độ được đem qua gieo trồng, đã tỏa bóng uy nghiêm trên đất Tích Lan. Guhavisva triệu con gái là nương tử Hemamali cùng chồng là Danta, yêu cầu nàng công chúa Ấn Độ bí mật đưa Xá-lợi Răng đi Tích Lan.

Hemamali cùng chồng giả dạng khách hành hương lên đường đi Tích Lan. Ngày nay ai cũng dự đoán hai vị đã đi đường bộ xuống Nam Ấn Độ rồi tìm eo biển hẹp nhất để băng qua Tích Lan. Không phải thế! Hemamali cùng Danta lên thuyền tại Tamralipti, một cảng biển thời thượng cổ của Ấn Độ, nằm phía đông bắc, hạ lưu sông Hằng, thuộc nước Kalinga. Cảng này cũng chính là cảng đã tiễn đưa cây Bồ-đề con đi Tích Lan. Về sau, hai nhà sư Trung Quốc Pháp Hiển, Huyền Trang cũng đã đến cảng này. Sau đó nữa, trong thế kỷ thứ VII, nhà



H2



H3

sư Nghĩa Tịnh (635-713) của Trung Quốc và Đại Thặng Thăng của Việt Nam cũng từng cập bến Tamralipti.

Hemamali và Danta cập bờ Tích Lan tại Lankapattana, ngày nay thuộc quận Trincomalee nằm ở phía đông đảo quốc. Nàng công chúa phải bí mật giấu Xá-lợi Răng trên búi tóc của mình để tránh sự chú ý. Ngày nay ta còn có thể thấy một bức họa về hai vị vương tử khi lên đến Tích Lan. Trên đầu nàng công chúa tóc phát sáng do Xá-lợi, phía dưới chỉ là đôi chân trần như truyền thống ngàn năm của người Tích Lan, ngày nay vẫn còn. Nhiều câu chuyện vô cùng ly kỳ được truyền lại về sự kỳ diệu của Xá-lợi trên đường viễn du trên biển, được trời và người vô cùng cung kính.

Khoảng năm 310 Xá-lợi Răng đến Tích Lan, được thờ tại kinh đô Anuradhapura. Quân vương thời đó là Kirti Sri Meghavanna vốn là nhà vua vô cùng mộ đạo, cho xây một khám thờ đặc biệt cho Xá-lợi. Ngày nay khám thờ đã trở thành phế tích và khách hành hương còn có thể đánh lễ.

Pháp Hiển (337-422), nhà chiêm bái Trung Quốc, từ Kalkutta đến Tích Lan năm 411 và chứng kiến lễ rước Xá-lợi Răng Phật còn như trong thời của vua Sri Meghavanna: "... Đức vua cho dựng hai bên lễ đường 500 hình ảnh tiền thân Phật khi còn làm Bồ-tát, như Sudàna (Thiện Thí - Tu-đại-noa), Sama, Voi chúa, Nai và Ngựa. Rồi Răng Phật được đưa ra cung nghinh dọc đường. Trên đường những phẩm vật cúng dường được dâng cúng Xá-lợi cho đến khi rước đến tu viện Vô Úy Sơn. Tại đây Tăng tục đều đến tụ họp đốt hương thắp đèn và làm các cách cúng dường khác ngày đêm không dứt. Sau 90 ngày, Răng Phật mới được rước về tu viện trong nội thành. Tại tu viện nội thành, vào những ngày trai giới, các cổng được mở rộng để dân chúng đến lễ bái Xá-lợi Răng Phật đúng pháp..."². Lễ rước Xá-lợi Phật được mệnh danh là *Esala Perahera*, mỗi năm một lần vào tháng 8 trăng tròn.

Từ thời đại Pháp Hiển đến trên 500 năm sau, cuối thế kỷ thứ X, Xá-lợi Răng Phật được thờ phụng tương đối an bình. Kể từ thế kỷ thứ XI, triều đình Tích Lan có nhiều tranh chấp và bất ổn, có khi các vị Tăng phải đưa Xá-lợi ra khỏi kinh đô để tránh sự phá hủy. Trong những thế kỷ sau, hai lần Tích Lan bị xâm lăng từ đường biển, xuất phát từ đảo Java (ngày nay thuộc Indonesia). Trong mỗi cuộc xâm lăng, Xá-lợi Răng đều là đối tượng lùng sục của đội quân ngoại xâm vì lý do tôn giáo.

Trong thế kỷ thứ XIII, một vương quốc Nam Ấn Độ mang tên Pandyan xâm chiếm Tích Lan và đoạt Xá-lợi Răng đưa về Ấn Độ. Sau một thời gian ngắn nhờ thương thuyết khéo léo Xá-lợi Răng lại được trả về đến cũ ở Anuradhapura, lúc này Tích Lan đã có kinh đô khác.

Trong lịch sử còn có một thông tin thú vị khác nữa, đó là vai trò của Trung Quốc. Theo Marco Polo, nhà du hành người Ý, đại hãn Hốt Tất Liệt (1215-1294), Hoàng đế nhà Nguyên, vốn tôn trọng đạo Phật, cho người đến Tích Lan, đòi xin Xá-lợi Răng Phật, tóc và bình bát của Ngài. Nhà

vua Tích Lan hồi đó là Parakramabahu đệ tam gửi cho Bắc Kinh bản sao Răng Phật. Lịch sử kể lại Tích Lan lấy làm thú vị khi nghe các bản sao đó được tôn kính thờ phụng.

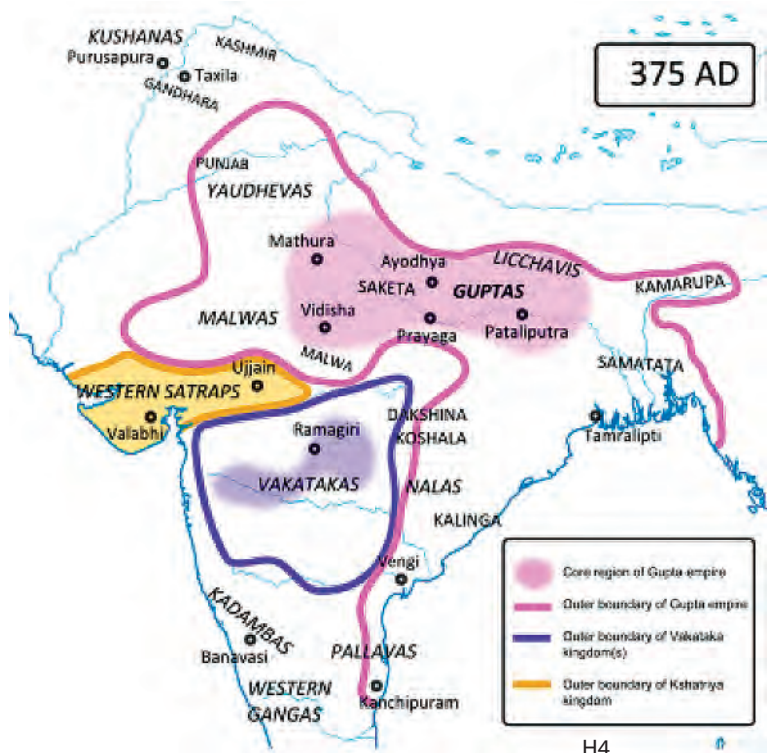
Đầu thế kỷ thứ XVI đội quân hải hành và chiếm thuộc địa từ Bồ Đào Nha và Hà Lan bắt đầu đến Tích Lan. Các nhà sư lại bí mật dời Xá-lợi Răng đi nhiều chỗ khác nhau. Cuối cùng năm 1592, Xá-lợi Răng được đưa về Kandy, tại đền mà ngày nay khách đến chiêm bái. Trong những thế kỷ sau, dưới thời đô hộ của Bồ Đào Nha, Xá-lợi Răng có khi tưởng như bị phá hủy, nhưng người Tích lan đã khôn khéo thay thế bằng các bản sao như đã từng làm với Miến Điện và Trung Quốc. Trong thời Tích Lan bị Anh chiếm làm thuộc địa, có khi chính quyền đô hộ cấm cả lễ rước Xá-lợi Phật nhưng về sau phải nhượng bộ cho phép.

Trải qua gần 1.800 năm với nhiều biến động không sao kể xiết, Xá-lợi Răng vẫn tồn tại với Tích Lan và hậu thế. Xá-lợi Răng là biểu tượng của niềm tin tôn giáo thiêng liêng nhất của Phật giáo Tích Lan. Vì lẽ đó mà suốt trong chiều dài của lịch sử, các vương triều giành giật nhau để tôn thờ, cũng vì lẽ đó mà các đội quân xâm lược của các tôn giáo khác tìm cách phá hủy. Gần đây nhất, năm 1998, trong cuộc nội chiến Tích Lan, quân Tamile đã thực hiện một cuộc tấn công vào đền thờ Răng Phật làm tám người chết. Xá-lợi Răng được bảo toàn. Cuộc nội chiến mang nặng màu sắc tôn giáo giữa tín đồ Phật giáo và Ấn Độ giáo được xem chấm dứt năm 2009 với con số thương vong khoảng gần 100.000 người. Ngày nay Tích Lan là một nước hòa bình, đời sống dễ chịu, khách hành hương ngày càng đông đảo.

Đền Xá-lợi Răng Phật mà tên chính thức là Sri Dalada Maligawa (the Temple of the Sacred Tooth Relic) là biểu tượng hòa bình và tôn giáo của Tích Lan tại Kandy. Nằm trong thành phố xinh đẹp, bên cạnh bờ hồ thơ mộng, Sri Dalada Maligawa được tôn vinh là Di sản thế giới, là địa điểm không thể thiếu của khách du lịch và hành hương.

Khách chiêm bái đông nghẹt khi đoàn chúng tôi đến. Chúng tôi may mắn được vị Tăng thống Tích Lan, đồng thời cũng là vị trú trì của Đền, tiếp đón và giảng giải. Xá-lợi Răng được gìn giữ trên tầng thứ ba của Đền, trong một tháp bằng vàng cao gần một mét. Trong tháp đó có bảy tháp nhỏ, Xá-lợi Răng được chứa trong một của bảy tháp nhỏ. Mỗi khách chỉ được đi ngang tháp lớn vài giây, tuyệt đối không được chụp hình. Khách không được thấy Xá-lợi, chỉ đi gần sát bên cạnh, cùng một sự rung động nội tâm, biết rằng mình đang đứng trước một báu vật vô song mà sự nhiệm mầu không ai có thể biết hết.

Nhân duyên hội tụ đầy đủ nên tối hôm đó cũng là tối trăng rằm tháng Tám, chúng tôi được tham dự Esala Perahera 2016, Lễ hội rước Xá-lợi trên lưng voi. Lần lượt diễu ngang trước mắt là hàng trăm thốt voi và hàng ngàn nghệ nhân tôn giáo. Tối bây giờ thì chúng tôi mới thấy là



H4



H5

trên thế gian này, quốc gia còn mang đậm màu sắc Phật giáo thuần túy và đậm đà nhất chính là Tích Lan.

Cũng nhân duyên đầy đủ nên lần yết kiến đó với vị Tăng thống đã đưa đến một biến cố đặc biệt: vị Tăng thống Tích Lan và đoàn tùy tùng sẽ đến thăm Việt Nam trong năm 2017. ■

Chú thích:

1. Tên chính thức là Sri Lanka, trước 1972 là Ceylon.
2. Trích "Fa-Hsien, The Unassuming Pilgrim", Thích Minh Châu (1963), "Pháp Hiển, Nhà Chiêm bái", Thích nữ Trí Hải Việt dịch (1997).

Chú thích ảnh:

- H1. Tổng quan Đền Thờ Xá lợi Răng Phật tại Kandy
- H2. Lễ trao răng Phật.
- H3. Bức họa Công chúa Hemamali và Danta. Hemamali mang Xá lợi trên búi tóc
- H4. Bản đồ Ấn Độ của thế kỷ thứ IV. Cảng biển Tamralipti phía đông Ấn Độ, nằm ở hạ lưu sông Hằng. Pataliputra (Hoa Thị Thành) là nơi Phật hay đến.
- H5. Vương quốc Kalinga và các con đường hải hành thời thượng cổ tại Ấn Độ



Một giọt nước hiển bày đại dương

Thiền sư **GEOFFREY SHUGEN ARNOLD**
THỊ GIỚI lược dịch

DẪN

Cây tùng trước sân, lá cờ gió thổi - như một chiếc hoa báo mùa xuân không cùng, như giọt nước hiển bày đại dương. Những vị Phật xưa, sinh ra từng thời, xa ngoài dòng đời thường, không rơi vào lời và ý. Làm sao có thể hiểu trên lời?

CỬ

Một vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: “Ý của Tổ sư từ Tây qua là gì?”. Triệu Châu đáp: “Cây tùng trong sân”.

TỤNG

Mây bờ giếng tuyết
Mắt sông chứa thu
Miệng biển vỗ sóng
Lưỡi thuyền ngự sông
Tay dùng dẹp loạn
Mưu tạo thái bình.
Lão Triệu Châu, Lão Triệu Châu:
Khuấy động tông lâm chết chẳng thôi.
Chẳng phí công sức cũng tạo xe hợp vết bánh
Vốn không tài cán cũng lấp hố ngăn dòng.

岸眉横雪
河目含秋

海口鼓浪
航舌駕流
撥亂之手
太平之籌
老趙州老趙州
攪攪叢林卒未休
徒費工夫也造車合轍
本無伎倆也塞壑填溝。

Ngạn mi hoành tuyết
Hà mục hàm thu
Hải khẩu cổ lãng
Hàng thiệt giá lưu
Phạt loạn chi thủ
Thái bình chi trừ
Lão Triệu Châu, Lão Triệu Châu
Giảo giảo tông lâm tuất vị hưu
Đồ phí công phu dã tạo xa hợp triệt
Bổn vô kỹ lưỡng dã tắc hác điền câu.

...

Khi Triệu Châu nói “Cây tùng trong sân”, ngài thấy gì để nói đó là ý của Tổ sư (tự tánh, Thiền, hay thực tại)?

Công án nầy trích từ một cuộc đối thoại dài hơn:

Vị Tăng hỏi: “Ý của Tổ sư qua đây là gì?”. Triệu Châu đáp: “Cây tùng trong sân”. Vị Tăng nói: “Đừng lấy một vật

để dạy người". Triệu Châu: "Ta không lấy một vật để dạy người". Vị Tăng: "Vậy ý của Tổ sư từ Tây qua là gì?". Triệu Châu đáp: "Cây tùng trong sân".

Khi tin rằng chúng ta có một sự hiện hữu nội tại, độc lập, chúng ta sẽ nhìn thấy mọi thứ trong mối tương quan với chúng ta. Khi tôi bám niểm tin vào cái tôi, nhìn một bãi cỏ rộng lớn, tôi không nhìn thấy nó như chính nó. Tôi sẽ chỉ nhìn thấy nó trong mối tương quan với "tôi": Điều gì tôi có thể làm cho nó hay với nó? Điều gì nó có thể làm cho tôi? Nó cho tôi vui sướng hay làm cho tôi đau khổ? Nó làm cho tôi khá hơn, lớn hơn, giàu hơn, hay nó loại bỏ tôi? Con người trở thành "món đồ" bằng cách đó.

Một đệ tử của ngài Triệu Châu đến tham bái ngài Pháp Nhân. Ngài Pháp Nhân hỏi: "Ta nghe nói Triệu Châu nói 'Cây tùng trong sân'. Phải vậy không?". Vị Tăng phản đối: "Không". Pháp Nhân nói tiếp: "Mọi người ở đó nói rằng một vị Tăng hỏi ông ta ý của Tổ sư từ Tây qua, Triệu Châu nói 'Cây tùng trong sân'. Sao ông chối việc này?". Vị Tăng nói: "Ngài Triệu Châu không nói vậy. Xin đừng đổ oan cho ngài".

Vị Tăng đã nói gì? Xin đừng đi vào đời sống bằng ngôn ngữ, xin đừng biến pháp thành món đồ.

Trong kinh *Núi Và Sông*, ngài Dogen (Đạo Nguyên) nói: "Chúng ta nên tìm hiểu khi nước của mười phương được nhìn thấy trong mười phương. Học về việc nước nhìn thấy nước. Nước thực hành và ấn chứng cho nước. Từ đó chúng ta có thể có một sự thực hành về nước nói với nước". Đó là cái mà Triệu Châu nhắm đến. Ai là kẻ chỉ vào cây tùng trong sân? Không phải Triệu Châu. Vậy thì ai? Cái gì để cho nước học hỏi nước, để cho nước nói với nước, để cho nước thực hành và ấn chứng cho nước?

Công án còn lại: "Cây tùng là gì?". Công án này được nêu lên trong *Vô Môn Quan*, rồi đến *Thung Dung Lục*. Một vị Thầy nói rằng cả Năm Bậc (Ngũ Vị Quân Thần) của ngài Động Sơn nằm hết trong công án này. Nói cách khác, mọi cách nhìn về sự tương quan giữa tính chất nền tảng của thực tại (chơn như), tánh không, và thế giới hiện tượng đều có trong công án này.

Nhưng để thấy, chúng ta phải nhìn trong mối tương quan sâu xa. Chúng ta phải nhận ra rằng nó không phải là cái cây, cũng không phải không là cái cây. Và trong việc nhận ra cây tùng, chúng ta nhận ra Rừng tùng. Chúng ta nhận ra Núi. Chúng ta nhận ra Đất. Đó là lý do ngài Dogen (Đạo Nguyên) coi núi và sông là bài học sâu xa. Đó là nhìn một giọt nước và thấy được đại dương. Đó là nhìn vào một tâm và hiểu tâm của cả loài người. Đó là tòa trí tuệ, là nguồn đại bi.

Mây bờ giảng tuyết

Mắt sông chứa thu

Miệng biển vỗ sóng

Lưỡi thuyền ngư sóng

Tay dùng dẹp loạn

Mưu tạo thái bình

Lão Triệu Châu, Lão Triệu Châu:

Khuấy động tông lâm chết chẳng thôi.

Chẳng phí công sức cũng tạo xe hợp vết bánh

Vốn không tài cán cũng lấp hố ngăn dòng.

Ngài Hoàng Trí Chính Giác nói về ngài Triệu Châu, nhưng phải chăng ngài cũng không nói về trái đất lớn lao và bí ẩn này? Phải chăng ngài cũng không nói về một cái thân lớn là vũ trụ? Bờ mi, mắt sông, miệng biển, lưỡi thuyền; sinh ra làm Đất là nhận ra Đất như là thân và tâm của ta. Nhận ra điều này, chúng ta sẽ khám phá "tay dùng dẹp loạn (phạt loạn chỉ thủ)". Và "đó là cây tùng" (ghi chú cho câu tụng).

"*Thê tạo thái bình - Lão Triệu Châu, Lão Triệu Châu: Khuấy động tông lâm chết chẳng thôi. Chẳng phí công sức cũng tạo xe hợp vết bánh.*"

Vì sao chẳng phí công sức? Vì Đất là toàn bộ; vì chúng ta là toàn bộ; vì từ nền tảng không có sự khủng hoảng nơi chúng ta. Trước khi chúng ta nhận vào ảo tưởng về sự phân ly, thế giới thanh bình. Do đó Triệu Châu gắng sức vô ích. "*Chẳng phí công sức cũng tạo xe hợp vết bánh. Vốn không tài cán cũng lấp hố ngăn dòng.*" Ngài dùng một chuyện đơn giản để dạy, trả lời câu hỏi làm cho vị Tăng giác ngộ tánh Phật nơi ông.

Càng nhận ra sự tốt đẹp vô bờ nơi chúng ta, chúng ta càng thấy điều đó nơi người, ngay cả những người làm những điều rất tồi tệ. Đó là nhận ra sự toàn vẹn của Đất và sự toàn vẹn của chúng ta. Điều này đã xảy ra khi Đức Phật nhận ra chính ngài. Khi nhận ra điều này, Đức Phật thốt lên: "*Tất cả mọi chúng sanh, mọi sự vật, và đại địa ngay lúc này đều giác ngộ và toàn hảo.*" Điều này không có nghĩa là trong lúc này đây không có người nào trên thế giới đói khổ. Nhưng trong ngay lúc đó, Đức Phật thấy sự hoàn hảo và toàn vẹn nền tảng trong mọi thứ.

Khi chúng ta chứng nghiệm được điều này, nó sẽ thay đổi sâu xa cách nhìn và cách sống của chúng ta. Đó là lý do ngài Dogen nói: "*Mặc dầu chúng ta nói rằng núi thuộc về đất nước, sự thật chúng thuộc về những người yêu thương chúng. Khi núi yêu thương vị thầy của mình, người trí tuệ và đạo hạnh chắc chắn sẽ đi vào trong núi. Và khi những bậc hiền triết và trí tuệ sống trong núi, vì núi thuộc về họ, cây và đá sẽ sinh sôi phong túc, chim và thú sẽ nhận được sự ưu ái kỳ diệu. Lý do là những bậc hiền triết và trí tuệ bao phủ chúng với đức hạnh. Chúng ta cần nhận ra rằng núi thật sự nhận niểm phúc lạc trong những người trí tuệ và những bậc hiền triết.*"

"*Núi thuộc về những người yêu thương chúng.*" Và tình yêu đó là thứ tự nhiên nhất hiện diện trong chúng ta. Bi kịch là nó quá dễ dàng và thường xuyên bị che khuất. Trí tuệ này có thể luôn luôn được phơi bày. Chim và thú nhận được sự ưu ái kỳ diệu vì chúng được bao trùm với đức hạnh; chúng ta thấy được đức hạnh ở nơi đó. Nó ở trong anh, ở trong tôi. Sự thực hành của chúng ta là con đường để thấy điều đó. Ngài Dogen gọi đó sự rèn luyện của núi. ■



Gà nước tiếng kêu hồn đất

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Thăng Chình sinh ra và lớn lên nơi gà nước chạy rạng đất. Ngoài tiếng ru của mẹ để đầu đời, tiếng “cụp, cụp... cum, cum, cum...” của gà nước đã đi vô tiềm thức thăng Chình êm đềm trong giấc ngủ. Những biến, những xẻo, những doi đất... hun đúc nên nỗi nhớ nhà! Những gò, những đồi, những núi đột khởi giữa đồng bằng châu thổ sông Cửu Long khiến người xa xứ chạnh nỗi nhớ quê. Thăng Chình nằm yên trên cái vồng *bổ tời*, lắng nghe từng hạt nước rơi, mưa đêm. “Cụp, cụp...” rồi “Cum, cum, cum...” khi xa khi gần, lúc rõ lúc mờ hồ mông lung lắm! “*Chắc là đám gà nước ở mí vườn cũng trần trở không ngủ được như mình*”. Thăng Chình nghĩ vậy!

Nhà trên, ngọn đèn dầu vẫn còn le lói ánh sáng.

Tía thăng Chình và Hương giáo Thuận không biết bàn luận chuyện gì, trông chiếu tương đắc!

Cầm mặt dây chuyền vàng chạm “*chưn đèn hình người*” sẫm soi, bóng Hương giáo Thuận chập chờn in vách đất lộ nét đậm chiều.

“Lúc cày ải đất khu vực gò Ô Chùa thuộc địa phận Hưng Điền A², tình cờ tui lượm được cái mặt dây chuyền nầy. Nghe nói, kẻ có duyên mới lượm được, biết giữ gìn và thờ phụng thì gia đình dù nghèo nhưng ‘*trong ấm ngoài yên*!’”.

Năm Huôn bọc bạch với giáo Thuận và sẵn đó, nói luôn:

“Thà nghèo vẫn hơn bọn giàu nứt trứng mà trong lạnh ngoài nóng!”.

* * *

“Thưa thầy! Vậy thì, Phù Nam và Chân Lạp là một? Hoặc giả như mấy đứa bạn đồng môn của con thường nói: ‘*Nước Phù Nam nguyên là tiền thân nước Chân Lạp*?’”.

Thăng Chình hóng chuyện nghe đã lỏ tai nên ngửa môi mở miệng.

Tía nó rầy rà:

"Khuya rồi, sao con không ngủ! Sớm mai, còn đón xe đò lên tỉnh học".

Thường khi, mỗi tháng nó về thăm tía má một lần. Nói thăm tía má cho có tiếng nói phải hiểu, chứ nói *chính chẳng cần sửa* là, về "*thu thuế nuôi con*" ăn học thành người làng hoàng. Bởi, từ lâu cả cái làng biên giới heo hút này, mấy ai khấn vái ông Tà phù trợ cho con họ học hành đỗ đạt đăng ra mần quan; vì đỗ đạt chưa chắc đăng mần quan và mần quan, chưa hẳn cần đỗ đạt. Thăng Chỉnh hiểu điều tía má mong mỏi.

"Không đâu cháu! Đầu hôm tới giờ, tía cháu và thầy cùng bàn chính là chuyện đó. Chắc cháu cũng đã nghe!".

Thăng Chỉnh nhớ lại:

Hồi lên năm lên sáu tuổi, nó được tía má dắt tới làm lễ ra mắt thầy với con gà trống thiên tất tiếng gáy. Hồi ra mới vỡ lẽ, nếu còn tiếng gáy thì dù gáy hay, gáy dở đều bị đồng loại đổ kỵ. Sau khi nhận lễ, thầy hết lòng kèm cặp nó đánh vần, viết chữ bằng ngòi viết hình lá tre; kể chuyện *Nhị thập tứ hiếu*, cắt nghĩa chuyện *Lục súc tranh công*... Chẳng rõ, cái đó có phải gọi "*lễ khai tâm*" của các cụ nhà nho?

Hương giáo vẫn thuốc rê hút, thông thả nói:

"Phù Nam là Phù Nam, Chân Lạp là Chân Lạp. Hai nước riêng biệt".

"Cái gì chứng minh rằng nó là hai nước riêng biệt, Hương giáo?"

Tía thăng Chỉnh muốn nhen dipy này giúp con hiểu thêm về vùng đất đã bao đời dòng tộc của nó sinh sống.

"Mấy năm theo người dượng sang Phnôm Pênh bốc thuốc và dạy tiếng Việt cho người Việt ở Campuchia, qua đọc cuốn "*Lịch sử Campuchia*" thấy có ghi, rằng: Nguyên trước kia, Trường Viễn Đông Bác Cổ (nửa đầu thế kỷ XX) có một số học giả đã ngộ nhận 'Nước Phù Nam và nước Chân Lạp là một' trong các công trình nghiên cứu về vấn đề này.

Câu chuyện có lẽ hấp dẫn thăng Chỉnh, nó rời chỗ ngủ bước lên nhà trên, vịn nhóng tim đèn và khêu ngọn bắc cho ánh sáng tỏ thêm. Hương giáo nói tiếp:

"Song, từ những thư tịch của Trung Hoa và nhất là, từ những cuộc khai quật khảo cổ gần đây³ đã đủ chứng cứ khẳng định '*Phù Nam và Chân Lạp không phải là một*'".

Từng cơn gió khuya thổi thốc mấy tấm lá chằm sút dây lạt ở đầu song nhà gây tiếng động xạc xào. Đêm đông bằng im ắng!

Thấy thăng Chỉnh đứng dựa sau lưng thầy, tía nó dăm chiêu khó chịu. Hiểu ý người bạn già Năm Hưỡn, Hương giáo vọt miệng:

"Giờ đã là học trò trung học, con được phép nghe và có quyền can dự vô những chuyện có dính líu đến đời mình, dù trực tiếp hay gián tiếp. Huống chi chuyện nguồn gốc và chủ quyền đất nước nơi mình đang sống".

"Dạ! Cảm ơn thầy và tía cho phép con!".

Thăng Chỉnh trong lòng vui, nó liệng cơn buồn ngủ ra mé rạch, mặt mày tỉnh như sáo!

Hương giáo nhâm nhi chung rượu, rồi thông thả nói:

"Người làng mình xưa nay có lệ: '*Nói có sách, mách có chứng*'. Chuyện đất Nam Bộ là chuyện chung chứ không riêng chuyện của làng, nên phải nói là '*nói có sách*'. Sách đó, chỉ bằng sách '*Dị vật chí*' tác giả Dương Phù thời Đông Hán (25-220). Một quyển sách có thể nói là sớm nhất từng ghi chép về nước Phù Nam. Và, về sau này, nước Ngô (thời Tam quốc 220-280) đã thiết lập bang giao với nước Phù Nam. Nối tiếp tới thế kỷ thứ VI, thứ VII, có các sách, như: *Trần thư*, *Tùy thư*, *Thông điển*, *Tân Đường thư*... ghi chép và viết tỉ mỉ về Vương quốc Phù Nam⁴.

Thiếu nước sôi pha trà, thăng Chỉnh dợm xuống nhà dưới nấu nước. Hương giáo nắm tay nó níu lại:

"Thì, con đứng nghe cái đã, vội vã gì!".

Nhấp hợp rượu trong cái không gian tĩnh mịch sắp tàn đêm, Hương giáo nói như truyền lửa niềm tin vô lòng mọi người:

Việc '*Chân Lạp chinh phục nước Phù Nam và chiếm lấy đất đai*' đã được Trình Quán đời nhà Đường (627-649) ghi chép cẩn thận⁵. Và cũng có lẽ, đất nước và dân tộc Phù Nam bị diệt vong trong khoảng thời gian kẻ thù xâm lược chiếm đóng (?)".

Như thể đè nén và giấu cảm xúc, Hương giáo dùng lời, vói tay ngắt cục thuốc rê quấn và se giấy nhứt trình, mỗi lửa. Khói thuốc bay lãng đãng vào sương khuya...

"Trong sách '*Cao Miên quốc khảo*' cũng thừa nhận: Vào thế kỷ thứ VII, Chân Lạp đã đánh thắng và hoàn toàn thôn tính Vương quốc Phù Nam⁶. Chuyện chành bành và việc còn rành rành ra đó, lấp liếm cái nỗi gì mà lấp với liếm!".

"Thưa thầy! Như vậy, đất Nam Bộ vốn là của Phù Nam?"

Tía thăng Chỉnh rót thêm rượu mời Hương giáo, châm câu hài hước để loãng nỗi buồn cổ đại đương gặm nhấm trong lòng mỗi người:

"Chớ còn ai vô '*trồng khoai đất này*'!".

Dường như cái lạnh cuối hôm lạnh hơn đầu hôm. Có lẽ trời cố dồn lạnh đêm thắm đất một lần để buổi mai ngày ấm, lạnh chết dần vì nóng. Thăng Chỉnh nôn nao dợm hỏi: "*Nói có sách là vậy, còn mách có chứng thì sao thấy!*", nhưng trong bụng nó sợ tía rầy nói hỗn.

Chắc là đoán được bụng dạ đứa học trò, Hương giáo chợt cười:

"Nếu '*mách có chứng*' thì chứng đó, đương nằm trong tay tía của con!".

2

"Mèn dec ơi! Thức gì, thức sáng trắng đêm vậy, tía thăng Chỉnh?"

Má thăng Chỉnh từ dưới bếp hỏi vọng lên nhà trên.

Cuối xóm, gà gáy rộ canh tư và hình như lẫn trong tiếng gà gáy rộ đó, có tiếng kêu của gà nước gọi bầy thức dậy mỗi buổi mai đi kiếm ăn, lo cuộc sống. Với người nhà quê mần ruộng, thường là đồn ông lo chuồng trâu, đồn bà lo bếp núc. Lo chuồng trâu là lo hốt phân, quét dọn chuồng sạch sẽ và rút thêm rơm



cho trâu ăn. Lo bếp núc là lo nấu cơm nước để ăn uống trước lúc ra đồng, có khi giở cơm nước mang theo. Người và con vật đều có việc để bận, chẳng khác chi là sự mặc định phân công: *Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa!*

Khói bếp bốc lên từ củi ẩm, cay mắt.

"Má thằng Chình! Mình bớt củi lại!"

Từ nhà trên, Năm Huân trả lời câu hỏi của vợ bằng câu *đánh trống lảng* của tay cầm chầu đánh trống quên tuồng tích đào kép đương hát.

Ngồi chống cằm đợi trời sáng, Hương giáo nói đỡ lời Năm Huân:

"Tụi nầy chuyện văn về đất Nam Bộ vốn của Phù Nam. Hồi đầu cứ tưởng nói chút mà chơi, không dè chơi chút mà hấp dẫn, đầy tuốt luốt sáng trắng đêm vẫn chưa đã đó, chị Năm!"

Thằng Chình hưng khởi, nhồm giề chèn vào:

"Thiệt vậy má! Cục đất mình sống, từng là cục đất bị Chân Lạp chiếm đoạt của nước Phù Nam".

"Tía con mầy, tưởng má ù ù cạp cạp không biết gì? Má dốt là dốt chữ viết tay, chớ má nào dốt chữ nói miệng! Hồn cốt lưu dân bám và giữ được đất đai Nam Bộ, có lẽ một phần là nhờ chữ nghĩa truyền miệng cũng nên?"

Má thằng Chình nói một hơi, như thể tỏ ra mình chẳng phải loại *dốt đặc cán mai*.

Bụi tay che miệng, Hương giáo giả dò buồn ngủ, ngáp mấy cái:

"Vậy, chị Năm biết là biết làm sao đất Nam Bộ chẳng phát tích từ gốc Chân Lạp?"

Bám đuôi Hương giáo, tía thằng Chình chơi trò *té nước theo mưa*:

"Mình nói mình biết, đầu mình nói thử coi!"

Ngoài rạch, thỉnh thoảng có tiếng gà nước kêu bầy khi thời gian nhổng nhánh cuối hôm; và rồi, cũng cùng

lúc, má thằng Chình lui cui vo gạo, bắc nồi cơm lên trên ba cái đầu lò nắn bằng đất sét.

"Hết hưng thịnh tới suy tàn, cũng như anh hùng hôm nay có thể tội đồ ngày sau; chỉ là lẽ tự nhiên hoặc tất nhiên trong trời đất".

Nghe đến đó, tía thằng Chình vỗ đùi, cười ngất:

"Mình học lóm ở đầu mà nói lối bắt nhịp xuống xề vọng cổ, tui nghe đã con ráy!"

Chổng khen, má thằng Chình hăm hở như được mở tấm lòng,

"Hồi cổ ngoại còn sống, cổ ngoại cấm con cháu bầy bắt và ăn thịt gà nước. Hồi vì sao? Cổ ngoại cũng chả biết vì sao. Chỉ biết người đàn ông cựu dặn rằng: *Gà nước có nơi gọi cúm nùm hoặc khúm nùm. Đó là, cách gọi tùy vùng-miền không tùy người, bởi 'nhập gia tùy tục'*".

Thà dầm thẳm vô đề, dằng nầy má thằng Chình dùng giọng cù cưa, nói ví dụ khiến Hương giáo chịu chẳng thấu. Bắt đúng mạch vừa nôm vừa nong của Hương giáo, má thằng Chình vừa huôn vừa đãi xối nổi cơm.

Tinh thể kệt bạn, kệt mình. Tía thằng Chình phá vầy, giục vợ:

"Thì, má thằng Chình cứ nói lẹ đi, trời sắp sáng rồi đó!"

Má thằng Chình hồi con lo ăn uống sớm để kịp đón chuyến xe đò lên tỉnh học. Hồi lâu, má thằng Chình nói:

"Cướp của khó mà dễ, giữ của cướp dễ mà khó. Chân Lạp cướp nước Phù Nam, nhưng không phải một sớm một chiều giữ được và đặt nền móng cai trị trơn tru. Cho nên, đã khôn khéo dùng người thuộc dòng dõi vua Phù Nam cai trị người Phù Nam theo ý muốn của Chân Lạp. Một chính quyền Chân Lạp không có Chân Lạp!"

Gà trong xóm chưa gáy canh năm, nghĩa là đêm vẫn còn và ngày chưa sớm bùng.

Má thằng Chình quay sang, nhắc tía thằng Chình mời Hương giáo nán lại dùng cơm buổi sáng. Sắp xếp mọi việc đầu vào đó, má thằng Chình nói tiếp:

"Vua Bala (Baladitya), vị vua cuối cùng trên danh nghĩa vua Phù Nam bị giết, xác trôi dạt dờ theo sóng nước sông hồ khắp miền tiểu quốc Anin (Aninditapura) mảnh đất còn sót lại của Vương quốc Phù Nam rộng lớn và hưng thịnh một thời. Người Phù Nam lần hồi biến mất, một dân tộc bị diệt vong, không để lại nguyên nhân, chỉ để lại hậu thế nổi bằng khuâng, bồi hồi và thương tiếc!"

Hương giáo đương ngon trớn gấp khứa cá kho nổi đất, khựng lại.

"Gà nước trống to con và dềnh dàng hơn gà nước mái. Dầu vậy, chưa bao giờ trống dạn dĩ hơn mái. Bởi, cốt vua nên nó có cái mồng màu đỏ chót, đầu và ngực phủ lớp lông đen xám, giống chiến binh mặc áo giáp khi đi đánh trận".

Hương giáo chưng hửng, buông lời:

"Chị nghe đầu mà nói vậy?"

"Thì tui nghe lóm cổ ngoại nói. À! Tui quên, cổ ngoại còn nói: 'gà nước chính là hiện thân của vua Bala'(?!). Tui nhớ dường như bà cổ ngoại có hỏi ông cổ ngoại cái chi đó, rồi ông cười: 'đã nói là chuyện tương truyền, bà hỏi chi vắn vẹo?'".

Má thằng Chình đáp lời Hương giáo.

Tiếng gà nước kêu từng chập hòa từng hồi tiếng gà gáy canh năm, dậy xóm!

"Cổ điều lạ, là tới mùa giao phối và sinh sản thì con trống nhắm mắt nhắm mũi la làng, chống khu kêu vang xóm. Dù sao thì cũng phải thú nhận rằng nghe tiếng gà nước kêu mấy ai cảm lòng được cái man mác xôn xao như nửa tiếc thương, nửa oán hờn! Nói chẳng ngại quá lời, chớ tiếng kêu của nó ăn đứt tiếng kêu của những loài chim nước khác. Hết mùa, con trống miệng nín khe, tướng đi lum khum cảm bằng dáng điệu khúm núm... Coi kỹ, cái mông của nó đã thụt mất tự hồi nào! Ngay bộ lông trông hùng dũng như áo giáp, cũng biến thành dải lụa đào khác gì lông con mái. Người đời thường ví kẻ ăn ở bạc tình bạc nghĩa là *gà nước thụt mông, chòm lông biến sắc*".

Má thằng Chình nói chưa dứt câu, tía nó và Hương giáo không muốn tiếp tục ăn mà chỉ muốn tiếp tục nghe.

Biết vậy, má thằng Chình bạo miệng xâu chuỗi chuyện:

"Vua Bala đầu thai thành con gà nước ngay trên đất cũ, nơi ngài răm rắp nghe lời Chân Lạp cai trị tàn bạo và mất nhân tính đối với lê dân Phù Nam sống khốn cùng. Ngài chỉ nghĩ đến thân thế và dòng tộc. Cho nên, khi đã là thân phận gà nước, sự sợ hãi thường trực trong trái tim ngài; con cháu vừa khẻ mở chào đời, lông vừa khô thì tự động bơi, lặn dưới nước tần tảo kiếm ăn. Đời gà nước cứ lủi thủi nơi lùm bụi, gặm nhấm nỗi buồn vong quốc trên quê hương, tủi nhục với tiền nhân trải qua mười ba triều đại đất nước Phù Nam rực rỡ. Khi trời đất chuyển mùa sang tháng tư, năm, sáu... gà nước lên bẻ cò cây cỏ, bông lúa làm tổ đẻ và nó đẻ trứng đôi ba lứa, như là đẻ bù tiền kiếp trước cốt người Phù Nam bị diệt chủng (?!).

Thằng Chình nghe má nói, nó chợt nghĩ:

"Gà nước đẻ trứng, trứng nở con và con đến bao giờ chuyển kiếp người để người ngấm quê cha đất tổ Phù Nam!?"

3

Cum, cum, c...u...m! Cựp, cựp, c...ự...p!

Gà nước rậm rịt kêu rộ mé đất biển. Thằng Chình thưa tía má, thưa thầy đi lên tỉnh học. Má nó lật đật giúi vô túi quần nó chai dầu nóng, phòng khi trái gió trở trời nơi gác trọ chốn thị thành.

Thằng Chình mang bóng, vội bước ra cổng trong cái bóng nắng ban mai đầy hương vị quê nhà. Và, mọi người ngó theo nó với niềm hy vọng:

"Thằng Chình và thế hệ nó, không thể như là con gà nước!". ■

Chú thích:

1. Đồng, thế kỷ IV-VI đã tìm thấy ở Rạch Giá.

2. Nay thuộc huyện Tân Hưng, Long An.

3. "... có thể thấy những di tích khảo cổ học mang dấu ấn Chân Lạp trên đất Nam Bộ trước thế kỷ XVI không nhiều và ảnh hưởng văn minh Angkor ở vùng này cũng không đậm nét". Võ Sĩ Khải, *Địa chí văn hóa TP.HCM*, tập I, tr.183.

4. Nguồn sử liệu trong các thư tịch cổ trên cho biết: Nước Phù Nam được hình thành vào đầu Công nguyên (thế kỷ I), theo truyền thuyết lập quốc bằng sự phối hợp giữa hai dòng họ Soma (Mặt trăng) và Kaundynia (thuộc đẳng cấp Bà-la-môn). Vị trí nước Phù Nam được mô tả như sau:

"Nước Phù Nam ở phía Nam xứ Nhật Nam, trong một cái vịnh lớn ở phía Tây biển, cách Nhật Nam khoảng 7.000 dặm, cách Lâm Ấp về phía Tây Nam hơn 3.000 dặm, thành phố cách biển 500 dặm, có con sông lớn rộng 10 dặm, chảy từ Tây sang Đông rồi đổ vào biển. Mặt đất thấp và bằng phẳng".

"Phù Nam ở cách phía Tây Lâm Ấp khoảng hơn 3.000 dặm, ở trong một cái vịnh lớn, lãnh thổ rộng 3.000 dặm, có thành ấp cung thất... Về phía Đông của Phù Nam là biển rộng mênh mông. Người ta có thể tới nước đó bằng đường bộ hoặc đường thủy" (Nguồn Sử liệu trong các thư tịch cổ).

5. Sau khi chiếm được nước Phù Nam, Chân Lạp tiến hành lập bia chữ Khmer, lập đền thờ thần... hòng xóa dần văn hóa và áp đặt bộ máy chính quyền cai trị. Bản thân chính quyền Chân Lạp rối rắm và bất ổn, dẫn đến sự tách rời Chân Lạp ra làm hai: *Lục Chân Lạp* và *Thủy Chân Lạp* (vốn là đất Phù Nam). Kế tiếp, người Giava cướp phá vùng đất Thủy Chân Lạp; đồng thời bắt một số nhân vật quan trọng của Chân Lạp đem về Giava (787-802). Đến năm 800, một hoàng thân Chân Lạp trốn khỏi Giava trở về nước, tập hợp lực lượng đánh đuổi quân Giava và làm vua lấy hiệu Giavayacman II (802-850). Tuy vậy, Chân Lạp không thể cai trị bằng bộ máy tập quyền và thống nhất Thủy Chân Lạp và Lục Chân Lạp thành thể thống nhất Chân Lạp. Việc đó, phải đợi đến Ragiendravacman II (944-968) mới thực hiện được.

6. Nằm ở phía Tây nam của Lâm Ấp, Chân Lạp thuộc chư hầu của Phù Nam. Họ vua là Sát-lợi (Kshatrya) tên là Trì-đà-tư-na (Citrasena) đã đánh chiếm Phù Nam và khuất phục nước đó (theo các sử gia đời Tùy, Đường ghi chép).

7. "Vịnh phía Tây biển lớn, chỉ có thể là Vịnh Thái Lan ngày nay. Con sông lớn chảy từ hướng Tây và đổ ra biển. Con sông từ mạn Tây Bắc về hướng Đông rồi đổ ra biển, tương ứng với dòng chảy của hạ lưu sông Cửu Long. Đất từ trên cao đổ xuống và rất bằng phẳng là thể đất châu thổ sông Mêkong. Bao gồm lưu vực những dòng chảy của sông Hậu, sông Tiền, sông Vàm Cỏ, sông Đồng Nai và sông Sài Gòn".

"Lãnh thổ Phù Nam choán cả miền Nam bán đảo Đông Dương vùng hạ lưu sông Cửu Long, vùng Đồng Tháp Mười, các đất đai sát bờ biển Thái Lan..." (Theo xác định vị trí địa lý Vương quốc Phù Nam (tương đối) của các nhà khoa học đương đại trong và ngoài nước)

8. Năm 224, một văn phòng thương mại Phù Nam thành lập gần thủ phủ Nam Kinh (Trung Hoa) gọi Phù Nam quán. (Theo *Sử liệu Phù Nam*, Lê Hương).



Bia và Giới

CAO HUY HÓA

Cuộc sống bình thường trong xã hội không thể bỏ qua bia và rượu. Hai thức uống này có hại hay không là tùy theo người sử dụng, nhưng ma men luôn luôn lẫn lộn khiến xã hội và con người phải cảnh tỉnh. Bia và rượu giống nhau vì cả hai đều có chứa cồn, và khác nhau vì bia thì nốc được ngụm lớn, uống như thức uống, trong khi rượu thì uống từng ngụm nhỏ, nhâm nhi. Sự khác nhau đó là do nồng độ cồn.

Nồng độ cồn là một số đo chỉ hàm lượng cồn (ethanol) có trong thức uống có cồn (tính theo phần trăm thể tích). Nồng độ cồn được tính theo số ml ethanol nguyên chất trong 100 ml dung dịch ở 20 °C

Theo Wikipedia, nồng độ của bia và rượu theo tỉ lệ phần trăm như sau:

- Bia: 1 - 12% cồn, thường ở vào khoảng 5%.
- Rượu vang: 7 - 14% cồn thường vào khoảng 12%.
- Rượu mùi: khoảng 15 - 75% cồn, thông thường dưới 30%.
- Rượu mạnh: thường vào khoảng 30 - 55%

Chuyện rượu bia thì thực tế nước ta đã nói nhiều. Từ thành thị đến nông thôn, ở bất cứ địa phương nào, dân ta hào hứng khi thể với bia (và rượu), nhà máy bia mở ra khắp nơi, truyền hình quảng cáo bia rất sinh động, “đậm đà nghĩa tình”, bia đóng góp cho ngân sách địa phương rất đáng kể. Ngoài chuyện thời thượng đó, theo tập quán nước ta, rượu và bia rất cần thiết trong các dịp lễ, Tết, đám cưới... Cứ đến Tết, hầu như nhà nào cũng có chai rượu, thùng bia để mừng Tết đón xuân, vui với gia đình, bạn bè, láng giềng.

“Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi...”, đó là nét văn hóa thể hiện niềm vui của con người chan hòa với đất trời.

Nâng chén chỉ là tượng trưng, không nhất thiết phải cạn chén, không nhất thiết phải chén đầy, hay chén này qua chén khác, vì vậy, vào ngày mồng một đầu năm, nếu được mời, thì người Phật tử giữ giới vẫn vui vẻ một chút để nâng chén chúc mừng; ngoài ra, ngày ăn chay thì nên xa chuyện bia bọt. Thật ra, nếu biết bạn là Phật tử, thì gia chủ sẽ không mời bạn rượu hay bia vào ngày đầu năm. Và chẳng ngày nay, chuyện ăn Tết đã khác trước nhiều, người ta chú trọng đi chơi Tết nhiều hơn, trong khi bài hát “Ly rượu mừng” của Phạm Đình Chương vẫn tràn đầy cảm xúc theo cùng năm tháng.

Người Phật tử ít nhiều đều giữ giới, trong đó có giới răn không uống rượu. Phật tử giữ giới chặt chẽ thì bình

thường đã không uống rượu. Cũng có khi Phật tử cũng linh động uống chừng mực trong giao tiếp xã hội, bạn bè, bà con, nhưng luôn luôn làm chủ cảm xúc và giữ gìn thân, khẩu, ý. Thế còn bia?

Bia là thức uống cho nhu cầu bình thường: khi khát, khi thích, khi ăn, khi giao tiếp. So với các thức uống khác, bia có sự hấp dẫn ở mùi thơm của hoa bia (houblon), chút đắng, chút ngọt của mạch nha để lại sau khi uống, và một chút hưng phấn do mấy phần trăm nồng độ cồn. Tất nhiên có người không ưa bia vì không thích vị đắng, hoặc vì không thể hấp thụ cồn, hoặc vì không thấy ngon gì cả; vì thế trên bàn tiệc, người ta để sẵn nước tinh khiết, nước ngọt có gaz... Tuy nhiên uống bia là thời thượng, là nhu cầu giao tiếp (?), cho nên có nhiều người vốn trước đây không thích gì bia, nhưng đến khi thăng quan tiến chức thì cũng phải theo phong trào *dô dô* và sau một thời gian không xa thì cũng ham uống bia như ai, lâu không ai mời mọc thì cũng nhớ *dô dô*.

Về liên hệ giữa uống bia và sức khỏe, trên sách, báo và mạng có quá nhiều bài, nhiều giảng giải và lời khuyên. Tôi không đi xa về chuyện này, chỉ nêu một lời khuyên mà ai ai chắc đều đồng ý: Uống vừa phải. Bao nhiêu là vừa?

Ta hãy thử quy chuẩn. Nếu là gạo thì có lon gạo, nếu là bia thì có lon bia. Phải chăng ngày nay lon gạo là quá nhiều cho phần ăn một người, còn lon bia thì quá ít? Đúng, lon bia là ít nếu bạn bè, “chiến hữu” vào hội, nhưng lon bia là vừa nếu bạn vui vẻ trong gia đình. Anh bạn tôi, đã nghỉ hưu, thỉnh thoảng mở lớp nhỏ dạy ít học sinh tại nhà, dạy xong thì cũng lữ bữa ăn tối. Thế là bà nội tướng đã chuẩn bị một món ngon, một chút cơm và một lon bia; ông bạn tôi khoan khoái, lừng lừng vì bia thì ít, mà cảm cái tình của chị thì nhiều.

Dùng bia kiểu chừng mực như thế thì chẳng có gì phải nghĩ đến giới. Chỉ có uống tràn lan với “chiến hữu”, ngón hết thùng này qua thùng khác, uống không làm chủ được cảm xúc, rượu vào lời ra, nói xóc óc nhau... có trường hợp gây ẩu đả, thậm chí án mạng, thì chính mình vi phạm lời nguyện giữ giới của mình, nặng hơn là xâm phạm thân thể và danh dự người khác. Bia, thay vì đó là chút xúc tác cho vui, cho hưng phấn, đã trở thành bia bọt và kể cận với hiểm họa.

Có người thắc mắc: “Ăn chay uống bia được không?”. Ăn chay liên quan đến giới không sát sinh, còn uống bia thì liên quan đến rượu, là thứ mà giới thứ năm dạy



Phật tử không dùng. Uống một lon bia, chất cồn vào người chẳng bao nhiêu thì lon bia không thể sánh với chén rượu để gây say; tuy nhiên, khi người ta ăn chay là người đó đã chọn một cách ăn thanh tịnh, giản dị, ăn cho nhẹ thân tâm, thì sá gì một lon bia mà không bỏ được? Lại có người cho rằng nhiều khi vì xã giao đãi khách trong tiệc chay, gia chủ (và kể cả nhà chùa) vẫn dọn bia. Chuyện này chẳng liên quan gì đến giới cả, tuy nhiên, tôi nghĩ rằng giả như không có bia trên bàn tiệc chay thì vẫn hay hơn. Cũng vì câu hỏi có nên dùng bia trong chiêu đãi tiệc chay hay không, mà thị trường đã xuất hiện bia chay (không có cồn, hoặc cồn rất ít, chỉ có lên men), nhưng xem ra, người dùng không nhiều. Một loại bia cầu kỳ, vẽ vời không phải là nhu cầu của người ăn chay, lại chẳng hấp dẫn chút nào đối với dân nhậu, dầu là dùng tạm.

Nếu người Phật tử bình thường uống bia chừng mực thì không có vấn đề về giới, tuy nhiên người xuất gia thì không được xét để đãi như vậy. Cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu trong một thời giảng (đã lâu rồi) cho một trú xứ tập trung an cư, đã chân thành nói kinh nghiệm riêng của mình: *“Tôi biết ở Huế trước đây đi cúng tới nhà thí chủ có một số vị trước hết là đòi bia liền. Tôi xin nói kinh nghiệm của tôi. Trước đây tôi cũng không uống bia, nhưng cái bụng cứ hay đau lâm râm, có một vị sư nói thầy nên uống một ít bia thì cái bụng của thầy sẽ êm, vì nó tống khứ các đồ ăn trong bụng đi. Vì muốn cái bụng hết đau nên cũng nhắm mắt uống một ly. Lúc đầu uống thấy cay cay, uống ngụm thứ hai thấy cũng hơi được được, ngụm thứ ba thấy ngọt ngọt (vì cho sữa vào). Nếu tôi không kịp ngăn lại thì bây giờ tôi cũng là ông thầy uống bia rồi. Sau có bà bốn đạo nghe được tôi có uống bia, nên khi tôi vào Sài Gòn chữa mắt, Phật tử ra chào và nói: ‘Con nghe Ôn uống bia được, con mua một thùng để sẵn đây’. Như thế này thì nguy hiểm quá, vô tình mà mình mang cái họa. Nghĩ thế nên tôi bỏ luôn”*.¹

Cố Hòa thượng đã dẫn câu chuyện này để chân thành và mộc mạc khuyên quý thầy: *“Chúng ta phải tri*

túc trong ăn uống. Khi đi độ đám, làm đàn ma chay kỵ giỗ, các thầy đừng ham ăn ham uống quá nhiều. Nếu có ăn thì ăn vừa đủ no để nuôi thân, nếu có uống thì uống nước ngọt thay cho uống bia, uống rượu. Và nếu khi các vị cư sĩ đãi bia thì mình cũng đừng uống. Khi mình uống thì trước mặt họ không nói gì nhưng sau lưng họ chê mình, đó là việc hết sức tối kỵ”.²

Câu chuyện này cũng là lời nhắc nhở, răn dạy của Ôn Từ Đàm cho các cư sĩ, không chừng sẽ tạo điều kiện cho quý thầy vượt quá nếp sống nhà chùa mà cứ nghĩ là quý trọng Tăng. Nói rộng ra, có trường hợp Phật tử với điều kiện vật chất rộng rãi, đã cúng chùa nhiều thứ chẳng giúp gì cho đời sống phạm hạnh và hoằng pháp của chùa như vẽ vời xây dựng công trình, như “cúng đường” phượng tiện vật chất phù phiếm, như tổ chức lễ bái quá hoành tráng, rình rang...

Nhân bàn chuyện bia, tôi viết một chút về một vị thầy quý kính của tôi: Cách đây đã gần mười năm, chúng tôi đi thăm non thiêng Yên Tử và một số thắng tích ở miền Bắc, và mời thầy PT cùng đi, cũng có ý kính nhờ thầy vì thầy đã quen với cảnh quan và chùa chiền phía Bắc. Tất cả cùng đi một xe, người lái là một thanh niên Hà Nội vui vẻ, năng động, tự xem mình như là đệ tử của thầy PT. Suốt mấy ngày đi chơi, thầy và đoàn chúng tôi, kể cả người lái xe, dĩ nhiên đều ăn chay, và khi đó ở miền Bắc chưa quen ăn chay nhiều như bây giờ, nên có lúc khó khăn, nhất là trên đường xa, nhưng cũng không sao. Một bữa nọ vào quán, thầy PT nói riêng với tôi, đoàn nên cho một người ăn riêng với anh lái xe. Như vậy bàn ăn chia hai: phần đông ăn chay, uống nước ngọt, còn hai người ăn riêng và có bia. Cách tặng bia của thầy PT cho người lái xe, thật là đẹp! Và sự sắp xếp này chỉ một lần trong chuyến đi. ■

Chú thích:

1. HT.Thích Thiện Siêu, *Phật ở trong lòng*, Nxb Tôn Giáo 2003, tr.118-119.

2. Như trên, tr.119.



Hai bức tường dễ đổ vào ngày Tết

LÊ HẢI ĐĂNG

1. Tổng quan về “Tứ đổ tường”

Người xưa đã tổng kết, trong nhiều thói hư tật xấu của con người, có bốn thứ dễ gây đổ vỡ hạnh phúc gia đình, đó là: “Trừu, phiêu, đổ, ả”. Trừu nghĩa là nghiện hút; Phiêu là dính mắc vào chuyện đi điếm; Đổ là ham mê cờ, bạc; và ả là nghiện rượu. Bốn thói này cộng hưởng nhau sẽ xô nghiêng, đẩy đổ bức tường kiên cố gia đình, gọi chung là “Tứ đổ tường”. Thực tế cho thấy, người nào nhiễm một trong bốn thói xấu trên đã có thể làm chòng chành con thuyền hạnh phúc, hưởng hồ mắc cả bốn thói xấu ấy thì khả năng lật úp là chuyện sớm muộn.

Người xưa quan niệm như thế. Ngày nay, quan niệm này đã thay đổi. Ở nhiều quốc gia, “Trừu, phiêu, đổ, ả” đã trở thành mặt hàng kinh doanh đem lại nguồn thu lớn cho đất nước; như Las Vegas (Mỹ) hay Macau (Trung Quốc) chuyên về cờ bạc chẳng hạn. Lẩu xanh mọc lên ở nhiều nơi trên thế giới, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, bất kể nhà cầm quyền mở mắt hay nhắm mắt, pháp luật chấp nhận hay không. Nó góp phần biện hộ cho tư duy nhị nguyên, chia con người làm hai phần: Con và Người; linh hồn và thể xác; tinh thần và vật chất; tu viện và kỹ viện. Tu viện di dưỡng phần tinh thần, còn kỹ viện thỏa mãn nhu cầu thể xác. Về phương diện hút, hiện đã nâng cấp lên thành hít, chích với nhiều chủng loại đa dạng. Cuối cùng là rượu, bia.

Riêng ở Việt Nam, một đất nước mới nổi sau mấy chục năm phát triển vươn lên giữ vị trí quán quân khu vực Đông Nam Á, số ba châu Á về số lượng tiêu thụ. Và trong bốn loại hình “vui chơi, giải trí” kể trên, xét về tính hợp pháp, ở nước ta chỉ có rượu, bia được chấp nhận. Cờ bạc tuy hạn chế trong phạm vi một số khách sạn đủ tiêu chuẩn năm sao phục vụ du khách ngoại quốc, nhưng trong chốn dân gian, nó vẫn tồn tại dai dẳng dưới nhiều hình thức.

2. Giới cấm thứ 5

Trong các nghiên cứu, người ta thường đưa ra hai cột chỉ báo liên quan tới tác dụng và tác hại của rượu, bia; đồng thời khuyến cáo mọi người sử dụng tuân thủ liều lượng an toàn. Nói cách khác, uống rượu uống bia với liều lượng thích hợp thì có tác dụng tốt đối với sức khỏe. Song, rượu-bia lại có một tác dụng ngoài ý

muốn, đó là khả năng gây nghiện. Theo thời gian, số lượng thích hợp ở từng cá nhân dễ dàng bị điều chỉnh, từ đó ảnh hưởng đến ngưỡng an toàn. Đặc biệt, sau khi uống rượu, bia với liều lượng vượt ngưỡng, người ta có thể không tự chủ, tự quân được năng lực hành vi dẫn tới nhiều lỗi lầm tai hại.

Theo VietNamnet: Nước ta “mỗi ngày bay 250 tỉ vì tai nạn giao thông”, trong đó: “Gần 40% số vụ tai nạn giao thông liên quan tới rượu, bia” (báo điện tử vtv.vn).

Khác với thuốc lá, sau Nghị định 77/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá, cùng với công tác tuyên truyền, người hút thuốc lá dần dần trở thành nhóm yếm thế ở những nơi công cộng, mặc dù số vụ buôn lậu thuốc lá vẫn tăng cao. Như vậy, trong bốn loại hình giải trí “có điều kiện”, rượu, bia là vô tổ chức, vô điều kiện nhất. Xếp ở vị trí cuối cùng, giống như người em út trong đám huynh đệ “tứ đổ tường”, thay vì nhận sự chỉ bảo, uốn nắn, nó lại được nuông chiều, động viên, càng ngày càng bướng bỉnh, khó bảo. Người ta có thể tìm ra vô vàn khuyết điểm để đàn áp thuốc lá, nhưng đối với rượu bia, ưu khuyết nói chung ngang nhau. Và ngày Tết, càng có lý do để nhiều người củng cố mối quan hệ thâm tình bền vững với rượu, bia, bên cạnh thú chơi cờ bạc, đồ đen nhằm thử vận may vào dịp đầu năm mới.

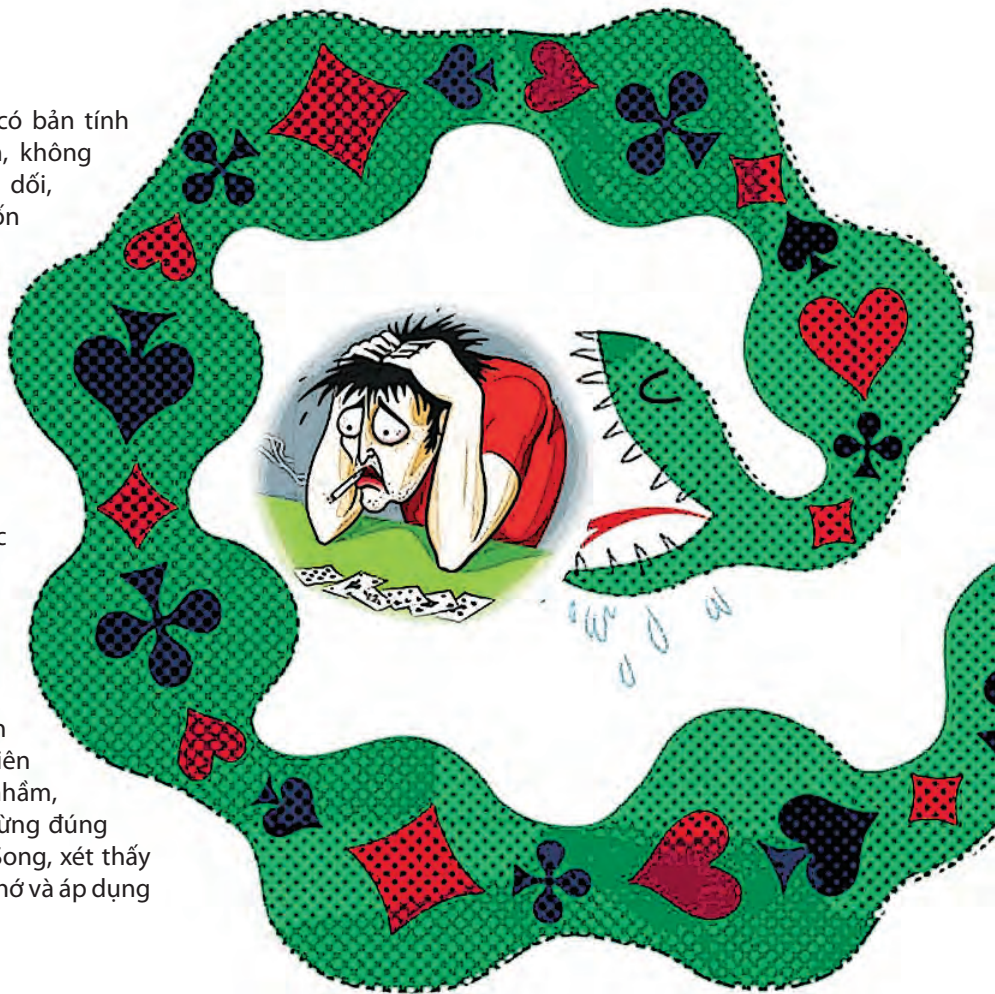
Đối với người tu hành, không uống rượu, bia thuộc giới cấm thứ năm. Một trong năm giới tối thiểu áp dụng trong phạm vi tín đồ, cư sĩ tại gia (Phật tử) nói chung. Trong năm giới này, xét ở góc độ tuyến tính, cấm uống rượu cũng đứng ở vị trí cuối cùng. Nhưng, nhìn theo mối quan hệ, cả năm giới đều có liên quan chặt chẽ với nhau. Một người nếu không giữ trọn cả năm giới có khả năng phạm những giới khác. Chẳng hạn như uống rượu, bia, ban đầu tinh thần phấn chấn, mở mang trí tuệ, người ta có thể “nổ” trên bàn nhậu, phạm giới thứ tư là “không vọng ngữ”, tiếp tục gia tăng tửu lượng, người uống đạt tới cảnh giới “vô phân biệt”, không ngăn ngại cấm nhằm đồ dùng của người khác, phạm giới thứ ba là “không trộm cắp”, tiến tới mức “cho chó ăn chẻ” thì người thân hay sơ đồ như nhau, vợ người cũng như vợ mình, phạm giới thứ hai là “không tà dâm” và một khi uống tới mức “vô ngã”, sát sinh là chuyện nhỏ, sát nhân là chuyện lớn đều có thể xảy ra.

Bởi vậy, dù là người bình thường vốn có bản tính hiền lành, lương thiện, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, nhưng uống rượu đến mức say xỉn, cả bốn việc kể trên đều trở nên khả thi. Và như chúng ta biết, rượu, bia có tác dụng tăng cường bản lĩnh. Người say rượu có thể làm rất nhiều việc mạo hiểm, kể cả giết người thân.

Vì vậy, giới cấm thứ năm vốn nằm trong Ngũ giới của nhà Phật, nhưng thiết nghĩ, với tình trạng sử dụng rượu bia tràn lan như hiện nay, việc áp dụng giới quy này có tác dụng ngăn chặn tác hại của nó, đồng thời điều tiết hành vi từ bên trong nhằm bảo vệ bản thân tránh khỏi sai lầm tai hại. Báo chí mới tập trung vào số vụ tai nạn giao thông liên quan tới rượu, bia, còn rất nhiều loại tệ nạn khác tuy không xảy ra trên cung đường nguy hiểm, nhưng cũng liên quan đến rượu, bia, như gây gỗ, hiểu nhầm, cãi nhau, đánh lộn, chém giết... “Biết dừng đúng lúc” thuộc phẩm chất của bậc “tri túc”. Song, xét thấy năng lực tự chưa tốt thì tốt hơn hết hãy nhớ và áp dụng Giới cấm thứ năm này.

3. Đồ đen ngày Tết

Ngày Tết đi trên những con đường rộng thênh thang với tâm thái nhớn nhoe, thư thả không khỏi cảm thấy phấn khởi, hân hoan. Cảnh xe cộ ùn tắc, chen chúc, khói bụi ô nhiễm thường ngày đã được bầu không khí ngày Tết gột sạch, hoa cỏ mùa xuân xanh tươi tràn xuống phố. Ngoài những người trở về quê hay đi xa ăn Tết, còn “một bộ phận không nhỏ” cư dân bản địa tụ tập ở nhà, quây quần bên bàn nhậu và đặc biệt là chơi bạc tự phát để thử vận may góp phần làm cho đường phố thêm thông thoáng. Đầu năm thử vận từ lâu đã trở thành thói quen văn hóa. Cả Việt Nam và Trung Quốc đều có truyền thống thử vận may bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có đánh bạc. Tuy đã có nhiều học giả lên tiếng phản đối thói cờ bạc, song nó vẫn phổ biến và phát triển song hành cùng với lịch sử. Ở Trung Quốc, cờ bạc phát triển thành phong hóa xứ sở. Mấy chục năm trước, người ta truyền nhau câu chuyện: lãnh đạo cấp cao nước này đi gọi hồn ngài chủ tịch đáng kính Mao Trạch Đông. Sau vài câu hàn huyên, chủ tịch bèn hỏi: “Hiện nay nhân dân cả nước đang làm gì”. Lãnh đạo đương nhiệm trả lời: “Đang đấu địa chủ”. Chủ tịch Mao gật đầu, khen: “Họ làm đúng đường lối, chủ trương của ta!”. “Đấu địa chủ” theo ngôn ngữ dân gian: chính là đánh bài. Tới Trung Quốc, ta có thể bắt gặp cảnh tượng này ở rất nhiều nơi. Người Trung Quốc đã sớm xuất khẩu thói quen này sang quốc gia khác.



Và ngày Tết ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam là lễ hội của cờ bạc, từ tại gia đến tại ngoại.

Cờ bạc có điểm giống như trò chơi trúng thưởng. Nhưng bản thân nó không có khả năng tạo ra giá trị thặng dư, nên dòng tiền xoay vòng từ túi người này sang người khác. Giống như rượu bia, cờ bạc cũng gây nghiện, thậm chí khó cai hơn. Một khi người chơi đã lên cơn say chẳng ngần ngại làm bất cứ việc gì nhằm thỏa mãn. Chưa kể, cờ bạc còn có tính chất gian lận, dối trá, “cờ gian bạc lận”, nên từ câu chuyện thử vận đầu năm có thể dẫn tới mâu thuẫn, ẩu đả, sát hại lẫn nhau. Nhiều người nghĩ chơi vài ván cho vui, nhưng sau vài ván khai vận, may mắn thắng lợi người ta sẽ chơi tiếp để thừa thắng xông lên. Không may thua thì gỡ, gỡ không được thành ra ăn thua, rồi không loại trừ khả năng ăn thua bằng bạo lực. Đã có biết bao vụ việc tai hại xuất phát từ chơi bạc ngày Tết.

Đầu năm vốn là một dịp vui, mọi người quây quần bên nhau, uống chút rượu bia hay chơi vài ván bài thử vận âu cũng là một trong những việc “bách vô cấm kỵ”. Song, tất cả đều phải xuất phát từ niềm vui, đừng để lượng đổi, chất đổi đâm ra “lạc cực sinh bi”, vui quá hóa rối, khởi đầu cho một sự đổ vỡ tai hại mà hai trong số bốn bức tường nghiêng ngả ấy chính là: cờ bạc và rượu bia. ■



Thơ Vương Duy

nhìn từ góc độ mỹ học Thiền tông

NGUYỄN ANH NGHIỆP

Trung Quốc đời Đường (618-907) là một quốc gia tiên tiến, văn minh trên thế giới đương thời. Trong lĩnh vực văn học, xuất hiện một cảnh tượng phồn vinh; chính thành tựu thơ ca đã tạo nên thời đại hoàng kim của lịch sử phát triển thơ ca trong xã hội phong kiến. Bên cạnh tên tuổi của hàng loạt nhà thơ, nổi lên nhiều nhà thơ lớn như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên,... mỗi nhà thơ là đỉnh cao của một trường phái; trong đó Vương Duy là đỉnh cao của sơn thủy điền viên, và trên hết là thơ triết lý thiền môn.

1. Phong cách thơ Vương Duy:

Sự gặp gỡ văn hóa của Thiền và thơ

Cơ duyên với Thiền của Vương Duy bắt nguồn từ chính gia đình của nhà thơ. Ngay từ nhỏ Vương Duy đã tiếp thu luồng tư tưởng Phật học từ gia đình mà đặc biệt là từ mẹ. Mỗi người có một hoàn cảnh xuất thân khác nhau, gia đình sẽ là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn và dẫn dắt luồng tư tưởng của họ sau này. Cha mất sớm, ông được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc. Thiếu thốn tình cảm của cha từ nhỏ, ông đã sớm có một tâm hồn nhạy cảm để dễ dàng rung động trước cuộc sống, thiên nhiên và con người. Hoàn cảnh ấy cũng tạo điều kiện thuận lợi để ông đến với Phật giáo và tiếp thu tinh thần Phật giáo ngay từ rất sớm.

Với tâm hồn nhạy cảm, tinh tế sẵn có, Vương Duy đã dần thấm thấu không khí sùng đạo Phật trong gia đình để sau này, khi đã trưởng thành, mỗi khi chán chường, mệt mỏi ông lại tìm về với Phật. Vương Duy luôn tìm thấy ở Phật giáo một nguồn an ủi thật gần gũi, thật thân thuộc như đứa con tìm về với lòng mẹ vậy. Lí do Vương Duy đến với Phật giáo và Thiền tông một phần nữa là do chính những biến cố từ cuộc đời của ông. Nếu tuổi thơ của nhà thơ trôi qua một cách êm đềm bên người mẹ hiền từ thì cuộc đời sau này của ông lại trải qua rất nhiều biến cố, con đường hoạn lộ của ông cũng lắm thăng trầm.

Năm 722, khi Vương Duy vừa nhận chức thì vua ra đạo luật cấm giới quý tộc thân cận với thường dân. Tuy

xuất thân từ một gia đình quý tộc, nhưng vì mới đậu Tiến sĩ nên Vương Duy bị xem là thuộc tầng lớp trí thức khoa bảng nhiều hơn. Vương Duy lớn lên trong cảnh vàng son của một gia đình quý tộc, giữa kinh đô Trường An hoa lệ, lại là người sớm nổi tiếng về cầm, kì, thi, họa được trọng vọng ngưỡng mộ nay lại bị đuổi đi xa. Đây quả là một biến cố bi đát nhất trong cuộc đời của vị thi sĩ trẻ đầy tài hoa này. Mười năm phiêu bạt, Vương Duy trải nghiệm biết bao cay đắng, khổ cực và từ đây ta có thể thấy những năm khắc khoải, đôn đau mà ông phải trải qua. Vương Duy đến với Thiền tông, tìm về cái tâm an tĩnh. *Mỗi khi bãi triều trở về nhà, ông lại ngồi lặng lẽ*

một mình đốt hương, tụng kinh, niệm Phật. Cuộc đời sống gió của Vương Duy còn gắn liền với sự kiện lịch sử to lớn của Trung Quốc đời Đường, đó là loạn An Lộc Sơn. Từ khi vợ mất, năm ông 30 tuổi, Vương Duy đã sống cuộc sống bình lặng “bán quan bán ẩn”, không nài nỉ, không thê thiếp. Tất cả những biến cố “trời long đất lở” ấy đã tác động mạnh mẽ tới tư tưởng của hầu hết cá nho sĩ trí thức đương thời, trong đó có Vương Duy. Ông đã có một cái nhìn thấu suốt về cuộc sống. Vương Duy đã tìm thấy lối đi riêng cho thơ ca, để rồi ông tạo nên

một phong cách nghệ thuật rất riêng, rất mới mẻ.

2. Vương Duy - Thi Phật

Tên tự của Vương Duy trùng với tên của một vị Bồ-tát: Duy-ma-cật (Vimalakirti). Bồ-tát Duy-ma-cật chủ trương không trốn chạy, né tránh trần thế mà chủ trương giải thoát ngay ở thế giới phàm tục này, dùng mọi biện pháp để cảm hóa chúng sinh. Việc nhà thơ có tên là Duy, dùng hai chữ Ma Cật trong danh hiệu của vị Bồ-tát này làm tên tự, càng chứng minh rõ quan điểm “tâm xuất gia, thân không xuất gia,” của ông.

Vương Duy sống cuộc sống theo gương của Bồ-tát Duy-ma-cật và chịu nhiều ảnh hưởng của ngài. Dường như thơ của ông không có cái đau đôn chán chường, không có nỗi khổ đau, bệnh tật, chết chóc của cuộc đời tục lụy. Đó là sự “siêu thoát một cách đơn giản, tuyệt



điều một cách nhẹ nhàng”, tất cả tạo nên một phong cách riêng biệt, độc đáo của riêng Vương Duy. Hai đặc trưng nổi bật trong thơ Vương Duy đó là: “Thi trung hữu họa” và “Dĩ thi ngụ Thiển, dĩ Thiển thuyết thi”.

Đặc trưng thứ nhất là “Thi trung hữu họa” (trong thơ có họa). Sở dĩ chúng ta có thể nói như vậy vì thơ Vương Duy áp dụng đầy đủ ba nguyên tắc cơ bản của “họa”. Nguyên tắc đầu tiên là “luật viễn cận”. Mỗi bài thơ của ông đều mang một điểm nhìn của “chủ thể nhìn”. Có thể là từ điểm nhìn cố định, “chủ thể nhìn” phóng tia nhìn ra khắp cảnh vật theo hướng nằm ngang hay chiều dọc của mặt bằng không gian (tiêu điểm thấu thị). Sự kết hợp giữa cảnh xa, cảnh gần đưa đến một bức tranh bình ổn nhả đậm:

*Thanh cô lâm thuý ánh
Bạch thuý hướng sơn phiên.*

Dịch nghĩa:

Cỏ xanh soi bóng xuống nước long lanh
Chim trắng bay về phía núi.

Để cuối cùng điểm nhìn tập trung về phía con người:
Cát cao phương quán viên.
(Lấy gàu múc nước giếng tưới vườn).

Và đó có thể là điểm nhìn từ cao xuống hay thấp lên, biến hóa và có độ nghiêng nhất định (phủ ngưỡng thấu thị). Sau một đêm mưa, nước từ khe suối xa tuôn xuống cả trăm dòng, Vương Duy đã khéo léo ghép cảnh xa với cảnh gần (ngọn cây cao ngang trước mắt) đưa đến cho ta cảm giác mới lạ, giống như trăm dòng suối đang đổ từ trên ngọn cây xuống đầu mình:

*Sơn trung nhất dạ vũ
Thụ diêu bách trủng tuyền.*

Dịch nghĩa:

Trong núi sau một cơn mưa đêm
Trăm lớp suối tuôn từ trên ngọn cây.

Hay đó có thể là điểm nhìn di động theo sự di chuyển của con người cả về không gian lẫn thời gian (tán điểm thấu thị), thế cho nên thế giới được nhìn như chính nó từ khắp mọi nơi và không từ nơi nào cả:

*Thái Ất cận thiên đô
Liên sơn đảo hải ngu
Bạch vân hồi vọng hợp
Thanh ái nhập khan vô
Phân dã trung phong biến
Âm tình chúng hác thù
Dục đầu nhân xứ túc
Cách thuý vấn tiểu phu.*

(Chung Nam sơn)

Dịch nghĩa:

Núi Thái Ất ở gần thiên đô
Núi liên nhau chạy đến tận biển
Nhìn lui thấy mây trắng bao phủ
Mây xanh biếc khi thấy khi không

Vị trí (châu Tần, Lương) do ngọn giữa thay đổi
Khi tạnh im, hang hốc phân biệt rõ
Muốn ghé nhà người ta nghỉ nhờ
Cách dòng suối hỏi người đốn củi.

Nguyên tắc thứ hai là phép pha màu sắc. Thơ Vương Duy có bài là bức họa được vẽ bằng màu sắc sinh động, tươi tắn:

*Mộc mạc phù dung hoa
Sơn trung phát hồng ngọc
Giản hộ tịch vô nhân
Phân phân khai thả lạc.*

(Tân Di ổ)

Dịch nghĩa:

Chót vót cành phù dung
Cánh hồng này giữa núi
Nơi khe vắng bóng người
Bời bời nở rồi rụng.

Giữa “sơn trung”, “giản hộ” nổi bật lên một bông hoa phù dung rực rỡ mang màu “hồng ngọc”. Quả là một sự tinh tế đến tột bậc, giữa màu sắc âm đậm của núi, của suối, bông hoa nổi bật lên như một triết lý về sự sống của vũ trụ trong một xu thế vận động quen thuộc tất yếu: nở - tàn (khai - lạc).

Bài khác lại được vẽ bằng nét vẽ nhạt màu của hội họa thủy mặc sơn thủy:

*Không sơn bất kiến nhân
Đản văn nhân ngữ hưởng
Phản ảnh nhập thâm lâm
Phục chiếu thanh đài thượng.*

Dịch nghĩa:

Núi vắng không thấy người
Chỉ nghe tiếng người nói
Nắng hắt vào rừng sâu
Trên rêu xanh lại rọi.

Hoặc là bằng nét vẽ không, ở đó sự vật, hiện tượng thường không có màu, sơn thủy đậm bạc thanh không. Khiến cho thiên nhiên đạt tới độ cao của vẻ “tự nhiên nhi nhiên”:

*Độc tọa u hoàng lý
Đàn cầm phục trường khiếu
Thâm lâm nhân bất tri
Minh nguyệt lại tương chiếu.*

Dịch nghĩa:

Một mình giữa bụi hoang
Gảy đàn rồi hết vang
Rừng sâu nào ai biết
Trăng sáng lại soi chung.

Nhìn chung, màu sắc trong thơ Vương Duy là màu sắc của hội họa thủy mặc sơn thủy. Nó mang vẻ đẹp tĩnh tại, đậm bạc... đầy phong vị thiển.

Nguyên tắc thứ ba là “phép cấu trúc”. Tức là tạo ra mối liên hệ giữa các yếu tố của một bức họa. Trong thơ Vương Duy, nguyên tắc này thể hiện ở sự thống nhất giữa các mặt đối lập để tạo nên sự hài hòa của ý cảnh. Cấu trúc thơ Vương Duy có thể là từ rộng lớn đến bé nhỏ, từ vũ trụ bao la đến con người và ngược lại:

*Đại mạc cô yên trực
Trường hà lạc nhật viên.*

(Sứ chí tái thượng)

Dịch nghĩa:

Sa mạc lớn một ngọn khói cô độc thẳng đứng
Dòng sông dài một mặt trời sa xuống tròn xoe.

Nhờ áp dụng nguyên tắc cấu trúc này mà mỗi bài thơ Vương Duy trở nên là một bức tranh hoàn chỉnh, làm nên bật đặc trưng “*thi trung hữu họa*”. Như Tô Đông Pha đã từng nhận xét: “*Đọc thơ Ma Cật thấy trong thơ có họa. Xem tranh Ma Cật thấy trong họa có thơ*”.

Đặc trưng nổi bật thứ hai của thơ Vương Duy là thơ Thiền, điển hình của hiện tượng thi tăng trong thơ Đường. Đặc trưng này nói lên mối quan hệ khăng khít giữa tư tưởng Phật giáo, nhất là Thiền tông, đối với thơ ca đời Đường nói chung và với Vương Duy nói riêng. “*Thi tăng*” có thể hiểu đơn giản là thơ do những nhà tu hành làm ra hoặc là thơ do những người chỉ chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo làm ra. Vương Duy thuộc loại thứ hai này. Ông không phải là nhà sư, nhưng thơ ông lại được gọi là “*thi Phật*”. Bởi lẽ, thơ ông là thơ của triết lý Thiền và hơn thế, cuộc đời ông sống theo lối sống của một đệ tử nhà Thiền: “*tâm xuất gia, thân không xuất gia*”. Nhờ đó, thiền sư - thi nhân có thể là bạn tri âm của nhau và cũng có thể là song trùng một bản ngã duy nhất. Thế giới Thiền thi của Vương Duy là một nghệ thuật kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn giữa thơ và họa, giữa Phật giáo và Lão giáo, là sự dung hợp Thiền - Thơ. Tính triết lý của Thiền và tính trữ tình của thơ hài hòa nhau. Triết lý vô ngôn tỏ ra vô cùng hữu dụng cho tính “gợi”, tính hàm súc và khái quát của thơ Đường. Chính vì vậy, với thơ Thiền nói chung, sự cảm nhận bằng trực giác, trực cảm quan trọng hơn sự phân tích. Nói cho chính xác, để thấy cái hay của thơ Thiền, phương pháp phân tích cần được áp dụng trong ý thức rằng phải làm thế nào để sự phân tích đó không tách rời ý, cảnh mà ngược lại, phân tích để làm sáng rõ nghệ thuật, sự chuyển hóa, sự hài hòa giữa các mặt đối lập với nhau.

Thiên nhiên xưa nay vốn là “khách” của thiền nhân và thi nhân. Thi nhân lấy thiên nhiên làm suối nguồn cảm tác, làm nơi gửi gắm tâm tình; Thiền nhân lại dùng thiên nhiên làm khung cảnh thiền để nói ý vị Thiền và triết lý Thiền. Thơ điển viên sơn thủy xét cho cùng là thơ viết về thiên nhiên. Ca ngợi, bày tỏ thú vui điển viên thực chất là ca ngợi lối sống chối bỏ vinh hoa phú quý, trở về với thiên nhiên, coi đó là lí tưởng sống, triết lý sống hạnh phúc của nhân sinh vậy:

*Tái kiến: phong hầu vạn hộ
Lập đàm: di bích nhất song
Cự thẳng ngẩu canh nam mẩu
Hà như cao ngọa đồng song.*

(Điển viên lạc)

Dịch nghĩa:

Đứng thuyết: đôi ngọc bích: tặng
Gặp lại: vạn Hộ Hầu: phong
Chẳng bằng cày bừa vườn ruộng
Nào như nằm ngủ đồng song.

Nhờ hiểu rõ quy luật “sinh, lão, bệnh, tử” của con người, lẽ “thành, trụ, hoại, không” của vạn vật, Vương Duy dùng cái tâm an nhiên, tự tại của Thiền nhân để nhìn sự vật, hiểu được lẽ vô thường của vạn pháp và sự bất biến của tự tính Chân Như. Vì cánh hoa bay mà con người nhận thức được bằng mắt thường đó chỉ là giả tướng. Gửi gắm triết lý yếu chỉ của Thiền tông vào một cánh hoa rơi, tính chất triết lý - trữ tình của Vương Duy đã đạt đến độ nhuần nhuyễn:

*Nhật nhật nhân không lão
Niên niên xuân cánh quy
Tương hoan hữu tôn tửu
Bất dụng tích hoa phi.*

(Tống xuân từ)

Dịch nghĩa:

Ngày lại ngày, người cứ già
Năm theo năm vẫn đến hoài
Hãy vui thú cùng với chén rượu
Cần gì phải tiếc thương cánh hoa bay.

Những bài thơ Thiền của Vương Duy mang xu hướng “tĩnh háo sự vật”. Chủ trương của Thiền tông là “vô ngôn” vì vậy yếu tố đặc trưng trong thơ Thiền là “tĩnh”. Vương Duy đã nhìn cảnh vật bằng cái tâm đầy Thiền ý nên mới có thể sáng tạo ra một khung cảnh cực kì “tĩnh”, như hai câu trong bài Sứ chí tái thượng đã dẫn ở trên:

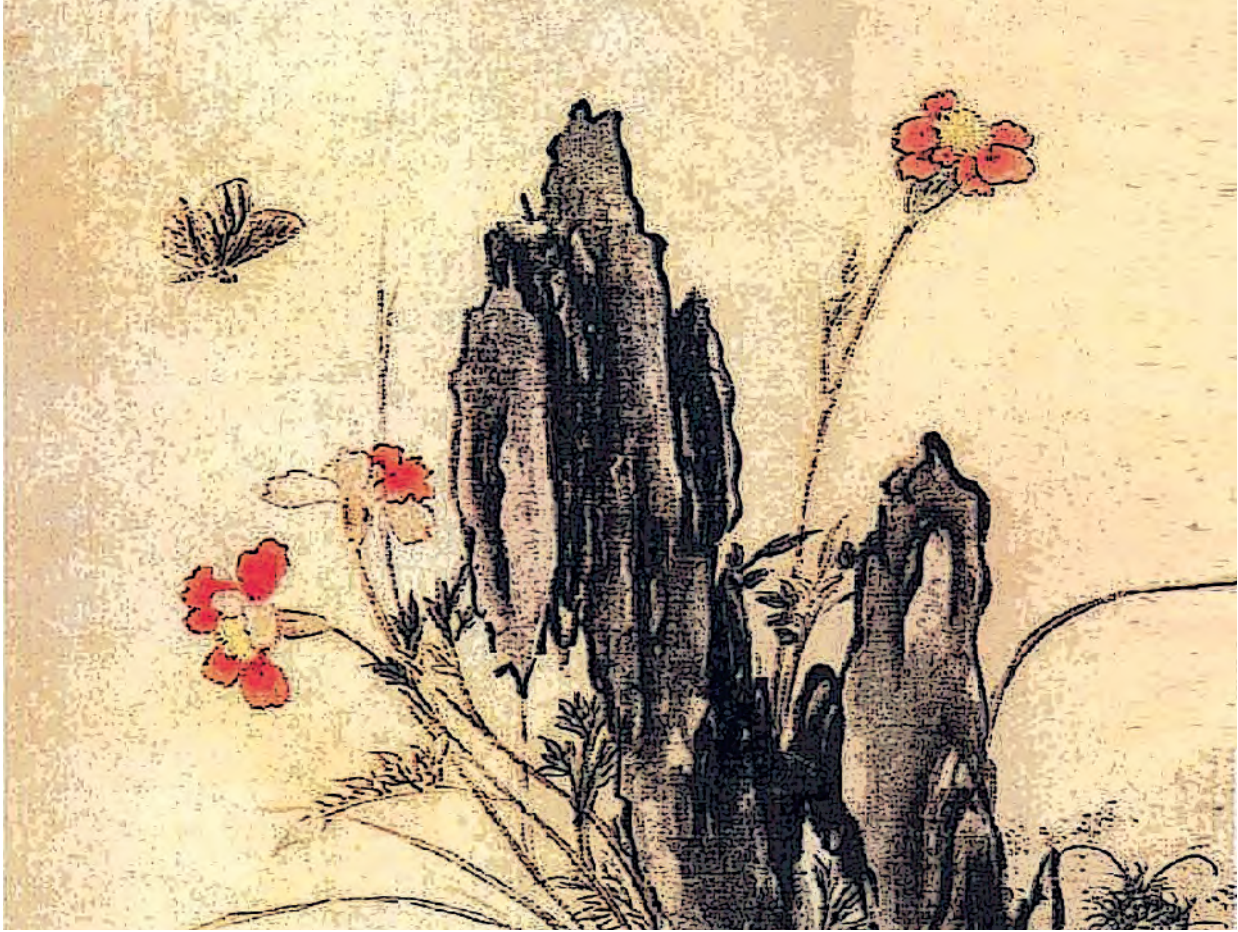
*Đại mạc cô yên trực
Trường hà lạc nhật viên.*

Dịch nghĩa:

Sa mạc lớn một ngọn khói cô độc thẳng đứng
Dòng sông dài một mặt trời sa xuống tròn xoe.

Vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống con người đã đem lại trạng thái giác ngộ chân lý cho nhân vật trữ tình. Và như thế, nhân vật trữ tình hòa nhập bản ngã của mình vào đại vũ trụ để thể ngộ chân lí của đạo. Điểm tuyệt diệu của những bài thơ này là nội dung triết lý hòa tan vào trong những hình ảnh sống động của thơ ca.

Có thể phân tích tác phẩm “Điều minh giản” để minh chứng cụ thể cho điều này. Điều minh giản là một bài thơ xinh xắn, bình dị nhưng hàm chứa nhiều ý vị thâm



trầm của Thiền học. Cả bài thơ là một bức tranh phong cảnh nhuộm tình người:

*Nhân nhân quế hoa lạc
Dạ tĩnh xuân sơn không
Nguyệt xuất kinh sơn điệu
Thời minh tại giản trung.*

Tất cả cảnh vật được thu vào bên trong. Những hình ảnh xuất hiện trong bài thơ: hoa quế, ánh trăng, núi non. Khe suối, chim kêu,... là những hình ảnh quen thuộc trong thơ ca phương Đông nhưng đây lại có sức ám gợi lạ thường, sâu xa. Bởi vậy, bài thơ tạo cảm giác tĩnh lặng, thanh nhã, bình đạm. Thế giới nghệ thuật của nó là một phức hợp cộng hưởng, giao hòa giữa người và cảnh; giữa âm thanh và ánh sáng; giữa thính giác, thị giác, khứu giác và xúc giác; giữa không gian và thời gian.

Ở đây, thiên-nhân-địa cùng hợp nhất. Mọi vật đều có linh hồn. Cảnh vật thiên nhiên trong tứ thơ của “Điểu minh giản” ảnh hưởng tư tưởng Thiền “có có không không” hết sức sâu đậm, tạo thành một cảnh giới linh hoạt, huyền ảo, yên tĩnh, vắng lặng đến nhiệm mầu. Con người, vũ trụ là một “tất cả tức một, một tức tất cả”. Tác giả mượn cảnh sơn thủy hữu tình để truyền tải đến độc giả một cảnh giới “thong dong tự tại, tĩnh lặng trong lành” có cội nguồn gốc rễ tự trong tâm.

Nổi bật trong bức tranh sơn thủy hữu tình, giàu sức gợi, nên thơ và tĩnh lặng đó là hình ảnh một tao nhân mặc khách, một ẩn sĩ muốn thoát khỏi mọi hệ lụy của chốn bụi trần để “tĩnh tâm”. Vương Duy chịu ảnh hưởng Thiền học rất sâu đậm, “không tịnh” là cảnh giới ông ra sức để đạt được ở trong thơ. Đó cũng chính là sự “bình

ngộ” trong tâm hồn ông. Vì vậy, cái khoảng không gian tĩnh lặng ở khe núi nên thơ nên họa, đậm chất Thiền xuất hiện khá nhiều trong thơ ông:

*Giản hộ tịch vô nhân
Phân phân khai thả lạc.*

(Tân Di Ổ)

Dịch nghĩa:

Ngõ khe vắng không người
Mặt tình hoa nở rụng.

Trong bài thơ “Điểu minh giản”, triết lý của Thiền học giống như cục nam châm tạo nên tâm điểm hút dính các câu thơ lại thành một chỉnh thể, một cấu trúc ẩn, một hàm ý siêu thoát. Có thể thấy rằng cái hay của bài thơ thể hiện ở tính độc đáo trong cách diễn tả sự chứng ngộ Phật, sự “Tĩnh độ” trong tâm linh của Ma Cật: an nhiên, tĩnh tại, hòa nhập với thế giới sắc không (lớp nghĩa tư tưởng) và ở thế giới hình tượng thơ tương giao, hòa quyện, gắn kết tạo nên ý nghĩa thẩm mỹ mới lạ (lớp nghĩa nghệ thuật). Đó là vẻ đẹp tâm hồn dung dị của nhà thơ hòa mình trong đời sống dân dã, đầm ấm. Có lẽ nhà thơ đã khám phá ra chính mình trong thiên nhiên và trạng thái tĩnh lặng, hư vô.

Thơ Vương Duy ở mảng đề tài nào cũng thấy ngọn bút tài hoa của ông: Thơ tâm tình li biệt, thơ vui thú điền viên và cả thơ Thiền nữa. Thơ Vương Duy đẹp, không chỉ đẹp ở “bức màn thưa” mà còn đẹp ở nơi chỗ tự nhiên và tầm thường của cuộc sống. Đó là lí do khiến cho phong cách thi Phật rất riêng của Vương Duy có thể góp thành cái chung không thể thiếu trong diện mạo thơ Đường. ■



Bông vạn thọ Tết ở chùa Hội Thọ

LÊ KIM PHƯỢNG

1 Ngoại dù nay đã qua tuổi tám mươi, nhưng vẫn không quên lời má của ngoại căn dặn ngày trước: *Mỗi người có một cái tên cúng cơm do mẹ đẻ ban tặng, và cái tên cúng cơm đó ít nhiều cũng sẽ vận vào cuộc đời của đứa con. Loài bông nào có khác chi, mỗi loài bông có một cái tên, và mỗi loài bông có một màu hoa mang một ý nghĩa... tùy miền đất nước, tùy nơi nó phát sinh sự sống!* Ngoại thường lấy tích xưa chuyện cũ dạy con cháu ở đời. Tôi là đứa cháu gái được ngoại nuông chiều và cưng bọc nhứt.

Làng ngoại tôi vốn tên Mỹ Thiện, sau đổi ra Mỹ Trí. Và, dẫu Thiện hay Trí, nguyên hoặc bị, thì cái làng cũng vẫn nằm trong quần thể châu thổ sông Tiền, nơi có chùa Hội Thọ, có cửa ngõ đi vào chiến khu Tháp Mười với tướng quân Thiên Hộ Dương lấy lừng đã cùng đồng bào Nam Bộ chống quân xâm lược Pháp. Khi cả nhà rảnh rỗi, thường thì sau bữa cơm chiều, ngoại nằm trên võng làm bằng bao bố chỉ xanh, nhai trầu xía thuốc rê Cao Lãnh, nói chuyện làng.

Vạn thọ biểu tượng trường tồn, vĩnh cửu... và, nếu nói theo phương ngữ kinh rạch đồng bằng sông Cửu Long là: *"thọ mứt mùa lệ thủy!"*. Nếu, đột nhiên hoặc là bất chợt, đứa cháu nào cắc có hỏi ngoại: *"mùa lệ thủy là cái mùa chi?"*, lúc đó ngoại bẽn lễn cười trừ; nụ cười chính hiệu đồn bà Cái Bè, thời Vàm Trà Lọt còn đặc lệnh cá sấu.

Nghề trồng bông vạn thọ ở làng Mỹ Thiện không biết có từ bao giờ. Nhưng từ lúc Kim Chương quốc tự¹ được Hòa thượng Minh Giác với đệ tử Thiệu Long cùng Tăng chúng và bổn đạo di dời về đây thì vạn thọ bông trở tốt tươi, người trồng bông *"ăn nên làm ra"*. Tiếng lành đồn xa, hằng năm tới tháng Chạp - nhứt là gần ngày hai ba đưa Táo về trời, hai trăm tào mộ người thân và ngày ba mươi Tết, có năm không có ba mươi - khách du xuân cũng như thương lái dập diu đổ về Mỹ Thiện tìm bông vạn thọ để cầu may *"thọ mứt mùa lệ thủy!"*

Rồi, ngoại kể rằng, Kim Chương quốc tự từ Gia Định chuyển về với cái tên Hội Thọ, nằm cạnh Quốc lộ Đồng Dương, sau này gọi Quốc lộ 4, bây giờ gọi Quốc lộ 1. Những năm *"tiêu thổ kháng chiến"*, chùa Hội Thọ chuyển sâu vào trong địa hình. Dân làng cùng chư Tăng đã giữ gìn pho tượng Phật A-di-đà, tượng Đạt-ma bằng đất chùa nung, tượng Già-lam, bộ tượng Thập điện Minh vương bằng gỗ. Và, ngay Tổ đường chùa, bức họa di ảnh Hòa thượng Minh Giác cùng mười hai bài vị chư Tổ như nhắc người đời sau không vì Niết-bàn mà tu tập, bởi *"muốn hạnh phúc"* thì chẳng thể hạnh phúc, chỉ khi nào *"muốn"* biến mất, tất nhiên sẽ *"hạnh phúc"*.

Hương bông vạn thọ phảng phất theo làn gió chướng ngày cận Tết. Ngoại gác tay lên trán, chun lắc võng đong đưa theo nhịp chày giã gạo, chuẩn bị gói bánh tét rước ông bà chiều ba mươi Tết.

Hình như ngoại trầm ngâm, suy nghĩ điều gì đó.

"Nghe đầu, long vị của Hòa thượng Minh Giác đương ở Phước Hải An Tự, có cả bài vị chứng minh. Đời ngoại chỉ mong được nhìn thấy bài vị đó, cũng đủ mãn nguyện lắm rồi!"

Nghe giọng ngoại có vẻ buồn buồn, tôi hỏi ngoại:

"Vay chớ Phước Hải An Tự ở đâu, hả ngoại?"

Ngoại chẳng thêm nói tôi lúc trả lời:

"Thì ở huyện Vĩnh Châu, miệt Sóc Trăng, chớ ở đâu!"

Tôi vừa cười, vừa nói và cũng là nói an ủi ngoại:

"Để ợt, bán hết đợt bông vạn thọ Tết, con mượn xe chở ngoại xuống Vĩnh Châu viếng long vị Hòa thượng Minh Giác, ghen ngoại!"

"Bây nói sao?"

Ngoại lần tay vin mép võng, cố ngồi dậy.

Bóng ngoại chập chờn ngả theo bóng chiều xuân!

2 Vạn thọ không kén đất trồng, dễ ăn dễ ở; nét bình dị chớ không bình dân. Sắc bông tươi rói, hương bông thơm nhẹ đất trời. Người



dùng bông chưng cúng chư Phật, thánh, thần; tổ tiên, ông bà... ngày rằm, ba mươi, mồng một trong tháng; giỗ chạp và ngày Tết.

Tương truyền, Hòa Nghĩa Đạo tướng quân Lý Tài mượn chùa Kim Chương tạm làm cung điện và tấn phong Đồng cung Nguyễn Phúc Dương lên ngôi lấy niên hiệu Mục vương (1775). Một năm sau, Tây Sơn mở cuộc truy sát bắt Mục vương, Thái Thượng vương; rồi mang về Gia Định và cũng mượn chùa Kim Chương làm nơi hành quyết. Từ đó, hồn vía nhị vương nương nhờ của Phật nghe kinh kệ, mõ chuông... và hoàng pháp đến bá tánh lưu dân phương Nam. Đã có lắm chuyện dân gian thời Nguyễn Ánh bốn tẩu được nhị vương cứu giúp giữ thân giữa lúc tính mạng “ngàn cân treo sợi tóc”.

Mưa đêm đồng bằng dai hơn trâu đái, đường không lấy lội mà trơn trượt... Đồng Tuyên vỡ trận (1783), Huỳnh Tường Đức công Nguyễn Ánh chạy lúp xúp từ Cai Lậy bằng đồng bụng xuống chùa Hội Thọ. Cả hai mệt lả, nằm vắt ngang nương nước tưới bông vạn thọ.

Trời hừng sáng!

Dân Mỹ Thiện túa ra rầy chăm sóc vạn thọ; và cũng là lúc quân Tây Sơn tràn tới lòng vực kiếm tìm Nguyễn Ánh. Nhanh trí, lẹ tay, những thôn nữ tưới bông kịp kéo Ánh và Đức vô đường nước bờ kinh, phủ rơm che giấu. Phò mã Trương Văn Đa dẫn quân đi thẳng vào chùa; Đa trở chuỗi gươm, nhìn chòng chọc tượng Đạ-ma mà không dám xấn tới. Bỗng trời tối sầm, sấm sét chớp giục dấy những tiếng nổ rùng mình. Mưa! Những hạt mưa mượn gió quất rất mặt mày, Đa và đám tùy tùng thót lên ngựa chạy trong mưa gió!

- Đúng là thọ! Mà là hội thọ trong cái vạn thọ của lòng người, của đất trời!

* * *

Suy cho cùng, cái thiện nào chẳng đẹp; và cái đẹp đó, dù kẻ thù cũng phải chấp nhận. Mỹ Thiện có duyên với Kim Chương quốc tự và Kim Chương quốc tự đã hóa thân thành Hội Thọ tự, bởi Kim Chương sẽ vô nghĩa nếu dòng tộc chúa Nguyễn chẳng còn ai Thọ nữa. Cơ trời là vậy, lẽ thế thời chân mạng chắc chẳng sai.

Mỹ Thiện trên ba trăm năm trải qua bao cuộc bể dâu, nhưng tấm lòng người Mỹ Thiện không dâu bể, dù có lắm khi xao động buồn phiền. Ngoại dạy con cháu cần cù bù thông minh, một nắng hai sương trên luống rẫy trồng bông vạn thọ.

Vạn thọ có nhiều giống, lắm dòng to bông, nhánh cứng, cao giòn, màu sắc sỡ, hương lờ lợt... nhưng tất cả chóng tàn phai. Người Mỹ Thiện thích trồng vạn thọ ta, cái vạn thọ sắc màu đậm thắm, lâu tàn và hương chẳng chóng phai, mà từ hồi Hòa thượng Minh Giác tạo giống giúp dân nghèo sở tại gieo trồng kiếm miếng ăn.

Vùng đất chùa Hội Thọ, hằng năm, cứ tới độ rằm Hạ ngươn, dân làng xuống giống vạn thọ. Sau một tháng, cây lớn lên khoảng một tấc, bứng vô giỏ và áng chừng năm ngày ngắt đợt để cây nảy ra nhiều nhánh; và có



không nhánh, cây sẽ trở nhiều bông. Đến đầu ngày 23 tháng Chạp, vạn thọ Mỹ Thiện trở bông lại rai, hương bông thơm nhẹ nhẹ khắp làng. Cũng có người lo nghèo, nôn nóng không xuống giống mà trồng kiểu tách chồi, vì tách chồi vạn thọ mau trở bông.

Hồi còn sống, ngoại rầy rã cái kiểu mần ăn chụp giựt. Ngoại nói: “Được một điều quá cỡ thì hãy lo mất một hoặc nhiều điều chưa thể nghĩ tới. Vạn thọ trồng tách chồi, cây thấp tí tì, bông nhỏ và chóng tàn. Chẳng thơm tho gì cả!”.

3 Buổi chiều xuân.

Tôi lần khần dưới cơn mưa bụi muộn màng tháng Chạp và ngắm nhìn các mộ tháp cổ rêu phong. Tháp trùn lên mộ những vị cao tăng đã từng nhập thế cứu dân khi đất nước lâm nguy².

Bầy dơi buồng cánh bay từ ba tháp, ba bốn từng hình lục giác thờ Hòa thượng Minh Giác, Hòa thượng Thiệu Long và Yết-ma Quảng Tục. Tôi bồi hồi nhớ ngoại, nhớ những chuyện đời ngoại kể vui buồn trong cái vô thường của kiếp nhơn sinh. Còn muốn vạn thọ, muốn chính là cái ngã ngăn cản đường về. Hội Thọ nào phải là tự lại để được “trường sinh bất tử”; chẳng qua “Hội cái tâm bình cho bá tánh chúng sinh Thọ cái Không trong trời đất”. Bông vạn thọ kiêu thế “tâm viên ý mã” của người, dùng cúng thỉnh chớ không dùng trang điểm. Có lẽ dân quê tôi quý trọng bông vạn thọ là vậy. Và chùa Kim Chương đã hội cái thọ từ tâm của người đi khấn đất, mở bờ cõi.

Ngoại mất, tôi vẫn còn nợ ngoại lời hứa: “Bán hết đợt bông vạn thọ Tết, con mượn xe chở ngoại xuống Vĩnh Châu viếng long vị Hòa thượng Minh Giác, ghen ngoại!” ■

Chú thích:

1. Hòa thượng Đạ Bốn, một du tăng từ Quy Nhơn theo lưu dân vô Nam, xây dựng chùa năm Ất Hợi 1755 trên đất Gia Định (Đại Nam nhất thống chí - Quốc sử quán triều Nguyễn).

2. Nơi đây, từng là chỗ các trí thức yêu nước lui tới đàm đạo chuyện quốc sự (1920-1925), như: Hòa thượng Thiệu Long, Yết-ma Quảng Tục, Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Bác Hồ) [Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, tỉnh Đồng Tháp].



Nhất hạng

HỒ ANH THÁI

Năm 2008 tôi mới đến thăm Angkor ở Siem Reap. Một quần thể đền chùa đồ sộ, kiến trúc và điêu khắc rất ấn tượng. Một sự pha trộn các sự tích của đạo Hindu và đạo Phật. Trong đền thấy toàn tượng thần Sáng tạo Brahma bốn mặt, ở Angkor gọi là Bayon, nhưng bản địa lại nhầm lẫn coi đây là Shiva, thần hủy diệt và Tái tạo. Toàn là các hiện thân của thần Bảo vệ Vishnu, rồi chim thần Garuda, rắn thần Naga, bò thần Kamdhenu (bò cái mới là thần, còn bò đực Nandi chỉ là phương tiện giao thông của Shiva), rồi các vũ nữ trên thiên đường Apsara, rồi biểu tượng sinh thực khí mang những cái tên đặc Ấn Độ là linga và yoni... Giữa không khí Bà-la-môn giáo và Hindu giáo như vậy, thỉnh thoảng lại như lạc vào một pho tượng Phật hoặc đôi ba sự tích đời Phật. Điêu khắc trên sa thạch và đá xanh rắn chắc, ngay cả ở chỗ nó nứt vỡ sụp đổ thì vẫn gây cảm giác bền chắc. Linh hồn Ấn Độ trong một thể xác Campuchia, cũng có thể xem là linh hồn Campuchia trong một thể xác Ấn Độ.

Nhưng ấn tượng Angkor bị suy giảm đáng kể, bởi vì trước đó tôi đã đến Ấn Độ, không chỉ đến mà đã ngang dọc khắp Ấn Độ sáu năm trời. Có thể nói Ấn Độ có hàng chục quần thể đền đài tầm cỡ như Angkor, quy mô diện tích như thế hoặc hơn thế, đền đài lớn cao như thế hoặc hơn thế, mỹ thuật như thế hoặc hơn thế, điêu khắc không phải trên đá xanh đen mà trên cẩm thạch sa thạch. Đây là quần thể đền Khajuraho tám mươi lăm ngôi đền trên mấy cây số vuông, xây từ thế kỷ X, nay còn lại hai mươi hai ngôi đền, nổi tiếng với điêu khắc hình trai gái giao hoan. Đây là quần thể thành quách và đền đài ở thành Chittorgarh kéo dài uốn lượn trên những đỉnh núi. Đây là đền Mặt trời Konarak xây từ thế kỷ XIII. Đây là quần thể chùa Phật giáo trong những hang động ở Ajanta và Ellora với hàng chục ngôi chùa trong hang, hàng trăm bức bích họa trên tường hang kể sự tích Phật, được tạo tác từ thế kỷ thứ II. Đây là Belur và Halebid, thế kỷ XII, phù điêu và tượng được đục khắc trên đá, đá mà nét khắc mềm mại tinh xảo như thể nghệ nhân xưa đã nhào nặn bằng chất dẻo. Thần thánh Hindu trong đền chùa Ấn Độ mặt trái xoan, mũi cao, mắt búp sen, môi mọng,

khi sang đến Angkor Campuchia hay tháp Chăm Việt Nam đã được điều chỉnh theo bản địa, thành ra mặt tròn mắt nhỏ mũi tẹt. Vẫn thần thánh ấy vũ nữ ấy, trong đền thờ Ấn người thon chân dài, sang đến Đông Á thành người bụ chân ngắn. Rồi sự pha trộn giữa thần thánh Hindu giáo và các nhân vật lịch sử của Phật giáo. Rồi thần thánh Hindu giáo mà lại xuất hiện trong các tháp Chăm Hồi giáo, trong khi Hồi giáo vốn cấm tư duy bằng hình ảnh, đền thờ Hồi giáo không bao giờ được có tranh tượng hình người hình thú. Đành rằng ta vẫn biết một nền văn hóa phái sinh có thể là tập hợp của những yếu tố bên ngoài và yếu tố bản địa, thậm chí nhiều tôn giáo khác nhau có thể hòa trộn thành một tín ngưỡng mới.

Biết đền chùa Ấn Độ rồi, biết Angkor và tháp Chăm rồi, tôi thực sự ngạc



nhân khi đọc những bài viết cảm thán rằng Angkor là khu đền vĩ đại nhất thế giới. Một nhà văn hóa còn cảm thán đại loại tháp Chăm có thể chịu ảnh hưởng của Ấn Độ nhưng hồn vía và tâm linh đã đậm nét hơn nền văn minh mà nó được khởi nguồn.

Sao lại có thể hấp tấp nhận định như vậy. Bạn mới đến Angkor thôi, bạn đâu đã biết hàng chục hàng trăm hàng nghìn đền đài Ấn Độ. Xa hơn nữa, bạn đâu đã biết gì về những đền đài ở Trung Đông, Nam Mỹ. Thế giới này rộng dài lắm mà chân người lại ngắn, nói năng gì cũng cẩn thận trọng. Bạn cũng đâu biết gì về tâm linh hồn vía trong kiến trúc và điêu khắc Ấn Độ mà dám so sánh rằng những thứ ấy ở tháp Chăm sâu đậm hơn.

Tâm lý gặp cái gì mình ngưỡng mộ cái gì mình thích thì reo lên rằng nó nhất. Một tâm lý tự thị tự đắc, cái gì mình biết mình mê thì không gì khác có thể sánh được. Tâm lý quần quanh ao nhà ếch ngồi đáy giếng. Nhìn lên miệng giếng thấy tròn như cái mâm thì cho rằng bầu trời bằng cái mâm và trời chẳng to hơn cái chỗ mình đang ngồi. Vừa lòng đắc ý với những gì trong tầm mắt tầm tay của mình mà không nghi ngờ không phản

biện. Mà đấy toàn là các nhà báo hoặc các nhà văn hóa, những người lẽ ra phải có tư duy khoa học, phải biết tự phản biện và luôn luôn nghi ngờ, nghi ngờ cả những định kiến định luận tưởng như chân lý. Nghi ngờ cả phán xét của những ông Tây thực dân tưởng như rất có uy tín.

Sinh thời Đức Phật, có lần một đệ tử nói rằng Phật là người thấy vĩ đại nhất thế gian. Ngài bèn hỏi lại rằng đệ tử có biết hết các bậc thầy đang sống trên thế gian lúc này hay chưa. Tất nhiên là chưa. Đệ tử có biết hết các bậc thầy trước thời Phật và các vị sẽ sinh ra trong tương lai hay chưa. Tất nhiên là chưa. Phật kết luận, vậy thì chẳng có lý do gì mà đệ tử lại bảo Phật là người thấy vĩ đại nhất thế gian.

Người nói thêm, trên thế gian này có rất nhiều người thấy lớn, họ có cách của riêng mình để dẫn dắt chúng sinh. Hàm ý việc so sánh ai lớn hơn ai là vô nghĩa và vô ích.

Bài học của hai nghìn năm trăm năm trước chắc không đến được với tâm lý nhược tiểu, cổ rướn mình cổ kiễng chân, cổ khẳng định cái gì mình có cái gì mình biết là to nhất lớn nhất tốt nhất đẹp nhất.

Một tình trạng lan tràn là sự thiếu cơ bản, thiếu chuyên nghiệp. Người có cơ bản ở lĩnh vực này khi động tay vào lĩnh vực khác lập tức lộ ngay ra cái thiếu cơ bản. Chuyên nghiệp ở lĩnh vực này khi quá đà nhảy sang lĩnh vực khác phô ngay ra cái không chuyên nghiệp. Làm một phóng viên đã là đủ, đâu nhất thiết phải tạt

sang làm người định giá những công trình kiến trúc điêu khắc. Làm một nhà văn cho đúng nghĩa không dễ, đâu nhất thiết vội vàng thành nhà văn hóa, phán bừa phán ẩu về một nền văn minh mà mình không hiểu rõ. Rướn mình làm gì, tạt sang tay ngang làm gì, nóng vội làm gì, tận dụng cơ hội gây dựng danh tiếng làm gì. Làm một nhà khoa học đích thực chưa chắc đã thành, lại còn ngấp nghé trên các phương tiện thông tin đại chúng để làm một ông biết tuốt, không còn là nhà khoa học mà chỉ là nhà tuyên truyền khoa học.

Đó chính là tình trạng thiếu cơ bản tình trạng nghiệp dư đang phổ biến khắp nơi. Đáng sợ là các nhà đầu tin vào điều mình nói mình viết, không một chút hoài nghi, không một giây phút lật lại vấn đề và tự phản bác.

Tính tự tôn tự đắc tự cao rất nhiều khi phô lộ ra ở chỗ được nhằm tưởng là cảm tính. Ông thích thịt chó thì bảo là bọn Tây không biết ăn thịt chó là chúng nó đại nhất hạng. Sao ông không nghĩ rằng có thể có bọn Tây bình phẩm với nhau rằng kẻ nào không biết ăn bơ không biết ăn pho-mát là đại nhất hạng. Người Mông Cổ sẽ bảo rằng kẻ nào không biết uống sữa ngựa là đại nhất hạng. Người Ấn sẽ bảo kẻ nào không biết ăn cà-ri là đại nhất hạng.

Lại cũng có ông bảo dùng dưa như người Á Đông mới là văn minh, còn dùng dao đĩa như Âu-Mỹ là rắc rối, dùng tay như người Nam Á là không vệ sinh. Người Nam Á phản bác: dùng dưa mới là thiếu văn minh, đôi dưa của nhiều người cùng khoắng vào một bát canh, một bát nước chấm, gắp miếng thịt lên rồi bỏ xuống cho người khác gắp lại.

Nói thế để thấy cái ta tin cái ta thích cái ta yêu bao giờ cũng có thể bị phản bác có thể lật ngược. Mọi sự khẳng định như đinh đóng cột đã bao hàm trong ấy sự phá sản, rồi có lúc cột mục cột lung lay cột gãy. Mọi lời lập luận mạnh mẽ đã hàm chứa trong nó một hiệu ứng ngược. Một nhà phê bình phê phán tác phẩm của một nhà văn đã viết đại ý chỉ phường đi điếm mới chửi nhau chứ sao văn nhân lại chửi nhau. Ông ta coi bọn chửi nhau là phường đi điếm. Câu nói của ông ta đang là một câu chửi nhà văn. Và theo đúng lập luận của ông ta, kẻ nào chửi bởi chính là kẻ thuộc về phường đi điếm. Lý sự của ông ta quay ngược lại, đập trúng vào chính người lý sự.

Chỉ cần có lúc ta biết nhìn vấn đề bằng mắt của người khác. Không phải để bị lệ thuộc vào quan điểm người khác rồi đánh mất mình, mà đơn giản là có thể nhìn nhận nhiều chiều. Người ta sẽ không thấy mình là nhất. Thế gian này còn nhiều cái nhất, còn lắm điều hay, mà không biết mở rộng tầm nhìn, không biết mở rộng trí não mở rộng cảm xúc, thì chỉ mãi mãi quần quanh với những thứ bé nhỏ hẹp hòi của mình, và giống như trường hợp vừa kể, lập luận của mình có thể đi đến chỗ phản chính mình. ■



Anh ở đâu

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Lê nhìn quanh quấy báo, mắt dừng lại chống báo Cuối tuần đặt ở mé quấy. Cô cầm một tờ, nhìn mục lục ở trang nhất rồi lật tìm truyện ngắn *Nắng thao trường* của Lương Minh. Với Lê, truyện nào của tác giả này cũng đáng xem. Anh là lính? Chẳng phải! Những người lính ngày ngày mang ba-lô đi ngoài đường, khỏi nhìn, Lê cũng biết trên mỗi ba-lô có chiếc chiếu cuộn tròn, gấp ngang, thấy mà thương. Đội kiểm soát quân sự quân khu vẫn thường qua đây; chỉ ba người mà các anh vẫn đi “một, hai”, mặc cho người xe trên phố hối hả. Có lần Lê và mấy nhỏ bạn trêu, các anh chẳng thèm ngoảnh sang, mặt lạnh như nước đá, khiến cả bọn rét. Lương Minh không thể là người như thế. Qua trang viết, Lê nghĩ anh yêu đời yêu người lắm lắm, yêu đến mức chắc trái tim phải đau đớn. Đằng này, những người lính Lê gặp, (vô phép nói sau lưng họ) thật khó gần; súng đạn và thơ ca coi bộ khó hòa đồng lắm.

- Cho tôi mấy tờ Cuối tuần.

- Anh lấy đi.

Lê hơi hạ tờ báo đang đọc, thoáng thấy khách là anh bộ đội. Anh lật xem một hồi rồi lấy mấy tờ báo để riêng ra. Anh mở ví lấy tiền, hơi ngần người một chút rồi ngần ngại cầm một tờ báo đã lấy để lại chỗ cũ trên quấy.

- Tôi mua ba tờ Cuối tuần nhưng thiếu năm trăm đồng...

- Không sao đâu - Lê đặt tờ báo qua bên, ngược lên thấy nụ cười rụt rề của khách - Nhưng sao anh mua cùng loại nhiều thế?

- Tôi mua... giùm anh em.

- Anh mua ba loại khác nhau để chuyển nhau đọc có hơn không?

- Thôi kìa.

Khách mỉm cười, lúng túng. Lê đón những tờ bạc lẻ, khỏi đếm lại, bỏ luôn vào ngăn kéo. Anh bộ đội nấn ná, ý chừng chưa muốn rời quấy báo. Lê ngồi xuống ghế, đọc tiếp cái truyện của Lương Minh; khi ngược

lên, chạm cái nhìn bối rối của khách. Dù anh cố nhờ sự che chở của tờ báo đang treo nhưng làn gió đã tố cáo anh khi không cho tờ báo đứng im.

- Mặt tôi dính lọ chẳng?

Khách đỏ mặt... Lê nhìn cho đến khi đôi vai xuôi xuôi sau làn quần phục khuất hẳn. Người đầu mà nhìn phát sợ, dây thần kinh lịch sự bị liệt chắc?! Lê không lạ khi gặp ánh nhìn khác thường của bạn trai nhưng dẫu sao họ cũng kín đáo. Ngay hồi học phổ thông, Lê đã đoạt danh hiệu *hoa khôi* của trường. Bởi thế nhiều bạn khuyên Lê thi vào trường điện ảnh hay sân khấu nhưng Lê muốn học ngữ văn, cô yêu văn mà. Ngày nghỉ, Lê lại giúp mẹ trông coi quấy báo và tha hồ đọc.

Là người thế nào nhỉ? Lương Minh ấy. Thông minh, đẹp trai, tất nhiên rồi; ánh nhìn của anh hẳn cũng khác người. Đôi mắt sau kính cận hay ngược cao để chiêm ngưỡng vũ trụ rồi nhìn xa để thâm lấy những gì xung quanh. Anh ít nói? Chắc phải thế bởi lời anh luôn thể hiện chiều sâu tri thức. Hồi học trung học, Lê có dự lễ đón một nhà thơ đến thăm trường; chắc người ta đón lãnh tụ cũng to thế là cùng. Do trời mưa nên buổi nói chuyện của nhà thơ phải chuyển từ sân vào hội trường quá nhỏ so với lòng mến mộ. Thế là chen lấn, bu của sổ, đứng lên vai nhau. Lê nhường mỗi cổ, mỗi chân cũng chỉ thấy mỗi cái đầu hói trắng của nhà thơ...

Lương Minh là người như thế, dễ chi gặp anh. Nếu được gặp, Lê sẽ hỏi cảm xúc nào cho anh có được những sáng tác quá hay. Rồi Lê sẽ nhờ anh chỉ cho cách viết văn. Hồi học phổ thông, Lê có những bài văn đạt điểm chín, được đọc trước lớp. Không lẽ hồi nhỏ, tập làm văn của anh chỉ toàn điểm mười? Nhưng chắc gì anh đã nói; không khéo anh lại cười: “Khó lắm, em ơi!”

Lần thứ hai, anh bộ đội đến mua báo. Người xấu đến cả dáng đi, anh nhìn mãi xuống chân, ngỡ như mặt đường đã bị bọn đình tặc giăng bẫy. Hắn còn xấu hổ bởi cái nhìn tội lỗi lần trước, anh nói mà mắt vẫn dán vào tờ báo:

- Bạn cho ba tờ Cuối tuần.

Bạn? Từ bao giờ thế? Muốn làm dịu tình hình chắc? Hay tán? Chàng “thợ mộc” bắt đầu ra “cua” đây!? Tình thần cảnh giác của cô chủ nhỏ trở dậy. Nhìn khuôn mặt sạm nắng, có cái bớt vô lý nơi khoé miệng, Lê thích gây chuyện:

- Tôi chỉ bán cho anh một tờ.
- Lý do?
- Chắc anh mua báo chẳng phải để đọc!? Bởi nếu đọc, anh sẽ quý nội dung tờ báo. Chẳng hạn Cuối tuần số này có truyện ngắn *Hai miền thương nhớ* của Lương Minh...
- Bạn thấy sao?
- Sao gì?
- Truyện của Lương Minh ấy.
- Hay!
- Cảm ơn.
- Sao anh cảm ơn?
- Biết đâu... anh ấy là đồng đội tôi; như vậy bạn đã nghĩ tốt về người lính.

- Anh mỏng lung quá - Lê lắc đầu, cười thành tiếng. Khác lần trước, nhìn anh bộ đội cầm mấy tờ báo quay ra, Lê không thấy khó chịu. Về nhà nhận của anh khiến lòng cô dịu lại.

Lương Minh vẫn có bài in đều trên báo Cuối tuần; rải rác trên các báo trung ương đã có truyện anh. Lần theo địa danh ở cuối bài, Lê biết khi anh ở trong Nam, lúc ngoài Bắc. Lê quyết định ghi thư cho anh. Người nhân hậu như anh chắc không nỡ dừng dừng trước sự ái mộ của bạn đọc. Nhưng làm sao tìm được anh giữa chín chục triệu người của đất nước mình? Đến toà soạn báo! Đúng rồi, ở đó, họ phải biết địa chỉ cộng tác viên.

“Lương Minh...”, nghe Lê hỏi, bác trưởng phòng hành chính của báo nhắm lại. Bác ngẩn người, trán dúi lại như đang đếm trí nhớ. Sao bác nữ quên người nổi tiếng như thế!? Lê toan giải thích thì bác lên tiếng:

- Cháu hỏi Lương Minh hay viết truyện ngắn phải không?

- Dạ, đúng rồi!

Trao cho Lê mảnh giấy ghi địa chỉ của Lương Minh, bác nói:

- Theo kế hoạch, báo Cuối tuần ra ngày 22 tháng 12 năm nay sẽ giới thiệu về Lương Minh, cháu đón xem.

Từ toà báo, Lê đến bưu điện thành phố, bỏ thư vào hộp. Trước đó, cô cứ đưa phong bì vào hộp rồi lại rút ra. Minh đường đột quá chăng? Anh ấy có trả lời? Nổi pháp phồng bím riết Lê suốt ngày hôm đó và những ngày sau đó. Mười ngày rồi gần một tháng kể từ hôm gửi thư, vẫn không thấy hồi âm. Thư lạc? Cũng có thể nhưng cái chính là anh ấy không có thì giờ trả lời độc giả chăng?

Nhớ lời bác trưởng phòng hành chính, Lê nóng lòng chờ số báo Cuối tuần chào mừng kỷ niệm ngày thành lập quân đội. Đây rồi, “*Đọc truyện cuối tuần-Giới thiệu*

tác giả trẻ Lương Minh”. Lê lú lú mở nhanh tờ báo; có cả ảnh tác giả kèm theo bài viết. Lê kinh ngạc nhìn bức ảnh; hai tay nâng tờ báo đưa sát mặt, rồi lại đưa ra xa, mắt căng tròn. Lê nào Lương Minh lại là anh - anh bộ đội đã hai lần đến đây mua báo! Tình cảm cao đẹp trên những trang viết là của người bình thường đó sao!? Vô lý! Nhưng cái bớt độc ác nơi khoé miệng làm sao lẫn được và cả nụ cười toát lên vẻ khiêm nhường...

Lê liếc nhanh phần LỜI TOÀ SOẠN “... Khi chúng tôi chuẩn bị số báo này thì nhận được tin Lương Minh đã hy sinh trong lần đi giúp dân tránh lũ mới đây. Anh đã lao vào dòng nước xiết cứu ba em học sinh; khi vớt được em cuối cùng thì anh đuối sức, bị dòng nước cuốn trôi... Truyện ngắn **Đừng nhìn anh như thế** mà các bạn đang xem là sáng tác cuối cùng được anh để lại trong nhật ký...”

“Trời!” - Lê gục xuống tờ báo, nức nở... ■





Tết đến

Mẹ ơi mẹ, mấy bác hàng xóm rủ mẹ đi chợ Tết kia! Con bé Hảo lon ton từ ngõ vào sân, hớn ha hớn hở nói lại với mẹ. Chị Hồng đang mãi loay hoay ra vào dọn dẹp lại căn nhà sau lũ. Đôi mắt chị buồn thắm thắm nhìn vào những mớ hỗn độn, nào đồng gạch trước sân, nào vườn hoa cúc hơn một sào nằm la liệt, ngả nghiêng chỉ trơ lại chậu đất và chỉ chít những thanh tre ngâm nước lâu ngày xám xịt. Nhìn đứa con hào hứng với việc đi chợ Tết, lòng chị đắng đót vô cùng. Chẳng hiểu sao, nước mắt chị cứ ứa ra ừng ực. Không để con gái nhìn thấy mẹ buồn, chị quay đi, gạt hai hàng nước mắt rồi nhìn con, mỉm cười:

- Con nói với mấy bác hàng xóm, mấy hôm nữa mẹ cháu mới đi chợ được. Hảo dạ một tiếng rành rọt rồi lại nhanh nhẩu chạy vụt ra ngõ. Nó nói lại y chang lời của chị với mấy người hàng xóm. Đầu ngõ, tiếng ồn ào bàn chuyện Tết nhất của ba bốn người hàng xóm rủ nhau đi chợ cũng nhỏ dần, chỉ còn lại tiếng nói cười của đám trẻ quanh xóm đang cùng nhau chơi bắn bi trên khoảng đất trống lủ vừa đi qua trở lại lộ nhô những sỏi và đá. Chị Hồng bần thần ngồi bệt xuống tấm bê tông bên cạnh hiên nhà, miệng lẩm bẩm:

- Trời với đất! Sao năm nay mưa bão lại tác oai tác quái đến vậy. Rồi trong dòng suy tư của chị bỗng hiện niềm vui trong những ngày giáp Tết của một năm về trước. Anh Thanh, chồng chị thì bận túi bụi với việc bán hoa cúc tại vườn. Chị thì ngồi tính toán xem lời lãi bao nhiêu rồi vui vẻ ghi ra những thứ sẽ sắm sanh trong ngày Tết. Hai đứa con của chị ngồi bên, nhìn mẹ cười tí, sung sướng khi nghe mẹ nói dự định sẽ mua cho thứ này thứ khác. Nhìn con, chị thấy hạnh phúc lây lan. Vậy mà giờ... Chị chặc lưỡi:

- Tiễn vào nhà khó như gió vào nhà trống. Tết nhất đến nơi rồi, không biết làm sao đây!

Anh Thanh đành hăng từ đầu ngõ như muốn báo với chị là anh đã về. Từ xa, anh đã đồng dục hỏi chị:

- Sao mẹ mà không đi chợ với mấy cô trong xóm?

- Muốn đi chợ lắm chứ nhưng lấy tiền đâu mà đi.

- Mẹ mà lại thế rồi. Lũ lụt đâu chỉ nhà mình. Mình chỉ mất đi vườn hoa cúc thôi. Nhiều gia đình còn mất cả nhà cửa, người thân nữa kia. Thế mà họ vẫn gắng vui vẻ vượt qua để cho con cháu có một cái Tết âm áp đấy thôi. Nói rồi, tay anh lò dò trong túi áo ka-ki đã sờn bạc móc ra hai tờ 500 ngàn đồng đặt vào tay chị:

- Đây! Mẹ mà đi chợ sắm Tết đi. Mấy hôm nay, ba



LÊ THỊ XUYỀN

thấy cái Hảo và thằng cu Tiệp cứ sáng sủa chuyện Tết nhất, mua quần áo mới đấy. Tết mà! Vui lên đi mình! Chị Hồng thấy lòng cũng nguôi nguôi nhưng rồi chợt dạ, hỏi anh:

- Tiền đâu mà ba cái Hảo lại có nhiều thế này?
- Chứ mẹ mày không nhớ à? Mấy hôm trước, ông trưởng thôn có thông báo, Tết năm nay, tỉnh mình sẽ không bắn pháo hoa mà lấy tiền đó để ủng hộ cho dân bị thiệt hại do mưa lũ vừa rồi. Sáng nay đi thăm đồng về, trưởng thôn thấy nên gọi tôi vào nhận đấy.
- Ủ! Tôi cũng quên mất. Chị Hồng nhìn chồng như vẻ nhớ ra.
- Cũng may còn có chính quyền, có các mạnh thường quân giúp đỡ nên mình cũng bớt khó, bớt khổ mình nhỉ? Thế để tôi dẫn cái Hảo và cu Tiệp đi chợ luôn. Chắc hai đứa vui lắm đây. Chị Hồng bỗng thấy lòng nhẹ nhàng hơn. Chị thoăn thoắt vào nhà lấy ra cái giỏ nhựa rồi ra ngõ gọi hai đứa con.

Chị Hồng cùng hai con thông dong đi chợ Tết. Hai đứa trẻ đi bên mẹ. Những bước chân của chúng trở nên vội vàng, nụ cười nắc nẻ trong nắng sớm tinh khôi. Cái Hảo chỉ tay về phía cánh đồng, nơi những ruộng lúa đã bắt đầu chum chim mạ non, nơi những ruộng

ngô, ruộng rau cũng đang rết lên một màu xanh biếc xanh rồi ngược lên nhìn mẹ:

- Mẹ ơi, sau lũ, cây màu tươi tốt quá mẹ nhỉ? Nhìn về phía tay con chỉ, lòng chị có cái gì phơi phơi khó tả. Chị chợt nghĩ, thì ra trời không phụ lòng người. Chỉ mới cách đây một tháng, cả cánh đồng hãy còn mênh mông nước là nước. Vậy mà giờ đã trở thành những ruộng lúa, ngô, khoai... tươi xanh. Chị thở phào nhẹ nhõm. Thằng cu Tiệp í ới gọi chị nó rồi giục mẹ bước nhanh lên kéo đến chợ muộn sẽ hết đồ Tết. Chị bật cười, nụ cười rạng rỡ khiến những nếp nhăn trên trán cũng tự nhiên đi đâu mất.

Chợ quê ngày Tết, hàng hóa tuy không nhiều nhưng cũng nhộn nhịp người mua, kẻ bán. Chỗ này hàng thịt, hàng cá; chỗ kia hàng vải, hàng quần áo; rồi hoa trái đủ loại,... Mẹ con chị dạo quanh một vòng rồi dừng lại ở sạp quần áo. Chị mua cho cái Hảo và cu Tiệp mỗi đứa một bộ quần áo mới. Rồi chị mua thêm bó lá chuối, bó lạt tre; thêm chục lon gạo nếp, miếng thịt heo ba chỉ và những thứ gia vị cần thiết. Chị còn mua thêm ngũ quả chưng lên bàn thờ tổ tiên; mua cho hai con, mỗi đứa một con tò he nặn bằng bột, vừa là để thích thú ngắm nghía nhưng cũng vừa để nhấm nháp sau khi cuộc vui đã tàn. Nắng đã lên tận con sào. Ba mẹ con chị đã về đến nhà sau một buổi sáng rong ruổi chợ Tết.

Buổi sáng của những ngày cuối năm, đất trời bừng lên sinh khí mới. Từng đàn chim yến chấp chới bay liệng nhơn nhơ trên nền trời xanh mát, cao vợi. Nắng mai le lói hắt lại từ cuối trời xa. Từng chấm nắng nhảy nhót tung tăng, trải mình trên những chùm búp cây xoan đầu ngõ, trên mấy bông hoa mào gà đỏ chót cạnh bờ giếng, và trên cả đồng gạch đá ngổn ngang giữa sân nhà. Trong vườn, những mầm cỏ non tơ đang cựa mình, lấp ló chạm ngõ trời xuân. Bầy gà rù nhau cất lên điệp khúc chiếp chiếp, tục tục, ò... ó... ó... liên hồi làm náo động cả một góc sân.

Tết đã về khắp trong nhà ngoài ngõ. Âm thanh của tiếng radiô bên nhà cô Sáu hàng xóm vọng qua làm cu Tiệp nhún nhảy hát theo: "Tết... Tết... Tết... Tết đến rồi... Tết đến trong tim mọi người".

Anh Thanh ngồi tỉ mẩn đùm từng chiếc bánh tét trong nét cười nhẹ bẫng. Chị Hồng ra vào dọn dẹp, trang trí bàn thờ tổ tiên bằng mâm ngũ quả mua về. Vui nhất vẫn là cái Hảo và thằng cu Tiệp. Chúng xúng xính trong bộ áo quần mới, cứ lăng xăng chạy ra chạy vào, hết khoe với ba lại hỏi mẹ có đẹp không. Rồi hai chị em lại rù nhau ngồi xuống chiếu, dõi theo từng động tác gói bánh tét của anh Thanh, miệng cười toe toét, ước ao, mong mỏi:

- Ba gói cho chị em con mỗi đứa một cái bánh tét nhỏ nghe ba! Nhỏ thế này này!

Nhìn đôi bàn tay chúm chím hồng của con ra hiệu cho ba biết, lòng anh thấy yêu con vô cùng. Anh nhận lời con bằng câu nói kiểu Tây: OK! Rồi cả nhà cười phá lên rộn rã. ■



Hành hương “Phù Tang”

TRẦN QUÊ HƯƠNG

1. Sài Gòn

Thoảng từ hương cúc, hương mai
Dấu xưa đất mẹ thương hoài ngàn năm
Đạo tình vi diệu thậm thâm
Quê hương là chốn nguồn tâm trở về

2. Hồng Kông

Cất mình vạm dặm sơn khê
Trùng trùng điệp điệp bốn bề mây giăng
Kiếp phù du, mộng thế gian
Chợt đi, chợt đến mơ màng cõi không.

3. Đài Bắc

Dừng chân ngắm cảnh phiêu bồng
Giữa non nước với bụi hồng lung linh
Người về già biệt tử sinh
Người đi nối dặm đường trình mộng du.

4. Nagoya (Danh Cổ Ốc)

Nagoya tự thiên thu
Tình người soi sáng sương mù trần ai
Nụ cười tươi bóng Như Lai
Nhơn duyên tương hội xây đài thiện tâm.

5. Kyoto (Kinh Đô)

Phật mười phương tỏa pháp âm
Thiên Long, Thanh Thủy... hùng tâm vẫn là
Long An, Kim Các... ngân xa
Phật thương sanh chúng, Phật hòa nhân gian.

6. Osaka (Đại Bản)

Đường trần chìm nổi gian nan
Thoáng như bóng ngựa bên đàng thiên thai
Rừng phong mây thuở u hoài
Chào Osaka nét trang đài phù tang.

7. Kobe (Thần Hộ)

Khách từ xa đến nghiêm trang
Cúi đầu mặc niệm bàng hoàng thương tâm
Thiền môn Phật cũng lụy thăm¹
Khóc Kobe, tựa thủy trầm dòng châu.

8. Tokyo (Đông Kinh)

Tokyo đây là đâu
Tháp thiêng sừng sững muôn màu phù hoa
Chập chùng như cánh thiên nga
Đỉnh cao, đỉnh thấp hằng hà trong sương.

9. Đại Phật Ngưu Cửu² (Ushiku Daibutsu)

Con về nương bóng chơn thường
Áo Như Lai, ấm tình thương ngút ngàn
Di Đà bảo tượng sen vàng
Đại Phật Ngưu Cửu huy hoàng mười phương.

10. Thành Điện Sơn (Narita)

Thành Điện Sơn phút vấn vương
Bóng chiều còn đọng bên hương tháp ngà
Đây chánh điện, đây linh gia
Đây thần kiếm bối, đây hoa nhiệm mầu.

* * *

Mai nầy bốn biển năm châu
Một giờ tri ngộ, một câu nghĩa tình
Pháp là diệu lý minh minh
Phật là tâm, sáng lung linh ta-bà
Mười phương một hạt châu sa
Châu sa một hạt chan hòa mười phương.

Chú thích:

1. Trong trận động đất ở Kobe năm 1995, có hai ngôi chùa bị hư sập.
2. Tượng Phật cao 120m, cao nhất thế giới hiện nay.

Chiều trăng trên núi Cô Tô

TRẦN BẢO ĐỊNH

Lời mình nhịp phách bổng trầm
Tôi tương tư bởi bến mầm tình yêu
Bồi hồi lần ký ức chiều
Tầm phương thị hiện em kiều diễm xưa

Đường biên mình hứng giọt mưa
Địa cầu nghiêng bóng trắng vừa thấp đêm
Mùi hương da thịt thân quen
Xác hồn thường tại rằng quên bao giờ?

Âm giai cung bậc hững hờ
Dấu trắng dấu giáng bên bờ diệt sinh
Mắt xưa thường trụ bóng hình
Tóc xưa trong kỷ niệm mình mộng du

Chiều Cô Tô đổ công phu
Tôi vô thi đứng thấy từ tâm em
Hạt luân hoán nẩy mầm lên
Đôi tay chấp lại qua miền tịch không!

Liễu ngộ

TÁNH THIÊN

Pháp Phật bao trùm khắp đâu đây
Cho ta thông suốt bản tâm này
Cầu xin khẩn mãi càng xa Phật
Một ngọn gió lửa cũng tiêu mây

Phật không còn ở cõi phương xa
Phật vẫn ngồi yên khắp mọi nhà
Cuộc sống tịnh an là có Phật
Chẳng cần van vái một người ra

Tu Phật mà không hiểu Phật tâm
Càng tu càng mãi mãi sai lầm
Hướng ngoại tìm cầu thêm đau xót
Liễu ngộ chánh tà rõ diệu tâm.

Bài ca trái đất

LÊ NGHỊ

Ngôi sao ngôi sao
Trái đất trái đất
Ngân hà ẩn mật
Trong đêm thăm xanh
Cuộc tình từ đó
Ta gửi cho mình

Một vòng tỷ năm
Trôi trong chớp mắt
Mà sao trăm năm
Gió thu se thắt!?
Sinh thành hoại diệt
Địa cầu bênh trôi...
Ôi! Em tha thiết
Tình chưa đắp bồi

Là nhà ta đó
Không gian bao la
Bài ca cuộc lữ
Dệt ánh mặt trời
Đâu mùa sinh tử
Hồng hoa đất người
Mấy kỳ hé nở...

Giấc mơ ở lại

MIÊN ĐỨC THẮNG

Ta gọi em là giấc mơ
Của một thời yêu đương hoang dại
Ta gọi con là giấc mơ
Của năm tháng tuổi thơ êm ái
Ta gọi cháu là giấc mơ
Của bắt đầu hành trình dài
Một mai ta ra đi
Giấc mơ sẽ còn ở lại
Có bao nhiêu giấc mơ không hình thành trong hiện tại
Khi quá khứ bị lãng quên đang nhìn tương lai
Ái ngại mời tiên tri thần thánh
Ta ra đi, chắc chắn sẽ ra đi
Giấc mơ đó - giấc mơ vẫn phải còn ở lại
Không thể khác với những gì ta đang gần gũi
Không thể khác hơn - không thể khác gì hơn!
Chúc lành...



Mất gì...

ĐẶNG THỊ NGÀ

Mất gì đi khắp đó đây
Vẫn không tìm được những ngày đã qua
Mất gì mà nhớ diết da
Như cơm nhớ cá như cà nhớ rau
Mất gì càng khóc càng đau
Ngàn năm còn lại một màu tối tăm
Mất gì bên ướt giành nằm
Bên khô để lại thân tằm nhả tơ
Mất gì bỗng chốc đại khờ
Như đàn gà nhỏ bơ vơ giữa đời
Mất gì mất cả bầu trời
Đêm đêm giấc ngủ không lời hát ru
Mất gì mà cả thiên thu
Bông hồng hoá trắng mĩa như bỏ hòn
Mất gì hết nước trên non
Suối sông khô cạn biển còn cát trôi
Mất gì tội lỗi ai ơi
Tháng ngày còn lại mồ côi một mình.

Quê em

LÝ THỊ MINH CHÂU

Quê em sông nước hữu tình
Cây đa bến nước ẩn hình quê hương
Đến rồi đi phải vấn vương
Gặp rồi để lại nhớ thương mơ màng

Ngát thơm hương lúa đang đồng
Tung tăng cá lội nước sông xanh
Dịu dàng hương sả hương chanh
Chiều phơi tóc gội trên cành ca dao

Ngọt ngào hơn cả ngọt ngào
Môi cười đã hoá câu chào thơm tho
Mong sao bến sẽ gặp đò
Đậu hoa kết trái câu hò thủy chung.



Đợi xuân

TK.VY TIẾU

Đôi bướm chao cánh mỏng,
Lượn lờ chẳng tính toán,
Vui giữa trời xuân mới,
Thơm hương hoa nồng nàn.

Trần gian đón xuân về,
Hương xuân ngọt đường quê,
Áo màu bay trong gió,
Môi thơm nụ ước thề.

Gió vùn vùn làn tóc,
Vuốt ve cụm mai gầy,
Đợi xuân về đầu ngõ,
Bao mơ ước tràn đầy.

Xuân ngát ngát sắc thắm,
Theo gió rung ngàn hoa,
Báo niềm vui tròn nụ,
Cho tình yêu đậm đà.

Xuân ca mùa chờ đợi,
Lộc non trở khắp cành,
Cho người đi hái nụ,
Thôi đợi chờ nàng xuân.

Thanh thoát giọt kinh xuân

TRƯỜNG KHÁNH

Lời kinh xuân thanh thoát,
Từng giọt dịu ngọt đời,
Lời vàng tỏa mát ngàn nơi,
Giữa mùa xuân đến đất trời ngợp hoa,
Nắng xuân trải lối chan hòa,
Cho em tròn nụ - lời ca yêu đời.

Mẹ đang dâng vạn lời,
Cầu kinh xuân hoan hỷ,
Nắng xuân vươn dài đẹp ý
Hài xuân đếm bước nhuần nhị hoa khai.
nhìn xuân lướt nhẹ gót hài
Ngọt êm thanh thoát đậm dài sắc hương.

Bóng xuân về vương vương,
Vạn nẻo đường hoa trái,
Giọt kinh xuân rơi mềm mại,
Tĩnh thức cuộc đời nhuần trái yêu thương,
Dù cho thế sự vô thường,
Lời kinh xuân tụng - mười phương Phật về.



Mùa chim nhả hạt

HOÀNG CÔNG DANH

Cù hùa nằm bên vách núi. Đứng chỗ này ngó lên đỉnh cảm giác rất gần, nhưng chưa bao giờ tôi leo lên được tới đỉnh. Tôi hỏi thầy, tu là đi xuống hay đi lên. Thầy nói tùy, nếu khỏe thì đi lên, mệt đi xuống. Đây là câu hỏi lúc tôi năm tuổi, và thầy chắc cũng chỉ trả lời cho vui để một đứa trẻ hiểu nôm na việc tu như chuyện đi chơi vậy thôi.

Tháng Chạp sương phủ, chùa chìm trong màn trời màu nước gạo vo. Rêu mái ngói ẩm và đàn chim bay qua thường nhả vài hạt nhỏ xíu rớt xuống bên vách, vài tháng sau đã thấy có cây mọc lên leo bám. Thấy trò chúng tôi tách cây đem đi dặm trong vườn. Có khi đó là cây bồ-đề hoặc cây sanh để uốn thế. Có khi là vài loài hoa dại nở đủ màu nhưng chỉ một lúa thôi đã tàn và héo. Chúng tôi vẫn trồng vì như thầy dặn, ta phải tạ ơn chim đã mang chủng tử về đây.

Thầy nói đó là mùa gieo hạt tự nhiên. Mùa xuân đến chùa sớm hơn.

Và cũng cỡ đó, thầy giao cho tôi cùng sư huynh Từ Chân việc trừ lá mai trong vườn. Từ Chân đã đi học cấp ba, người cao long nhong, việc gì cũng tháo vát. Tôi lại hay nghịch. Thấy thương cả hai như nhau, làm gì cũng bảo tôi giúp sư huynh, còn Từ Chân thì phải hướng dẫn tôi mọi việc.

Từ Chân cao nhưng vẫn phải bắc thêm ghế mới với tay tới mấy đợt mai. Vừa hái, huynh vừa nói không thích việc này chút nào, cứ để nó nở tự nhiên thì hay hơn. Mà mai nở cảnh chùa vui thêm, lòng người chỉ mệt đi.

Tôi đem chuyện thưa với sư thầy. Thầy nói tánh Từ Chân vậy, chắc khó đi lên núi.

Từ Chân học giỏi. Năm nào nhận bằng khen về, huynh cũng hỏi, thầy ơi năm sau con có đi học nữa không. Thầy cười, học chứ sao nghỉ. Thi tốt nghiệp cấp ba đạt loại ưu, Từ Chân lại hỏi, thầy có cho con học tiếp không. Thầy gật đầu, đi làm sinh viên là học kiến thức cao cấp hơn, để giúp đời hơn. Từ Chân hơi buồn, bạch thầy sợ theo đuổi học đời mà quên chuyện đạo. Tùy duyên thôi con, thầy nói, như cây cối có loài cho hoa có loài không, vậy đó mới là tự nhiên.

Hoàng mai vườn chùa năm nào cũng nở trúng. Hăm ba tháng Chạp đã bung vỏ lụa gần hết. Ba ngày Tết vàng rực cả vườn xen lẫn lá lộc non muốt. Người đến văn cảnh chùa khen chỗ này cây cối thuận khí trời, người tu hành chắc cũng thuận đạo mà hanh thông.

Công lao này hẳn là của Từ Chân hết, vì chính huynh ấy hái lá, tôi chỉ loanh quanh dưới gốc gom nhặt. Có năm hào hứng tôi đòi Từ Chân đổi chỗ, tôi sẽ leo lên hái lá còn huynh cúi gom nhặt. Từ Chân không chịu, bảo tại lưng dài cúi xuống mỏi lắm.

Thầy nói huynh đệ tụi con mỗi đứa một khác, đứa chuyên nhìn lao lung, đứa chuyên cúi chăm xuống. Tôi lên tám vẫn chưa hiểu được hết ý thầy, chính xác là không hiểu chi trơn trọi. Từ Chân thì tái mặt, lặng lẽ về phòng ngồi khựng trước bàn học.

Chạp năm đó tôi lượm được bốn lá thư chép tay trong tập giáo trình của Từ Chân. Tôi vừa đọc vừa cười,



có đoạn trích thơ thì đọc đến thuộc. Có nhiều đoạn viết khó hiểu, tôi đem hỏi thầy. Thầy không xem thư, chỉ bảo tôi đem về cất lại chỗ cũ cho sư huynh. Có giải thích con cũng không hiểu đâu. Mà mấy chuyện đó, không nên hiểu làm chi.

Từ Chân hái lá bắt cần, để gầy nhiều ngọn nhỏ. Thầy đi qua, thấy trong giỏ mây của tôi mấy cái nhánh con, quả hôm nay ít sương hay sao cây giòn quá. Rồi thầy dặn Từ Chân cẩn thận kéo ngã, đừng chủ quan, vọng tưởng xô được người ta xuống từ núi cao đó nghe.

Ra Giêng ngày rằm Từ Chân vẫn chưa đi học. Tôi cạnh khốe làm sinh viên ăn Tết sướng quá, chẳng như học sinh mới nghỉ có mấy ngày đã phải đến trường. Từ Chân nói huynh phải nghỉ học thôi, giờ học không vô chữ nghĩa được nữa, tụng kinh dễ hơn vì khỏi phải hiểu. Chắc huynh chỉ nói để tôi siêng năng tụng kinh hơn, vì tôi hay làm biếng khi thấy bắt ngồi đọc những chữ Phạn rồi mù không rõ nghĩa.

Một chiều, chị Luyến bạn học cùng lớp với Từ Chân đến chùa đợi rất lâu trước cổng. Chờ thấy trò tôi tụng kinh xong, chị ngoắc tay tôi kéo ra chỗ cây bồ-đề hỏi huynh Từ Chân đâu. Tôi chạy đi tìm thấy Từ Chân núp sau bìa thất, huynh bảo tôi ra nói với chị Luyến là Từ Chân đã mang sách lên núi vừa đọc vừa coi mấy cái cây con.

Chị Luyến về khuất, Từ Chân bước ra quỳ gối xin thầy tha tội, con đã đụng vào thân thể người ta rồi thầy ơi. Dân trong xóm đi qua suốt thấy chuyện, nói con về xin thầy cho xá giới, chứ ở đây chỉ làm tội thêm chùa chiền.

Hôm đó Từ Chân vội vàng đi trồng cây, mang theo tay nải. Sương dày đặc nên người chỉ mới lọt qua chỗ cổng là đã không còn nhìn rõ hình. Thấy thấy, nói kệ, cứ để chú ấy đi.

Chị Luyến còn lên chùa hai ba lần gì đấy. Chị bảo Từ Chân không đi học thì biết lấy ai kèm cho chị. Giảng đường đại học kiến thức cao siêu mà không có lớp học thêm, chắc chị phải bỏ thôi. Có lần chị vào tận phòng ngủ chúng điệu lục lọi thứ gì đó. Mãi không thấy, chị ngồi khóc rồi giặt cái khăn màu nâu của Từ Chân ngúng ngẩy mang về. Tóc chị dài, không dài bằng cái khăn nâu của chúng tôi. Tôi nghĩ lung tung chuyện mái tóc đó chắc dễ búi dễ buộc, mà buộc được rồi khó cởi khó tháo.

Tôi thưa với thầy tôi không thích chị Luyến vì chuyện chị tự ý vào chùa. Thầy nói đừng ghét bỏ họ nữa, người ta khổ mới tìm tới đây.

Ngày nắng, Từ Chân lại tìm về chùa. Tôi đem xô đi hứng nước thấy dáng sư huynh khật khưỡng leo mấy bậc đá từ dưới xa nhưng không gọi. Tới khi tôi xách xô lên thì Từ Chân đã đến rất gần, tôi giả bộ làm lơ. Từ Chân hỏi tôi chắc ghét huynh ấy lắm phải không. Tôi ngoắc đầu về phía chùa, ý bảo vào đó mà hỏi sư thầy.

Khi đó tôi đã đọc xong mấy cuốn yếu lược Sa-di nên tôi biết chỗ này thiêng liêng, không chấp nhận được việc người ta đối đãi bông lơn với ngôi chùa của tôi, thích là đi thích là về dễ quá sao. Và hơn nữa, tôi muốn mọi sự cảm giận của mình phải được cộng thêm vào chỗ thầy, để thầy giáng xuống sư huynh. Như thế hả hê hơn.

Nhưng thầy không mắng Từ Chân, cũng không vồn vã hỏi han. Thầy chỉ mỉm cười như kiêu đệ tử mới đi loanh quanh đâu đó. Từ Chân quỳ sập gối chỗ sân chùa cho tới khi nghe tiếng khánh đồng báo hiệu giờ ngọ, thầy kêu huynh vào gõ mõ, tôi đứng bên thỉnh chuông. Như chưa có chuyện gì xảy ra.

Từ Chân tiếp tục đi học nhưng học yếu hơn. Hồi năm nhất được học bổng sinh viên giỏi. Tới năm hai chỉ có khá, năm ba trung bình và năm cuối phải thi lại rất nhiều môn. Tôi hỏi Từ Chân sao thấy huynh siêng học, ở chùa ngoài tụng kinh là lao vào bàn ngồi học mà lại lết đệt quá vậy. Từ Chân nói tại huynh ấy đang tu. Tu gì. Tu cái sự hơn thua với đời. Tu diệt cái cuốn hút của vẻ trí thức.

Mấy loại tu đó tôi chưa được nghe. Tôi lại hỏi thầy sao Từ Chân học yếu mà thầy không mắng không đánh, còn con nhác học thầy lại khê thước vào mông đau quá. Thầy nói tại con còn biết đau là con đang lành, còn mấy người đau rồi thì đánh làm chi nữa. Tôi hiểu ra. Ờ, như cái hũ lên tương rồi thì không phải là đậu, đúng không thầy.

Mưa ràn rạt quét qua vườn chùa, xốc thẳng vào chỗ phòng chúng tôi. Từ Chân cầm xấp thư chạy lên núi. Khi về tôi hỏi mấy bức thư đầu. Từ Chân bảo gấp quá nên lấy để che những cây non mới trồng hồi chiều, mà mấy cái thư đó cũng không cần nữa. Tôi thắc mắc hết cần sao không dùng lửa đốt cho nhanh. Có phải cái gì dùng lửa đốt cũng cháy đâu.

Như cái đầu của người tu hành chậm nhang có cháy được đâu.

Thầy làm lễ thọ giới Tỳ-kheo cho Từ Chân. Thầy cầm cây nhang ngúm lửa chấm vào đầu Từ Chân. Tôi đứng bên cầm khăn ướt, nghĩ chắc là đau lắm, sao huynh ấy không khóc mà cũng không chảy nước mắt. Thầy chấm nhang xong, Từ Chân cắn răng, tôi định phủ khăn ướt lên cho đỡ đau nhưng huynh đưa tay khoát. Những nốt châm nhang trên đầu huynh tròn đẹp như mấy hạt chim nhả bên vách chùa. Thầy nói cấy vào đó rồi thì biết đường mà nuôi dưỡng.

Từ Chân nhập hạ ba tháng. Độ ấy cây bên vách đã cứng cáp. Tôi lãnh hết phần việc đi chăm dậm cây trong vườn. Thầy nói để Từ Chân yên tâm coi ngó mấy cái hạt trên đầu còn non dại.

Chị Luyện lên chùa, đứng trước mái thất bên tranh cửa gài, chị nói làm chi mà hành hạ mình cho cực. Tôi thì nghĩ chị cực hơn, đừng tưởng đứng ngoài mà được tự do thoải mái.

Chị rủ tôi đi xuống phố chơi. Chùa mấy bữa nay vắng lặng, đang mùa nhập hạ nên không ai dám lui tới đây quấy rối. Tôi thấy tịnh, không được giao việc gì, vui vẻ đi với chị vì nghĩ chắc chị cần nhờ vả việc gì đó, gửi một lá thư chẳng hạn.

Khi về, chị không gửi thư, chỉ nhờ tôi trả lại cái khăn nâu cho Từ Chân. Tôi hỏi nhẩn gì nữa không. Chị lắc đầu. Chị sắp đi học xa, nếu tốt sẽ ở chỗ đó làm việc luôn. Chị nói nếu không có Từ Chân chị đã chết nước từ mấy đời. Nên chị đi, vì nợ nào giết người đã từng cứu mình, đúng không.

* * *

Mùa xuân năm ngoái tôi quay lại chỗ vách núi. Vẫn ngôi chùa cổ kính đơn sơ nơi hoang tịch. Mai nở vàng chắc nhờ có duyên, hay tại người hái khéo. Huynh của tôi giờ đã là trụ trì, tôi không còn hỏi những câu trống trơ như hồi đó nữa. Tôi xưng con và gọi huynh là thầy. Thầy Từ Chân bảo tôi đừng giữ lễ, vì mình từng là huynh đệ chỗ này. Đời nhiều ngã rẽ lắm đường đi, không trách được.

Chúng tôi dạo bộ quanh nương chùa, chim vẫn về đây ríu rít.

Thầy Từ Chân đọc ngâm mấy câu thơ.

Đây là quán tha hồ muôn khách đến

Đây là bình thu hợp trí muôn phương

Đây là vườn chim nhả hạt mười phương

Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc.

Ngâm xong thầy cười một tràng dài.

Tôi không đòi giải nghĩa mấy câu thơ, như hồi xưa thường bắt sư huynh phải giải thích tường tận. Vì đường còn xa. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 46 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Vinh : 10 cuốn/kỳ
Mỹ thuật tượng Zen Art : 10 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 9 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ

Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
BS Trần Ngọc Đình : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, Cty Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ

Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Hoàng Thoại Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 388 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Cuối năm đi quét mộ

NGUYỄN HOÀNG DUY

Đối với người Việt, việc quét mộ (tảo mộ) là nghĩa cử thiêng liêng của con cháu đối với ông bà đã khuất. Quét mộ, hay còn gọi là tảo mộ, hiểu nôm na là sửa sang mộ phần ông bà, phát quang xung quanh cho sạch sẽ, tươi tốt... là việc được tiến hành vào cuối tháng Chạp âm lịch, trước dịp Tết cổ truyền. Đối với những người con xa quê không kịp về quét mộ trong dịp Tết cổ truyền, người Việt có ngày Tết Thanh minh (trong tiết Thanh minh) diễn ra vào ngày mồng 3 tháng 3 âm lịch; đây cũng là dịp để con cháu có thể tiến hành việc di dời hài cốt ông bà vào những nơi trang trọng hơn, hoặc mang về sau vườn nhà cho ấm cúng.

Cứ tầm đầu tháng Chạp, đã thấy nhiều đám lục tục kéo nhau đi quét mộ trải thành hàng dài, lô nhô chật kín cả con đường làng. Điều đó cho thấy, người Việt trân trọng, nâng niu, giữ gìn nét văn hóa này như một vật gia bảo. Phong tục quét mộ ảnh hưởng từ văn hóa Trung Hoa như hai câu thơ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã viết:

*Thanh minh trong tiết tháng Ba
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.*

Tuy nhiên, ở Trung Hoa thì việc tảo mộ lại rơi vào Tết Thanh minh mồng 3 tháng 3 âm lịch là chủ yếu.

Ở quê tôi, mỗi nhà chọn một ngày nhất định trong tháng 12 âm lịch để đi quét mộ ông bà và lấy đó làm truyền thống duy trì từ đời này sang đời khác, không bao giờ thay đổi. Tất nhiên sẽ có nhiều gia đình chọn trùng ngày với nhau. Bởi lẽ một tháng chỉ có 30 ngày. Trong khi cả xã có đến hàng trăm hộ dân chứ đâu có ít. Ngày trước, mộ ông bà thường nằm ở những khu nghĩa địa có người cai quản, tức quản trang. Họ làm không lương, thuần túy là có bãi đất dư rồi mở lòng cho người qua đời yên giấc nơi đây như là cách làm phước giúp đời. Dù vậy, mỗi năm đi quét mộ, gia đình nào cũng cảm ơn ông quản trang bằng một gói quà nhỏ hay một bao lì xì đỏ thắm để ông vui xuân. Của ít lòng nhiều, ông buộc phải nhận cho mọi người vui vẻ.

Quét mộ là một việc làm thiêng liêng của con cháu đối với ông bà đã khuất nên chẳng ai làm sơ sài mà phải có bài bản, nghi thức đầy đủ. Vì nghĩa địa xa nhà, nên mới từ 3 - 4 giờ khuya là cả nhà tôi đã thức dậy. Phụ nữ trong nhà thì lo chuẩn bị các món ăn để cúng kiếng. Trẻ con như anh em tôi cũng nhón nháo, nồn nao thức

dậy đòi xin đi theo. Vì vào cuối năm được nghỉ học, và lại ba tôi muốn cho con cháu biết nguồn biết cội nên đồng ý cho theo cùng. Ba tôi là con trai út, chịu trách nhiệm việc thờ cúng ông bà, nên ông đã kịp thời đốt vài nén nhang lên bàn thờ gia tiên rồi xuất hành.

Dụng cụ mang theo quét mộ gồm có chổi, cuốc, dao, thau, nhang, bánh, hoa và không quên quà biếu ông quản trang. Ngày trước kiếm tiền mua một chiếc xe đạp là cả vấn đề nên ai cũng đi bộ. Nhộn nhịp lắm cơ. Những người có cùng ngày quét mộ với gia đình tôi, đi ngang nhà, gọi nhau í ới làm cả một vùng rộn ràng. Ít nhất cũng vài ba chục người, bao gồm cả trẻ con. Một nhà thường đi khoảng năm người, anh em dù xa nhà, nhưng vẫn cố gắng về sớm một ngày, ngủ lại nhà thờ để sáng sớm hôm sau cùng gia tộc đi quét mộ. Bóng đêm chưa tan hẳn, sương phủ đầy không gian khiến cho trẻ con rét run người. Dù ớn lạnh, sợ ma, nhưng có ba và các chú, các bác nên tôi cảm thấy thích thú hơn rùng mình. Khi tiếng gà tắt hẳn, mặt trời thức giấc phủ những tia nắng le lói mong manh lên những vòm me xanh thì cũng là lúc mọi người đến nơi.

Ba tôi vào bàn thờ chung ở nhà bác quản trang đốt một nén hương tưởng niệm, biếu bác một giỏ trái cây rồi bắt đầu ra một khu mộ ông bà để làm việc. Lúc đó nhà tôi nghèo lắm, vì vậy mộ ông bà không được xây cất xi-măng, đá tổ ong như những gia đình khác mà là mộ đất. Ba tôi lại tiếp tục đốt nhang trước mộ, khấn vái rất lâu, cầu cho ông bà nơi miền cực lạc phù hộ cho gia đình mạnh khỏe, làm ăn phát tài.

Rồi ba phân công người thì đi ra bờ kênh xúc bùn giã cho vào xô, thau để tráng mộ mới. Người thì phát quang xung quanh, nhổ cỏ, nhặt rác. Sau một năm quét mộ, cỏ cây lại mọc xanh um che khuất cả khu mộ. Nhất là những cây trâm bầu, ma dương, mắc cỡ... phải nhổ tận gốc để chúng không mọc lại. Ba kéo tay tôi đi khắp khu mộ, chỉ nơi nào ông bà nội, ông bà cố hay các bác an nghỉ. Rồi ba cúi vào tay tôi con dao, bảo: “Con

phải làm điều gì đó cho khu mộ này sạch sẽ. Mau lên, để các chú mang bùn về làm mới mộ không kịp”.

Vâng lời ba, tôi lao vào nhổ cỏ, chặt cây, nhặt rác cùng ba. Phải mất gần một giờ mới xong việc này. Để đó cho các bác và các anh tráng bùn, ba dẫn tôi lại một khu đất khác, rồi bảo: “Con có biết đây là mộ của ai không?”. Ôi chao, tất nhiên là tôi biết rồi, bia mộ có ghi rõ ràng kia mà. Nhưng khi ba tôi gần giọng: “Người nằm đây là anh của ba đấy, một liệt sĩ hy sinh trong thời kháng chiến chống Mỹ”. Không để tôi thắc mắc vì sao bác nằm lẻ loi nơi này, ba giải thích: “Do khu đất hết chỗ rồi, nên bác Ba con buộc phải chịu cô đơn”. Như nắng hạn gặp mưa rào, khơi gợi miền ký ức, ba tuôn ra những dòng kỷ niệm của một thời trai trẻ chiến đấu vì đất nước, vì quê hương.

Công việc chỉ có thể nhưng mất nửa ngày mới xong. Mọi người thu dọn dụng cụ rồi ra về. Trước khi rời khu nghĩa địa, ai cũng nhớ chấp tay xá vài cái như nói lời chào tạm biệt người đã khuất. Về đến nhà, các món ăn đã được mẹ và các cô dọn sẵn. Giờ chỉ việc mang lên bàn thờ cúng kiếng như là đám giỗ chung. Sau đó thì mọi người dùng một bữa cơm thân mật, nói cười vui vẻ, ai cũng cảm thấy hài lòng khi vừa hoàn thành xong một nhiệm vụ thiêng liêng.

Mỗi năm cùng ba đi quét mộ, tôi lại học thêm được nhiều điều hay: về phong tục tập quán của làng quê, bản sắc văn hóa, phụng sự gia tiên, uống nước nhớ nguồn... Càng lớn, tình yêu gia đình, làng quê của tôi ngày càng mãnh liệt và tôi nghĩ nhiệm vụ của các thế hệ trẻ như chúng tôi phải có trách nhiệm bảo vệ bản sắc ấy không bị mai một. Dù rằng, những nắm mồ đất đen nứt nẻ ngày ấy của ông bà đã được khoác lớp áo xi-măng trắng tinh tươm tất. Nhưng phong tục đi quét mộ cuối năm vẫn được duy trì đều đặn, tiếp nối những người đi trước như là cách tri ân những người nằm xuống để che chở cho những người đứng lên nhìn về tương lai xán lạn. ■



Nguồn: kienthuc.net.vn



Thấu hiểu bản thân mình

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Để sống cuộc sống của mình có ý nghĩa, con người rất cần biết mình là ai, bản chất mình là gì. Cho đến ngày nay thì con người vẫn còn là một bí mật. Không ai có thể định nghĩa đúng đắn được con người, cũng như không ai hiểu được con người một cách trọn vẹn. Con người nghiên cứu được tất cả những gì xung quanh mình, ở dưới đất và cả trên trời, nhưng lại không tìm được mục đích tồn tại thật sự của mình.

Với những gì đã học, đã đọc, đã biết... tôi thử tản mạn ghi vài lời về con người.

Loài người, theo phân loại trong khoa học là *Homo sapiens*, tiếng La-tinh nghĩa là “người thông thái” hay “người thông minh”, là loài duy nhất còn sống của tông Hominini, thuộc lớp động vật có vú. Con người là một loài sinh vật đặc biệt có bộ não tiến hóa rất cao khiến chủng loại này có thể thực hiện các suy luận trừu tượng, hình thành ngôn ngữ, và bản thân có thể xem xét, đánh giá nội tâm của mình. Những điều vừa kể kết hợp với một cơ thể đứng thẳng giúp giải phóng hai chi trước khỏi việc di chuyển và được dùng vào việc cầm nắm, cho phép con người dùng và chế tạo nhiều công cụ, thậm chí rất tinh xảo hơn tất cả những loài khác.

Con người là động vật cao cấp, thông minh nhất, xứng danh là chúa tể muôn loài trên trái đất này. Đến độ Shakespeare đã mô tả trong vở kịch *Hamlet*: “*Con người đích thực là một tuyệt tác: với lý trí trỗi vượt và các khả năng vô tận, với dáng điệu duyên dáng như thiên thần và trí tuệ minh mẫn như thần minh. Con người là tinh hoa của vũ trụ, trỗi vượt muôn loài muôn vật về mọi phương diện*”.

Con người là động vật cao cấp, thông minh nhất. Nhưng ôi, khổ ải là dường nào vì con người cũng là loài động vật mưu mô, tàn ác nhất! Chẳng có động vật nào chế tạo những thứ vũ khí tối tàn nhất rồi đem đi giết đồng loại hàng loạt một cách tàn bạo như con người. Jonathan Swift kể cũng có lý khi ông viết: “*Con người là loài sâu bọ tác hại nhất chưa từng có trước nay mà thiên nhiên để cho sinh sản và tràn lan khắp địa cầu*”.

Con người là động vật biết chế tạo công cụ

Con người là loài động vật quá ư đặc biệt vì từ khi có mặt trên trái đất này, con người đã sinh sôi và hình thành lịch sử gọi là cuộc tiến hóa của hàng triệu triệu năm. Cuộc tiến hóa này không chỉ thuần sinh học theo Darwin mà còn là cuộc tiến hóa do chính con người tạo

ra. Con người đã sáng tạo những công cụ lao động, nay gọi là công nghệ, để tác động hiệu quả hơn vào môi trường, vào thế giới vật chất nhằm tồn tại và phát triển của mình. Con người nhờ chế tạo công cụ mà tiến bộ mà có sự đột phá. Lịch sử phát triển của con người nhìn lại có hai cột mốc đánh dấu sự chuyển đổi công nghệ mang tính cách mạng. Đó là cuộc cách mạng nông nghiệp cách đây hơn 10.000 năm và cuộc cách mạng công nghiệp khoảng 250 năm. Thế là Benjamin Franklin, triết gia và là nhà phát minh người Mỹ, đã khái quát: “*Con người là động vật biết chế tạo công cụ*”.

Nhưng hỡi ôi, những việc đã xảy ra cho thấy con người tạo ra các công cụ giúp con người tiêu thụ một cách quy mô đồng thời cũng làm hại trái đất và môi trường một cách đột biến và tàn bạo.

Con người là động vật chính trị

Sự tiến hóa con người không chỉ thuần sinh học theo Darwin mà còn nhảy vọt nhờ sự xuất hiện ngôn ngữ của con người. Xã hội hình thành một phần là nhờ ngôn ngữ. Và kinh nghiệm của thế hệ trước không chỉ truyền lại cho thế hệ sau rất ít nhờ DNA trong nhiễm sắc thể con người mà chủ yếu nhờ chữ viết. Trong thời gian rất dài, con người đã im lặng sống như những động vật khác. Thế rồi, điều kỳ diệu xảy ra, con người bắt đầu biết cách học nói và học lắng nghe. “*Những thành tựu lớn nhất của nhân loại đã hình thành bằng lời nói, và những thất bại lớn nhất của nó là do không nói...*”, Stephen Hawking đã nói như thế.

Ngôn ngữ vốn là sản phẩm của con người nhưng sau đó, con người lại bị biến thành sản phẩm của ngôn ngữ, bởi vì con người rất dễ hành xử và suy nghĩ trong cái thế giới do ngôn ngữ mình tạo ra. Ngôn ngữ gắn liền chính trị. Vì sao? Trong bất kỳ xã hội nào thì cũng cần những luật lệ chung để hoạt động nhịp nhàng và khoa học, tránh tình trạng vô tình hay cố ý xâm phạm quyền lợi, lợi ích, tài sản, sức khỏe hay thậm chí tính mạng của người khác hay của cộng đồng. Chính trị hình thành theo nghĩa rộng hơn là hoạt động của con người nhằm làm ra, gìn giữ và điều chỉnh những luật lệ chung mà những người góp phần làm ra, gìn giữ và điều chỉnh những luật lệ chung đó. Chính trị không thể nào thể hiện hoạt động của nó nếu không nhờ quyền lực của ngôn ngữ. Ngược lại, ngôn ngữ đạt mức lão luyện, thậm chí là xảo quyết nhờ gắn liền với chính trị. Thế là, thay vì chú trọng đến

ngôn ngữ, Aristotle, nhà triết học thời Hy Lạp cổ đại, đã phát biểu: *“Con người là động vật chính trị”*.

Con người là động vật có tính xã hội

Có chủ thuyết cho rằng, trong lịch sử, con người hình thành từ lao động mang tính xã hội. Trong lao động, con người thường xuyên làm biến đổi những điều kiện tồn tại của mình, tạo ra thế giới văn hoá vật chất và tinh thần. Con người cũng hình thành từ nền văn hoá do chính mình tạo ra. Do vậy, con người vừa là sản phẩm của sự phát triển xã hội, vừa là chủ thể của sự phát triển ấy. Hai mặt cơ bản nhất của con người là mặt tự nhiên và mặt xã hội. Hai mặt đó thống nhất biện chứng và tác động qua lại lẫn nhau. Chịu sự tác động của các mặt xã hội, mặt tự nhiên của con người luôn được nâng lên làm cho con người khác hẳn động vật. Con người là một thực thể tự nhiên, một cấu trúc sinh học, đồng thời là một thực thể xã hội, mang bản chất xã hội. Karl Marx có câu nói nổi tiếng: *“Bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội”*.

Con người là động vật tự huỷ hoại mình

Tôi nhớ đã được đọc đâu đó câu nói: *“Con người là động vật có thói quen hay tự huỷ hoại mình”*. Có lẽ đúng vậy. Hình như con người tự huỷ hoại vì họ chỉ biết sống với danh vọng, sự nghiệp, tiền tài, quyền lực... Con người tự huỷ hoại để hình thành những thành kiến, cố chấp, những hận thù, những say mê... Con người còn tự huỷ hoại vì luôn tự đề cao bản thân, luôn tự xây nên cái vỏ bọc bên ngoài con người thật của họ. Cái vỏ bọc ấy được trau chuốt, điểm trang, được làm cho đẹp đẽ, được ngụy tạo như thực, được thổi lồng vào đấy những giá trị cao cả hoặc những lợi ích xem ra rất nhân văn và rất thực tế.

Cái vỏ bọc còn có tên là “giả ngã tuyệt vời” được thay thế cho cái “thực ngã” (con người thực) và huỷ hoại cho đó là mình thật! Trong suốt con đường phát triển, con người tự huỷ hoại hoặc khoác những “mặt nạ bản ngã” khác nhau mà không tự biết. Bi thảm và bi khốn là ở chỗ ấy! Rất nhiều người trong nhân loại này đang sống với cái giả ngã, với “con người lạ mặt”.

Con người là động vật thấu hiểu bản thân mình

Roger Garaudy, nhà triết học người Pháp, có nói: *“Con*

người là động vật biết chôn cất nhau khi chết”. Đây là cách nói cho thấy, chỉ con người có ý thức về cái chết và chết một cách có ý thức. Ý thức về cái chết thường dẫn đến quan niệm “chết chưa phải là hết, mà chỉ là chuyển từ hình thái sống này sang hình thái sống khác”. Cũng như dẫn đến các câu hỏi thuộc về tâm linh: Con người là gì? Sinh ra từ đâu? Sống để làm gì? Chết đi về đâu? Trả lời những câu hỏi này với những cách khác nhau đã nảy sinh tôn giáo. Thế là có câu trả lời con người là gì như sau: *“Con người là động vật tôn giáo”*.

Lịch sử phát triển của con người cho thấy, tôn giáo tồn tại và lớn mạnh thành tổ chức. Là tổ chức, tôn giáo trở thành thiết chế nhà nước (nhà nước thần quyền) hay thiết chế xã hội, và ít nhiều có thể bị tha hóa. Trong thời đại ngày nay, xã hội càng công nghiệp hóa, càng tự động hóa... con người càng đòi hỏi sinh hoạt tâm linh, do cảm thấy đánh mất mình, khát khao tìm lại cái mình đã mất. Nhưng do con người có thói quen hay tự huỷ hoại mình nên dễ có nhận thức và hành vi làm tha hóa tôn giáo. Bởi vậy, có nhà hiền triết không thừa nhận tôn giáo tổ chức mà tán dương tôn giáo chân chính là thứ tồn tại trong tự thân mỗi người và trong toàn thể vũ trụ. Tôn giáo chân chính phải là phương tiện giúp con người tự do giải thoát.

Tôi nhớ đã được đọc và tâm đắc câu này: *“Nếu bạn muốn thay đổi điều gì đó trong cuộc đời, thì bạn là người duy nhất có thể làm sự thay đổi đó xảy ra”*.

Như vậy, đối với tôi: *“Con người là động vật thấu hiểu bản thân mình”*.

Đối với tôi, con người thấu hiểu bản thân để thông minh nhưng không mưu mô, tàn ác nhất trên trái đất này. Con người thấu hiểu bản thân để biết chế tạo các công cụ tinh xảo giúp con người sống, tiêu thụ một cách hiểu biết đồng thời không làm hại trái đất và môi trường một cách thâm hại. Con người thấu hiểu bản thân để thực hiện chính trị một cách quang minh, chính đại. Con người thấu

hiểu bản thân để sống hài hòa và an nhiên trong các mối quan hệ xã hội. Con người thấu hiểu bản thân để không tự huỷ hoại mình. Và nhất là, con người thấu hiểu bản thân để trở lại chính mình, gạn lọc thân tâm theo con đường thiền tập mà hơn 2.500 năm qua Đức Phật đã khẳng định: *“Đây là con đường độc đạo đưa đến sự thanh tịnh của chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn”*.

(Kinh Trường Bộ I, Hòa thượng Minh Châu dịch) ■





Hạnh phúc đến từ... ruột già!

ĐỖ HỒNG NGỌC

Có một câu nói lý thú của Lâm Ngữ Đường đại khái hạnh phúc đến từ ruột già, ruột già mà sinh hoạt điều hòa, tốt đẹp thì ta hạnh phúc, còn trục trặc thì ta mất hạnh phúc, sự đời chỉ có vậy! Thật vậy, điều này chỉ những ai có trải nghiệm về trục trặc của ruột già mới biết được hạnh phúc nằm ở đâu. Bởi vì ruột già là nơi cất chứa những chất xả trong cơ thể cần phải được thải bỏ, nếu nó cứ bị kẹt lại đó hoài thì mệt lắm. Ta sẽ thấy bức bối, khó chịu, căng thẳng lắm. Cho nên khi ruột già thông suốt thì mới sáng khoái, khỏe mạnh, minh mẫn... nói chung là hạnh phúc. Có một cái ruột già hoạt động tốt nhiều khi ta không mấy biết ơn.

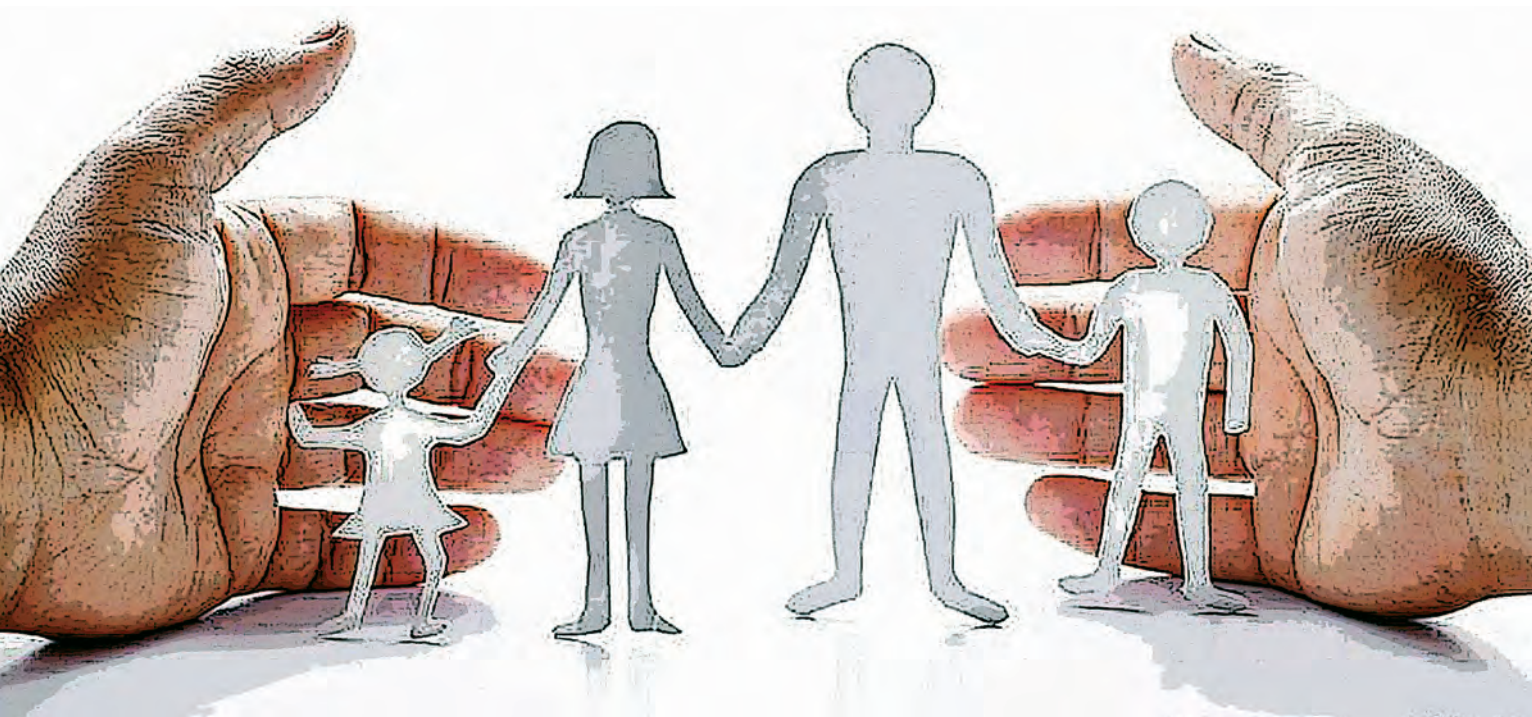
Nhìn lại kỹ cơ thể mình mà coi, từ cái miệng đưa thức ăn vào rồi dần dần thức ăn đi qua thực quản, xuống dạ dày, ruột non, ruột già để được hấp thu các chất dinh dưỡng rồi cuối cùng còn lại chất bã phải nhào nặn, vo tròn rồi thải ra ngoài từ ngõ hậu môn. Nhìn kỹ thì thấy đó là một con đường thẳng mà người ta gọi là "ống tiêu hóa". Các cơ quan khác trong cơ thể người ta gọi một cách trang trọng là "bộ máy" như bộ máy tuần hoàn, bộ máy hô hấp... nhưng tiêu hóa lại

thường được gọi là "ống": ống tiêu hóa, như có phần coi nhẹ! Thực ra cái ống đó rất quan trọng, nó quyết định "To be or not to be".

Toàn bộ hoạt động trong cơ thể mình đều cần năng lượng: tim đập, phổi hít thở, các cơ bắp cử động... đều cần năng lượng và năng lượng đó do phản ứng oxyt hóa từ oxygen trong không khí và từ các thức ăn. Một người mà không thở thì năm phút là chết rồi. Nhưng có thể nhịn đói được nửa tháng mà vẫn chưa chết nếu vẫn uống nước đầy đủ.

Nhắc lại, có hai thứ quan trọng cho sự sống của mình: một là oxygen trong không khí và hai là thức ăn, thức uống. Do đó trước hết, mình phải biết cách thở và sau đó là biết cách ăn!

Tại sao lại gọi là *ống tiêu hóa* mà không gọi là bộ tiêu hóa, hệ tiêu hóa? Vì thực chất nó là một cái ống tròn, dài, chạy từ miệng đến hậu môn, thắt lại chỗ này, phình ra chỗ kia, ngoằn ngoèo chỗ nọ để giúp tiêu hóa thức ăn. Nó trơn tru thì tốt quá. Nó mà trục trặc thì mệt. Thức ăn không đảm bảo vệ sinh an toàn thì sanh đủ thứ bệnh! Vậy thì mình nên ăn cái gì, ăn làm sao cho tốt, cho hiệu quả để giúp cho mình khỏe khoắn.



Hãy nhìn lại một chút để xem ống tiêu hóa của mình ra sao và cái ruột già ảnh hưởng tới hạnh phúc của mình như thế nào. Ống tiêu hóa của mình đi từ miệng xuống thực quản, tới dạ dày (bao tử) chứa thức ăn, nhồi bóp thức ăn... Dạ dày tiết ra một thứ axit rất mạnh và nếu mình ăn uống không khéo thì mình sẽ bị đau bao tử, vì chính cái axit đó phá dạ dày của mình. Nhờ axit đó mà tiêu hóa được thức ăn các thứ, nhưng đến một lúc nào đó, nếu dạ dày bị yếu đi thì chính cái axit đó nó "tiêu" luôn dạ dày của mình, sinh ra bệnh đau dạ dày, loét dạ dày (lở bao tử!).

Ruột non có độ dài chừng ba mét và có nhiệm vụ tiêu hóa thức ăn và hấp thu dưỡng chất. Trên bề mặt ruột non có những tế bào mà nếu mình mở rộng những tế bào đó thì nó rộng khoảng 250 mét vuông. Và có một điều mà chúng ta không để ý là cứ khoảng mỗi năm ngày thì toàn bộ mạng tế bào ở trong ruột non thay đổi, tạo ra một mạng tế bào mới. Cho nên nếu mình đang ăn mặn mà chuyển qua ăn chay thì mấy ngày đầu mình khó chịu nhưng khi ruột non thay đổi tế bào mới thì nó hấp thu và quen với thức ăn đó. Từ đó mình hiểu ra được sự vô thường, sự thay đổi liên tục ngay trong cơ thể mình.

Những thức ăn bổ dưỡng sau khi được hấp thu ở ruột non thì còn những chất bã đổ vào trong ruột già. Ruột già có nhiều phần: ruột già lên, ruột già ngang, ruột già xuống, trực tràng và cuối cùng là hậu môn. Phần ruột già dài chừng một mét. Ở ruột già một số chất vẫn còn được hấp thu.

Chúng ta không thể ngờ rằng trong ruột già mình có vô số vi khuẩn, và những vi khuẩn này rất có ích cho cơ thể. Không phải cứ nghe "vi khuẩn" thì nghĩ toàn là thứ nguy hiểm, độc hại đâu. Có nhiều thứ vi khuẩn rất có ích cho cơ thể, đặc biệt nằm ở ruột già. Chúng sống từng vùng phân chia ranh giới rõ rệt, không xâm phạm lẫn nhau. Chúng ở đó rất yên lành. Thế nhưng khi mình uống thuốc kháng sinh để chữa bệnh theo toa bác sĩ (có khi tự ý uống!) để tiêu diệt vi khuẩn bệnh thì vi khuẩn lành cũng bị diệt luôn. Lúc đó bắt đầu gây rối loạn, xáo trộn hệ thống đường ruột của mình. Hệ thống vi khuẩn nằm rải rác trong ruột tạo ra các vitamin, đặc biệt là vitamin K giúp cho sự đông máu. Do vậy, khi mình dùng kháng sinh bừa bãi thì mình đã tự hại mình.

Như đã nói, ống tiêu hóa là một ống dài từ miệng đến hậu môn, nếu chúng ta kéo thẳng ra, kéo dài ra thì rõ ràng là một cái ống: chỗ này phình ra làm dạ dày, chỗ này thắt lại ngoằn ngoèo thành ruột non, chỗ này phình từng múi thành ruột già... Ở những chỗ phình ra, thắt lại trên ống tiêu hóa đó có những cơ quan như tuyến tụy tiết Insulin và gan tiết mật, rót vào để giúp tiêu hóa thức ăn.

Trên suốt hành trình đi qua cái ống đó, nếu có chỗ nào bị nghẹt, bị bít, cũng sẽ sinh bệnh. Đặc biệt ở ruột già, hậu môn, nếu bị nghẹt vì một lý do nào đó thì người ta sống trong tình trạng giống như "cầu tiêu nghẹt, cống

nghẹt" vậy đó. Tình trạng nghẹt "cống", nghẹt "cầu" sẽ gây ra nhiều chuyện phiền phức lắm. Nó làm cho mình bị hôi miệng, rồi bón, trĩ... Tóm lại, ruột già mà hoạt động trơn tru thì ta có hạnh phúc, trục trặc thì không thể nào có hạnh phúc được, đúng như Lâm Ngữ Đường nói. Câu hỏi đặt ra là: Tại sao nó nghẹt, do đâu mà nó nghẹt và làm cách nào cho nó hết nghẹt? Nôm na như vậy. Bữa nay mình không nói những chuyện khoa học cao xa, những danh từ chuyên môn gì đâu, mình nói chuyện bình thường đi cho nó dễ nhớ, dễ hiểu và thiết thực. Trên cái ống đó, nếu nghẹt ở thực quản, nghẹt ở cuống bao tử, nghẹt ruột, lồng ruột, tắc ruột, ung thư, co thắt... đều nguy, phải đi bác sĩ chuyên khoa ngay.

Nói thêm, cái hệ thống tiêu hóa này có một phản xạ rất lý thú. Ta có thể hình dung một người chúc đầu xuống đất, chống chân lên trời, gọi là trồng chuối đó, mà vẫn nuốt được, vẫn có thể ăn uống được, đó là một phản xạ rất đặc biệt. Thế nhưng khi ta đau khổ, buồn giận, tức bực trong người thì "nuốt không trôi" đâu!

Khi mình hiểu được những trở ngại của đường tiêu hóa thì mình phải tôn trọng, chọn những loại thức ăn như thế nào cho nó khỏi bị rối loạn, bị nghẹt. Nguyên nhân bị nghẹt này có thể do cơ học; như có cục u bướu hoặc do co thắt vì nguyên nhân gì đó cũng sinh ra kẹt, mà có nhiều cái làm cho co thắt lắm...

Chúng ta không thể ngờ được chính bộ não của chúng ta nó quyết định cái vụ trơn tru hay co thắt (nghẹt) của ống tiêu hóa này. Khi nào được ăn một bữa ngon, tức là bữa ăn có bạn bè, gia đình êm ấm, hạnh phúc thì mình thấy dễ tiêu lắm; còn nếu mình ăn trong cảnh bực bội, giận hờn như hai vợ chồng gây gổ, con cái không nghe lời... thì nuốt không trôi. Tản Đà có nói đại ý: Đồ ăn ngon mà người cùng ngồi ăn không ngon thì không ngon. Đồ ăn ngon, người cùng ăn ngon mà chỗ ngồi ăn không ngon thì cũng không ngon... Nói khác đi, đồ ăn ngon cần phải có người cùng ăn ngon và một chỗ ngồi ăn cũng phải ngon, nghĩa là sạch sẽ, mát mẻ nữa thì mới hạnh phúc được.

Tôi thấy ngoài ba điều trên phải thêm điều thứ tư là cách ăn ngon. Đồ ăn ngon, người cùng ăn ngon, chỗ ngồi ăn ngon mà cách ăn không ngon cũng không ngon. Cách ăn ngon là sao? Là ăn chậm rãi, ăn nhai kỹ, ăn có ý niệm về ăn - tức là, có ý thức hay là trách nhiệm về sự ăn.

Khi ăn nhâm nhi, nhai kỹ, ý thức từng miếng ăn một thì dù ăn một chén cơm với muối mè cũng thấy ngon, rau luộc kho quẹt cũng ngon. Trái lại, tình trạng căng thẳng ở tâm trong lúc ăn dẫn đến những sự co thắt của ống tiêu hóa, đặc biệt thường gặp là bệnh ruột già co thắt. Co thắt thì làm sao trơn tru được, mà sẽ gây ra những chứng như đau bụng, khó chịu... Khi đó, mình mất hạnh phúc rồi.

Không hiểu sao bây giờ bệnh ruột già co thắt nhiều lắm, ở Mỹ cũng khoảng 20%, còn ở ta chưa có thống kê, nhưng mà chắc còn cao hơn nữa. Tại sao vậy? Tại



vì căng thẳng, lo phiền, bức bối, sợ hãi, ăn cái gì mình cũng sợ, rất là ngại, ăn không thấy ngon nữa... Những trạng thái tâm thần không ổn như vậy gây ra sự co thắt ở đường ruột. Trong trường hợp này, nguyên nhân bệnh đầu phải ở ruột già, mà ở trong tâm mình cho nên đi bác sĩ thì bác sĩ đầu có chữa được. Bác sĩ học để chữa bệnh, đau đầu chữa đó, đau có quan tâm đến nỗi buồn khổ âu lo của mình. Vậy thì giải quyết làm sao?

Phải giải quyết vấn đề tận gốc. Có nhiều nguyên nhân nhưng mình thấy sự co thắt là do tâm lý, do căng thẳng, lo âu, trầm cảm. Đây là ba thứ bệnh thời đại, trên toàn thế giới, viết tắt là SAD: Stress, Anxiety, Depression. Cách chữa theo các nhà trị liệu tâm lý nhiều khi phải dựa vào thiền: MBSR (Meditation-based Stress Reduction). MBCT (Meditation-based Cognitive Therapy).

Có những doanh nhân trẻ, tuổi chưa tới bốn mươi mà đã bị cái bệnh đường ruột co thắt này. Họ căng thẳng lắm, không có được bữa ăn yên ổn như mình đâu. Trong bữa ăn, họ cũng bàn tính kế hoạch, bàn tính hợp đồng để ký kết, tính toán làm sao để cho có lợi nhất cho mình.

Gần đây bên Mỹ các thầy thuốc phát hiện một cách chữa bệnh viêm đại tràng mạn tính rất hay: dùng... phân người để chữa! Trong ruột già của mình có một loại vi trùng tên Clostridium difficile, loại vi trùng này khi phát bệnh thì rất khó chữa, dùng kháng sinh cũng không khỏi hẳn, dễ tái phát. Dùng phân của một người khỏe mạnh hoàn toàn, không bị bệnh viêm gan siêu vi, không nhiễm HIV..., khoảng nửa kí-lô, lọc bỏ phần xác dơ bẩn, lấy phần nước trong (vẫn có chứa vi trùng lành mạnh) rồi truyền cho bệnh nhân qua đường hậu môn hoặc qua đường miệng. Tác dụng chủ yếu là để phục hồi đường ruột đã bị hư hỏng lâu ngày, do hệ thống vi khuẩn có ích trong ruột bị xáo trộn, mất quân bình, khiến vi trùng Clostridium difficile phát tác gây bệnh. Trong phân của người khỏe mạnh chứa nhiều vi trùng có ích, bơm vào cơ thể người bệnh là để nuôi cấy lại, nhằm quân bình lại hệ thống vi khuẩn đường ruột. Kết quả thật tuyệt vời!

Thật ra phương pháp này đã có trong y học Đông phương từ ngàn xưa. Từ xưa, con người đã biết dùng phân người để chữa bệnh, thậm chí dùng phân người đốt thành than uống, chữa ngộ độc (ngộ độc nấm chẳng hạn)... Ta mới thấy nền y học từ xưa đến đời nay vẫn tích lũy nhiều kinh nghiệm lạ lùng, như ngày xưa ông bà ta

có tập quán để dành một phần cứt rắn, treo lên nóc nhà bếp, khi trẻ bệnh thì lấy xuống mài ra cho trẻ uống. Không ngờ sau này các nhà khoa học cũng dùng cứt rắn để nuôi cấy tế bào gốc.

Trong phân có ba phần tư là nước, còn lại khoảng 100g là chất bã, chất xơ, tế bào, vi trùng... Nếu phân nằm trong ruột già quá lâu thì nước sẽ bị hấp thu lại hết và phân sẽ bị cứng (bón). Đó là do ta ăn không đủ chất, thiếu xơ, thiếu rau, thiếu trái cây... và nhất là uống không đủ nước (mỗi ngày cần hai lít nước) nên đã gây táo bón. Chúng ta ăn những gì là do mình tự quyết định, vì vậy nên chọn ăn những loại rau, những loại thức ăn chứa nhiều nước, trái cây để làm "mát" đường ruột.

Học sinh trong trường học ngày nay bị bón rất nhiều, có khi gây loét hậu môn, gây ra bệnh trĩ. Nhiều học sinh bị bón, cảm thấy đau khi phải đi vệ sinh nên lo sợ không muốn đi, mà càng né tránh thì càng bị bón nặng hơn. Có lần nói chuyện với các thầy cô giáo ở một trường học, tôi có nói đến chuyện để các học sinh có khả năng sáng tạo, biết sống hạnh phúc, học hành tốt thì nhà trường phải quan tâm đến hệ thống toilet. Thử tới các nhà hàng, khách sạn lớn, chúng ta sẽ thấy hệ thống nhà vệ sinh đạt chuẩn, đặt ngay ở chỗ tiếp tân, sạch sẽ, thơm tho, có khi còn có tiếng nhạc du dương. Người ta còn không gọi là toilet hay WC như xưa mà gọi là Rest Room.

Đối với trẻ em thì vậy, còn đối với người lớn còn khó chịu hơn, táo bón ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống, công việc... gây ra những căng thẳng, bức bối. Người già lại còn bị nặng nề hơn nữa vì ăn không đủ chất xơ, chất nhờn. Khi mắc vệ sinh thì phải nên đi ngay, nhưng ngày nay nhiều người vì công việc bận rộn mà hay nín nhịn, vì vậy tạo thành thói quen và dễ mắc bệnh táo bón, thậm chí dẫn đến... trĩ, một thứ bệnh đau khổ!

Tóm lại, chuyện ăn uống của mình sẽ quyết định chuyện vệ sinh. Nếu chúng ta dùng thuốc xổ để "giải quyết" thì cũng được nhưng nên cẩn thận vì cơ thể sẽ quen. Cách tốt nhất là nên ăn uống đủ chất, ăn nhiều chất xơ (rau lang, rau muống, rau cải các thứ), chất dầu (dầu cá, dầu cải), chất nhờn (nha đam, mồng tơi...) để tiêu hóa tốt hơn. Vậy có thể nói, nếu chúng ta quan tâm đến ruột già thì cũng có nghĩa chúng ta quan tâm đến toàn bộ hệ thống tiêu hóa, cái ống tiêu hóa của mình. Chúng ta phải quan tâm chăm sóc nó nhiều hơn.

Osho trong cuốn *Hành trình nội tại* từng nói: Con người khổ là do sử dụng cái đầu nhiều quá, suy nghĩ nhiều quá, nên chuyển hướng xuống sống bằng trái tim, sống bằng tình cảm, nhưng như vậy cũng vẫn còn khổ, cần chuyển xuống sống bằng cái... rốn thì sẽ hạnh phúc hơn! Ý ông muốn nói sống bằng rốn nghĩa là sống bằng hơi thở (thở bụng, đưa hơi xuống huyệt đan điền) thì ta sẽ giải quyết được nhiều vấn đề.

Nhưng theo tôi, chúng ta không chỉ dừng lại ở rốn mà nên xuống thấp hơn chút nữa, đến tận ruột già, vì nói cho cùng... *hạnh phúc đến từ ruột già đó vậy!* ■

Từ chiếc đồng hồ xưa đến tiếng gà gáy điểm canh

TÔN THẮT THỌ

Tại sao đêm chỉ có năm canh?

Theo lịch xưa, để tính thời gian trong một ngày và một đêm, người ta chia ra làm 12 giờ, từ giờ Tý đến giờ Hợi. Ban ngày được tính bằng *Khắc*; ban đêm tính bằng *Canh*. Ta thường nghe những câu quen thuộc:

Đêm năm canh, ngày sáu khắc.

hay:

Canh Một dọn cửa, dọn nhà

Canh Hai dột cửa, canh Ba đi nằm...

hoặc:

Nửa đêm giờ Tý canh Ba...

Trước khi tìm hiểu tại sao lại có “Đêm năm canh ngày sáu khắc” thì cũng cần biết cách đo thời gian của người xưa. Dụng cụ để đo thời gian người xưa thường dùng là:

1. *Nhật quy*: Đồng hồ đo bóng mặt trời.
 2. *Lậu khắc* hay *Lậu hồ*: đồng hồ đo bằng nước hay bằng cát.
 3. *Hương triện*: đồng hồ đo bằng hương.
- Với câu “Nửa đêm giờ Tý canh Ba” thì chúng ta có thể

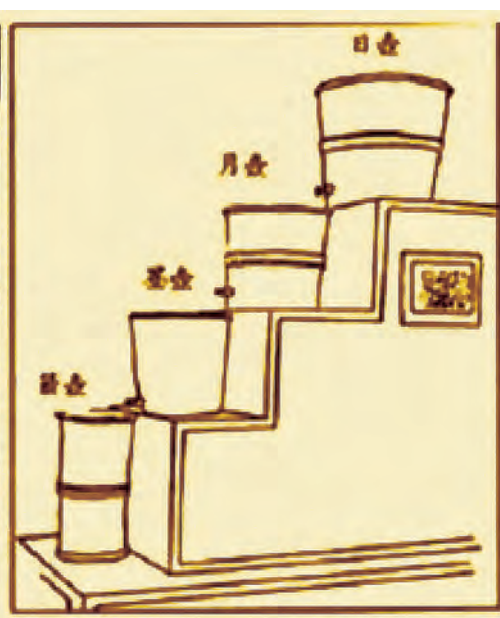
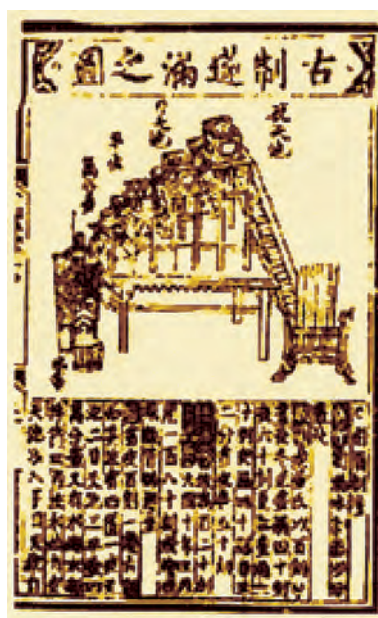
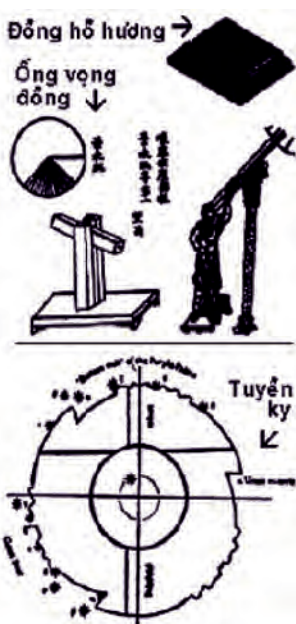
đoán được chữ *nửa đêm* (tức khoảng 12 giờ đêm hoặc 0 giờ), còn *giờ Tý canh Ba* (tức khoảng 23 giờ đêm đến 1 giờ sáng).

Về nguồn gốc từ *canh* thì theo Tiết QuýTuyên, một học giả đời Tống khoảng giữa thế kỷ XII cho rằng: ngoài *Lậu hồ* và *Nhật quy* là hai dụng cụ để xem giờ, người ta còn dùng *Hương triện* để xem, nhất là về ban đêm. *Hương triện* có thể là hương vòng (nhang vòng). Trên hương vòng có vẽ năm dấu để định năm *canh*. Nếu muốn thức dậy *canh* nào, người ta buộc một vật nặng nhỏ vào vòng hương, vào khoảng giờ muốn dậy. Hương cháy đến đó sẽ làm rơi vật nặng ấy xuống một cái chậu đồng, gây nên tiếng động để đánh thức người dậy. Người ta cũng có thể dùng những hộp hương khắc hình chữ *Thọ* theo kiểu chữ *Triện*, hương cháy đến đâu sẽ cho biết đêm đã đến *canh* mấy.

Như thế, *canh* là đơn vị phổ biến để đo thời gian vào ban đêm đã có từ xa xưa, có thể xuất phát từ Trung Quốc.

Thế còn đơn vị *khắc* trong câu “Đêm năm canh ngày sáu khắc” có nghĩa là gì?

Học giả Hoàng Xuân Hãn trong cuốn *Lịch và Lịch Việt Nam* cho biết:



“Theo lịch Á Đông xưa, khắc có nghĩa là 1 phần 100 của ngày, tức là 14 phút 24 giây. Gốc của danh từ này này là cái thẻ mang nét khắc trở giờ và khắc được đặt nổi trên mặt nước của thùng nước dưới của đồng hồ.”

(Lịch và Lịch VN, sđd, tr.806)

Xem thể thì đơn vị *khắc* được GS.Hoàng Xuân Hân định nghĩa ở trên không thể là đơn vị tính thời gian của ban ngày - ngày 6 khắc, vì 6 khắc chỉ chưa đầy 90 phút! Vậy *khắc* ở đây là... bao nhiêu?

Tự điển Hán Việt của Đào Duy Anh giải nghĩa *Khắc* là *thời gian*; *Việt Nam Tân từ điển* của Thanh Nghị ghi rõ hơn:

“Khắc: 1. Một phần tư giờ, mười lăm phút.

2. Theo xưa thì một phần sáu trong một ngày.

Nghĩa rộng: Khoảng thì giờ ngắn.”

Như thế, nghĩa của từ *khắc* được tác giả Thanh Nghị định nghĩa là 1 phần 6 của ngày, tức một ngày bao gồm 6 khắc. Nhưng... nếu tính cứ 1 *canh* hay 1 *khắc* là một giờ xưa thì 5 *canh* 6 *khắc* mới chỉ có... 11 giờ! Vậy còn đâu 1 giờ nữa?

Điều này được một số nhà nghiên cứu từ vi sau này ra công tính toán theo thời gian của đồng hồ hiện đại như sau: Sau khi trừ ban đêm 5 *canh* (tức 10 giờ), còn lại 14 giờ (tức 60ph x 14 = 840 phút), đem chia cho 6 *khắc* nên mỗi *khắc* có 140 phút, tức 2 giờ 20 phút!

Điều đó thật vô lý! Vì đã là *đơn vị thời gian* được tính bằng đồng hồ, cho dù đồng hồ bằng cát hay nước thì dứt khoát đơn vị phải bằng nhau, không thể của ngày dài hơn của đêm được!

Trong tập thơ *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều có hai câu:

Ngày sáu khắc tin mong nhận vắng

Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền.

Trong phần chú thích của hai câu thơ trên, tác giả Lý Thái Thuận đã giải thích là: Xưa, một ngày được chia ra làm 12 giờ, đặt khởi điểm ở giờ Tý. Ban ngày chia làm 6 giờ gọi là 6 *khắc*, kể từ giờ Mão đến giờ Thân (khoảng 5g sáng đến 17g chiều - TTT chú).

Ban đêm chia ra 5 *canh* từ giờ Tuất đến giờ Dần (khoảng từ 19g đến 5 g sáng hôm sau - TTT chú).

Riêng giờ Dậu (khoảng 17g đến 19g) được xem là thời điểm tranh tối tranh sáng, không hẳn thuộc ngày cũng không hẳn thuộc đêm.

Ngày trước, tiếng chuông *thu không* (thu cái không gian ban ngày lại) đánh lên vào thời điểm này để cho người dân biết là đã đến giờ đóng cửa thành. Cũng theo quan niệm của người xưa về quan hệ Âm Dương tuần hoàn sinh diệt, thì *Dương* phải lấn hơn *Âm* một

điểm để cái *diệt* không bị *diệt* hẳn, và cũng từ cái *diệt* đó mà *sinh* khởi. Do đó giờ *Dậu* được coi là *không* thuộc về ngày cũng không thuộc về đêm.

Thiết tưởng đây là cách giải thích đúng đắn nhất về “Năm canh sáu khắc” dựa vào triết thuyết Âm dương Ngũ hành của người xưa; một triết thuyết lý giải mọi sự tồn tại, vận hành của vũ trụ, của không gian và thời gian...

Tiếng gà gáy điểm canh giờ ở làng quê

Người Huế có câu ca dao:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương.

“*Canh gà*” là ý nói tiếng gà gáy nhắc về thời gian, tức là *điểm canh* vì con gà được người Việt xem như một đồng hồ sống hay đồng hồ sinh học!

Thân con gà trống nhỏ mà tiếng gà gáy lại lớn. Không giống những con vật biết gáy khác, tiếng gáy của con gà trống trong ngày có thể được xem như là tiếng đồng hồ báo giờ, chia thành ba thời: sáng, trưa và xế chiều. Tiếng gáy của ba thời này cũng có những âm hưởng khác nhau. Buổi sáng tiếng gáy thường kéo dài hồi hả như báo hiệu ngày mới bắt đầu. Buổi trưa thì xa xôi, quạnh vắng và buổi chiều thì đoản khúc gây cho người nghe cảm giác nao lòng.

Tiếng gà gáy của gà trống sau khi đập mái luôn luôn phủ phê hùng dũng, khác xa với tiếng gáy *điểm canh* với điệu bộ vỗ cánh đầy vẻ chiến thắng. Tiếng gáy sau khi “đá thắng” con trống khác mang một điệp khúc trầm, mạnh và vui mừng cùng kiểu hãnh.

Như đã nói ở trên,
mỗi đêm có



năm canh: giờ Tuất, giờ Hợi, giờ Tí, giờ Sửu, giờ Dần. Ban đêm các làng có tuần tra canh gác để bảo vệ cộng đồng làng xã nên các quan gọi giờ Tuất là canh một, giờ Hợi là canh hai, giờ Tí là canh ba, giờ Sửu là canh tư, giờ Dần là canh năm. Đầu mỗi canh sẽ có người gõ mõ hoặc gõ trống để điểm canh. “Nửa đêm giờ Tí canh ba” nghĩa là khoảng nửa đêm về sáng...

Thông thường, buổi sáng bắt đầu từ giờ Dần (từ 3 giờ đến 5 giờ sáng) những chú gà bắt đầu gáy. Ban đầu chỉ có một tiếng gáy cất lên phá vỡ bầu không gian im lặng thì sau chốc lát sẽ có những tiếng gáy nối đuôi liên hồi của những chú gà hàng xóm.

“Gà gáy canh năm” hay “gà gáy sáng” là lúc mọi người lục tục thức dậy thổi bếp lửa nấu cơm nước chuẩn bị cho một ngày làm việc mới.

Tiếng gà gáy sáng từ dạo khúc chậm rãi, thưa thớt ban đầu rồi cất lên dồn dập đem lại cảm giác về sự hào sảng. Những con gà bước ra khỏi cái chuồng tù túng để được dang chân, vỗ cánh, vươn cao cổ gáy một hồi cho hả hê, nhẹ nhõm. Chúng đua nhau thi thố, “túc nhau tiếng gáy” chính là lúc này đây. Gà nhà này gáy, gà nhà kia gáy, gà xóm gần gáy, gà xóm xa gáy. Đường như con nào cũng muốn khoe “trường cổ đại thanh”, phô giọng điệu của riêng mình.

Buổi trưa gà thường gáy vào giờ Ngọ (từ 11 giờ đến 13 giờ). Tiếng gà trưa được biểu tượng hình ảnh quê hương yên tĩnh thanh bình. Buổi chiều những chú gà thường gáy vào giờ Dậu (từ 17 giờ đến 19 giờ).

Người nông dân Việt Nam ngày trước thường theo dõi thời gian theo hai mốc: tiếng chuông chùa công phu sáng chiều theo canh giờ nhất định, và tiếng gà gáy vào lúc bình minh hay buổi trưa. Tiếng chuông và tiếng gà gáy đã có sự liên hệ khăng khít được thể hiện sâu sắc trong câu ca dao trữ tình của người Huế, được lưu truyền mãi đến ngày nay.

Tiếng chuông chùa *canh ba* thức tỉnh những vị tu sĩ dậy công phu. Tiếng gà gáy *canh ba* đánh thức những người nông dân dậy chuẩn bị công việc đồng áng. Tiếng chuông u minh vào giờ *chạng vạng chiều* và tiếng gà gáy buổi *xế chiều* nghe sao mà xa xăm như nghìn trùng.

Tiếng chuông và tiếng gà gáy hoà phối nhịp nhàng, khoan thai, quện vào nhau như âm dương rồi lan toả theo tiết nhịp du dương của gió nghe mơ hồ như có như không, như mộng như thật, nghe rất gần gũi mà lại quá xa xôi. Có lẽ trong mỗi người Việt đã ẩn tàng những âm hưởng của tiếng gà gáy, tiếng chuông chùa tận trong sâu thẳm cõi lòng.

Tiếng gà gáy còn là biểu tượng sự tỉnh thức của hồn dân tộc và ý thức xã hội. Truyền thuyết kể rằng: Đau lòng trước đời sống khổ cực của nhân dân và triều

chính rối ren, nàng thiếp Bích Châu dưới thời vua Trần Duệ Tông (1372-1377) đã dâng lên vua một bức sớ gồm mười điều để bình trị thiên hạ, gọi là *Kê minh thập sách* để vua thi hành:

Một là, nâng giữ cội gốc của nước, trừ hà bạo thì lòng người yên vui.

Hai là, giữ nếp cũ, bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối.

Ba là, nên chặt kẻ quyền thần để ngăn ngừa chính sự mục nát.

Bốn là, thải bớt những kẻ nhũng lạm để trừ tệ khoét đục của dân.

Năm là, xin cổ động nho phong, khiến cho lửa bó đuốc cùng với ánh mặt trời cùng soi sáng.

Sáu là, mở đường cho người nói thẳng, để cho cửa thành cùng với đường can gián mở toang.

Bảy là, cách kén quân nên chú trọng vào dũng lực hơn là cao lớn.

Tám là, chọn tướng nên cầu người thao lược mà không căn cứ vào thế gia.

Chín là, khí giới quý hồ bền chắc, không chuộng hình thức.

Mười là, trận pháp cốt cho chỉnh tề, cần chi điệu múa.

Cụ Sào Nam Phan Bội Châu (1867-1940) cũng đã gửi niềm tâm sự qua bài thơ *Gà gáy sáng* để khích động lòng yêu nước của người dân chống lại áp bức xâm lược:

Mưa sấm âm thầm giữa buổi khuya

Chốc vang tiếng trống tề te te.

Tác lên vừa lúc năm canh rạng,

Kêu lớn cho người bốn bể nghe.

Vỗ cánh ba hồi khua chúng dậy,

Chẻ then muốn cửa rước xuân về.

Nhẽ nào cam được non sông ấy?

Một gáy vùng đông bỗng lập lòe.

Hay qua *Bài ca chúc Tết thanh niên*, cụ đã trực tiếp kêu gọi mọi người hành động vì vận nước bằng tiếng gà gáy giục giã, thôi thúc, khuyến khích cùng nhau thức tỉnh mà lo việc nước:

Dậy! Dậy! Dậy!

Bên án một tiếng gà vừa gáy.

Chim trên cây liền ngỏ ý chào mừng

Xuân ơi xuân, xuân có biết hay chăng?

Buồn cùng sông, thẹn cùng núi, tủi cùng trăng... ■

Tài liệu tham khảo:

Hoàng Xuân Hãn, phần *Lịch & lịch Việt Nam* (trong tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh), Nxb KHXH, 2003.

Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*, Nxb Trường Thi, 1957.

Thanh Nghị, *Việt Nam tân từ điển*, Nxb Thời Thế, SG, 1952.

Nguyễn Gia Thiều - *Cung oán ngâm khúc*, Trần Kim Lý Thái Thuận diễn giảng, Nxb VHDT, 2004.

Thiên văn học cổ Trung Hoa, Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, (Bản sách điện tử).



ZEN ART
www.tuongphat.vn

TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT ZEN ART

Điện Thoại : 0909319882 Mr. Diên
 Email : mythuatzen@gmail.com
 facebook: [mythuatzen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuatzen)
 Địa chỉ : 1224 đường 11 P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP HCM

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
THBT



GIẢI XE ĐẠP TOÀN QUỐC CÚP TRUYỀN HÌNH BẾN TRE LẦN THỨ XIX ỐNG NHỰA HOA SEN

Thời gian: Từ ngày 08/1/2017 đến 16/1/2017.

Lộ trình: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre

Lễ Khai mạc và đua Ski tại Tx. Phan Rang, T. Ninh Thuận vào 08h00 sáng ngày 08/01/2017
Truyền hình trực tiếp trên Đài PT & TH Ninh Thuận, Bến Tre

Đua Ski tại TP. Đồng Xoài, T. Bình Phước vào 08h00 sáng ngày 12/01/2017
Truyền hình trực tiếp trên Đài PT & TH Bình Phước, Bến Tre



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỐNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515
www.hoasengroup.vn

EUROMONEY
BEST MANAGED
COMPANIES
2016

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHÙA VẠN ĐỨC

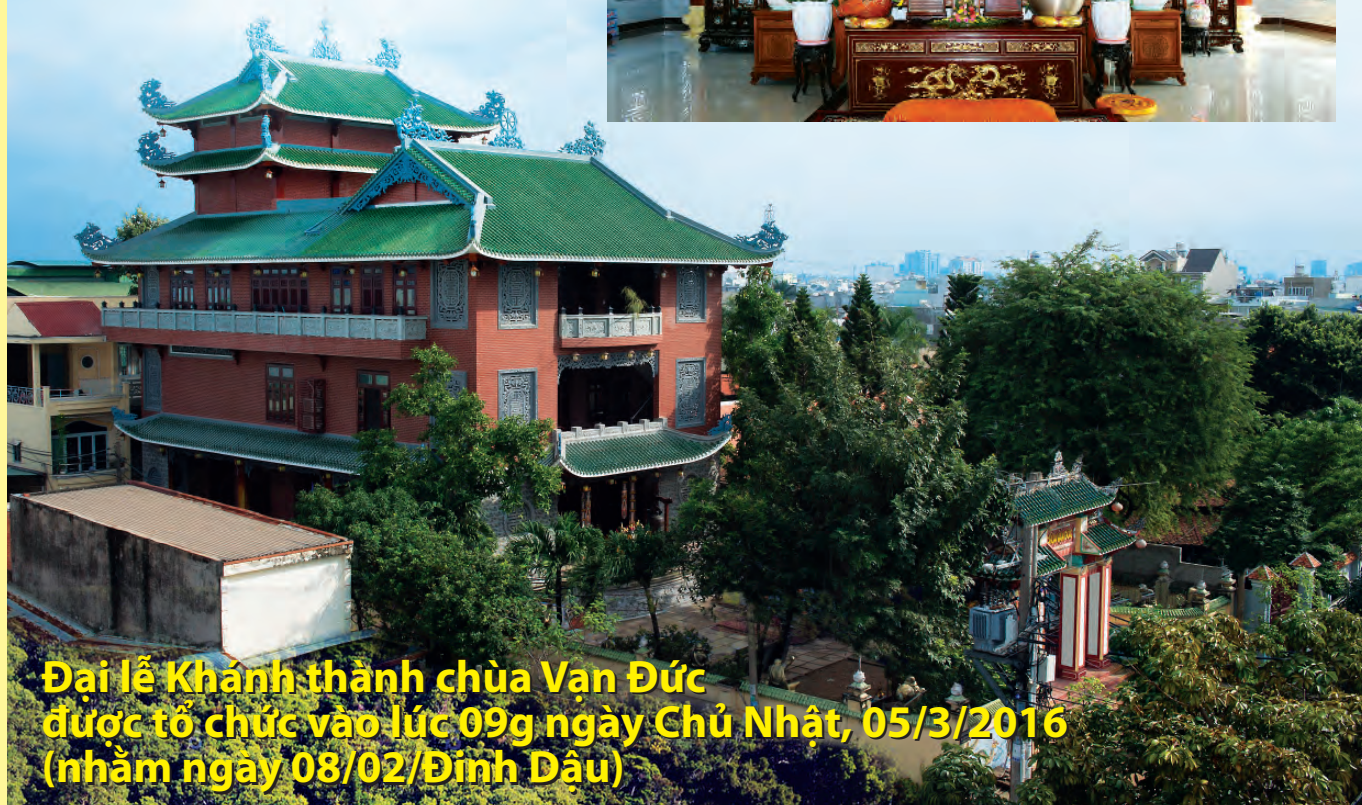
ĐC: Số 110 Miếu Gò Xoài, KP.23, P.Bình Hưng Hòa A, Q.Bình Tân, TP.HCM
ĐT: 083.767.626 - Email: vanducpagoda@gmail.com

Mừng xuân Đinh Dậu 2017

Kính chúc chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức
Tăng Ni, Quý vị lãnh đạo chính quyền cùng quý Phật tử thân hữu năm mới

Phước trí trang nghiêm, Phát sở viên thanh,
Cat tống nhõ y, Than tam thông lạc.

Hòa thượng Thích Phước Toàn
Viện chủ chùa Vạn Đức



**Đại lễ Khánh thành chùa Vạn Đức
được tổ chức vào lúc 09g ngày Chủ Nhật, 05/3/2016
(nhằm ngày 08/02/Đinh Dậu)**

BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH ĐỒNG NAI

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành,
đoàn thể và Quý Phật tử

năm mới
Vô lượng an lạc
Vô lượng kiết tường

Hòa thượng THÍCH MINH CHÁNH
Thành viên Hội đồng Chứng minh
Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai

CHÙA XÁ LỢI

89 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM

*Chúc mừng
năm mới*

Phúc thọ miên trường
Kiết tường như ý

Hòa thượng THÍCH HIỂN TU
Phó Thư ký HĐCM
Viện chủ
Hòa thượng Thích Đồng Bốn
Trụ trì

TỔ ĐÌNH PHẬT BỬU

80/19 Cao Thắng, P.4, Q.3, TP.HCM

Trước thềm xuân mới, kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể
và Quý Phật tử

năm mới
Thân tâm an lạc
Phúc thọ miên trường

Hòa thượng THÍCH TỊNH HẠNH
Ủy viên HĐTS GHPGVN
Phó ban BTS GHPGVN TP.HCM
Viện chủ

TỔ ĐÌNH HỘI NGUYÊN

(Triều đại vua Lê Hiển Tông - Chùa Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát)
Thôn An Vinh, xã Tây Vinh, H.Tây Sơn, tỉnh Bình Định

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý cấp chính quyền và Quý Phật tử

Một năm mới
Vô lượng kiết tường như ý

Hòa thượng THÍCH TỊNH MINH
Viện chủ

QUAN ÂM TU VIỆN

K2/77 KP.3, P.Bửu Hòa, TP.Biên Hòa

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý cấp chính quyền và Quý Phật tử

Một năm mới
Vô lượng an khang và
vạn sự kiết tường như ý

Ni trưởng Thích nữ HUỆ GIÁC
Ủy viên dự khuyết HĐTS GHPGVN
Viện chủ

TỊNH XÁ NGỌC PHƯƠNG

498/1 Lê Quang Định, P.1, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể,
chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Vô lượng an lạc
Vô lượng kiết tường.

Ni trưởng Thích nữ NGOẠT LIÊN
Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trụ trì

CHÙA QUÁN THẾ ÂM
 48 Sư Vạn Hạnh, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
 Trụ trì: Thượng Tọa Thích Huệ Vinh, Mobile: 0914.083.688
 Email: quanamnh@yahoo.com.vn
 Số tài khoản: 69913939, Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Chi nhánh Đà Nẵng
 Chủ tài khoản: Thái Văn Tịnh (Đạo hiệu: Thượng Tọa Thích Huệ Vinh)

**ĐẠO TRÀNG TU HỌC TƯƠNG TẾ TỬ THIÊN
 BỒN MÔN PHÁP HOA BÁT QUAN TRAI**

Mừng Xuân Đinh Dậu 2017

Quý Chư Tôn Thiền Đức, Tăng - Ni,
 Quý Cơ Quan, Ban, Ngành, Đoàn thể,
 Quý Vị Nhân Sĩ Trí Thức, Quý Ân Nhân
 Quý Đạo hữu Phật tử - Thập Phương Thiện Tín

**Thân Tâm An Lạc
 Phúc Thọ Miên Trường
 Cát tường Như Ý**

HAPPY NEW YEAR

CHÙA THIÊN PHÚC

Làng Phong Cầu, xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng
 Kính chúc Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
 Quý cấp chính quyền và Quý Phật tử

**Một năm mới
 Vô lượng kiết tường như ý**

Hòa thượng THÍCH VĨNH AN
 Trụ trì



Ngôi chánh điện chùa Thiên Phúc đang thiếu kinh phí để hoàn thiện phần mái và sàn... Kính mong được quý vị mạnh thường quân và quý Phật tử hoan hỷ trợ duyên. Vui lòng gặp Thầy trụ trì, ĐT: 01662486279 - thể danh: Nguyễn Văn Thông, Tài khoản 0031000159245 Ngân hàng Vietcombank, TP. Hải Phòng.

CHÙA LONG ĐỊNH

235A/17 Ấp Phú Thuận, xã Đồng Phú,
 huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Trước thềm xuân mới, kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni.
 Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể
 và Quý Phật tử

**năm mới
 Thân tâm an lạc
 Phúc thọ miên trường**

Tỳ-kheo THÍCH THIÊN THỌ
 Trụ trì

Ngôi chánh điện chùa Long Định đang triển khai xây dựng. Kính mong được quý vị mạnh thường quân và quý Phật tử hoan hỷ trợ duyên. Vui lòng gặp Thầy trụ trì, ĐT: 0933491797, Tài khoản 0700.6079.8883 tên TK: Huỳnh Văn Phước, TK USD cũ: PN31227648 - Mã khách hàng: 8450766, Ngân hàng Sacombank, chi nhánh Cửu Long, tỉnh Vĩnh Long.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHÙA HÒA QUANG

113 Lê Văn Chí - Kp.3 - P.Linh Trung - Q.Thủ Đức - TP.HCM
ĐT: 08.3896.4452 - DĐ: 0913.621.401

*Mừng Xuân Di Lặc
Đinh Dậu - 2017*

Kính chúc

Chư Tôn đức lãnh đạo GHPGVN
Chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa
và Đại đức Tăng Ni
Chư Tôn đức lãnh đạo Ni giới,
Quý Ni trưởng, Ni sư, Trụ trì các Tự viện

*Vô Lượng Quang
Vô Lượng Thọ
Vô Lượng Cát Tường*

Cùng kính chúc

Quý cấp lãnh đạo cơ quan,
ban ngành đoàn thể, chính quyền
Ban Tôn giáo-Dân tộc và Tôn giáo bạn
Cùng các Đạo tràng Phật tử gần xa
Các mạnh thường quân
Các nhà hảo tâm

*Thân tâm An lạc
Gia đạo Bình an
Sở cầu Như ý.*



Viện chủ chùa Phổ Hiền Trảng Bom, Đồng Nai
Trụ trì chùa Hòa Quang Thủ Đức, TP HCM
Giảng sư Ban Hoằng Pháp TH PG TP.HCM
Ủy viên Ban Từ thiện Xã hội báo Giác Ngộ.
TKN.Thích Nữ Như Trí



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN TỪ THIỆN BÁO GIÁC NGỘ
PHÂN CHI HỘI PHẬT GIÁO

CHÙA HÒA QUANG

113 Lê Văn Chí - KP.3 - P.Linh Trung - Q.Thủ Đức - TP.HCM
ĐT: 08.3896.4452 - DĐ: 0913.621.401



TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHẬT SỰ TRONG 11 THÁNG NĂM 2016

Tổng trị giá thành tiền: 7.196.121.000đ

(Bảy tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu, một trăm hai mươi mốt ngàn đồng)

I.- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nhìn chung những giai đoạn thăng trầm của kiếp sống con người, cổ đức có câu **“Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”**, lời Đức Phật chỉ dạy: **“Phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật”**. Đồng thời Đức Phật thương chúng sanh như mẹ hiền thương con dại, thế nên Ngài thuyết **“Không có giai cấp nào trong dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn”**.

PCH Phật giáo chùa Hòa Quang là một thành viên của Ban Từ thiện Báo Giác Ngộ, Ni sư Thích nữ Như Trí ngoài công tác của vị Giảng sư đoàn Ban Hoằng pháp TP.HCM và phụ trách Trụ trì chùa Hòa Quang, Ni sư còn tổ chức lớp gia giáo hướng dẫn Phật tử tu học tụng kinh **“Bốn môn Pháp Hoa”**, thuyết giảng công hạnh Bồ-tát, sự bố thí Pháp Ba-la-mật, v.v...

II.- CÔNG TÁC CÚNG DƯỜNG VÀ TỪ THIỆN XÃ HỘI

Trong sự tu tập hướng dẫn Đạo tràng và kết hợp với các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước, khám bệnh phát thuốc cho người nghèo, tặng quà và xe đạp, xe lăn, xe lắc cho bệnh nhân phong (cùi), bệnh nhân tâm thần, khuyết tật, khiếm thị, trẻ mồ côi, trợ cấp học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, giúp bảo hiểm cho người nghèo và cận nghèo, chăm sóc các cụ già neo đơn và tổ chức phát quà đến các vùng sâu, vùng xa, vùng cao nguyên, tặng quà cho các bà con dân tộc, xoa dịu những khó khăn của những mảnh đời bất hạnh.

Chào mừng **Kỷ niệm 35 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2016)**, Ni sư Thích nữ Như Trí tặng một phòng học tại Học viện Phật giáo Việt Nam (huyện Bình Chánh) TP.HCM và tổ chức cứu trợ đồng bào lũ lụt tại Quảng Bình, Quảng Trị, Cam Lộ, Tuyên Hóa, Lâm Hóa cùng các tỉnh lân cận, v.v... Đồng thời, tổ chức cúng dường thập tự, chúc thọ, khánh nhật và những Phật sự, cúng dường kinh sách, chuỗi hạt, phóng sanh. Cúng dường tịnh xá Cam Lộ, chùa Kim Sơn, chùa Đại Giác, chùa Linh Ứng “Bửu Bụt”, chùa Quan Âm Thị Hiện, chùa Non Nước, v.v...

III.- CÁC NHÀ HẢO TÂM, MẠNH THƯỜNG QUÂN VÀ CÁC PHẬT TỬ THƯỜNG XUYÊN ỦNG HỘ PHỤC VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI

Ni sư Thích nữ Như Trí “trưởng đoàn” và Ni chúng cùng Phật tử đạo tràng.

Thạc-sĩ Đặng Hồng Hạnh, Chủ tịch Hội đồng Trường THCS Bách Việt.

Nhà giáo ưu tú Nguyễn Minh Hồng, Hiệu trưởng và tập thể thầy cô giáo.

Ông Đỗ Thanh Danh, chủ doanh nghiệp kinh doanh gia công vàng bạc đá quý.

Bà Lê Thị Thanh Đào, chủ tiệm vàng và tập thể công nhân.

Bà Nguyễn Thị Xanh, đại diện nhà hàng, khách sạn tại Bình Dương.

Bà Lê Thị Mỹ Phúc, đại diện Cty TNHH TM_DV_KT HOÀN MỸ A.T.P và Cty ELKEN.

Bà Nguyễn Ngọc Yến, đại diện chủ nhà hàng “ở Mỹ” (mạnh thường quân).

Ông Nguyễn Thế Vinh Hiển, chủ nhà hàng “ở Mỹ” (mạnh thường quân).

Cô Nguyễn Thế Ngọc Vy, chủ nhà hàng “ở Mỹ” (mạnh thường quân).

Cùng các Phật tử như: Trịnh Thị Sửu, Phan Thị Quế Hôi, Vũ Thị Hương, Lê Thị Xuyên, Dương Thị Nhiều, Nguyễn Thị Thiệu, Nguyễn Thị Thủy, Phạm Thị Đối, Phạm Thị Giàu, Mai Thị Lệ Trang, Trần Thị Mỹ Hạnh, v.v... và toàn thể Đạo tràng Phật tử xa gần đồng tâm hiệp lực nhất quán.

Đây là những hoạt động Phật sự của chùa Hòa Quang trong công tác tu tập, cúng dường, từ thiện và phục vụ lợi ích chung cho cộng đồng, mong rằng những công tác này cần được duy trì và nhân rộng hơn nữa.

Kim Trân

Chùm ảnh hoạt động Phật sự **của NS. Thích nữ Như Trí, Trụ trì, Ni chúng và Phật tử chùa Hòa Quang**



NS.TN Như Trí cùng các mạnh thường quân Ban Từ thiện XH Báo Giác Ngộ, PCH chùa Hòa Quang cúng dường chùa Tùng Thiên, Cần Thơ



NS.TN Như Trí cùng các mạnh thường quân Ban Từ thiện XH Báo Giác Ngộ, PCH chùa Hòa Quang cúng dường chùa Pháp Bảo, Cần Thơ



NS.TN Như Trí, các mạnh thường quân Ban Từ thiện XH Báo Giác Ngộ, PCH chùa Hòa Quang trong chuyến Phật sự và thăm nhà mồ Ba Trúc



NS.TN Như Hương, Thư ký BTS PG tỉnh Cần Thơ tiếp Đoàn TTXH Báo Giác Ngộ, PCH PG chùa Hòa Quang trong lễ bố nhiệm trụ trì, tặng quà



NS.TN Như Trí chụp hình lưu niệm cùng đạo tràng Pháp Hoa chùa Hòa Quang sau thời khóa tu tập



NS.TN Như Trí chụp hình lưu niệm cùng đạo tràng Pháp Hoa chùa Phổ Hiền sau thời khóa tu tập

Chùm ảnh chúc khánh nhật của NS.Thích nữ Như Trí, Trụ trì chùa Hòa Quang



Ni chúng đại diện Đạo tràng chùa Hòa Quang
chúc khánh nhật NS.TN Như Trí

Chùm ảnh hoạt động từ thiện của NS.Thích nữ Như Trí, Ni chúng và Phật tử chùa Hòa Quang





HT. thượng Tỳ hạ Phước tặng vòng hoa chúc thọ nhân ngày khánh nhật cho NS.TN Như Trí, trụ trì chùa Hòa Quang



Ni chúng cùng Đạo tràng chùa Hòa Quang thành tâm hướng về Tam bảo cầu nguyện nhân ngày khánh nhật NS.TN Như Trí



Đạo tràng Tịnh xá Ngọc Truyền chụp hình lưu niệm chúc khánh nhật NS.TN Như Trí



Ni chúng cùng Đạo tràng dâng lời tách bạch chúc thọ NS.TN Như Trí trụ trì chùa Hòa Quang nhân ngày khánh nhật



Tôn tượng
Đức Địa Mẫu



DU LỊCH VĂN HÓA Suối Tiên

*Cung Chúc Tân Xuân
Đinh Dậu - 2017*

ĐINH VĂN VUI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT**

ZEN ART

1224 đường 11, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Kính chúc Chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức
Tăng Ni, Chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Thân tâm an lạc
Phước trí trang nghiêm

HOÀNG ĐỨC DIÊN
Nghệ nhân/Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
03 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM

Trân trọng cảm ơn chư tôn thiện đức Tăng Ni và quý Phật
tử đã tin tưởng và ủng hộ công ty trong năm qua.
Trước thềm năm mới, Công ty kính chúc chư vị
Vạn sự an lạc, phước thọ miền trường

NGUYỄN DUY MINH
Giám đốc



**CÔNG TY TNHH TM-XD
AN PHÚ THÀNH**

281/25/11 Lê Văn Sĩ, P.1, Q.Tân Bình, TP.HCM

Đón mừng năm mới, trân trọng kính chúc
chư vị Tăng, Ni và Phật tử gần xa luôn được
thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường.

VÕ THỊ HƯƠNG THỦY
Giám đốc



NHÀ GỐM NHẬT

4 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản
phẩm NHÀ GỐM NHẬT trong suốt năm qua.

Kính chúc năm mới
Quý khách được phước thọ miền trường
Vạn sự như ý

ĐẶNG THỊ TRÚC GIANG
Giám đốc



Restaurant

Chay
Vegetarian

11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

Cung kính cung chúc
Chư tôn thiện đức Tăng, Ni và Phật tử gần xa
luôn được thân tâm an lạc, như ý cát tường.

LÊ LÃNH
Quản lý

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng

Tại chùa ĐẠI HẠNH: 107/4 Ngõ Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh

**Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu
(miễn phí). Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**

Kính chúc
Chư tôn thiện đức và Quý đạo hữu
**Thân tâm an lạc
Vạn sự hanh thông**

CHÍNH TRUNG
Kính bút



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH

QUỐC TẾ SEN AN

896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM

Chân thành cảm ơn Chư tôn thiện đức,
quý Phật tử và khách hàng gần xa
đã ủng hộ và tham gia du lịch lữ hành.
Trước thềm năm mới, kính chúc chư vị thân tâm
thường an lạc, phước thọ miền trường.

LÊ THỊ THANH LAN
Giám đốc



ĐIỀU KHẮC GỖ

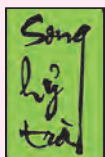
THIÊN PHÚ THẠO

Email: dkhuuthao@gmail.com

Website: dieukhacgo.vn

Đón mừng Xuân mới, cung kính chúc
Chư tôn đức Tăng Ni và Quý Phật tử gần xa
thân tâm an lạc, phước thọ miền trường,
vạn sự như ý

Nghệ nhân NGUYỄN HỮU THẠO
Giám đốc



**Công ty Cổ phần
7P**

491 D3, Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh

Kính chúc
Chư tôn thiện đức và Quý đạo hữu
Thân tâm an lạc
Vạn sự hanh thông

NGUYỄN NGỌC TUẤN
Giám đốc



**Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ
MỸ HẢO**

225 ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai

Kính chúc
Chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni,
Chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Thân tâm an lạc
Phước trí trang nghiêm

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN

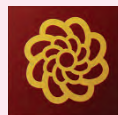


**CÔNG TY TNHH SX-TM
HOA TIÊN**

D13/2 Trần Náo, P.Bình Khánh, Q.2,
TP.HCM

Đón mừng Xuân mới, cung kính chúc
Chư tôn đức Tăng Ni và Quý Phật tử gần xa
thân tâm an lạc, phước thọ miền trường,
vạn sự như ý

NGUYỄN HỮU TÍN
Giám đốc
NGUYỄN HỮU MINH
Phó Giám đốc kinh doanh



Nhà hàng chay HOA KHAI

124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

Email: veg.hoakhai@gmail.com

Hoa Khai xin chân thành cảm ơn Chư tôn thiện đức,
quý Phật tử và khách hàng gần xa
đã ủng hộ nhà hàng chúng tôi.

Trước thềm năm mới, kính chúc chư vị thân tâm
thường an lạc, phước thọ miền trường.

PHẠM VĂN NHIỆM
Giám đốc



**CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC
PHẬT GIÁO SƠN HÀ**

39 đường số 9, tổ 3, ấp Hậu, xã Tân Phong, H.Củ Chi
Email: sanha9098@naver.com - Website: www.sanhavina.com

Đón mừng năm mới, trân trọng kính chúc
chư vị Tăng, Ni và Phật tử gần xa luôn được
thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường.

KWON YOUNG WON
Giám đốc



**Công TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ**

205bB/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản
phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt năm qua.

Kính chúc năm mới
Quý khách được phước thọ miền trường
Vạn sự như ý.

NGÔ HUỆ PHƯƠNG
Giám đốc



THƯ VIỆN HUỆ QUANG PHÒNG PHÁT HÀNH

116 Hòa Bình, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM

Chuyên phát hành và nhận ấn tống, thiết kế các loại kinh, sách,...

ĐẶC BIỆT: In ấn, phát hành kinh sách Hán Nôm
trên chất liệu GIẤY DÓ.



Tan
Xuan
Van
hanh

Ninh
Dau
2017



**CÁC SÁCH VỪA TÁI BẢN & PHÁT HÀNH
TẠI PPH HUỆ QUANG**

ĐT: (08) 39 760 663 - 01667 105 330 (SC. Trung Tiến) - 01628 756 083 (PT. Nam Hạnh)
Văn Phú Trường, số TK: 060042458425, Ngân hàng Sacombank Tân Phú, TP.HCM
Email: info@thuvienhuequang.vn - Website: <http://thuvienhuequang.vn/>

GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ PHẬT GIÁO

"Muốn giữ gìn và phát triển Văn hoá Phật giáo trước hết phải có **AM PHẬT**
mạnh mẽ, chúng chỉ tu học, hiểu rõ Phật pháp mới làm được điều này"



HƯƠNG SEN

Ủy Viên Thường Trực
Ban Văn Hoá Trung Ương GHPG Việt Nam
Giám Đốc Cty TNHH
Quà Tặng Tâm Linh Phước Ngọc Mani



Kính chúc Quý Hòa Thượng, Chư vị Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni năm mới Xuân 2017

PHÁP THỂ KHINH AN - CHÚNG SANH DỊ ĐỘ

Kính chúc Quý Phật tử **TINH TẤN TU HỌC - AN LẠC - CÁT TƯỜNG**



Công Ty TNHH QUÀ TẶNG TÂM LINH PHƯỚC NGỌC MANI

Chuyên thiết kế và sản xuất:

- PHÁP PHỤC ÁO DÀI, LOGO CHO CÁC ĐẠO TRÀNG, CÔNG TY,
- LÁ BỒ ĐỀ, QUÀ TẶNG TÂM LINH, TÔN TƯỢNG PHẬT VÀNG

NHÀ HÀNG CHAY THIÊN Ý

Chuyên Phục Vụ Các Sự Kiện Chay

Địa Chỉ: 36 Trần Quý Cáp, P.11, Quận Bình Thạnh Tp.HCM

ĐT: 094 8888 972



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

Chúc Mừng Năm Mới
Đinh Dậu 2017



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY VIỆT

* 61 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192

* 180 - 182, Lý Chính Thắng, P.9, Q.3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343

* 22 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
* 55 Hai Bà Trưng, P.6, Q.1
Tel: (08) 38271009

* 269 Trường Chinh, P.14, Q. Tân Bình
Tel: (08) 38490956

* 608 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38351407

* 638 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245

* 406A Cách Mạng Tháng 8, Q.3
Tel: (08) 39316534

* 216B-216C Quang Trung, P.10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941621

* TTTM AEON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F. 29-30
30 Đường Bờ Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.

* TTTM VINCOM Plaza Q.9, Tầng 2, L2-17
50 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9

* TTTM BIG C An Lạc, Tầng Trệt, Shop 3A
1231 QL 1A, P. Bình Trị Đông, Q. B. Tân

* TTTM BIG C Trường Chinh, Tầng Trệt, Shop 3
1/1 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú

* TTTM BIG C City Land, Tầng Trệt, Shop 10A
99 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phú, Q.7

* TTTM VINCOM Plaza Gò Vấp, Tầng 3, L3-06
12 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp

Mừng xuân

Đinh Dậu
2017

Hàng mới
cùng VINA-GIÀY



Vina-Giay



Hàng Việt Nam Hàng Việt Nam Hàng Việt Nam

www.vinagiay.vn



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
227 Hoàng Văn Thụ, P.8, Q. Phú Nhuận

☎ 0908.62.0908
0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trầm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Nhà Gốm Nghi Tầm:

169 Nghi Tầm ☎ 0912.66.1973
Q.Tây Hồ - Hà Nội

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nhật H&H:

25B Phủ Đồng Thiên Vương ☎ 0944.588.568
Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội



APT CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH

Chuyên sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu:

Sản phẩm được làm từ Gỗ và Đá tự nhiên

- * Hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp.
- * Vật phẩm Phong thủy.
- * Trang sức Phong thủy.
- * Tinh dầu chiết xuất từ Gỗ Xá xị.



Địa chỉ: 281/25/11 Lê Văn Sỹ, Phường 01, Quận Tân Bình, tp.HCM

ĐT: 08.3991 8688 Hotline: 0902864455

Email: huongthuy2505@gmail.com Website: www.anphuthanh.com

APT CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH

281/25/11 Lê Văn Sỹ, P.1, Q. Tân Bình, tp.HCM

TINH DẦU XÁ XỊ



Tinh dầu xá xị hay còn gọi là gù hương được chiết xuất từ vỏ thân, gỗ thân và rễ bằng phương pháp chưng cất hơi nước. **Tinh dầu xá xị nguyên chất** thường có màu vàng nhạt và mùi hương dịu nhẹ mang đậm chất gỗ.

Tác dụng của tinh dầu xá xị:

- Hỗ trợ điều trị tê thấp, Trị mất ngủ, mang lại cảm giác cân bằng, Thanh lọc không khí

Lưu ý khi sử dụng tinh dầu xá xị:

- Để xa tầm tay trẻ nhỏ, bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng.
- Không dùng tinh dầu thoa lên vết thương hở, vùng nhạy cảm, mắt.

Tinh dầu hoa Oải hương

là loại tinh dầu nhiều công dụng nhất và rẻ nhất, có khả năng chữa trị mụn, chứng bội nhiễm, dị ứng, vẩy nến, vết thâm tím, chấy ngứa, hen suyễn, viêm phế quản, chứng đau nửa đầu và đau cả đầu, chứng mất ngủ.

Hoa oải hương có nguồn gốc từ vùng Địa Trung Hải, nhưng giờ đây nó đã có mặt phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới.

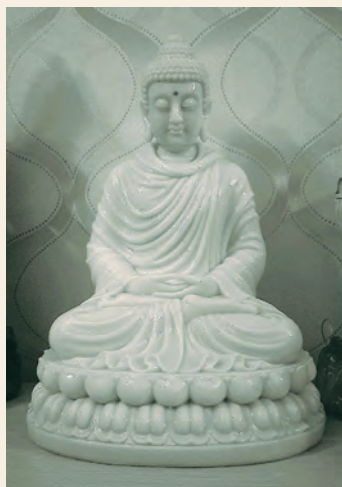
Ngoài ra **Tinh dầu hoa Oải hương** còn được sử dụng rộng rãi trong các phương pháp trị liệu bằng hương thơm.

tên "Lavender-Oải hương" có thể xuất phát từ "lavare" trong tiếng Latinh, có nghĩa là "rửa sạch".

Chú Ý: Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được sử dụng.

Đến với **An Phú Thành** luôn đảm bảo về chất lượng cũng như nguồn gốc của sản phẩm.





Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ **MỸ HẢO**

225 ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, huyện Long Thành, Đồng Nai
ĐT: 098 9212189

Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Website: www.tuongdamyhao.com

Xin trân trọng giới thiệu

**Những tôn tượng Đức Phật và Bồ-tát được điêu khắc
đá mang tính mỹ thuật và chất lượng cao.**



Tôn tượng **Đức Phật** nằm dài 12 mét, nguyên khối đá hoa cương, nặng gần 200 tấn đang được các nghệ nhân Mỹ Hào điêu khắc sắp hoàn thành



Hoa Tươi Sắc Thắm Thành Tâm Cung Dưỡng

ASA[®] Spray

Spirit Cleaner

Nước Lau Bàn Thờ
Đánh Bóng Lư Đồng

Nước Cẩm Hoa **ASA[®]**

CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
www.facebook.com/ASAphanphamhoai

An Khang - Thịnh Vượng

Mừng Xuân Đinh Dậu 2017



Nhân dịp năm mới Đinh Dậu, nhà hàng chay Sân Mây chúng con
 kính chúc Quý khách Năm Mới Thân Tâm Thường Lạc,
 Vạn Sự An Khang, Cát Tường Như Ý.




Nhà Hàng Chay Sân Mây

771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Q.10, Tp.HCM
 Tel: (08) 3507 1628 - 01278 99 2009
 Web: sanmayrestaurant.com

Cà Phê và Nhà Hàng Chay Sân Mây

155 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
 Tel: (08) 3910 3939 - 01278 77 11 55
 Web: sanmaycafe.com

Sân Mây Huế

08 Thanh Tĩnh, p.Vỹ Dạ, Tp.Huế
 Tel: 0931 9999 72
 Web: sanmayrestaurant.com

**CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN**

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

**Công ty TNHH SX-TM****QUANG NGHỆ**

光 QUANG NGHE CO., LTD. 藝
 NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua.

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.



**Mồng Xuân
 Nhình Dậu
 2017**



Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

VĂN HÓA
 PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: bongnguyen.vhpg@gmail.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
Đt: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



Song Hy Trà & Phú Quý Thờ™

HỘI TỰ DANH TRÀ & ẤM TỬ SA



115 Hai Bà Trưng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM 0947 798 186 Song Hy Trà songhytra.com



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com
Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Delhi-Tiểu Tây Tạng - Nepal: T.11,12/2016: 17N16Đ: 29 triệu (Phật tử) - Ủng hộ quý Tăng Ni **chiêm bái đất Phật**: 22,5 triệu
- Singapore - Malay - Indo
6N5Đ: 10,9 triệu (hàng tuần)
- Đài Loan-Đài Bắc-Đài Trung
5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
- Thành Đô - Cửu Trại Câu - Nga Mi Sơn
6N5Đ: 22,5 triệu (hàng tháng)
- Hàn Quốc
5N4Đ: 12,5 triệu (hàng tuần)
- Thái Lan
(Buffet 86 tầng): 5N4Đ: 5,490 triệu (hàng tuần)
- Cam - Thái - Lào - Myanmar
12N11Đ: 8,8 triệu (hàng tháng - tặng 2 suất buffet)
- Myanmar - Yangon - Tầng đá vàng - Thanlyin
5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
- Xuyên Việt: 20N19Đ: 7,5 triệu. Cam - Thái: 6N: 4,3 triệu

○ Đặc biệt ưu đãi cho khách nhóm và đạo tràng quý Tăng Ni

Restaurant



Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 025469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"





Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO



TÂM THUẬN

ĐC: 82/110 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3
(Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM)
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - 08. 22477809

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.

Mừng xuân Đinh Dậu 2017

Kính chúc tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa Năm mới
VÔ LƯỢNG AN LẠC, CÁT TƯỜNG NHƯ Ý.



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các
loại một hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

CHÚC MỪNG NĂM MỚI 2017

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)

77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)

Email: hongthao268@yahoo.com.vn



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com

Mừng Xuân Đinh Dậu



pháp uyển

DHARMA GARDEN

Chúc Mừng Năm Mới - Đinh Dậu

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 44.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

MỪNG XUÂN AN LẠC 2017



HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663

www.dieutuongam.com



DIỆU TƯỚNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

 **DIỆU TƯỚNG AM NAM KỶ 1**
382B NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (08) 38 484 558

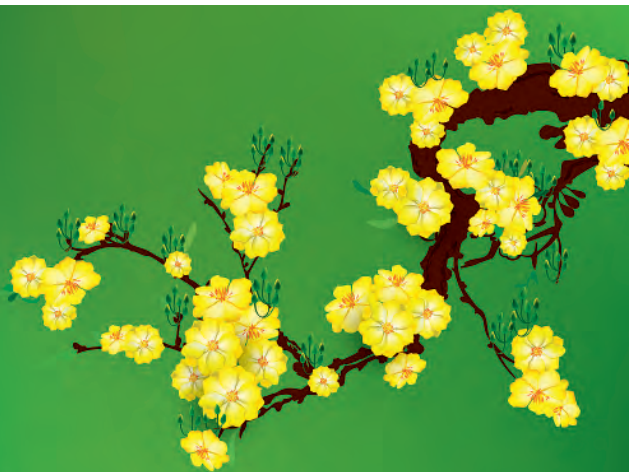
 **DIỆU TƯỚNG AM NAM KỶ 2**
382D NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (08) 35 260 150

 **DIỆU TƯỚNG AM NAM KỶ 3**
382G NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM

 **DIỆU TƯỚNG AM 3/2**
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q.10, TP. HCM
ĐT: (08) 38 684 913

 **DIỆU TƯỚNG AM HÀ NỘI: 112 PHỐ HUẾ,**
P. NGÕ THỊ NHẬM, Q. HAI BÀ TRƯNG, HN
HOTLINE: 0903 288 112

 **DIỆU TƯỚNG AM - VIÊN DUNG ĐƯỜNG**
668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.11, TP. HCM



Chúc Mừng Năm Mới

Tết
2017
ĐINH DẬU



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



ỐNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI